

làng văn

138

Tháng 2.96



Nha-sĩ **NGUYỄN VĂN CHÂU**
 Nha-sĩ **NGUYỄN LÊ HOÀNG HÙNG**
 1427 Pie-IX, Montréal H1V 2C2
 Tel: (514) 523-0858

Nha-sĩ **NGUYỄN TRẦN YÊN PHONG**
 Nha-sĩ **GERALD RUDICK**
 . Thẩm-mỹ, trám, giải-phẫu,
 răng giả, rút gân, v.v.
 . ĐẶC-BIỆT:
 Trồng răng trong xương (Implant)
 . **Khẩn-cấp: 7 ngày & đêm: 5 nha-sĩ trực**
ĐT: 342-4444 (24 giờ)
 3546 Van Horne (góc Côtes des Neiges)

Nha-sĩ **NGUYỄN CHÍNH CƯƠNG**
 Nha-sĩ **VÕ THỊ LAN-ĐÀI**
 Chirurgien Dentiste
 Clinique Médicale RACHEL
 4298 Rue St-Denis, Montréal
 lâu hai, phòng 04
 (Métro Mont-Royal hoặc Bus 30)
ĐT: (514) 849-1038

Nha-sĩ **ĐÌNH THÁI NHÂN**
 Nha-sĩ **TRẦN THÙY TRANG**
 Chirurgien Dentiste
 Clinique Dentaire Đình & Trần
 6075 chemin Chambly
 St-Hubert, Qué. J3Y 3K6
ĐT: (514) 445-6466

BROSSARD
NHA-SĨ
Dr. HOA T. NGO, D.M.D.
 CHIRURGIENNE DENTISTE
 7505 Boul. Taschereau, Suite 111
 (đối-diện RENO DÉPÔT)
Tél: (514) 926-8000

Quý bạn yêu nhạc Việt, xin đón mua:
MÂY SÓNG
 Tuyển tập 30 ca-khúc và thơ phổ nhạc của
LINH-PHƯƠNG
 (từ thơ Trần Quốc Bảo, Mai Đăng, Cung Vũ,
 Vũ Hối, Hà Huyền Chi, Hà Bình Trung,
 Thanh Hiền, Hồng Lan, Linh Quân)
 Giá 10 mỹ-kim (15 gia-kim)
PHÁT-HÀNH THÁNG 2.1996

ALCO

INFORMATIQUE INC.
 67 Ste-Catherine Ouest, Suite 200
 Montréal, Québec H2X 1Z7
(514) 843-3155
 Giá tốt - Phục vụ hữu hiệu - Uy tín

Luật-sư / Avocat
LƯƠNG VĂN TUẤN
 1114 Beaubien Est, Suite 206, Montréal
 Tél: (514) 272-0503 - Fax: (514) 270-1143

Chưởng-khế / Notaire
NGUYỄN THANH TUYỀN
 511 Place d'Armes, Suite 300, Montréal
 Tél: (514) 287-1149 - Fax: (514) 288-8697

Văn-phòng Bảo-hiểm và Dịch-vụ
NGUYỄN BÁ DĨNH
 4860 Circle Rd., Montréal, H3W 1Z4
 Tel: **482-9153**

ASIEBEC
 Công-ty Địa- ốc
 Mua nhà & Bán nhà
 Cơ-sở thương mại
ĐÌNH VŨ
 (Victor)
REALTIES (514) 942-9970

CHUYÊN-VIÊN TÀI-CHÁNH &
 BẢO-HIỂM NHÂN-MẠNG
Châu Võ Thành Tường, B.Sc., A.A.C.
 279 Place de la Poudrière
 Verdun. Qc. H4G 3K5
 (Métro Lasalle)
 Tel: (514) 767-2874

*Bạn đã đọc thi-tập đầu tay của Trương Chi
 trữ tình, lãng-mạn, 3 phụ-bản màu tuyệt đẹp*



Liên-lạc:
TRƯƠNG CHI
 1750 Cr. Rousseau
 Brossard, J4X 1S7
 CANADA
 Ấn-bản 1995
 Canada: 10\$
 Nơi khác: 10\$US

Tin vui cho quý vị phụ-huynh:
 Làng Văn đang in

**EM HỌC
 CHỮ VIỆT**

theo phương-pháp mới nhất,
 dành cho trẻ Việt ở hải-ngoại
 và người ngoại-quốc

Biên-soạn: **BÚT CHÌ**
 Minh-họa: **NGUYỄN NHẬT TÂN**
 Giá bán: 12 mỹ-kim (18 gia-kim)
HỎI TẠI CÁC NHÀ SÁCH GẦN NHẤT

Phát-hành cuối tháng 1.1996
 hai băng thiên đầu-tiên của **NGUYỄN PHONG**
 tạp-chí Làng Văn Canada thực-hiện và phát-hành

BÊN KIA CỬA TỬ
 và
TỬ THƯ TÂY-TẠNG



qua giọng đọc **NGUYỄN HƯƠNG & NGUYỄN HỮU NGHĨA**

giá mỗi cuốn 6 mỹ-kim (mua hai cuốn cùng lúc: 10 mỹ-kim)
 Liên-lạc: Làng Văn, P.O. Box 218 Station "U", Toronto, Ontario M8Z 5P1, Canada

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO TRONG TRANG NÀY: 1 ô \$120 trọn năm (12 kỳ); 2 ô \$200 trọn năm
 Muốn đăng xin gọi: Nguyễn Bá Đình (514) 482-9153 - hoặc Võ Bá Thiện (514) 256-5233

làng văn

Địa-chỉ E-Mail:
langvan@ilap.com

P.O. Box 218, Station "U" Canadian Publications Mail Product Sales Agreement #461709
Toronto, Ont., M8Z 5P1, Canada Published 12 times a year
Tel: (905) 607-8010 / Fax: (905) 607-8011 (Publications Class Mail Reg. No: 8040)
ISSN: 0832-1922 - LDN: 310578

Volume XIII - No 138 - February 1996

Bộ XIII - số 138 - tháng 2, 1996

TRONG SỐ NÀY:

Tin văn.....	2
Trong làng.....	6
Ngoài ngõ.....	8
Tin tị-nạn.....	10
Tin Việt-nam.....	11
Nhìn lại tình-hình thế-giới một năm qua, Đào Trường Phúc.....	14
Sinh-hoạt văn-nghệ hải-ngoại 365 ngày qua, Dương Thượng Ngã.....	20
Câu chuyện trời Âu, Phan Nguyễn Minh Minh.....	23
Phù-tang tạp-lục, Vi-An.....	26
Tin văn xứ người, Nguyễn Nhạn Sơn.....	29
Tuyệt xuân, thơ Phan Thịnh.....	35
Thi-ca "Đức Mã", Trần Văn Tích.....	37
Ngẫu-tác, thơ Cao Tiêu.....	39
Phong-trào Càn vương qua thi-ca, Đào Đức Chương.....	40
Mùa xuân thăm giàn thiên-lý, thơ Tuệ Nga.....	49
Éo-le, Nguyễn Đức Lập.....	50
Vào hội thưởng xuân, thơ Vân Nương.....	52
Người đi giữ tiếng, Hoàng Nga.....	55
Tâm xuân ơi, thơ Ông Thế Hùng.....	56
Đầu năm ở Mỹ, thơ Trần Văn Lệ.....	59
Tết vợ chồng, Hồ Trường An.....	61
Xuân hoài cảm, thơ T.T. Máy Trên Ngàn.....	64
Hội-chúng ăn bưởi, Nguyễn Văn Thông.....	70
Ở một nơi..., thơ Đông Vũ; Gọi người, thơ Lê Dã Sử.....	70
Tiếng kêu của máu, Hoàng Hải Thủy.....	71
Cám ơn, thơ Trần Ngân Tiêu.....	73
Bài hành cuối năm, thơ Nguyễn-Tư.....	75
Em muốn hỏi cây sầu riêng, thơ Lâm Hảo Khôi.....	76
Cuộc đời vô-định, Tống Minh Long Quân.....	79
Nợ, thơ Hồ Minh Dũng.....	80
Mùa xuân, thơ Nguyễn Vĩnh Long.....	82
Hoa trôi trên sóng nước, Nguyễn Phong.....	85
Khai bút, thơ Nguyễn Khánh Hòa.....	86
Tiếng gió gieo buồn, thơ Lâm Thủy.....	89
Độc-giã thác mắc, Bút Chì.....	90
Chuyện lạ xứ người, Nguyễn Nhạn Sơn.....	93
Xuân sang, thơ Đỗ Đăng Bắc.....	97
Mùa Tết, thơ Vĩnh Hoà Hiệp.....	98
Hồ-sơ Văn Bút:	
- Phân-tích "Thư Viên Linh", Nguyễn Hữu Nghĩa.....	100
- Bão văn; Mưa nhót, thơ Hà Huyền Chi.....	103
- Chúng ta đại-diện cho cái gì, Sơn Tùng.....	104
- Cho Santa Ana; Los mùa đông, thơ Nghiêu Minh.....	105
- Văn Bút những ngày gần Đại-hội kỳ 2, Nguyễn Hương.....	106
- Tính số cuộc đời, thơ Duy Lam; Chiều say, B.H. Trí.....	107
- Đầu làng cuối xóm: Văn Âu xứ sử.....	108
- Ham hố, thơ Ông Cọp.....	109
- Tụng bang giao; Chúc Tết, thơ Nam Chi Thượng nhân.....	110
Nhận được giới-thiệu.....	112
Thư đi tin lại, Nguyễn Hương.....	115

Tranh bìa: sơn mài của Hiếu Đệ

Chủ-nhiệm: Nguyễn Hương

Chủ-bút: Nguyễn Hữu Nghĩa & Nguyễn Hương

Ban biên-tập:

Bút Chì - Cao Tiêu - Diên Khánh - Đan Quế
Đào Trường Phúc - Hoàng Chính - Hoàng Hải Thủy
Hoàng Nga - Hồ Trường An - Hồng Huy
Kiên Trung - Kha Huyền - Lãng Nhân
Lâm Hảo Dũng - Lê Văn Lân - Ngô Nguyễn Dũng
Nguyễn Hưng - Nguyễn Phong - Nguyễn Bá Đình
Nguyễn Huy Phước - Nguyễn Mạnh An Dân
Nguyễn Nhạn Sơn - Nguyễn Văn Ngọc
Nguyễn Văn Thông - Phạm Quang Ngọc
Phan Nguyễn Minh Minh - Tự Tình - Thái Văn Kiềm
Tống Minh Long Quân - Tuệ Nga - Trần Văn Tích
Vân Nương - Vi An - Việt Chi
Việt Thao Đào Đức Chương

Cộng-tác:

Bạch Thái Hà - Cao Hoàng Nhân - Cao Xuân Lý
Diệu Tàn - Dương Kim - Đan Hà
Đặng Thị Quế Phương - Đoàn Tam
Đỗ Khánh Hoan - Đông Nghi - Hà Huyền Chi
Hoàng Du Thụy - Hồ Công Tâm - Huỳnh Liễu Ngân
Hứa Hoàn - Lâm Thúy - Lê Hữu Mục - Lê Thụy Vi
Lê Xuân Nhị - Nam Chi Thượng Nhân
Ngô Du Trung - Nguyễn Hương (Dallas)
Nguyễn Nghĩa - Nguyễn Duy Tâm - Nguyễn Đức Lập
Nguyễn Đức Tùng - Nguyễn Văn Ba
Nguyễn Hải Hà - Nguyễn Hữu Nhật
Nguyễn Thị Vinh - Nguyễn Tư - Nguyễn Việt
Ông Thế Hùng - Phạm Hoàng Hộ - Phạm Thăng
Phan Các Chiêu Hằng - Phan Thịnh
Phùng Nhân - Quỳnh Hương - Sơn Tùng
Thanh Hữu Huyền - Thủy Trang - Thúy Sơn
Trần Ngân Tiêu - Trần Mộng Lâm - Trần Quang Hải
Trần Thiện Hiệp - Trần Văn Lệ - Trịnh Gia Mỹ
Trương Mỹ Vân - TT Máy Trên Ngàn - Vạn Giả
Vi Vi - Việt Phong - Việt Phương
Vĩnh Hảo - Võ Phiến - Vũ Tiến Dũng - Xuân Tước

Minh-hoạ: Nguyễn Nhật Tân

Góp tranh: Babui - Hiếu Đệ - Hồ Đắc Vũ

Nguyễn Khai - Nguyễn Đồng - Nguyễn Thị Hợp
Thái Tuấn - Vi Vi - Vũ Thái Hòa

Góp ảnh: Lê Quang Xuân - Cung Vũ

Đại-diện địa-phương:

Pháp: Bạch Thái Hà Úc: Phạm Quang Ngọc
Đức: Ngô Việt Dũng Hòa-lan: Hồ Thị Chiến
Na-uy: Dương Kim Québec: Nguyễn Bá Đình
Hoa-kỳ: Trương Sĩ Lương
Võ Thắng Tiết (California) Linh Phương (Florida)
Nguyễn Huy Phước (New Jersey & Philadelphia)

Tri-ân các cộng-tác-viên quá-cổ: Thanh Nam, Trần Cao
Lĩnh, Tử-Vi Lang, Bình Nguyên Lộc, Nguyễn Tất Nhiên,
Kính Tân, Phạm Văn Cương, Lê Thao Chuyên, An Khê, Ngọc
Khôi, Trương Ái Minh.

GIÁ BÁO BÁN LẺ:

Gia-nã-dại: 5 gia-kim; Hoa-kỳ: 5 mỹ-kim;

Pháp: 50F; Úc: 8\$; Bắc Âu: 45 krone;

Nhật: 1.000 yen; các nước khác: 7 mỹ-kim

Thẻ-lệ mua báo: trang 114

Giá quảng-cáo: trang 120

tin văn

Kiên Trung phụ-trách



Cựu Tổng Thống Pháp François Mitterand qua đời

Nhân vật quốc tế đầu tiên già từ cõi thế năm 1996 là cựu Tổng thống Pháp François Mitterand. Vị cựu tổng thống hai nhiệm kỳ (81-95) của nước Pháp có thể đã tự chọn ngày chết, chấm dứt cuộc đời nhiều vinh quang nhưng cũng lắm tai tiếng của mình vào năm 79 tuổi. Ba ngày trước khi ra đi, Mitterand (bị ung thư tiền liệt tuyến hành hạ từ lâu) đã hỏi bác sĩ riêng Jean-Pierre Tarot rằng nếu ông ngưng tất cả các thứ thuốc chỉ trừ thuốc giảm đau thì sẽ ra sao, bác sĩ Tarot trả lời rằng ông sẽ chết trong vòng ba ngày. Mitterand mất ngày thứ hai 8.1.96, ông hoàn tất quyền hời ký của mình một ngày trước đó.



Cố Tổng-thống Mitterand

Sinh ra trong một gia đình bình dân (cha làm xếp ga xe lửa) năm 1916, François Mitterand học Luật, Văn khoa và Chính trị tại đại học Paris. Trong Thế Chiến II, ông bị Đức bắt cầm tù. Mitterand trốn tù về Pháp và làm việc trong chính phủ bù nhìn Vichy. Ông thành lập đảng Xã hội và ra ứng cử Tổng thống Pháp năm 95 (chống lại Charles de Gaulle) và thất cử hai lần liên tiếp.

François Mitterand trở thành Tổng thống Pháp năm 1981, tái đắc cử trong nhiệm kỳ kế tiếp, giữ ghế tổng thống liên tục trong 14 năm.

Trong thời gian lãnh đạo nước Pháp, François Mitterand được coi là con người bí hiểm (ông có biệt danh là the Sphinx - nhân sư Ai cập), có nhiều mâu thuẫn về chính sách, xoay trở bất ngờ. Là người sáng lập và xây dựng đảng Xã hội, ông đã bỏ con đường xã hội, đưa đến việc đảng này bị thảm bại năm 93. Về mặt đời tư, Mitterand cũng mang tai tiếng vì có một cô con gái ngoại hôn. Mitterand còn bị đặt câu hỏi về thái độ chính trị trong thời gian Pháp bị Đức quốc xã chiếm đóng vì ông là bạn thân với René Bousquet, chỉ huy trưởng cảnh sát của chính phủ Vichy, người đã ra lệnh đưa nhiều người Pháp gốc Do Thái vào các trại tập trung.

Chính phủ Bosnia tiếp-nhận thành phố Serajevo

Sau những ngày bị đình hoãn vì thời tiết quá xấu, quân đội các nước thuộc khối NATO và lính Hoa Kỳ đã vào đến những vị trí kiểm soát các phe tham chiến tại Bosnia và bố trí

lực lượng.

Lực lượng quốc tế ở Bosnia đã thay đổi cả về hình thức lẫn sứ mệnh hoạt động. Về tên gọi, nay họ là ILFOR (Implementation Force), dưới quyền điều động của NATO thay cho danh hiệu PROFOR dưới lá cờ Liên Hiệp Quốc. Các binh sĩ của các nước, được trang bị nặng, đã bỏ chiếc mũ xanh da trời để đội những chiếc mũ mang màu sắc riêng của đơn vị họ phục vụ.

Sứ mạng của đạo quân đông đảo này là buộc các phe phải thực thi hoà bình theo những điều khoản của hiệp ước ký tại Paris, thay vì "bảo vệ hoà bình" mơ hồ trước đây. Từ người chỉ huy đến các chiến sĩ của các đạo quân đều quả quyết với sứ mạng mới, sẽ không còn những hình ảnh vừa khôi hài, vừa ô nhục kiểu bị bắt làm con tin, xiềng vào cột đèn như trước đây.

Tuy thế, những ngày đầu năm 1996 vẫn cho thấy việc tái lập và duy trì hoà bình ở miền đất có quá nhiều thù hận này không dễ dàng và coi bộ lời hứa của Tổng thống Clinton (đem lính Mỹ về sau đúng một năm) không dễ thực hiện. Hai phe được coi là đồng minh (người Croat và người Hồi giáo Bosnia) bắt đầu có những hành động gây hiềm khích lẫn nhau. (Trong ngày Tổng thống Hoa kỳ Bill Clinton đến ủy lạo lính Mỹ ở Tuzla, hai phe "đồng minh" Croat và Hồi giáo đấu pháo với nhau cách đó không xa.)

Phe người Serb thì nhất định chống việc giao toàn vẹn thủ đô Serajevo cho phe chính phủ Bosnia tiếp quản. Bảy chục ngàn người Serbs sinh sống tại Serajevo đã hăm dọa nhà, bỏ sang các vùng do quân Serb kiểm soát. Trong khu vực Serajevo, những vụ bắt cóc, phục kích, pháo kích vẫn còn diễn ra.

Cho đến giờ phút này, NATO vẫn giữ được thái độ cứng rắn và chủ động. Tổng Thư ký NATO Javier Solana đã cùng Đô đốc Leighton Smith (chỉ huy trưởng lực lượng NATO tại Bosnia) cương quyết giao thành phố cho phe Hồi giáo đúng ngày 19 tháng Giêng như quy định của hiệp định.

Du kích Chechnya chiếm bệnh viện, bắt con tin

Quân kháng chiến tiểu quốc Chechnya lại làm Nga mất mặt một lần nữa khi tái diễn màn đột kích chiếm giữ bệnh viện Nga. Tuần lễ đầu tháng Giêng, hơn hai trăm quân du kích đã xâm nhập một bệnh viện ở thành phố Kizlyar (Cộng hòa Dagestan, trong Liên hiệp Nga) chiếm đóng một bệnh viện, giữ hai ngàn con tin. Vụ khủng bố này y hệt vụ hồi tháng Sáu năm ngoái tại thành phố Budyonnovsk, chính phủ Nga điên đầu vì e ngại sẽ kết thúc cũng y hệt, nghĩa là vừa mất người thiệt của, vừa què mặt.

Quân Chechnya tại Kizlyar lúc đầu ra điều kiện chỉ rút khi Nga chịu triệt thoái toàn thể quân đội khỏi Chechnya nhưng sau đó đã đổi ý, chỉ đòi được cung cấp 12 xe bus và bảo vệ an toàn đường về. Điều kiện của quân du kích được các giới chức tại Dagestan đồng ý, nhưng khi đoàn xe về đến biên giới Chechnya, quân Nga vũ trang nặng đã ra vây đường, buộc du kích phải thả hết con tin (160 người). Quân du kích phản ứng bằng cách bắt thêm 100 con tin. Trong cuộc thương thuyết, chỉ huy lực lượng du kích Salman Raduev (bà con với thủ lĩnh Chechnya Jokar Dudaev) đòi quân Nga phải để cho các phóng viên quốc tế và các chính trị gia đáng tin cậy đi theo đoàn xe của du kích quân để bảo đảm quân Nga không tấn công. Nhiều chính trị gia Nga, trong đó có Yegor Gaidar (người đã tình nguyện đi theo đoàn xe du kích trong vụ bắt con tin hồi tháng 6.95) đã xung phong bay sang Dagestan để làm việc này một lần nữa. Quân du kích đã thả bớt một số nhỏ con tin và cuộc đối đầu tại biên giới chưa ngã ngũ. Dân địa phương Dagestan có vẻ đồng tình với du kích Chechnya. Họ biểu tình ngăn chặn đường của quân Nga đến tăng cường cuộc phong tỏa.

Tổng thống Boris Yeltsin nổi giận, ông lên đài truyền hình mắng mỏ các viên chức phụ trách an ninh của Nga thậm tệ. Quả thật Yeltsin có

đủ lý do để giận. Màn dẹp "loạn Chechnya" đã quá tốn kém cho quốc gia và tổn hại cho uy tín của chính ông. Theo báo chí Tây phương, Yeltsin đã trở thành "con tin" của quân du kích Chechnya khi thủ lĩnh du kích tuyên bố "sẽ tái diễn các vụ Budyonnovsk và Kizlyar cho đến khi Nga nhìn nhận Dudaev và cộng hoà Chechnya".

Ba-lan: TT Lech Walesa về làm thợ điện

Cựu Tổng thống Lech Walesa xin trở về chân thợ điện tại công xưởng cũ, nơi ông đã từ già để bước vào chính trường và cũng là nơi ông mở màn cuộc chiến đấu xoá bỏ chủ nghĩa cộng sản tại Ba-lan.

Lech Walesa thua phiếu ứng cử viên cựu cộng sản Aleksander Kwaniewski trong cuộc bầu cử vừa qua. Người hùng Công đoàn Đoàn Kết Ba-lan còn bị kiện vì tội thiếu thuế (?) và thất hứa. Năm 1990, khi ứng cử, ông hứa sẽ phát không cho dân phiếu mua tài sản quốc gia. Nhiều người đã đâm đơn thưa, bắt Walesa bồi thường vì thất hứa. Bộ Ngân-kho nhận lệnh tổng-thống mới (CS cũ) phong tỏa trương-mục cá nhân của ông Walesa tại ngân-hàng, nại có ông chưa đóng thuế trên số tiền mà hồi năm 1989 một công ty điện ảnh Hoa Kỳ đã trả để thực hiện cuốn phim nói về cuộc đời của ông. Ông Lech Walesa chống án, cho biết món tiền này đã bị đánh thuế tại Mỹ và được coi là quà tặng ở Ba Lan.

Do Thái bỏ nhiệm trùm an ninh quốc gia mới

Vụ Thủ tướng Itzak Rabin bị ám sát đã khiến cho dư luận thế giới chú ý đến các hoạt động của cơ quan an ninh và tình báo Do Thái, vốn trước nay nổi tiếng là hữu hiệu và kín đáo. Đầu tiên là việc thay đổi người cầm đầu cơ quan an ninh quốc gia Do Thái. Lần đầu tiên trong lịch sử của cơ quan Shinbet, truyền thống giữ kín danh tánh người đứng đầu cơ quan an

ninh quốc gia đã bị hủy bỏ, Do Thái công bố tên vị tân giám đốc: Phó Đô đốc Ami Ayalon.

Chuyện thứ hai là vụ ám sát Yhya Ayyash, biệt danh "Kỹ Sư", một trong những thủ lĩnh khủng bố Palestine (ngày 5 tháng Giêng). Báo chí thế giới đã phát giác kỹ thuật ám sát "tối tân" mới của Mossad (phản gián Do thái). Mossad đã dùng nhân viên của mình là thân nhân của Ayyash tráo điện thoại cellular của Ayyash bằng một máy điện thoại có cài chất nổ và kích nổ bằng tín hiệu khi biết chắc Ayyash đang dùng máy.

Tổ chức khủng bố Hamas của người Palestine đang kêu gào trả thù. Bị vạ lây trong dịp này là thủ lĩnh Palestine Yasser Arafat. Hamas đã kêu gọi dân Palestine tẩy chay cuộc tuyển cử hội đồng lập pháp quốc gia dự định tổ chức ngày 19.1 trên vùng đất PLO được Do Thái trao trả. Trong cuộc bầu cử này, Arafat ra tranh cử chức vụ *ra'ees* (chủ tịch) Cơ quan Quyền Lực Palestine. Tuy-nhiên, cuối cùng, ông Arafat đã dắc-cử vào chức vụ này.



*Yasser Arafat,
Tổng-thống đầu-tiên của Palestine*

Tiến bộ trong thương thuyết giữa Do thái và Syria

Các chuyên viên quân sự Do Thái

và Syria sẽ có mặt tại bàn thương thuyết ở Maryland (Hoa Kỳ) khi cuộc thảo luận được tiếp tục cuối tháng Giêng 96. Việc hai phe mang các chuyên viên quân sự đến bàn thương nghị cho thấy cuộc hoà đàm đã chuyển sang một bước mới, sáng sủa hơn (trước đây, Syria luôn luôn ra điều kiện tiên quyết là quân Do Thái phải rút hết khỏi vùng Golan Heights rồi mới bàn đến chuyện khác).

Ngoại trưởng Hoa Kỳ Christopher Warren sau khi gặp Tổng thống Assad của Syria tại Damascus đã tuyên bố rất lạc quan. Theo Ngoại trưởng Mỹ, Assad và Shimon Peres đã tiến gần đến những mục tiêu tối hậu, về phía Do Thái là lời công bố rút sạch quân khỏi Golan Heights và về phía Syria là đưa ra những điều kiện hoà bình.

Vua Ả rập Saudi nhường quyền cho em trai

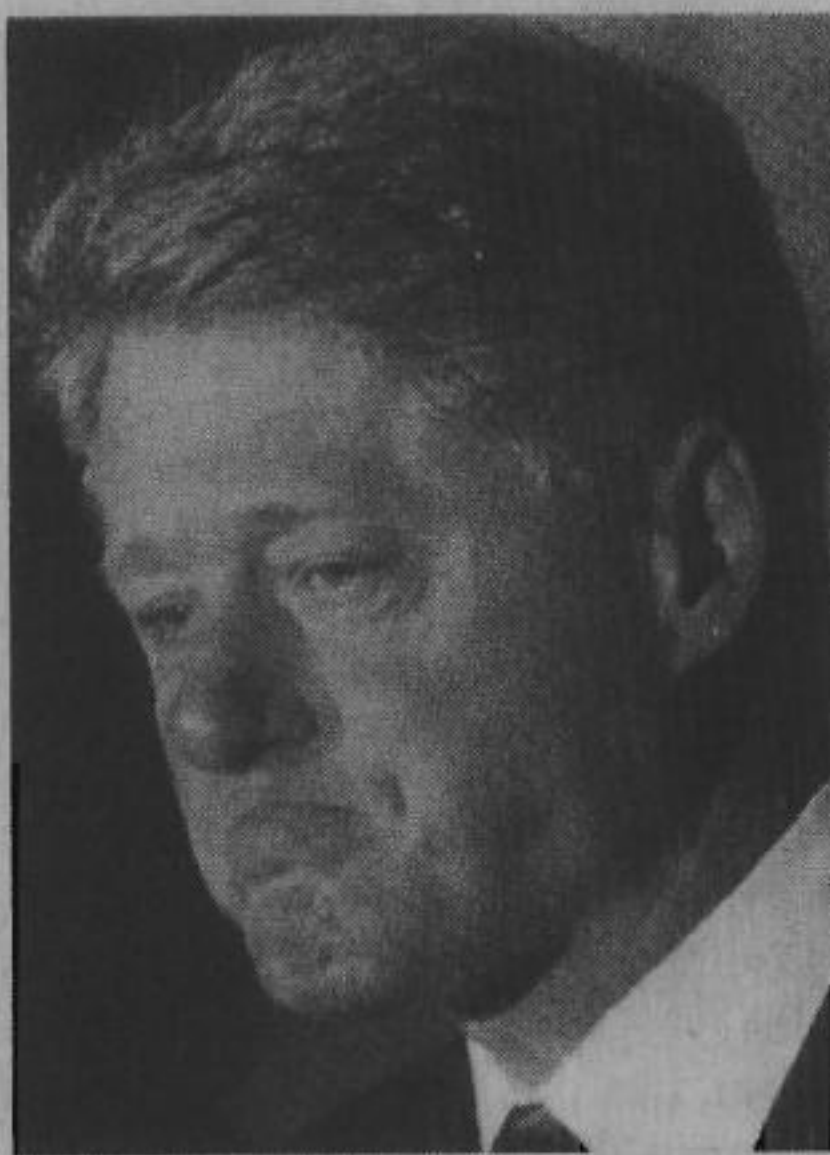
Vị vua của quốc gia nhiều dầu mỏ nhất thế giới, Quốc vương Fahd của Saudi Arabia, đã công bố tạm giao quyền trị nước cho người em cùng cha khác mẹ là Thái tử Abdullah. Vua Fahd năm nay 74 tuổi, bệnh hoạn vì chơi bởi hưởng thụ quá độ từ thời thanh niên. Thái tử Abdullah cũng không còn trẻ trung gì (72 tuổi) tuy thế được coi là còn khoẻ mạnh và đầy đủ năng lực. Cuộc chuyển giao quyền lực chấm dứt những dư luận trong và ngoài nước trước đây vẫn cho rằng mặc dù Thái tử Abdullah là người đứng đầu danh sách kế vị vua Fadh, có thể ông sẽ không được truyền ngôi khi vua Fadh băng hà vì có chủ trương khác với đương triều. Ông Hoàng Abdullah nổi tiếng về tính khắc khổ, theo lối sống cổ truyền của người Bedouin, không ưa Mỹ trong lúc anh em ruột của vua Fadh, hiện đang giữ những quyền lực quan trọng, có cuộc sống rất xa hoa. Việc chuyển giao quyền lực có thể mở đầu cho một cuộc cải tổ chính trị và kinh tế tại quốc gia dù rất giàu nhưng đã có những biểu hiện không lành mạnh. Dự trù ngân sách năm 96 của Saudi

Arabia đã thâm thủng 5 tỷ Mỹ kim.

Hoa kỳ: gia đình Clinton khánh tận

Làm tổng thống, đối với gia đình Clinton có thể là một chuyến đầu tư lỗ vốn. Theo tờ *Money Magazine* (Hoa Kỳ), tài sản của gia đình Clinton trị giá hồi tháng 7 năm 92 là 697 ngàn mỹ kim nay chỉ còn là con số không. Trong một cuộc họp báo, Tổng thống Clinton đã xác nhận việc này. Trong năm qua, hai vợ chồng nhà Clinton đã phải chi trên hai triệu đô la tiền thầy cãi trong các vụ kiện tụng (bà Clinton bị tố lem nhem tiền bạc và quyền lực vụ Whitewater; ông Clinton bị cô nàng Paula Jones kiện về tội sách nhiễu tình dục). Tờ *Money magazine* cho biết hai ông bà - cho đến giữa năm 1995, còn nợ hơn triệu rưỡi tiền luật sư chưa thanh toán nổi.

Cả hai vụ rắc rối chưa có vụ nào xong. Tại ủy ban điều tra của Thượng Viện Mỹ, người ta đã đưa ra nhiều chứng cứ lên án bà Clinton đã nói láo khi khai rằng bà chỉ giữ vai trò rất nhỏ trong vụ Whitewater và không có trách nhiệm gì trong vụ sa thải các nhân viên văn phòng vận chuyển của toà Bạch ốc. Tờ *New York Times* đã dùng chữ rất nặng khi nói về Hilary Clinton như "nói láo có căn", "hối



TT Clinton trong tình-trạng khánh tận

lộ", "lạm dụng"... tới mức một phát ngôn viên toà Bạch ốc đã phải nói khéo rằng nếu không phải là Tổng thống, ông Clinton đã đánh vỡ mặt nhà bình luận Safire của tờ *New York Times* để bảo vệ danh dự gia đình. Nhưng ông Clinton cũng không rảnh, toà kháng cáo liên bang vừa cho phép cô nàng Paula Jones tiến hành tiếp vụ kiện sách nhiễu tình-dục cô khi ông này còn là Thống đốc Arkansas. Vụ kiện bị đẩy mạnh ngay trong mùa bầu-cử tổng-thống, gần như đẩy ông Clinton vào đường cùng.

Ryutaro Hashimoto: Thủ tướng Nhật bản mới

Tuần lễ đầu năm 96, Thủ tướng Tomiichi Murayama cùng toàn thể nội các đã từ chức. Murayama làm Thủ tướng từ tháng 6.94, một thời gian được coi là dài trong hiện tình chính trị Nhật bản. Nhân vật được Quốc hội Nhật chấp nhận thay thế Murayama là Ryutaro Hashimoto, tân thủ lãnh đảng LDP, trẻ trung hơn (58 tuổi) và hung hãn hơn nhiều. Trong cuộc chiến tranh xe hơi giữa Hoa Kỳ và Nhật Bản năm ngoái, Hashimoto (chức Bộ trưởng Mậu Dịch) được tiếng là cứng rắn, cương quyết trong sứ mệnh bảo vệ lợi ích của nước Nhật. Hashimoto là một chính trị gia chuyên nghiệp (cha cũng là chính trị gia), được cựu Thủ tướng Tanaka bồi dưỡng, ông còn là một cao thủ kiếm đạo (Kendo). Việc chọn lựa Hashimoto được nhiều người cho là dấu hiệu của một luồng gió mới, trẻ trung, có thể đem lại nhiều việc tốt đẹp cho cả chính trị lẫn kinh tế Nhật bản. Tuy nhiên liên minh ba đảng cầm quyền tại Nhật đang lo ngại không biết Hashimoto sẽ có thể thắng nổi thủ lãnh Ichiro Ozawa của đảng Tân Biên Cương (New Frontier Party) trong cuộc tuyển cử tháng 7 năm 97 tới hay không. Ozawa là một chính trị gia sáng giá, có nhiều điểm tương đồng với Hashimoto nhưng chủ trương cải cách triệt để. Xuất thân từ giai cấp lao động, Ozawa đang được nhiều người Nhật ủng hộ vì chủ

trương cách mạng chính trị, kinh tế và cả xã hội, với một chính phủ có trách nhiệm và một nền kinh tế hoàn toàn tự do.

Trung hoa cãi không có chuyện bỏ bê trẻ mồ côi

Đầu năm 96, khi Ngoại trưởng Anh sửa soạn đi Bắc kinh với sứ mạng cải thiện quan hệ Anh-Hoa, tổ chức Human Rights Watch tố cáo chính quyền Trung Cộng đã bỏ cho chết đói, chết bệnh hàng chục ngàn trẻ mồ côi trong nước. Tố cáo của Human Rights Watch được minh họa bằng những tài liệu nghiên cứu, phần lớn do nữ bác sĩ Zhang Shuyun (làm việc tại một cô nhi viện ở Thượng Hải, vừa vượt thoát sang Anh năm ngoái) và một phim tài liệu truyền hình. Thời điểm công bố tài liệu tố cáo Trung Cộng bạc đãi trẻ mồ côi được sắp xếp để nhằm ảnh hưởng đến nghị quyết của ủy ban Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc về nhân quyền tại Trung Hoa.

Nhà cầm quyền Hoa Lục đương nhiên đã nổi giận và có những phản ứng quyết liệt. Sau khi phản nản về việc các chính quyền Tây phương ... thiếu kiểm soát những gì được chiếu trên truyền hình(!) và công bố những con số thống kê về tình trạng tồi tệ của cô nhi Trung Hoa; Trung Cộng cũng mời các nhà báo Tây phương đến thăm cô nhi viện ở Thượng Hải (nơi bị tố cáo có chuyện bạc đãi cô nhi) để thấy tận mắt những cô nhi ăn no mặc đẹp, chơi bời vui vẻ đến thế nào. Các phóng viên báo chí ghi nhận cô nhi viện quả thật rất tiện nghi, đầy đủ đến mức có cả những máy điện toán ... mới rõ ra khỏi thùng !

Tân-gia-ba đứng vào hàng ngũ các nước phát triển

Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế thế giới (OECD) đã chính thức sắp Tân Gia Ba vào hàng ngũ các nước thuộc thế giới thứ nhất.

Kể từ khi độc lập (1959) Tân Gia Ba đã không ngừng tiến. Mức phát triển kinh tế hàng năm của đảo quốc này lên đến 8.5%, hiện nay, thu nhập

trung bình của người dân là 24 ngàn Mỹ kim (cao hơn Anh quốc). Tân Gia Ba có mức phát triển đáng nể như thế nhờ công lao của các nhà lãnh đạo, hàng đầu là cha già quốc gia Lý Quang Diệu. Ngay cả báo chí Tây phương cũng đã phải gọi ông là "Thomas Jefferson của vùng ven Thái Bình Dương", "Moise của Á châu".

Thành công của Tân Gia Ba phần lớn dựa vào tinh thần kỷ luật và thái độ tuân phục luật pháp của dân chúng, những người chấp nhận những luật lệ khắt khe nhất thế giới. Phát triển kinh tế ở các nước Tây phương (và cả Á châu) thường dẫn theo những hệ lụy về xã hội, tuy nhiên ở Tân Gia Ba, chuyện này đã không xảy ra. Dưới mắt nhiều người Tây phương, xã hội Tân Gia Ba có thể quá nghiêm khắc, chẳng có gì vui nhưng như trong chuyến đi Ấn độ mới đây, cựu Thủ tướng Lý Quang Diệu đã hãnh diện khoe với thế giới rằng đất nước ông đã và đang cố gắng xây dựng xã hội lành mạnh. Nền tảng của xã hội này là truyền thống gia đình, nơi cha mẹ và con cái có trách nhiệm với nhau. Ông Lý Quang Diệu cũng khoe rằng ông là sản phẩm của hôn nhân sắp xếp (cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy) và tuyên bố (trước sự đồng tình của bà Lý) rằng "yêu đương chỉ

là mơ mộng kiểu Âu Tây, yêu đương chấm dứt từ trước khi người ta có đứa con đầu lòng!"

Thời-tiết thay-đổi kỳ-di tại Bắc Mỹ

Trong tháng qua, thời-tiết Bắc Mỹ đã xáo-trộn cùng-cực, nhiều vùng phá kỷ-lục cả về ấm lẫn lạnh.

Tại Hoa-kỳ, vùng thủ-đô Hoa-thịnh-đốn phá kỷ-lục về tuyết. Bão và tuyết làm tê-liệt 8 tiểu-bang Đông Bắc trong một tuần-lễ. Tuyết rơi dày hàng thước tây, khiến xe cộ không tài nào di-chuyển nổi.

Tại Gia-nã-đại, tỉnh British Columbia ấm nhất quốc-gia này cũng phá cũng lục về tuyết: 3 tấc! Nạn tuyết rơi dày tại BC và quá sớm tại miền Trung Gia-nã-đại khiến mấy ngàn con nai chết đói vì các cánh đồng cỏ bị vùi sâu dưới tuyết.

Trong khi đó, tỉnh Ontario hồi tháng 11.1995 phá kỷ-lục về lạnh (âm 22 độ C, khoảng - 8 độ F), bước sang tháng 1.96 (giữa mùa đông), lại phá kỷ-lục về ấm: 13 độ C (55 độ F).

Sự thay-đổi kỳ lạ này đã gây ra nạn lụt ở Hoa-kỳ giết chết 48 người tại Pennsylvania và West Virginia.

Tại Gia-nã-đại, nạn băng vỡ giết chết 12 người tại miền Bắc tỉnh Ontario.

BAN TỔ-CHỨC ĐẠI-HỘI VĂN BÚT VIỆT-NAM HẢI-NGOẠI KỶ V KHÓA 2 (HOUSTON, TEXAS)

Trang-trọng kính mời:

quí văn-hữu, thân-hữu và đồng-bào

đến dự buổi lễ ra mắt Ban Chấp-Hành Văn Bút

Việt-Nam Hải-Ngoại nhiệm-kỳ 1995-1998

tổ-chức tại: cơ-sở Fukim, 2615 Fannin Street

Houston, Texas - ĐT: (713) 655-9903

vào lúc: 9 giờ 30 sáng Chủ-nhật 25 tháng 2 năm 1996.

Ngoài phần nghi-lễ, chương-trình còn có phần nói chuyện của các nhà văn Doãn Quốc Sỹ và Duy Lam cuối cùng là phần văn-ngệ, do các anh chị em Văn Bút và thân-hữu phụ-trách.

(mở cửa tự-do cho công-chúng)



trong làng

Văn Bút quốc-tế khiển-trách ông Viên Linh

Sau khi phá vỡ Đại-hội kỳ V ngày 25.11.95, ông Viên Linh, cựu chủ-tịch Ban Chấp-hành Văn Bút đã gửi thư "mách bu" Văn Bút quốc-tế. Nội-dung bức thư của ông Viên Linh gửi đi không được công-bố, nhưng báo-chí California đã đăng tải và bình-luận bức thư khiển-trách của Văn Bút quốc-tế gửi ông Viên Linh.

Trong bức thư, ông Alexandre Blokh, Tổng Thư-ký Văn Bút quốc-tế xác-định không đứng về một phía, nhưng đồng-thời lại cảnh-giác ông Viên Linh rằng: "*Hãy nhớ ông đại-diện cho cái gì và tranh-dấu cho cái gì, điều đó quan-trọng hơn nhiều so với các sự tranh-chấp như vậy, cho dù chúng sâu-xa đến đâu và có vẻ chính-đáng đến đâu!*"

Đối với văn-giới Việt-nam, đó là một cái tát. Khốn thay, kẻ bị tát vẫn trơ-tráo, chỉ những người có liêm-sĩ cảm thấy nhục lây!

Thực sự, ông Viên Linh tranh-dấu cho "cái gì"? Trong lá thư ngỏ gửi cho các nhà văn Việt-nam, ông Viên Linh khẳng-định: "*Tôi sẽ rời bỏ chức Chủ-tịch Văn Bút VNHN khi nào Văn Bút VNHN trở về với các nhà văn, có một vị Chủ-tịch mới mà tên tuổi sẽ làm rạng-rỡ cho tổ-chức.*"

Ông Viên Linh công-khai lãng-mạ toàn thể hội-viên của tổ-chức (trong đó phần lớn có văn-nghiep và tư-cách hơn ông rất nhiều) "không phải là nhà văn." Điều này không quan-trọng bằng câu ông nhấn mạnh "*tôi sẽ rời bỏ chức Chủ-tịch, khi nào...*" Trong sinh-hoạt dân-chủ, ông không có quyền dán keo ngời dính vào cái *chiếu trên*. Thắng cử, ông lên; thất cử, ông phải xuống. Chức chủ-tịch ấy không có tính-cách cha truyền con nối, ông muốn nhường ai thì nhường, trao ai thì trao; và trong khi chờ đợi người tên tuổi có đủ tiêu-chuẩn "rạng-rỡ" (do ông thẩm-định), thì ông cứ ngồi lì đó, bất-chấp luật-lệ!

Tin Trung-Tâm Văn Bút Nam California

Ngày Chủ-nhật 21.1.1996, Trung-tâm Nam California, Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại đã họp tại thành-phố Garden Grove, bầu xong ban Chấp-hành nhiệm-kỳ 1996-1998, thành-phần như sau:

- Chủ-tịch: nhà văn Cao Xuân Huy (ĐT: 714-544-7650).
- Phó Chủ-tịch Ngoại-vụ: nhà văn Cao My Nhân (310-679-7965).
- Phó Chủ-tịch Nội-vụ: nhà văn Bảo Hoàng (ĐT: 818-896-4188).
- Tổng Thư-ký: nhà văn Kim Hà (ĐT: 714-265-1512).
- Thủ-quỹ: nhà văn Ngọc Anh (ĐT: 714-636-1556).

Được biết Trung-tâm Nam California được thành-lập từ năm 1987, đăng-bộ dưới tên "Trung-tâm Nam California, Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại." Đến năm 1993, ông Viên Linh lấy quyền chủ-tịch, tự ý đổi tên thành "Trung-tâm Tây Nam Hoa-kỳ", nay Đại-Hội-đồng Trung-tâm quyết-định trở lại tên cũ là "Nam California".

Địa-chỉ liên-lạc:

Trung-tâm VB Nam California
P.O. Box 2054-G31

Westminster, CA 92683, USA

Điện-thư (fax): 714-540-8000.

Theo tin riêng của Làng Văn,

đây là buổi họp thứ hai của Trung-tâm trong vòng hai ngày, lần đầu họp ngày Thứ Bảy 20.1 tại trụ-sở Văn Bút VNHN ở đường Bolsa (nhà xe của nhà-sĩ Phạm Đình Tuấn và là tư-gia của ông Viên Linh).

Buổi họp do ông Viên Lương (không phải con Viên Linh) triệu-tập, có muốn nhân-viên an-ninh Mỹ mang súng tới đứng gác.

Trong buổi họp, nhạc-sĩ Nguyễn Hiền lấy quyền Tổng Thư-ký Ban Chấp-hành trung-ương (đã mãn nhiệm), chỉ-định chủ-toạ-đoàn, còn ông thì làm Điều-hợp-viên (?) buổi họp. Ông Nguyễn Hiền đã nói nhiều lời lãng-mạ Đại-Hội-đồng Văn Bút VNHN. Nhà văn Ngọc Anh (thủ-quỹ Trung-tâm) không đồng ý và bắt đầu phân-phát bức thư ông Tổng Thư-ký Văn Bút quốc-tế khiển-trách Viên Linh, thì ông Nguyễn Hiền ra hiệu cho ký-giả Ngọc Hoài Phương gọi nhân-viên an-ninh Mỹ vào điệu nhà văn Ngọc Anh ra ngoài.

Sự đàn-áp quyền phát-biểu của một thành-viên Ban Chấp-hành đương-nhiệm ngay tại trụ-sở Văn Bút đã làm dấy lên một trận bão phản-đối. Hơn 2/3 tổng-số hội-viên đồng loạt đứng dậy và tẩy-chay buổi họp. Dù không đủ túc-số hợp-lệ để họp tiếp, ông Nguyễn Hiền vẫn cho bầu cử và tự nhận chức "chủ-tịch", giao ông Nguyễn Thạch Kiên làm "phó chủ-tịch" và ông Trần Ngọc, một người không hề làm đơn gia-nhập hay đóng niên liễm, làm "tổng thư-ký."

Khởi đa-số của Đại-Hội-đồng Trung-tâm Nam California, trong đó Tổng Thư-ký Cao My Nhân, Thủ-quỹ Ngọc Anh và Cố-vấn Duy Lan đã triệu-tập buổi họp thứ nhì ngay ngày hôm sau, qui-tụ 16 hội-viên và phiếu ủy-quyền hợp-lệ (trên tổng số 19 hội-viên của Trung-tâm), bầu ra Ban Chấp-hành chính-thức thành-phần như trên.

Tin thêm về các Trung-tâm Văn Bút tân-lập

Làng Văn số 137 loan tin trên trang

6 "Văn Bút VN" Hải-ngoại có thêm một Trung-tâm" tin này đúng theo lẽ thường từ ngoài nhìn vào, nhưng lại không hoàn-toàn chính-xác, so với Điều-lệ Văn Bút.

Trên thực-tế, có một số Trung-tâm tân-lập nộp đơn xin gia-nhập cho Ban Chấp-hành lâm-thời của Văn Bút. Theo Điều-lệ, Ban Chấp-hành nhận đơn nhưng không có quyền cứu xét hay thừa-nhận, chỉ chuyển lên Đại-Hội-đồng trong phiên họp gần nhất (ngày 24.2.1996 tại Houston) để thảo-luận và quyết-định.

Dù đơn gia-nhập được Đại-Hội-đồng thông qua, quyền bầu-cử, ứng-cử của Trung-tâm mới, trên nguyên-tắc, không có hiệu-lực tức-khắc, nhằm ngăn-ngừa tình-trạng bè phái bất-công, ảnh-hưởng đến kết-quả trong sáng của cuộc bầu-cử.

Phong-trào Hưng ca VN tiếp-tục giải Nhạc Thời-thế

Tiếp-theo cuộc thi "Sáng-tác nhạc thời-thế" kỳ 1 (1994-1995) với 177 tác-phẩm của 48 nhạc-sĩ gửi về dự - trong đó có 6 tác-phẩm trúng giải - Phong-trào Hưng Ca Việt-nam đang chuẩn-bị phát-động cuộc thi kỳ 2, sẽ được tổ-chức trong hai năm 1996-1997. Các thành-viên chủ-lực của Hưng Ca sẽ họp tại Houston, Texas ngay sau Tết Bính Tí để thảo-luận kế-hoạch phát-động cuộc thi này.

Phong-trào Hưng Ca VN là một tổ-chức kết-hợp rộng-rãi những người lựa-chọn văn-ngệ và truyền-thông làm vũ-khí để đấu-tranh cho tự-do dân-chủ và nhân-quyền tại quê nhà. Trong tháng 11.1995 vừa qua, Phong-trào đã tổ chức thành-công Đại-hội

Hưng ca thế-giới kỳ 5 tại thành-phố Santa Ana (California) để rút ưu-khuyết-điểm và thảo-luận chương-trình hoạt-động cho các năm tới. Nhân dịp này, Đại-hội đã bầu xong Ban Chấp-hành nhiệm-kỳ 1995-1997, thành-phần như sau:

- Phong-trào trưởng: nhà văn Đào Trường Phúc.

- Phong-trào phó Nội-vụ: nhạc-sĩ Viễn Phương.

- Phong-trào phó ngoại-vụ: nhạc-sĩ Huỳnh Công Ánh.

- Tổng Thư-ký: nhạc-sĩ Nguyệt Ánh.

- Thủ-quỹ: cô Lâm Dương Diễm Hồng.

- Phó Tổng Thư-ký: nhạc-sĩ Việt Dzũng, nhà báo Huỳnh Lương Thiện, nhà báo Hồ Sĩ Thư Linh và luật-sư Nguyễn Xuân Nghĩa.

- Ủy-viên Tuyên-vận: nhạc-sĩ Trương Sĩ Lương.

Ban cố-vấn của Phong-trào Hưng Ca VN, đồng-thời cũng là thành-phần giám-khảo chủ-lực trong cuộc thi Sáng-tác nhạc thời-thế kỳ 2 sắp tới gồm: giáo-sư Âm-nhạc Trần Quang Hải, nhạc-sĩ Nguyễn Hữu Nghĩa, nhạc-sĩ Nhật Bằng, linh-mục Dao Kim (trưởng ca-đoàn Trầm Hương) và ca-nhạc-sĩ Đoàn Chính.

Nhà văn Sơn Tùng và "Bầy thú nhỏ" dịch ra Đức văn

Nhà văn Sơn Tùng vừa có một tác-phẩm được dịch ra Đức văn, đó là cuốn *Bầy thú nhỏ*, người dịch là nhà văn Nguyễn Thị Thu Cúc, thuộc nhóm *Vietnam Forum* ở Hamburg, Đức quốc.

Bầy thú nhỏ, truyện dài, viết về

chiến-tranh Việt-nam, dưới góc nhìn bên nhọn và nhận-xét tinh-tế của tác-giả, với những nhân-vật điển hình cho nạn-nhân chiến-cuộc, lòng trong những mối tình ngang trái và những tình-tiết đột-biến, gây xúc-động và lôi-cuốn người đọc.

Truyện này trước đây đăng trên nhật-báo *Tiền-tuyến* tại Sài-gòn, bị dỡ-dang vì biến-cố 30 tháng 4. Khi truyện khởi đăng được vài chương, được độc-giả đón-nhận nồng-nhiệt, và được các báo của quân-lực VNCH đánh giá là "bức họa trung-thực nhất và cũng độc-đáo nhất về chiến-tranh Việt-nam", đồng-thời kêu-gọi các nhà làm phim đưa truyện vào điện-ảnh.

Ra hải-ngoại, nhà văn Sơn Tùng đã sửa-chữa, viết thêm vài chỗ rồi giao cho nhà Alpha xuất-bản và được độc-giả đón-nhận nồng-nhiệt.

Tác-giả Sơn Tùng năm nay 61 tuổi, xuất thân luật-sư ở Việt-nam, hiện sinh sống tại Virginia (Hoa-kỳ). Ông là Chủ-tịch Trung-tâm Miền Đông Hoa-kỳ, Văn Bút VN Hải-ngoại.

Dịch-giả Nguyễn Thị Thu Cúc là ngòi bút dịch-thuật được yêu-chuộng trong nhóm *Vietnam Forum*, gồm những người quốc-gia có lập-trường kiên-định và tích-cực hoạt-động tại Đức. Tạp-chí *Vietnam Forum* bằng Đức văn, do ông Hoàng Ngọc Tuấn đứng tên chủ-nhiệm, là tiếng nói có uy-tín của người Việt quốc-gia tại Âu-châu, và là mũi nhọn chọc thủng nhiều chiến-dịch vận-động cho CSVN do các phần-tử người Đức thân Hà-nội (từ thời chiến-tranh VN) chủ-trương.

Việc dịch *Bầy thú nhỏ* ra Đức văn



Đại-hội
Hưng Ca
kỳ V
11.1995 tại
California:
lễ chào cờ.

ngoài giá-trị giới-thiệu văn-chương Việt-nam trong sinh-hoạt văn-học thế-giới, còn là một đóng-góp quan-trọng cho nhân-loại, giúp người Đức hiểu rõ hơn về chiến-tranh Việt-nam mà trước đây (và cho tới bây giờ) vẫn bị báo-chí tây-phương bóp méo.

Quý độc-giả *Làng Văn* muốn có *Bầy thú nhỏ* bản Việt-văn, có thể gửi chi-phiếu về tòa-soạn (14 mỹ-kim hoặc 21 gia-kim).

Quý độc-giả tại Đức, muốn có ấn-phẩm bằng Đức văn, xin đón mua và sưu-tập chữ ký của cả tác-giả lẫn dịch-giả, trong các buổi sinh-hoạt ra mắt sách tại Hamburg (ngày 1.6.96) và Munich (6.6.1996).

Chiến-dịch khủng-bố tinh-thần hội-viên Văn Bút

Sau khi ra lệnh tắt đèn, đuổi hội-nghị Văn Bút tại Đêm Màu Hồng chiều ngày 25.11, cặp Tà Cúc & Viên Linh mở chiến dịch khủng-bố tinh-thần hội-viên Văn Bút, qua các vụ sau:

- Cách chức Tổng Thư-ký của nhà văn Cao My Nhân tại Trung-tâm Tây Nam Hoa-kỳ, lý-do thâm sâu là vì bà đứng trong khối Đại-Hội-đồng, không ủng-hộ Viên Linh.

- Cho nhân-viên an-ninh người Mỹ điệu nhà văn Ngọc Anh (Thủ-quỹ Trung-tâm Tây Nam Hoa-kỳ) ra khỏi trụ-sở Văn Bút ngay trong buổi họp Trung-tâm; lý-do trực-tiếp vì bà phân-phát bản sao lá thư Văn Bút quốc-tế khiển-trách ông Viên Linh.

- Gửi đi đủ loại hồ-sơ, tài-liệu giả-mạo, bịa-dặt và xuyên-tạc đời tư để chụp mũ, bôi lọ các đại-biểu trong khối Đại-Hội-đồng.

Sự vọng-động của ông Viên Linh đã giúp quần-chúng và nhất là hội-viên ở các nơi xa-xôi hiểu rõ dã-tâm của ông.

Trong suốt hai năm làm việc trong Ban Chấp-hành trung-ương, ông Viên Linh đã không hề thực-hiện bất cứ một công-tác lớn nhỏ nào do Đại-Hội-đồng Văn Bút kỳ IV họp tại San Jose năm 1993 giao-phó, nhất là công-tác đấu-tranh cho văn-nghệ-sĩ

cầm tù (điển hình là vụ ém nhem hồ-sơ Lý Tống và không nộp dự-thảo nghị-quyết dự-thảo văn-nghệ-sĩ VN bị cầm tù cho Ban Tổ-chức Đại-hội Văn Bút quốc-tế tại Prague năm 1994).

Trong khi đó, công-tác lớn-lao nhất mà ông Viên Linh dốc hết tâm-lực để làm trong đời ông là khủng-bố tinh-thần hội-viên Văn Bút, mong họ vì sợ-hãi mà bỏ cuộc để ông làm chủ-tịch muôn năm, hầu tiếp-tục ém hồ-sơ văn-nghệ-sĩ bị cầm tù, bót cho CS Hà-nội một mũi nhọn nhúc-nhối!

Tại miền Nam Cali, cặp Tà Cúc & Viên Linh còn cổ-vô tinh-thần kỳ-thị địa-phương, rằng "dù Viên Linh có tệ đến thế nào cũng nên ủng-hộ", vì là người Cali và đã có công "mang Văn Bút về Cali."

Cùng là người tị-nạn cả, California, Texas, Toronto, Paris hay đâu đâu cũng là quê người. Tinh-thần kỳ-thị này thật đáng trách, nhất là đối với người cầm bút.

Đại-hội Văn Bút kỳ V khóa 2 sắp khai-mạc

Mặc cho cặp Tà Cúc & Viên Linh ra sức gửi thư rơi đi khắp nơi để phá-hoại, Ban Chấp-hành Lâm-thời và các Trung-tâm Văn Bút vẫn làm việc sát cánh với nhau để tổ-chức Đại-hội khóa 2 tại Houston, bầu ban Chấp-hành chính-thức nhiệm-kỳ 1995-1998 theo tinh-thần Quyết-nghị của Đại-Hội-đồng Văn Bút họp ở Fountain Valley (California) ngày 26.11.1995.

Đại-hội kỳ 2 sẽ nhóm vào hai ngày 24 và 25.2.1996 tại cơ-sở Fukim, số 2615 Fannin St., Houston, Texas.

Lễ ra mắt tân Ban Chấp-hành sẽ khai-mạc lúc 9 giờ 30 sáng, với phần thuyết-trình của các nhà văn Doãn Quốc Sỹ, Duy Lam; và phần văn-nghệ do Văn Bút và anh chị em văn-nghệ-sĩ tại Houston phụ-trách (vào cửa tự-do).

Muốn biết thêm chi-tiết Đại-hội, xin liên-lạc các số điện-thoại sau:

- Tại Houston: 484-1073 (Nguyễn Văn Diễn).

- Dallas: 265-6356 (Trương Sĩ

Lương).

- Ban Tổ-chức: (905) 848-6049 - (905) 607-8010; trong thời-gian Đại-hội, điện-thoại cầm tay: (416) 918-0620.

Nhạc-sĩ Thẩm Oánh qua đời tại Hoa-kỳ

Nhạc-sĩ Thẩm Oánh đã qua đời tại Virginia ngày 10.1.1996, hưởng thọ 80 tuổi.

Thẩm Oánh là nhạc-sĩ kỳ-cựu trong làng tân-nhạc Việt-nam, ông có gần 1000 ca-khúc, gồm nhiều loại. Các bài tiêu-biểu như *Trưng Nữ Vương*, *Hùng Vương* (sử ca), *Nhà Việt-nam*, *Thanh-niên ơi* (hùng ca), *Nhớ nhung*, *Tôi bán đường tơ*, *Chiều tưởng nhớ* (tình ca), *Nàng Bân*, *Thiếu-phụ Nam-xương* (truyện ca), *Quán giang-hồ* (nhạc kịch, 1942).

Đặc-biệt nhất là bài *Việt-nam hùng tiến* của ông đã được Quốc-hội đệ I Cộng-hòa đưa vào danh-sách các bài Quốc ca dự tuyển. Sau đó Quốc-hội biểu-quyết, giữ nguyên bài cũ (*Tiếng gọi thanh niên* của Lưu Hữu Phước, đổi thành *Tiếng gọi công dân*); bài *Việt-nam hùng tiến* của Thẩm Oánh vẫn được dùng làm đài hiệu của hệ-thống truyền-thanh VNCH từ thập-niên 60 cho đến ngày 30.4.1975.

Lúc còn sinh tiền, ông từng dạy nhạc tại các trường Trưng Vương, Chu Văn An (Sài-gòn) và là bậc thầy được học-sinh kính mến.

ngoài ngõ

Pháp: Ngày Cộng đồng VN tại Paris

Ngày Cộng đồng Việt nam được tổ chức tại Paris (Pháp) cuối tháng 11 vừa qua được coi là thành công. Ngày hội được hình thành từ sáng kiến "muốn có cộng đồng thì phải có sinh hoạt cộng đồng" của các tổ chức

người Việt vùng thủ đô nước Pháp. Các tổ chức Hội Thanh Niên VN Tị Nạn, Gia đình Phật Tử VN tại Pháp, Phong trào Tự Do Dân Chủ, Hội Ái Hữu Bắc Paris, Hội Ái Hữu Việt Kiều vùng Nam Paris, cơ sở Mặt trận QGTN GPVN, phân hội Chuyên gia VN tại Pháp, Hội Thanh Thiếu Niên VN tại Paris, đã mất hơn hai tháng để chuẩn bị cho Ngày Cộng Đồng.

Ngày Cộng Đồng khai mạc lúc 12 giờ trưa 11.11.95. Tại khu trung tâm (một hội trường trong quận 13, Paris, nơi nhiều người Á đông cư ngụ) các sinh hoạt phong phú đã diễn ra suốt hai ngày. Ngoài các chương trình văn nghệ (ca hát, vũ, ngâm thơ) còn có những màn biểu diễn võ thuật của Việt Quyền Đạo, Việt Võ Đạo, Thiếu Lâm... Tất cả có 25 gian hàng triển lãm và trưng bày hoạt động hội đoàn, văn hoá và sản phẩm VN. Buổi tối 11.11, trong chương trình văn nghệ có cuộc biểu diễn áo dài đặc sắc của nhà Thành Lễ.

Theo ban tổ chức, đã có khoảng 3000 đồng bào đến tham dự ngày Hội Cộng Đồng. Chính quyền địa phương rất hài lòng, đồng ý với sinh hoạt của người Việt và tổ ý sẽ sẵn sàng cho mượn chỗ để tổ chức Hội Tết Bính Tý.

Toronto: nhiều hội tết năm Bính Tý...

Người Việt quanh vùng thành phố Toronto (tỉnh bang Ontario, Gia nã đại) năm nay tha hồ đi chợ Tết. Mặc dù hai hội đoàn lớn nhất của hai thành phố gần nhau là Hội Người Việt Toronto và Cộng đồng VN Mississauga đã kết hợp tổ chức chung Hội Tết Bính Tý (trước nay vẫn tổ chức riêng) nếu muốn đi cho hết hội tết, đồng bào vẫn còn có thể đến Hội Tết của Cộng đồng VN vùng North York (một thành phố nằm trong đại đô thị Toronto).

Hội tết của Mississauga và Toronto mang tên Hội Xuân Văn Lang, mở ngày 17 tháng 2.96 (29 tháng Chạp Ất Hợi) tại đại sảnh Constellation của khách sạn Regal

Constellation, số 900 Dixon, Etobicoke. Đây là một hội trường rộng có sức chứa 8 ngàn người, có sân khấu 3 mặt. Giá vé vào cửa là 10 gia kim cho người lớn và 5 gia kim cho trẻ em (6-12 tuổi), gồm cả vé vào hội xuân và vé xem văn nghệ. Chương trình dự trù kéo dài từ 7 giờ sáng đến 10 giờ đêm.

Hội xuân của North York làm tại Yorkwoods Gate Community Centre (20 Yorkwoods Gates Ave. Downsview), từ 11 giờ sáng đến 8 giờ đêm ngày 18.2.96. Vé vào cửa tại đây là 2 gia kim, trẻ em miễn phí.

...Đến tiệc tất niên, tân niên

Cũng trong sinh hoạt mừng Xuân Bính Tý của người Việt tại Toronto, Gia nã đại, nhiều buổi tiệc tất niên sẽ được tổ chức từ cuối tháng 1 đến giữa tháng 2.96. LV ghi nhận một số buổi tiệc tất niên đã được thông báo rộng rãi dưới đây:

- Tiệc Dạ vũ Tất niên của Hội Doanh Thương VN Ontario tại Mekong Paradise Restaurant ngày 27.1.96. Quý vị cần vé tham dự xin liên lạc:

Bà Phương Lan (416) 314-6598.

LS Trịnh Quốc Toàn (416) 533-8987.

DS Võ Thành Tân (416) 979-7510.

- Tiệc Tất Niên Quốc Gia Hành Chánh (dành cho cựu sinh viên QGHC và thân hữu) ngày 3.2.96 tại China Buffet King.

Liên lạc:

Ông Trương Thới Lai (416) 253-1823.

Ô. Nguyễn Tấn Phát (905) 890-5655.

Ô. Đỗ Văn Siêng (905) 792-7916

- Tiệc Tất Niên Cộng Đồng ngày 11.2.96, lúc 4 giờ chiều tại nhà hàng International. Tiệc này do các Hội Cao Niên, Hội Người Việt và một số hội đoàn tại Toronto phối hợp tổ chức. Phần ăn 25 gia kim. Liên lạc:

Bà Túy Anh, Hội Người Việt: (416) 536-3611

ÔB Hoàng Thanh Thắng, Hội Cao Niên: (416) 588-8537.

Sau tất-niên là tân-niên. Hội Ái-hữu Trung Vương họp mặt thân-hữu ngày 25.2.1996.

Liên-lạc:

Giờ làm việc: Lê Như Liên: (416) 767-2186; Sau giờ làm việc: Ngô Kim Phụng: (905) 271-7025.



tin tị-nạn

Kiên Trung phụ-trách



Thái lan ký thoả ước với VC để cưỡng-bách thuyền nhân hồi hương

Cuối tháng 12.95, chính phủ Thái Lan đã ký một thoả ước với chính quyền cộng sản Việt nam để hồi hương thuyền nhân. Thoả ước được ký tay ba, giữa đại sứ CS tại Thái Lan, bộ Ngoại giao Thái và đại diện của UNHCR, thực chất là thoả thuận về việc trục xuất người tị nạn nhưng mang tên gọi mỹ miều là chương trình "hồi hương có trật tự". Theo một viên chức Cao ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc tại Thái Lan, thoả ước này được ký ngày 26 tháng 12 và đợt hồi hương đầu tiên gồm những người tự nguyện.

Hiện tại Thái Lan còn khoảng 4 ngàn thuyền nhân. Họ bị chia thành nhiều trại, các trại dành cho những người không chịu hồi hương bị đầy dọa và khủng bố liên tục. Bản tin của Reuteur nói về việc ký kết thoả ước không cho biết ngày bắt đầu thực hiện các chuyến hồi hương.

Phi luật tân nhất định không xây dựng lại trại Palawan

Sau cuộc hoả hoạn thiêu hủy phần lớn trại tị nạn Palawan năm ngoái, chính quyền Phi luật tân đã không thiết tha đến việc xây dựng lại trại. Hiện trên hai ngàn tị nạn VN tại đây đang phải sống lẩn lóc ở bất cứ nơi nào tạm ở được, trong các lớp học hay nhờ lều trại của bạn bè. Chính quyền Phi và cả các viên chức của Cao ủy

tại chỗ lý luận rằng tất cả các thuyền nhân bị bác thanh lọc đều phải hồi hương nay mai, việc xây dựng lại trại vừa tốn kém, vừa tạo "ảo vọng cho thuyền nhân", khuyến khích họ lưu lại trại.

Trại Palawan trước đây vẫn được coi là một trong những nơi tốt đẹp nhất cho thuyền nhân Việt Nam so với các nơi khác trong vùng Đông Nam Á. Những thuyền nhân đến Palawan đã được hưởng sự chăm sóc tương đối, được chuẩn bị chu đáo cho ngày định cư như sinh hoạt, huấn nghệ, học sinh ngữ ... Nay, các lớp học bị đóng cửa (kể cả các lớp học dành cho thiếu nhi), tiện nghi bị cắt, tâm trạng bi quan, tuyệt vọng của một số thuyền nhân đã đưa đến sự xuất hiện của một số tệ trạng xã hội.

Hội đồng tị nạn Gia nã đại kêu gọi chính phủ giúp người Việt đoàn tụ

Canadian Council for Refugees (CCR), tổ chức tranh đấu cho người tị nạn ở Gia nã đại đã thỉnh cầu chính phủ nói lỏng các quy định để giúp những thuyền nhân Việt tại các trại tị nạn Đông Nam Á được đoàn tụ với thân nhân của họ. CCR đề nghị chính phủ tái xét đơn của người Việt tại Gia nã đại xin cho thân nhân của họ, là thuyền nhân, được nhập cảnh mặc dù đã bị chính quyền nước tạm dung loại thanh lọc.

Từ năm 89, chính phủ Gia nã đại không giải quyết các đơn này vì đã

ký kết vào Chương trình Hành Động Toàn Diện (CPA), (CPA buộc người tị nạn phải trở về VN để được xét đơn tại VN). Theo CCR, hiện nay chỉ còn người tị nạn Việt Nam và người Lào là bị buộc phải trở về nước trước khi làm đơn xin vào Gia nã đại và thủ tục thanh lọc của các nước tạm dung quá thấp so với thủ tục của Gia nã đại. Từ những nhận định đó, tổ chức này đề nghị chính phủ xét lại và rộng rãi lần cuối xét cho những người Việt ở các trại tị nạn có thân nhân ở Gia nã đại bảo lãnh được định cư.

Bà Pam Cullum, phát ngôn viên cơ quan Di trú Gia nã đại cho biết chính phủ sẽ không thể thay đổi chính sách, những gia đình thuộc thành phần vừa kể sẽ không được xét đơn trước khi họ trở về Việt Nam.

góp tem gửi báo cho đồng-bào tị-nạn

(ĐỘC-GIẢ GÓP TEM,
TÒA-SOẠN TẶNG BÁO)

Để giúp cho đồng-bào tại các trại theo dõi tin-tức bên ngoài, tòa-soạn kêu-gọi quý thân-hữu và độc-giả tham-gia chương-trình "độc-giả góp tem, tòa-soạn tặng báo", chi-tiết như sau:

- Tiền tem để gửi một năm báo đường thủy (3 tháng tới): 20 mỹ-kim (28 gia-kim).

- Tiền tem để gửi báo máy bay (10 ngày tới): 40 mỹ-kim (55 gia-kim).

DANH-SÁCH ĐỘC-GIẢ VÀ THÂN-HỮU LÀNG VÂN GÓP TEM GỬI BÁO NĂM 1996:

Nguyễn Văn Thông (MA): 2 tờ mỗi kỳ; Nguyễn Văn (MN): 1 năm báo; Nguyễn Thu Không (CA): 1 năm báo; Thi-sĩ Trương Chi (Montréal): 1 năm báo, 2 tờ mỗi kỳ; Vũ Nghi (BC): 1 năm báo, 2 tờ mỗi kỳ; Ngọc Hân (Texas): 1 năm báo, 2 tờ mỗi kỳ; Nha-sĩ Lương Bá L (Montréal): 1 năm báo, 5 tờ mỗi kỳ; Lâm Hưng và hai bé An Như (California): 1 năm báo; Nguyễn Minh Khánh (Toronto): 2 tờ mỗi kỳ trong một năm; Phạm Xuân Thảo, 1 năm báo.

Địa-chỉ Ủy ban báo nguy giúp người vượt biển:

Boat People SOS
P.O. Box 2652
Merrifield, VA 22116, USA



tin việt-nam

. Dương Thượng Ngã phụ-trách

Thực trạng xã hội VN dưới mắt đức Hồng y Phạm đình Tụng

Trong dịp thăm La Mã vừa qua, đức Hồng y Phạm Đình Tụng đã kêu gọi tín đồ Công giáo người Việt hiện sống ở ngoài nước "quan tâm và tích cực giúp đỡ... bằng cách này hay cách khác tùy theo khả năng của mỗi người, nhất là bằng lời cầu nguyện và nếp sống thánh thiện" để "Giáo hội VN có thể vượt qua mọi khó khăn..."

Lời kêu gọi của đức Hồng y Phạm Đình Tụng, Giám mục địa phận Hà Nội, Chủ tịch Hội đồng Giám Mục Việt Nam, cũng là lời tâm tình với người Việt hải ngoại. Làng Văn trích dẫn sau đây một số đoạn quan trọng trong lời tâm tình của vị Linh mục đứng đầu giáo hội Công giáo Việt Nam, mong giúp bạn đọc có một cái nhìn trung thực về thực trạng đau xót của xã hội và giáo hội trong nước:

Về đời sống vật chất: Chính sách kinh tế chỉ huy chuyển sang cơ chế thị trường, nhân dân được làm ăn tự do hơn, nhưng lại nảy ra một hố cách biệt lớn lao giữa thiểu số người giàu ở thành thị và đa số người nghèo ở nông thôn và miền núi. Theo con số chính thức thì 20% dân chúng phải thiếu ăn 3 tháng một năm, 10% thiếu ăn 6

tháng, lợi tức theo đầu người ở nông thôn dưới 100 mỹ kim một năm. Sự nghèo đói về kinh tế kéo theo sự nghèo đói về tinh thần, luân lý và thiêng liêng. Trong những gia đình nghèo, 80% lợi tức dành cho vấn đề lương thực và không còn bao nhiêu cho nhu cầu khác, vì thế 10% dân chúng mù chữ. Ở các vùng nông thôn, con số đó còn cao hơn nhiều. Nhiều trẻ em bỏ học trước tuổi vì cha mẹ không có tiền trả học phí. Số trẻ em bụi đời sống lang thang trên đường phố tăng lên một cách đáng lo ngại. Các em lẩn tránh việc để sinh sống, từ đánh giày, bán báo đến ăn xin.

Về mặt xã hội: Chủ nghĩa duy vật biện chứng chuyển sang duy vật hưởng thụ, lấy đô la làm thần tượng, do đó nảy sinh nhiều tệ nạn: thất nghiệp, ăn xin, phạm pháp, mại dâm... có chiều hướng phát triển đi đôi với phong trào du lịch và sự xâm nhập của các phim ảnh đồi trụy...

Về Giáo hội Việt Nam: ... Năm 1990 trong kỳ các Giám mục Việt Nam đi viếng Ad Limina, Đức Thánh Cha có yêu cầu giáo hữu Việt nam phải phối hợp với nỗ lực của những người thiện chí để phục vụ các công cuộc xã hội. Thí dụ xóa đói giảm nghèo, bãi trừ tệ nạn, xoá bỏ mù chữ, đồng thời cổ động cho việc nâng cao

những giá trị nhân bản, đạo đức và thiêng liêng của con người trong một xã hội bị đe dọa nghiêm trọng bởi trào lưu duy vật hưởng thụ và những khuynh hướng vô thần. Nhưng tôi thiết nghĩ để thực hiện điều Đức Thánh Cha truyền dạy, Giáo hội VN cần có một hàng giáo sĩ có khả năng, có tâm hồn, nhìn rộng trông xa và đoàn kết nhất trí. Cần có một hàng ngũ giáo dân trưởng thành được đào tạo chu đáo về mọi mặt để hỗ trợ cho hàng giáo sĩ trong lãnh vực mà Giáo hội cho phép và yêu cầu giáo dân đảm nhận.

Nhưng đó là điều mà Giáo hội Việt nam hiện nay chưa có hoặc chưa kịp chuẩn bị... Hàng giáo sĩ thì quá ít và khả năng có hạn, đa số giáo dân thì nghèo túng, văn hoá thấp, giáo lý thiếu chiều sâu, đời sống đạo phần nhiều thu hẹp trong khuôn viên nhà thờ và các nghi lễ phụng vụ, xa lạ với vấn đề nhân sinh, rất ít người có địa vị trong xã hội hoặc trong hàng ngũ trí thức...

Việt nam thả tù thường-phạm

Cộng sản Việt nam đã mở lượng tử bi ân xá cho 681 tù nhân trong dịp đầu năm dương lịch. Theo Hà Nội, trong năm 95, họ cũng đã ân xá cho hơn ba ngàn tù nhân (các dịp kỷ niệm 20 năm ngày chấm dứt chiến tranh VN và 50 ngày quốc khánh Hà Nội)

Thành phần được thả trong dịp này, theo chính phủ CSVN gồm các tù nhân có hạnh kiểm tốt, những người cần thiết cho gia đình họ và những người thuộc các gia đình thương binh.

Nhìn qua thành phần được thả, người ta có thể nghĩ ngay đến các ông bà quan chức tham nhũng, những con em các gia đình có công với đảng và nhà nước mà đảng và nhà nước đã chẳng dặng dưng phải bắt bỏ tù trước đây.

Riêng các tù chính trị, chuyện được CS ân xá còn khuya mới có. Năm ngoái, hàng trăm người có hoạt động (kể cả có dự mưu) "chống đối" và tu sĩ Phật giáo đã bị bắt thêm.

CSVN siết chặt gọng kềm trước Đại-hội Đảng

Tin Reuter và AFP từ Hà-nội loan tin, Đỗ Mười tuyên-bố: *"Vấn-đề liên-doanh giữa các công-ty quốc-doanh và các nhà tư-bản ngoại-quốc chưa được để ý đúng mức. Như Lê-Nin đã dạy, chúng ta không sợ các xí-nghiệp tư-bản, mà là sợ không giám-sát và kiểm-soát được họ. Nếu chúng ta không chú ý đến lãnh-vực quốc-doanh, hợp-tác-xã, liên-doanh,... thì không thể có được chủ-nghĩa xã-hội."*

Lời tuyên-bố của Đỗ Mười, đi đôi với chiến-dịch khủng-bố rộng-rãi trên toàn quốc hiện nay cho thấy CSVN lại siết chặt thêm gọng kềm để khống-chế quần-chúng và đàn-mặt các phe phái khác trong thời-kỳ chuẩn-bị Đại-hội Đảng, dự-trù khai-mạc trong tháng 6 năm nay.

"Gửi Mẹ và Quốc-hội" của Nguyễn Văn Trán (Hai Cù Nèo)

Đó là nhan-đề cuốn hồi-ký chính-trị dày 544 trang của Nguyễn Văn Trán, một đảng-viên Cộng-sản kỳ-cựu, năm nay đã 81 tuổi.

Tác-giả dùng lối nói ẩn-thức của dân gian miền Nam, che bóng che gió đường lối, chính-sách của Đảng và một số cán-bộ miền Bắc, gọi chung là "bọn lái lợn ngu-dốt."

Trương Tấn Sang, Chủ-tịch Ủy-ban nhân-dân thành Hồ đã ra lệnh "mặt" cho cơ-quan xuất-bản và phát-hành thu-hồi cuốn sách. Trên văn-thư ra lệnh thu-hồi, UBND nhấn mạnh là không phổ-biến lệnh thu-hồi này trên báo và đài.

Nguyễn Văn Trán có thời làm tới Bí-thư khu 9, Bí-thư kiêm Chính-ủy Quân-khu, Viện-trưởng trường đào-tạo cán-bộ Đảng, Thủ trưởng ban Khoa-giáo Trung-ương Đảng và có uy-thế chính-trị rất lớn tại miền Nam.

Khi về già, ông viết biếm văn cho tờ *Tuổi trẻ cười*, dưới bút danh Hai Cù Nèo, cho tới khi Kim Hạnh còn làm tổng biên-tập (chủ bút). Sau đó, ông cộng-tác với đặc-san *Truyền-thống*

Kháng-chiến của Câu-lạc-bộ Kháng-chiến. Được vài số thì tờ báo bị nghiêm cấm và Câu-lạc-bộ bị Đảng khống-chế.

Hiện nay, CSVN chỉ ngấm-ngâm thu-hồi cuốn *Gửi Mẹ và Quốc-hội* nhưng không quản-thức hay khai-trừ tác-giả ra khỏi Đảng. Lý-do để Hà-nội phải "nhẹ tay", có thể vì lý-do tuổi-tác. Đảng kiên tâm chờ tác-giả chết già, thay vì giam-cầm hay thủ-tiêu, để tránh khỏi bị các cơ-quan nhân-quyền quốc-tế can-thiệp, làm thiệt-hại đầu-tư kinh-tế và vận-động ngoại-viện.

Tịch-thu vũ-khí thô-sơ tại Sài-gòn

E sợ các phe-phái đối-nghịch trong và ngoài Đảng hô-hào quần-chúng nổi dậy nhân kỳ Đại-hội Đảng sắp khai-diễn, Võ Văn Kiệt đã ra lệnh cho thành Hồ tịch-thu toàn bộ các loại vũ-khí thô-sơ như dao găm, lưỡi lê, mã-tấu, gươm, giáo, mác, đinh-ba, dao, cung, nỏ, quả đấm, đồng chùy, côn, trượng, v.v.

Lệnh này nhấn mạnh, nội tháng 1.96, mọi công-tác kiểm-kê, tịch-thu vũ-khí thô-sơ phải hoàn-tất.

Mục-tiêu của lệnh này cho thấy đảng CSVN chỉ nhắm vào một địa-phương là Sài-gòn, chứng-tỏ hai điều: một là sự xung-khắc giữa cộng-sản miền Nam và Trung-ương Đảng càng ngày càng nghiêm-trọng và có thể bùng nổ bất cứ lúc nào; hai là VC chỉ sợ miền Nam nổi dậy, vì sau 20 năm cai-trị, Hà-nội vẫn chưa khống-chế được toàn bộ miền Nam.

Các công-ty ngoại-quốc lần-lượt bỏ Việt-nam

Trong ba tháng gần đây lại thêm nhiều công-ty ngoại-quốc "bỏ của chạy lấy người" khỏi thị-trường Việt-nam.

Trước hết là Mitsui, cơ-sở mậu-dịch cỡ lớn của Nhật, rút đi bỏ lại 22 cơ-sở khai-thác khí-đốt, thiệt-hại cho công-ty 328 triệu mỹ-kim.

Tiếp theo, hãng xe hơi

Volkswagen của Đức, đóng cửa nhà máy lắp ráp xe hơi tại Việt-nam, thiệt-hại cho công-ty khoảng 90 triệu mỹ-kim.

Công-ty Total của Pháp bỏ các cơ-sở lọc dầu, thiệt-hại 123 triệu mỹ-kim.

Công-ty Broken Hill Proprietary của Úc, bỏ lại dàn khoan dầu ngoài khơi Nam-hải, vì Petro Việt-nam yêu-sách quá-đáng, gây thiệt-hại cho công-ty 350 triệu mỹ-kim.

Trước sau có 800 công-ty đầu-tư vào Việt-nam, tổng-số trị giá đầu-tư 17 tỉ mỹ-kim. Hiện chỉ có 156 công-ty còn sống thoi-thóp.

Nguyên-nhân của sự thất-bại được tóm vào hai điểm: *lớn ăn cướp và nhỏ ăn cắp*.

Việt-nam có bộ luật đầu-tư rất xôm trò, nhưng không có luật để...bảo-vệ luật. Luật được nhà nước thuê các luật-gia danh tiếng quốc-tế soạn-thảo rất công-phu, tỉ-mỉ, hợp-lý và tiến-bộ hơn nhiều bộ luật đầu-tư hiện-hành của Âu-Mỹ. Sách luật được in ra nhiều thứ tiếng, đóng bìa da gáy mạ vàng rất mỹ-thuật, phát-hành rộng-rãi khắp thế-giới nhưng... không thi-hành. Có luật rồi, Nhà nước vẫn tiếp-tục cai-trị bằng thông-cáo, đạo-luật, cái sau xóa cái trước, mâu-thuẫn, bôi-bác. Đợi các công-ty bỏ tiền ra xây-dựng cơ-sở xong, Nhà nước tăng giá thuê đất, tăng tỉ-lệ chia lời, chèn ép đủ thứ để công-ty ngoại-quốc phải tuyên-bố ra đi tay trắng, để lại toàn bộ của cải cho Việt-nam.

Trong khi đó, cán-bộ cấp dưới, bất cứ ai làm chủ một con dấu là làm chủ một gia-tài, tha-hồ giải-thích luật theo ý mình, dưới sức đẩy của đồng tiền. Công-nhân thì tìm đủ mọi cách để khuân của công-ty về nhà, từ cây bút, cục tẩy cho đến những nguyên-vật-liệu đắt tiền.

Làm ăn trong điều-kiện tệ-hại đó, các công-ty ngoại-quốc lần-lượt rời khỏi Việt-nam, để lại thị-trường "trống" cho các công-ty khác nhảy vào thay chân. Mọi người đều muốn tự mình học lấy bài học đầu-tư vào Việt-nam, thay vì rút-tĩa từ kinh-nghiệm người khác. VC hiểu được

điều đó. Đợi toàn thế-giới xếp hàng học xong và hiểu cả cũng mất từ 15 cho đến 20 năm, khi ấy cán-bộ Nhà nước đã có nhà cao cửa rộng ở nước ngoài và những trưng-mục kếp-sù trong ngân-hàng Thụy-sĩ. Chỉ có dân đen là khổ. Cả giang-sơn hoa gấm đang biến thành núi trọc, đồi hoang, biển chết, tài-nguyên cạn sạch!

Lại tăng giá điện

Hôm 9.1, Công-ty điện-lực quốc-doanh loan báo sẽ tăng giá điện lên khoảng 12% trong năm 1996.

Hiện nay tiền điện đã quá cao so với mức thu-nhập trung-bình của dân-chúng, trong khi điện-lượng cung-cấp không đủ vùng, nhiều khu-vực bị cúp điện liên-miên.

Sứ-quán CSVN tại Anh có thể bị xiết nợ

CSVN hiện đã nợ Ngân-hàng thế-giới tới 800 triệu mỹ-kim và không chịu trả. Các giấy nợ đã được các nhà băng chủ nợ bán ra, với giá 60% so với trị giá món nợ. Nhiều nhà kinh-doanh giàu-có và có thế-lực quốc-tế đã đầu-tư bằng cách mua lại các giấy nợ này, rồi dùng luật-pháp quốc-tế để kiện và xiết nợ.

Một tài-phiệt Anh-quốc đã mua một giấy nợ trị giá 2,2 triệu mỹ-kim, với giá 1 triệu mỹ-kim tiền mặt. Ông này sau đó đã nộp đơn cho tòa án Anh-quốc, kiện đòi tịch-thu các bất-động-sản của CSVN nằm trên đất Anh để xiết nợ. Bảng liệt-kê tài-sản này bao gồm cả sứ-quán VC tại Luân-đôn.

Thực-tế, Hà-nội dư sức trả món nợ 2,2 triệu mỹ-kim này; nhưng nếu trả một món là khuyến-khích các chủ-nợ khác làm áp-lực để "xiết" toàn-bộ bất-động-sản của CSVN trên khắp thế-giới để trừ vào món nợ 800 triệu mỹ-kim.

Nếu không trả, vụ kiện sẽ kéo dài; mà càng kéo dài, các cơ-quan tài-chánh quốc-tế càng khó-khăn hơn trong khi cứu-xét các đơn vay tiền mà Hà-nội vẫn tiếp-tục nộp.

Dân-biểu Mỹ tranh-đấu cho tù-nhân gốc Việt

Dân-biểu Morrissey thuộc Quốc-hội California, đã bay sang Việt-nam công-tác trong 10 ngày, nhằm vận-động đòi tự-do cho cho 7 công-dân và 3 thường-trú-nhân Mỹ gốc Việt, hiện bị CSVN giam-cầm.

Trước đây, dưới sự bảo-trợ của Dân-biểu Morrissey, Quốc-hội California đã thông qua dự-luật AJS-45, đòi CSVN phải thả tù-nhân chính-trị Jimmy Trần Mạnh Quỳnh.

Ông Morrissey đã tiếp-xúc Bộ-trưởng Nội-vụ CSVN và nhiều viên chức cao-cấp khác, trao danh-sách 10 tù-nhân mà ông đang can-thiệp đòi trả tự-do, gồm: Đỗ Hồng Vân (Santa Ana, bị VC kêu án 10 năm tù); Nguyễn Thanh Vân (Westminster, 9 năm); Đỗ Hườn (Rialto, chung thân); Đỗ Văn Muôn (Ontario, chung thân); Phạm Đức Hậu (Los Angeles, 18

năm), Trần Tư (Ontario, chung thân); Trần Mạnh Quỳnh (San Jose, 20 năm); Lý Tống (Arizona, 20 năm); Nguyễn Mỹ (Northridge, không xét xử); Trần Nguyên Bình (2 năm, sau sửa lại thành 4 năm).

Trong danh-sách trên, ngoài nhà văn Lý Tống ở tiểu-bang Arizona, 9 người còn lại đều cư-ngụ ở tiểu-bang California, nơi ông Morrissey làm dân-biểu).

Bắt giam các đảng-viên có khuynh-hướng đối-lập

CSVN đã bắt giam một số cán-bộ Đảng có khuynh-hướng đối-lập như Hà Sĩ Phu (tên thật Nguyễn Xuân Tú, 55 tuổi), Lê Hồng Hà, Hoàng Minh Chính (75 tuổi), Đỗ Trung Hiếu (57 tuổi). Riêng Nguyễn Hộ (Cầu-lạc-bộ Kháng-chiến), không bị bắt, nhưng không được phép xuất-ngoại chữa bệnh theo đơn xin.

chuyển lửa về quê-hương

Cửa hàng mua bán sách cũ
181 Calmette
TP/HCM, Vietnam

Cửa hàng sách cũ
142B Võ Thị Sáu, Q.3
TP/HCM, Vietnam

Sách Tổng-hợp
40 Ngô Đức Kế
TP/HCM, Vietnam

Quầy sách báo
231 Nguyễn Văn Cừ
Q5, TP/HCM, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Algeria
13 Phan Chu Trinh
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Afghanistan
11 khu Vạn Phúc
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Australia
66 Lý Thường Kiệt
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Bulgatia
2F khu Vạn-phúc
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Belgium
D1 khu Vạn phúc
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Cambodia
71A Trần Hưng Đạo
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Canada
39 Nguyễn Đình Chiểu
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Cuba
65 Lý Thường Kiệt
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán CHND Trung-hoa
46 Hoàng Diệu
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Czech & Slovakia
13 Chu Văn An
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Denmark
B-3b khu Giảng Võ, số 1-2
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán England
16 Lý Thường Kiệt
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Egypt
85 Lý Thường Kiệt
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán France
49 Bà Triệu
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Germany
29 Trần Phú
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Hungary
43 Điện biên phủ
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán India
58 Trần Hưng Đạo
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Indonesia
50 Ngô Quyền
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Iran
54 Trần phú
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Iraq
66 Trần Hưng Đạo
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Italy
9 Lê Phụng Hiểu
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Japan
E3 khu Trung-tự
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Laos
22 Trần Bình Trọng
Hà-nội, Vietnam

Nhìn Lại Tình-Hình Thế-Giới Một Năm Qua

Đào Trường Phúc

Những người quan tâm đến tình hình thế giới hẳn chưa quên, hồi cuối năm 1994, cựu Tổng thống Hoa kỳ Jimmy Carter sau khi đáp lời mời qua hội kiến với các phe lâm chiến tại Bosnia - Herzegovina với tư cách một chính khách tình nguyện đóng vai trò sứ giả hoà bình, đã hân hoan thông báo trước dư luận quốc tế là một thoả hiệp ngưng bắn cuối cùng đã hình thành. Thoả ước này quả thật đã được ký kết đúng vào ngày cuối năm 1994

và - trên nguyên tắc - sẽ bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1995, trong thời gian sơ khởi được ấn định là 4 tháng. Nhưng trên thực tế, hoà bình đã không tới một cách dễ dàng như vậy, và nguyên cả năm 1995 vẫn tiếp tục là một năm của lửa đạn chiến tranh, của những cuộc tranh chấp đẫm máu diễn ra không ngừng, chẳng riêng gì tại Bosnia mà còn ở nhiều vùng đất khác trên thế giới. Cuộc chiến tranh Bosnia -

Herzegovina đã chỉ kết thúc bằng một hoà ước giữa các phe lâm chiến vào ngày 14 tháng 12 năm 1995, nhưng hoà bình có thực sự được văn hồi hay không còn tùy thuộc vào mức độ hữu hiệu trong việc giám sát sự thi hành bản hoà ước này bởi các quốc gia trong khối NATO. Do vậy, giới quan sát thời cuộc quốc tế đã không dám bày tỏ một thái độ lạc quan rõ rệt khi tổng kết tình hình chung của năm 1995. Nhìn dưới một khía cạnh nào đó thì có lẽ năm 1995 đã chỉ báo hiệu thêm lần nữa rằng nhân loại sẽ còn phải tiếp tục vật lộn với hàng trăm ngàn vấn đề gai góc, trong đó có cả vấn đề đối phó với những thử thách mới của một giai đoạn thường được gọi một cách hơi dễ dãi là "thời kỳ hậu chiến tranh lạnh".

Các biến cố chính của năm 1995 có thể được trình bày tóm lược theo từng vùng như sau:

Âu châu

Như trên đã nói, thoả ước ngưng bắn tạm thời giữa ba phe (chính phủ Hồi giáo, lực lượng Bosnian Serbs và lực lượng Bosnian Croats) trên



Ký-kết hòa-ước Bosnia tại điện Elysée, Pháp-quốc. Từ trái sang phải, hàng ngồi: Milosevic (TT Serbia), Tudjman và Izetbegovic; Hàng đứng: Felipe Gonzáles (Thủ-tướng Tây-ban-nha), Bill Clinton (TT Mỹ), Jacques Chirac (TT Pháp), Helmut Kohl (Tể-tướng Đức), John Major (Thủ-tướng Anh), Victor Chernomyrdin (Thủ-tướng Nga)

nguyên tắc đã được ký kết và có hiệu lực kể từ ngày đầu năm 1995. Theo tinh thần thỏa ước, các phe lâm chiến tại vùng đất nguyên là lãnh thổ của Nam Tư này sẽ tình nguyện rút quân ra khỏi những khu vực giao tranh để nhường chỗ cho lực lượng bảo vệ hoà bình của Liên Hiệp Quốc đến tiếp quản và làm nhiệm vụ. Nhưng thực tế đã không diễn ra như vậy, và chỉ 15 ngày sau súng lại tiếp tục nổ. Qua tháng 2, phe Serbs tuyên bố không chấp nhận việc chia đất để hoà giải theo đề nghị của quốc tế. Đến ngày 20 tháng 3 thì thỏa ước ngưng bắn hoàn toàn tan vỡ, khi quân Hồi giáo tấn công các cứ điểm của quân Serbs và ngược lại quân Serbs tiến chiếm Sarajevo. Qua tới 1 tháng 5, đến lượt quân Croats tấn công nhiều thành phố. Cả tới những binh sĩ thuộc lực lượng bảo vệ hoà bình của Liên Hiệp Quốc cũng không được buông tha, nhiều người bị giết trong những cuộc giao tranh và trên 300 người bị bắt làm con tin. Tới đầu tháng 6, quân Serbs mới đồng ý thả dần dần từng đợt những binh sĩ Liên Hiệp Quốc bị giam giữ này. Tháng 8, quân lực thuộc Liên Minh Bắc Đại Tây Dương (NATO) mở các cuộc tấn công trên bộ và trên không để trừng phạt quân Serbs về những hành động xâm phạm các khu vực an toàn dành cho dân chúng khiến nhiều người dân vô tội bị thảm sát. Tổng cộng đã có 850 cuộc oanh tạc của NATO được thực hiện trong hai tháng 8 và 9 để gây áp lực buộc phe Serbs phải chấp nhận một thỏa hiệp phân định lãnh thổ và quyền hành hầu chấm dứt chiến tranh. Tuy thế, cuộc ngưng bắn lần thứ hai của năm 1995 chỉ thực sự thành hình vào ngày 10 tháng 10. Và phải chờ tới hai tháng sau đó, các phe nhóm liên hệ tới Bosnia - Herzegovina mới thực sự gặp nhau tại Paris vào ngày 14.12.1995 để đặt bút ký kết bản hoà ước, chấm dứt cơn binh lửa kéo dài suốt 4 năm trời (được mô tả là cuộc chiến tranh lớn nhất ở Âu châu kể từ sau Đệ nhị Thế chiến), đã khiến hơn 250 ngàn người chết và hàng triệu người phải bỏ xứ sở đi tị

nạn.

Ngoài cuộc chiến tranh đẫm máu ở Bosnia, tình hình thời cuộc năm 1995 tại Âu châu còn chứa đựng một số biến cố đáng chú ý khác như sau:

- Giao tranh xảy ra trên lãnh thổ của Liên bang Nga khi quân đội Nga tấn công nước Cộng hoà Chechnya để dẹp tan cuộc nổi loạn tại quốc gia tự trị đòi tách ra khỏi Liên bang này. Cuộc giao tranh kéo dài hai tháng, khiến hơn 24 ngàn người chết. Đầu tháng 2, Tổng thống Chechnya là Dzhokhar Dudayev tuyên bố sẽ triệt thoái khỏi thủ đô Grozny. Một thỏa ước ngưng bắn thành hình nhưng trên thực tế các cuộc chạm súng lẻ tẻ vẫn tiếp tục. Quân đội Chechnya tấn công thành phố Budyonnovsk vào tháng 6, bắt hai ngàn bệnh nhân và nhân viên của một bệnh viện làm con tin, một tuần sau mới đồng ý ngưng bắn và thả con tin. Thỏa hiệp hoà bình chỉ được ký kết một tháng sau đó, vào ngày 30 tháng 7. Uy tín của Tổng thống Nga Boris Yeltsin bị thử thách khá lớn do biến cố này, nhưng ông đã được Quốc hội Nga biểu quyết xác định tiếp tục tín nhiệm ông, với tỉ lệ 241 phiếu thuận, chỉ có 72 phiếu chống.

- Tại Pháp, ông Jacques Chirac, Đô trưởng Paris và cũng là một chính khách nổi tiếng từng hai lần làm thủ tướng chính phủ của nước Pháp, đã đắc cử tổng thống vào ngày 7 tháng 5, kế nhiệm Tổng thống François Mitterand. Ông Chirac là lãnh tụ đảng Bảo Thủ thuộc khuynh hướng nối tiếp truyền thống của cựu Tổng thống De Gaulle, đã đánh bại đối thủ là Lionel Jospin thuộc đảng Xã Hội với tỉ lệ 52.6% so với 47.4%. Đây là lần thứ ba ông Chirac ra tranh cử tổng thống, và cuộc thắng lợi này được các nhà phân tích thời cuộc nhận định như một dấu hiệu cho thấy dân chúng Pháp đã chuyển hướng từ khuynh tả trở thành khuynh hữu. Tân Tổng thống Chirac tuyên thệ nhậm chức ngày 17 tháng 5 và bổ nhiệm cựu Tổng trưởng Alain Juppe làm thủ tướng.

- Cũng tại Pháp, một cuộc tổng đình công với mức độ rộng lớn chưa

từng thấy đã diễn ra vào cuối tháng 11 và kéo dài gần một tháng trời, khiến cho toàn bộ sinh hoạt của nước Pháp hầu như tê liệt. Cuộc tổng đình công bắt nguồn từ những bất đồng ý kiến giữa Thủ tướng Alain Juppe và các lãnh tụ nghiệp đoàn về kế hoạch thắt lưng buộc bụng để cắt giảm chi phí quốc gia do tân Thủ tướng đề ra.

- Tại Anh, Thủ tướng John Major đoạt thắng lợi trong một cuộc thử thách chính trị khá gay go vào tháng 7. Bị nhiều nhân vật cùng đảng Bảo Thủ trong Nghị viện chỉ trích, ông Major tuyên bố từ nhiệm vai trò lãnh đạo đảng này và yêu cầu biểu quyết để xác định mức độ tín nhiệm đối với ông. Kết quả: Ông được 218 phiếu ủng hộ, chỉ có 89 phiếu chống. Ông Major tuyên bố tiếp tục theo đuổi kế hoạch tham gia thỏa ước liên hiệp kinh tế và tiền tệ của Cộng đồng Âu châu.

- Tại Ba Lan, Tổng thống Lech Walesa thất cử trong cuộc bầu cử tổng thống được tổ chức ngày 19 tháng 11. Ông Walesa, một nhân vật nổi tiếng về những hoạt động tranh đấu đã dẫn tới sự sụp đổ của các chế độ cộng sản tại Đông Âu vào thập niên 80, đã thất cử trước một đối thủ nguyên là đảng viên đảng Cộng sản Ba Lan, với con số cách biệt nhau chỉ có 600 ngàn phiếu (trong số gần 30 triệu lá phiếu bầu của các cử tri trên toàn quốc). Ngay sau khi có kết quả cuộc bầu cử, tân Tổng thống Alexandre Kwasniewski lập tức lên tiếng tuyên bố với báo chí sẽ tiếp tục con đường cải cách theo đường lối kinh tế thị trường mà ông Lech Walesa đã thực hiện trong những năm qua, và sẽ tiếp tục vận động để Ba Lan được tham dự vào khối NATO. Trong suốt cuộc tranh cử cũng như trong bài diễn văn đọc sau khi đắc cử, ông Kwasniewski không hề dă động gì đến quá khứ của ông khi còn hoạt động hăng say với tư cách một đảng viên đảng Cộng sản.

Phi châu

Biến cố bi thảm nhất trong năm ở

Phi châu được ghi nhận là vụ hai ngàn người dân Rwanda bị giết chết khi chống lại quân đội của chính phủ. Vụ này xảy ra vào ngày 22 tháng 4. Trước đó 4 ngày, chính phủ Rwanda tuyên bố trục xuất 250 ngàn người dân tị nạn thuộc sắc dân Hutu ra khỏi các trại tạm trú ở vùng tây nam Rwanda. Những người dân tị nạn đáng thương này đã phải lũ lượt kéo nhau ra đi, nhưng khoảng 50 ngàn người nán lại Kibeho, và khi họ rủ nhau đối kháng lại cuộc trục xuất, vụ thảm sát đã xảy ra.

Tưởng cũng cần nói thêm, vào tháng 6 năm 1995, một toà án quốc tế đã được Liên Hiệp Quốc triệu tập để xét xử những kẻ phạm tội tàn sát tập thể tại Rwanda. Hồi năm 1994, chiến tranh bộ tộc đã xảy ra tại quốc gia này, khiến hơn 200 ngàn người dân vô tội bị thảm sát, 2 triệu người thuộc bộ tộc Tutsi và Hutu phải chạy qua Zaire lánh nạn, trong số đó có cả trăm ngàn người chết trên đường tị nạn vì bệnh tật và đói khát.

Một việc đáng ghi nhận khác là lực lượng bảo vệ hoà bình của Liên Hiệp Quốc rút ra khỏi Somalia vào tháng 3.1995, sau khi Hội Đồng Bảo An quyết định chấm dứt việc trú đóng tại đây. Liên Hiệp Quốc đã làm tròn nhiệm vụ cứu đói cho hàng triệu người dân Somalia nhưng không thành công trong việc yểm trợ thiết lập một chính quyền ổn định tại vùng đất nằm ở phía đông Phi châu này.

Trung Đông

Nếu hoà ước ngày 26 tháng



Thủ-tướng Do-thái Yitzhak Rabin

10.1994 giữa Do Thái và Jordan được coi như một chuyển biến đáng chú ý nhất của năm 1994 trong việc giải quyết các tranh chấp tại lò lửa Trung Đông, thì bản thoả hiệp ngày 28 tháng 9.1995 giữa Do Thái và Tổ chức Giải phóng Palestine (PLO) phải được ghi nhận như một bước tiến quan trọng không kém của năm 1995 trong nỗ lực tìm kiếm giải pháp hoà bình cho vùng đất vốn nổi tiếng chứa đầy mâu thuẫn và hận thù.

Năm 1995 mở đầu với một vụ đặt bom của PLO khiến 18 binh sĩ Do Thái tử nạn và 65 người khác bị thương. Để bày tỏ thiện chí muốn cùng nhau chấm dứt những xung đột đẫm máu này, các nhà lãnh đạo vùng Trung Đông (gồm Thủ tướng Do Thái Yitzhak Rabin, Chủ tịch PLO Yasir Arafat, Tổng thống Ai Cập Hosni Mubarak và Quốc vương Hussein của Jordan) đồng ý ngồi vào bàn thương thuyết trong cuộc hội nghị thượng đỉnh tổ chức tại Cairo ngày 2 tháng 2. Tuy vậy các vấn đề vẫn chưa ngã ngũ, và qua tới đầu tháng 4, một vụ đặt bom khác lại xảy ra tại Gaza, gây thương tích cho 30 người và giết chết 8 người, trong đó có cả một nhân vật lãnh đạo Phong trào Kháng chiến Islam (được biết dưới tên Hamas, một nhóm quá khích thường chống đối các nỗ lực của Do Thái muốn hoà giải với PLO). Mặc dù tình hình còn chứa đựng nhiều căng thẳng, một tạm ước được ký kết vào đầu tháng 7 giữa Ngoại trưởng Do Thái Shimon Perez và lãnh tụ PLO Yassir Arafat, mở đường cho các cuộc thương thuyết tiếp theo nhằm giải quyết các tranh chấp trong đó gay gắt nhất là vấn đề nhường lại cho PLO quyền quản trị vùng West Bank, vùng đất mà Do Thái đã chiếm ngự suốt 30 năm qua. Cuối cùng, bản thoả hiệp chính thức đợt hai đã được Thủ tướng Do Thái và Chủ tịch PLO long trọng đặt bút ký kết tại Hoa Thịnh Đốn, trước sự chứng kiến của Tổng thống Hoa kỳ, Tổng thống Ai Cập và Quốc vương Jordan, vào ngày 28 tháng 9. Hai tuần sau đó, Do Thái trả tự do cho 900 người Palestine đã

bị bắt cầm tù trong những năm qua.

Thế giới chưa kịp vỗ tay mừng rỡ về những dấu hiệu tốt đẹp của nền hoà bình Trung Đông thì đã phải cúi đầu ngậm ngùi trước một biến cố đáng buồn: Buổi tối thứ Bảy 4 tháng 11, Thủ tướng Do Thái Yitzhak Rabin bị ám sát chết. Thủ phạm là một thanh niên Do Thái thuộc phe quá khích, chống đối việc trao trả vùng West Bank cho dân Palestine. Tang lễ diễn ra trong bầu không khí thật cảm động. Tổng thống Hoa kỳ trong bài diếu văn đã mệnh danh cố Thủ tướng Rabin là "người tử đạo cho nền hoà bình thế giới", và Quốc vương Jordan (quốc gia đã từng trong bao năm là kẻ thù không đội trời chung của Do Thái) gọi ông Rabin là "một người anh và một người bạn đáng kính".

Người kế nhiệm ông Rabin, Ngoại trưởng Shimon Perez, ngay sau khi nhậm chức đã lên tiếng cho biết sẽ tiếp tục đi theo con đường tìm kiếm và phụng sự hoà bình mà cố Thủ tướng Rabin đã theo đuổi trong bao năm. Một tháng sau đó, ông Perez chứng minh điều này bằng lời tuyên bố rằng Do Thái sẵn sàng rút quân ra khỏi vùng Đồi Golan ở phía nam Lebanon, nếu Syria thật sự muốn đàm phán hoà bình và cam kết sẽ không yểm trợ quân Lebanon để gây trở ngại về an ninh dọc theo biên giới giữa hai quốc gia. Nếu trở thành sự thật thì việc này sẽ ghi thêm một dấu hiệu khả quan cho thấy các tranh chấp còn lại của vùng Trung Đông có thể được giải quyết. Nhưng cho đến cuối năm 1995, đề nghị mới của Do Thái vẫn chưa được đáp ứng và những vấn nạn gay gắt giữa ba nước Do Thái - Lebanon - Syria vẫn còn phải đợi tương lai trả lời.

Mỹ châu

Trong năm 1994, vụ quân Mỹ đổ bộ lên Haiti để lật đổ chính quyền quân phiệt của loạn tướng Raoul Cédras được coi như một biến cố lớn tại vùng West Indies nói riêng và Mỹ châu nói chung. Bước qua năm 1995,

Lực lượng Bảo vệ Hoà bình của Liên Hiệp Quốc gồm 6 ngàn binh sĩ thuộc quân lực của nhiều quốc gia đã chính thức thay thế cho quân đội Hoa kỳ đồn trú tại Haiti kể từ cuối tháng 3 để tái lập sự ổn định cho xứ sở nhỏ bé này. Tổng thống Jean Bertrand Aristide tiếp tục trở lại cầm quyền sau gần 4 năm lưu vong vì bị phe quân nhân đảo chánh, và tuy được lòng dân chúng, ông Aristide đã không được quyền tái tranh cử cho nhiệm kỳ kế tiếp, chiếu theo hiến pháp của Haiti. Người đắc cử trong cuộc bầu cử tháng 12 năm 1995 là ông René Preval, nguyên là thủ tướng chính phủ, nay trở thành tổng thống Haiti.

Một biến cố quan trọng khác của năm 1995 tại châu Mỹ mà nhiều người còn nhớ là vụ 50 ngàn người Cuba đổ xô ra biển trên những chiếc bè làm bằng gỗ và lốp xe hơi để qua tị nạn tại Hoa kỳ. Làn sóng "phiệt nhân" này tuy đã ngưng từ hồi tháng 10 năm 1994 nhưng vấn đề nạn dân Cuba chỉ thật sự được giải quyết vào đầu tháng 5 năm 1995, khi Hoa Thịnh Đốn công bố một chính sách mới, theo đó chỉ có 21 ngàn người Cuba hiện đang tạm trú tại căn cứ Guantanamo sẽ được cứu xét để cho định cư ở Hoa kỳ, còn tự hậu những người vượt biển từ Cuba sang Mỹ sẽ bị trả lại cho chính quyền cộng sản của Fidel Castro. Sự thay đổi chính sách này đưa tới một hệ quả khá

ngịch thường, là dân Cuba có thể nộp đơn xin tị nạn ở ngay trong nước, và Hoa kỳ đồng ý trên nguyên tắc sẽ chấp nhận đơn xin tị nạn của 20 ngàn người Cuba mỗi năm.

Trong tình huống như thế, những biến cố gây nhiều chú ý tại Mỹ châu trong năm 1995 vừa qua đã không tiếp tục xảy ra trên những xứ Trung Mỹ, Nam Mỹ, mà có thể nói là chỉ xảy ra trên đất nước Hoa kỳ. Một trong hai vụ quan trọng nhất là vụ một tổ chức quá khích đặt bom ở Oklahoma City ngày 19 tháng 4, làm sập hẳn một phần toà cao ốc của chính phủ liên bang tại thành phố này, khiến cho 169 người chết, trong đó có 19 trẻ em, và trên 400 người bị thương. Cho đến cuối năm, cuộc điều tra và luận tội những thủ phạm của vụ đặt bom khủng khiếp nhất từ trước đến nay trên đất Mỹ vẫn chưa kết thúc. Trong khi đó, vào ngày 2 tháng 10, cả nước Mỹ chú mục theo dõi kết quả vụ xử anh cầu thủ football nổi tiếng (người da đen) O.J. Simpson, bị bắt đưa ra toà vì tình nghi giết người vợ cũ (người da trắng) và bạn trai bà ta. Phiên toà kéo dài tổng cộng 372 ngày này đã kết thúc sau khi bồi thẩm đoàn tuyên bố bị cáo vô tội, nhưng rất nhiều nguồn dư luận vẫn tiếp tục xôn xao tranh cãi về phán quyết nói trên, và có thể nói ai cũng nhận thấy yếu tố chủng tộc đã gây một ảnh hưởng khá rõ rệt trong vụ xử án gây nhiều

sôi nổi này.

Á châu

Năm 1995 mở đầu bằng một vụ động đất dữ dội tại thành phố Kobe của Nhật Bản vào ngày 17 tháng 1, với mức chấn động lên tới 7.2 khiến 5.000 người chết, hơn 26.000 người bị thương, trên 100.000 cao ốc sụp đổ và khoảng một triệu người bị lâm vào cảnh thiếu nước uống. Chỉ hai tháng sau khi thiên tai khủng khiếp này xảy ra, dân Nhật lại gặp một biến cố bi thảm khác: Trạm xe điện ngầm ở thủ đô Đông Kinh bị đặt một trái bom hoá học hơi ngạt vào ngày 20 tháng 3, khiến 12 người chết tại chỗ và khoảng 5.000 người bị thương nặng. Cuộc điều tra của cảnh sát phát giác những kẻ tình nghi là thành viên của một giáo phái bí mật mang tên Aum Shinrikyo, người lãnh đạo giáo phái này - "ông đạo" Shoko Asahara - bị truy nã và cuối cùng đã sa lưới pháp luật vào tháng 5.

Tại Miến Điện, năm 1995 mang tới một tin vui đối với những người đấu tranh cho dân chủ và nhân quyền trên đất nước dưới chế độ độc tài quân phiệt này. Vì áp lực của quốc tế, tập đoàn quân nhân lãnh đạo Miến Điện đã phải trả tự do cho bà Aung San Suu Kyi, nhân vật cầm đầu phong trào đối kháng và là sáng lập viên của đảng Liên minh Quốc gia Dân chủ. Đảng này đã thắng trong cuộc bầu cử hồi năm 1990 nhưng kết quả tuyển cử bị giới cầm quyền phủ nhận. Chính phủ quân nhân Miến Điện đã quản thúc bà Aung San Suu Kyi suốt từ năm 1989 tới nay, mặc dù bà đã được hầu hết các tổ chức nhân quyền quốc tế can thiệp đòi trả tự do và đã được chọn để trao giải Nobel Hoà bình vào năm 1991. Tuyên bố trước đám đông quy tụ những người ủng hộ bà vào ngày 11 tháng 7 - một ngày sau khi được trả tự do - bà Aung San Suu Kyi cho hay sẽ tiếp tục con đường tranh đấu cho tự do và dân chủ tại quê nhà, bất chấp mọi chông gai thử thách đang chờ đợi trước mặt.

Trong khi đó, năm 1995 đối với



Tổng-thống
Đài-loan
Lý Đăng Huy,
tốt-nghiệp Đại-học
tại Mỹ

Trung cộng vẫn tiếp tục là một năm được đánh dấu bằng những vụ vi phạm nhân quyền trầm trọng. Các bản tường trình định kỳ của Human Rights Watch/Asia cho thấy, căn cứ theo nhiều nguồn tin thu thập được từ trong nước, nhà cầm quyền Cộng sản Bắc Kinh vẫn không ngừng theo dõi, khủng bố và bắt bớ các nhân vật lãnh đạo phong trào đối kháng như Trương Lâm, Vương Đan, Trần Tử Minh, v.v... Nổi bật nhất trong những vụ khủng bố và bắt bớ này là hai trường hợp xảy ra vào tháng 6 và tháng 12 năm 1995.

Trường hợp thứ nhất là việc ông Harry Wu, một nhân vật nổi tiếng về thành tích đấu tranh nhân quyền, bị truy tố và cáo buộc tội hoạt động gián điệp. Ông Wu trước đây từng bị Trung cộng giam giữ 19 năm chỉ vì dám lên tiếng chỉ trích đảng Cộng sản, sau đó đã vượt thoát qua Hoa kỳ và trở thành công dân Mỹ. Tuy nhiên ông vẫn tìm cách lén lút trở lại Hoa Lục nhiều lần để thu thập tài liệu nhằm tố cáo những sự thật khủng khiếp về hệ thống "trại lao động cải tạo", nơi đó tù nhân khi sống bị đối xử như những con vật và khi chết các bộ phận của thân thể bị cắt xẻo để giao cho phòng thí nghiệm. Bất chấp sự can thiệp của chính phủ Hoa kỳ,



Cựu Tổng-thống Đại Hàn Lô Tài Vũ bị bắt giam về tội tham-những trong thời-gian cầm quyền

nhà nước Cộng sản Bắc Kinh vẫn đưa ông Harry Wu ra toà kết án 15 năm tù và ngay sau đó ra lệnh trục xuất ông khỏi lãnh thổ Hoa Lục.

Trường hợp thứ hai là việc Bắc Kinh thiết lập một phiên toà xử kín để kết án ông Ngụy Kinh Sanh (Wei Jinsheng), người được coi như cha đẻ của phong trào đối kháng tại Hoa Lục. Năm nay 46 tuổi, ông Ngụy Kinh Sanh đã trải qua gần hết tuổi thanh niên trong các trại tù cộng sản chỉ vì dám khởi xướng hoặc tham gia những cuộc đấu tranh cho tự do dân chủ trước và sau biến cố Thiên An Môn, trong đó có vụ ông công khai tố cáo bộ mặt thật của Đặng Tiểu Bình trên "bức tường dân chủ" giữa thủ đô Bắc Kinh. Ông bị giam giữ tại một địa điểm bí mật suốt từ tháng 4 năm 1994 nhưng mãi tới ngày 13 tháng 12.1995 nhà cầm quyền Trung cộng mới đưa ông ra toà, buộc ông vào tội âm mưu lật đổ chính quyền và tuyên án 14 năm tù. Bản án bất công và độc đoán này đã khiến cho dư luận cả thế giới phải công phẫn và Trung cộng bị nhiều quốc gia cũng như các tổ chức nhân quyền quốc tế kết án nặng nề.

Về vấn đề quan hệ giữa Hoa Thịnh Đốn và Bắc Kinh, nhiều chuyên viên phân tích thời cuộc trong năm 1995 đã đồng ý nhận định rằng mối quan hệ này trở nên căng thẳng hơn những năm trước, nhất là từ tháng 6 khi Trung cộng bày tỏ nhiều phản ứng gay gắt trước việc Hoa kỳ cấp chiếu khán cho Tổng thống Lý Đăng Huy của Đài Loan qua Mỹ dự buổi lễ hợp mặt cựu sinh viên Đại học Cornell. Tình hình càng tệ hơn khi xảy ra vụ công dân Mỹ Harry Wu bị bắt và kết tội gián điệp, và nếu Trung cộng sau khi kết án không thi hành ngay quyết định trục xuất ông Wu về lại Hoa kỳ, người ta dự đoán rằng đệ nhất phu nhân Hillary Clinton đã có thể bị nhiều áp lực chính trị buộc bà phải từ chối qua Bắc Kinh tham dự hội nghị Phụ nữ Quốc tế vào đầu tháng 9. Cuộc hội nghị do Liên Hiệp Quốc tổ chức này đã quy tụ hơn 4.000 đại biểu thuộc 185 quốc gia trên thế

giới, diễn ra 4 ngày sau khi 25.000 đại biểu thuộc hàng ngàn tổ chức ngoài chính phủ hội họp tại vận động trường Bắc Kinh, cũng để thảo luận các vấn đề liên quan tới nữ quyền. Nhà cầm quyền Trung cộng trong dịp này đã bị chỉ trích nặng nề vì sử dụng những thủ đoạn bỉ ổi nhằm cố tình ngăn chặn không cho các đại biểu của Tây Tạng - quốc gia đang bị Trung cộng thống trị - được lên tiếng trước hội nghị. Mặc khác, khi xảy ra vụ xử án Ngụy Kinh Sanh vào đầu tháng 12, nhiều thượng nghị sĩ và dân biểu trong Quốc hội Hoa kỳ đã đồng thanh lên tiếng yêu cầu chính phủ phải xét lại chính sách ngoại giao hiện tại đối với Trung cộng, cụ thể là đe dọa cắt đứt quy chế tối huệ quốc nếu Trung cộng không chứng tỏ thiện chí cụ thể trong việc cải thiện nhân quyền.

Một vấn đề bang giao quốc tế khác nữa của Hoa kỳ tại vùng Á châu cũng gây ra khá nhiều tranh cãi trong năm 1995, và đó chính là vấn đề quan hệ đối với Cộng sản Việt Nam. Ngày 28 tháng 1 (vừa tròn một năm sau khi bãi bỏ lệnh cấm vận kinh tế), Tổng thống Clinton quyết định đi bước đầu tiên trong việc cải thiện quan hệ với nhà cầm quyền Hà Nội, qua thủ tục trao đổi nhân viên ngoại giao và đồng ý việc thiết lập hai văn phòng liên lạc tại Hoa Thịnh Đốn và Hà Nội, bất chấp sự phản đối của nhiều vị đại diện dân cử và nhất là của các tổ chức cựu chiến binh Hoa kỳ. Qua đến tháng 7, ông Clinton quyết định đơn phương bước thêm một bước thứ hai mà không chờ sự chấp thuận của Quốc hội: Tuyên bố bình thường hoá bang giao với Cộng sản Việt Nam. Vì tính cách đơn phương của quyết định này, chính phủ Clinton đã vấp phải một trở ngại đáng kể khi bị lưỡng viện Quốc hội Hoa kỳ biểu quyết cấm không cho sử dụng ngân sách quốc gia để chi phí vào việc phát triển quan hệ ngoại giao đối với Việt Nam (như thành lập toà đại sứ, trả lương nhân viên ngoại giao...). Hai trở lực chính khiến dư luận quần chúng Hoa kỳ, phản ánh qua quan điểm của các vị đại diện dân cử, không đồng ý việc

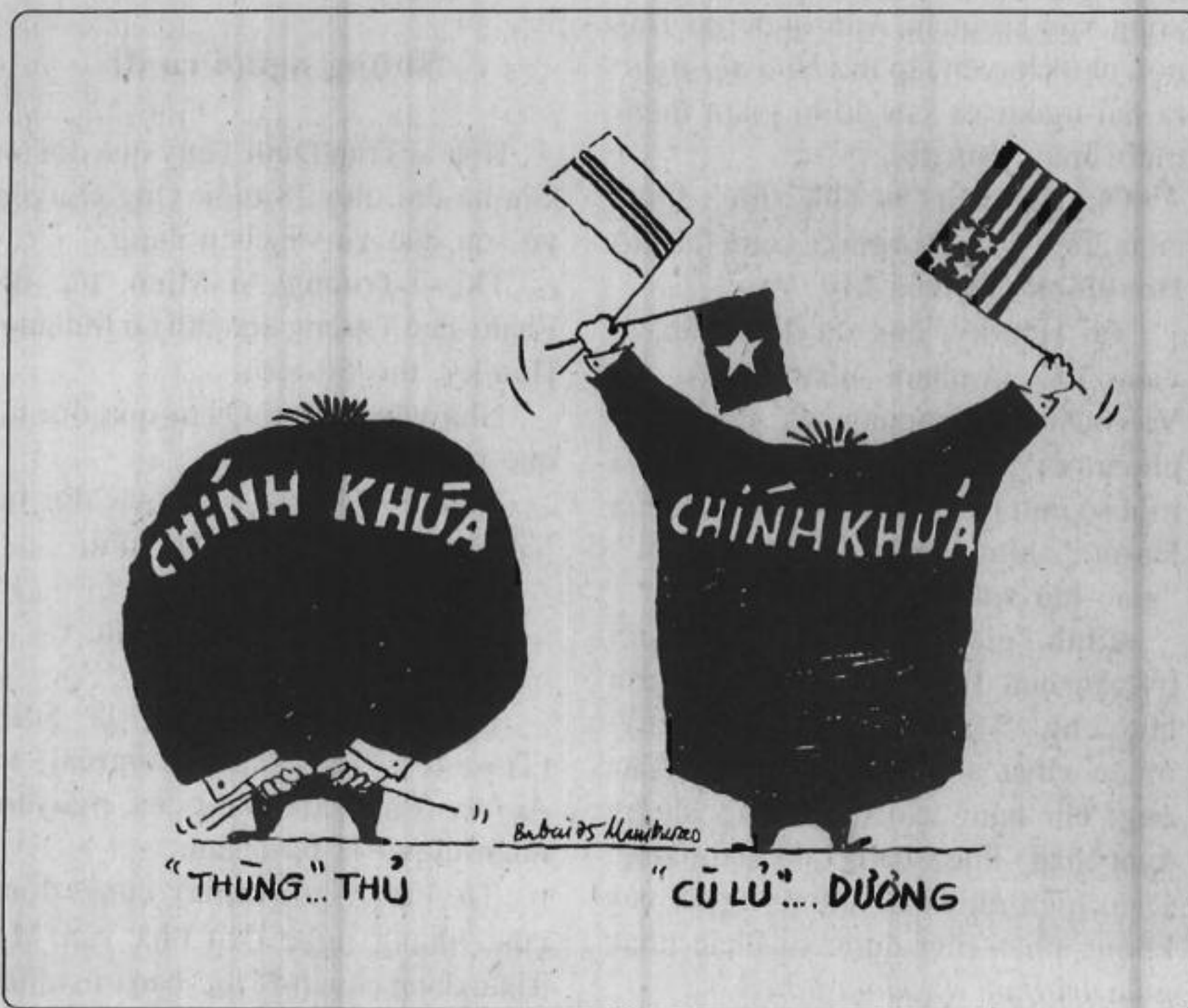
thiết lập ngoại giao toàn phần với Cộng sản Hà Nội vẫn là: 1/ Nghi vấn cho rằng chính quyền Việt Nam không thành thật cộng tác để giải quyết vấn đề tù binh Mỹ và người Mỹ mất tích trong chiến tranh (POW/MIA); và 2/ Thực trạng vi phạm nhân quyền trắng trợn và trầm trọng tại Việt Nam hiện nay. Do đó, cho đến những ngày cuối của năm 1995, quy chế đại sứ vẫn chưa được chính thức thiết lập và mỗi hy vọng của tập đoàn lãnh đạo cộng sản Hà Nội về việc được ban bố quy chế tối huệ quốc vẫn chưa có dấu hiệu nào trở thành sự thật.

Như trong hai bản tường trình đặc biệt do tổ chức nhân quyền quốc tế Human Rights Watch/Asia công bố vào tháng 3.1995 và tháng 12.1995 đã cho thấy rõ, một thực tế hiển nhiên không ai chối cãi được là việc Hoa kỳ cải thiện quan hệ đối với Cộng sản Việt Nam hoàn toàn không đưa tới một lợi ích nào mà chỉ khiến cho bọn chúng có thêm lợi thế để ra tay đàn áp đồng bào trong nước, bóp nghẹt những tiếng nói đòi hỏi tự do dân chủ, và chà đạp mọi nhân quyền căn bản của người dân. Đúng một tháng sau ngày Tổng thống Hoa kỳ tuyên bố bình thường hoá bang giao (11.7.1995), nhà cầm quyền Việt cộng lập tức triệu tập hai phiên "toà án nhân dân" để áp đặt những bản án tù từ 4 đến 15 năm đối với ông Nguyễn Đình Huy và 7 thành viên Phong trào Thống nhất Dân tộc và Xây dựng Dân chủ, và từ 2 năm rưỡi tới 5 năm đối với 4 vị tu sĩ và 2 Phật tử thuộc Giáo hội Phật giáo Việt nam Thống nhất, chỉ vì những người này lên tiếng kêu gọi cải cách chính trị hoặc vì họ yêu cầu thực thi quyền tự do tín ngưỡng mà chính Việt cộng đã màu mè ghi trong hiến pháp. Với những bản án ngày 15 tháng 8.1995, người ta có thể thấy rằng tất cả các vị tu sĩ trong hàng giáo phẩm lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất hiện đều đã bị cầm tù, trong đó có Hoà thượng Thích Huyền Quang, Viện trưởng Viện Hoá Đạo, và nhất là Hoà thượng Thích Quảng

Độ, Tổng thư ký Viện Hoá Đạo đồng thời là tác giả bản nhận định nổi tiếng về "những sai lầm tai hại của đảng Cộng sản Việt Nam đối với dân tộc và Phật giáo", một tài liệu vạch trần chính sách đàn áp tôn giáo tại Việt Nam, mà Hoà thượng Quảng Độ cho công bố vào năm 1994.

Mặt khác, Human Rights Watch/Asia cũng nêu lên việc nhà cầm quyền Việt cộng xuống tay thanh trừng một số cựu đảng viên Cộng sản cao cấp sau khi những người này lên tiếng phản đối chính sách nhà nước và đưa đề nghị sửa sai, cũng như trường hợp bắt bớ ngược đãi những nhà trí thức từng đóng góp công sức cho chế độ và nay lên tiếng nói phản tỉnh để kêu gọi dân chủ hoá. Việc xử án tù đối với Trần Ngọc Nhiệm (tức Hoàng Minh Chính) và Đỗ Trung Hiếu vào đầu tháng 11 và việc bắt giam Nguyễn Xuân Tú (tức Hà Sĩ Phu) vào đầu tháng 12, dưới cái nhìn của các tổ chức nhân quyền quốc tế, là những bằng chứng cụ thể cho thấy tập đoàn lãnh đạo Hà Nội không bao giờ thay đổi chính sách dùng bạo lực để bóp nghẹt mọi đòi hỏi dân chủ.

Từ Âu châu, Mỹ châu, qua Phi châu, Á châu, tình hình tổng quát của năm 1995 dường như không cho thấy bao nhiêu dấu hiệu khả quan, so với những tranh chấp vẫn âm ỉ dai dẳng hoặc càng lúc càng trở nên gay gắt hơn trước tại nhiều vùng đất trên mặt địa cầu. Cuộc chiến tranh lạnh giữa hai khối Tư bản và Cộng sản đã chấm dứt từ 4 năm trước, nhưng một vài chế độ độc tài chuyên chế còn sót lại vẫn ngang nhiên tiếp tục hành hạ người dân trong nước, đồng thời đe dọa nền hoà bình và ổn định của những quốc gia khác. Làn sóng dân chủ hoá đã quét ngang mặt địa cầu suốt thập niên 80 và đầu thập niên 90, đưa tới một sự thay đổi quan trọng trong cán cân lực lượng của thế giới, nhưng vẫn chưa giải quyết xong nốt những thành lũy cuối cùng của chủ nghĩa Cộng sản. Câu hỏi đặt ra là mọi người nên khoanh tay ngồi đợi một rạng đông thật sự sẽ đến với nhân loại trong 5 năm còn lại của thế kỷ 20 này, hay mọi người nên sát cánh cùng nhau mở cuộc tấn công vũ bão vào những thành lũy cuối cùng ấy để sớm tự mình mang lại ánh bình minh cho những thế hệ tương lai?



Sinh-Hoạt

Văn-Nghệ Hải-Ngoại

365 Ngày Qua

Dương Thượng Ngã

Năm cũ đã qua, không-khí mùa Xuân năm mới thấp-thoáng trở về. Cuối năm, lại ngồi tính sổ, nhìn lại một chặng đường văn-học ba trăm sáu mươi ngày qua...

Thoát vòng kiềm tỏa

Trong năm qua, nhờ Hoa-kỳ can-thiệp, một số văn-nghệ-sĩ trong nước đã tìm lại được tự-do, trong số này có thi-sĩ Nguyễn Chí Thiện, người đã xông vào sứ-quán Anh-quốc tại Hà-nội, nhờ chuyển tập thơ *Hoa địa-ngục* ra hải-ngoại và sau đó bị giam thêm mười mấy năm tù.

Ông Nguyễn Chí Thiện hiện định-cư tại tiểu-bang Virginia, cạnh thủ-đô Hoa-thịnh-đốn của Mỹ.

Tại Hoa-kỳ, ông đã điều-trần về việc VC vi-phạm nhân-quyền tại Việt-nam. Ông cũng đã du-thuyết nhiều nơi, phát-biểu ý-kiến chống lại một số mũi nhọn dân-vận, trí-vận của Hà-nội như "hòa-hợp hòa-giải", "giao-lưu văn-hóa", v.v.

Cánh "giao-lưu văn-hóa" và lưới trí-vận của Hà-nội đã mở mặt trận tấn-công Nguyễn Chí Thiện, tuy-nhiên chưa ai bẻ được luận-cứ của ông, chỉ bám vào điểm ông không xuất-thân khoa-bảng để tấn-công. Điều hiển-nhiên là những người này không phân-biệt được sự khác nhau giữa trí-thức và khoa-bảng!

Nhà văn Doãn Quốc Sỹ, người được trí-thức miền Nam đặt nhiều kỳ-vọng, sang Mỹ đoàn-tụ với con trai ở Houston, Texas. Ông có đi nói chuyện vài nơi, thường chỉ kể một vài giai-thoại văn-chương có tính-cách ẩn-dụ, hơn là đi sâu vào vấn-đề chính-trị. Người ta hi-vọng sau một thời-gian tịnh-dưỡng, tiếng nói của ông sẽ vang vọng trên diễn-đàn hải-ngoại, như ngày nào vẫn sang-sảng trên bục giảng tại các trường.

Những người ra đi

Họa-sĩ Trần Đình Thụy qua đời tại Gia-nã-đại, thọ 78 tuổi. Ông chuyên về sơn dầu và vẽ chân-dung.

Thi-sĩ Trương Ái Minh, tức BS Phạm Thế Trường qua đời tại Indiana, Hoa-kỳ, thọ 56 tuổi.

Nhà văn Phùng Quán qua đời tại quê nhà, thọ 63 tuổi.

Nhạc-sĩ Thẩm Oánh qua đời tại Virginia, Hoa-kỳ, thọ 80 tuổi.

Ba tờ báo đóng cửa

Ba tờ báo lâu năm là *Sóng* (Toronto), *Năng Mới* (Montréal) và *Ái-hữu* (Pháp) đã đóng cửa, nguyên-nhân chính là tài-chánh.

Tờ *Văn* (California) cũng đóng cửa, nhưng nghe đâu nhà văn Mai Thảo đang chuẩn-bị tục-bản sau nhiều

tháng ngưng trệ.

Các giải văn-chương, nghệ-thuật

Hội Trao-đổi văn-học nghệ-thuật của thi-sĩ Dương Huệ Anh tổ-chức giải Thơ. tất cả có 422 bài thơ gửi về dự và thi-sĩ Lý Thái Vương (Nam California) trúng giải Danh-dự.

Phong-trào Hưng ca Việt-nam tổ-chức giải Sáng-tác Nhạc thời-thế kỳ I năm 1994-1995, có 48 tác-giả từ 10 nước gửi 175 ca-khúc về dự. Các nhạc-sĩ Thục Vũ, Vũ Đức Nghiêm và Nguyễn Tăng trúng các giải lớn. Giải Nhạc Thời-thế kỳ 2 sẽ bắt đầu vào mùa Xuân năm nay.

Thi sĩ Xuân Tước lại đoạt giải Thi-sĩ Vàng 1995 do tổ-chức Mỹ *Famous Poets Society* trao tặng.

Thi-sĩ Cao Xuân Tứ đoạt giải thơ Dunya Festival tại Rotterdam, Hoà-lan, với bài *Stars*.

Nhiếp-ảnh-gia Lê Quang Xuân đoạt một lúc huy chương vàng lẫn huy-chương bạc trong cuộc thi nhiếp-ảnh do *National Association of Photographic* của Gia-nã-đại hồi đầu năm.

Đến cuối năm, ông đoạt thêm ba giải nữa trong một cuộc thi khác, do Hiệp-hội Ảnh Màu Gia-nã-đại tổ-chức.

Gửi bài đăng báo *Làng Văn*: 3 năm tù ở

Trong bài giới-thiệu thi-tập *Ca quỳên* của hai thi-sĩ tị-nạn Thảo Nguyên và Khải Hoàn, nhà văn Dạ Uyên Hoàng Tường, người xuất-bản tập thơ ở Na-uy, cho biết, thi-sĩ Thảo Nguyên đã bị tòa án CSVN kêu án 3 năm tù ở về tội "liên-lạc thông-tin với báo-chí phản-động ở hải-ngoại."

Thảo Nguyên tên thật là Nguyễn Văn Thảo, quê ở Quảng-nam. Lớn lên khi đất nước đã lọt vào tay cộng-sản, anh viết cho báo *Tiền Phong* và tạp-chí *Đất Quảng* (Hội Văn-học nghệ-thuật Quảng-nam Đà-nẵng).

Năm 1985, anh bị bắt đi cải-tạo 3 năm về tội "phổ-biến văn-hóa tiểu tư-

sản”.

Ra tù, anh bắt được liên-lạc và gửi bài cho tạp-chí *Làng Văn*. Năm 1989, Thảo Nguyên bị VC kêu án ba năm tù về tội gửi bài cho *Làng Văn*.

Tháng 9.1990, Thảo Nguyên vượt trại và vượt biển đến được Hương-cảng, tiếp-tục làm thơ. Ngoài *Làng Văn*, anh còn gửi bài cho báo *Kháng Chiến*.

Công-tử Hà-đông và “tai-nạn Trưng Vương”

Chuyện khá ồn trong năm là vụ nhà văn Hoàng Hải Thủy, qua bài phiếm văn *Thuyền-trưởng bỏ tàu* đăng trên các báo PNV (Cali) và DDTD (Virginia), đã chạm đến Hai Bà Trưng nên bị một số cựu nữ-sinh Trưng-vương phản-đối dữ-dội.

Công-tử Hà-đông viết rằng, Hai Bà thờ chung một chồng là Thi Sách nên khi Tô Định cho ông Thi Sách “đi tàu suốt”, hai bà cùng căm-phẫn, vùng lên trả thù.

Công-tử viết: “Hai ngàn năm trước, thuyền-trưởng Thi Sách là chủ-tịch Hội-đồng quản-trị kiêm luôn tổng giám-đốc điều-hành công-ty hàng hải Trưng Shipping Company, một mình thuyền trưởng chạy hai tàu viễn dương Trưng First và Trưng Second ngon lành, êm ru bà rù.”

Và công-tử khen cụ Thi Sách:

“Tay nghề thuyền-trưởng khéo tay, Ban đêm tàu chị ban ngày tàu em!”

Bà Linh Linh Ngọc trong một bài đăng trên nhiều báo, cho biết là bạn cố-trì của Hoàng Hải Thủy từ mấy chục năm qua, đã bật khóc khi đọc bài phiếm-văn mà bà nhận-xét là “xuyên-tạc lịch-sử bằng lối văn trào-phúng khiếm-nhã.”

Bà Đinh Thị Thiên Kim, một cựu nữ-sinh Trưng Vương ở vùng Đông Bắc Hoa-kỳ, trong một bài báo khác kêu-gọi “lương-tâm và trách-nhiệm” của tác-giả và “hy-vọng trong tương-lai sẽ không bao giờ phải đọc những lời văn tương-tự nữa.”

Trong khi các bà, các cô trách-cứ Hoàng Hải Thủy, phía nam-giới, dường như không có ý-kiến gì. Bảo

ông Hoàng xuyên-tạc lịch-sử, e hơi quá. Ông bày chuyện thuyền chỉ thuyền em, cốt chỉ đùa vui - như đã từng mang cô Kiều ra mà giễu - không ngờ chỉ có các ông vui, còn các bà thì không, mới sinh chuyện! Với cô Kiều thì không sao. Trong khi cao hứng, ông quên mất cô Kiều là nhân-vật tưởng-tượng, là ngoại-nhân; còn Hai Bà là nhân-vật lịch-sử.

Vụ công-tử Hà-đông đụng-chạm đến Trưng Vương dần dần lắng dịu sau vài tháng bão-bùng. Dù sao cũng là một kinh-nghiệm nhớ đời cho các ông cầm bút, đừng có rút dây động dưng.

Biên cố trong Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại

Biên-cố văn-học lớn nhất trong năm qua là vụ xung-khắc nội-bộ trong Đại-hội Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại kỳ V tại California, xảy ra giữa ông Viên Linh, cựu chủ-tịch và 6 Trung-tâm hội-viên có mặt tại Đại-hội.

Theo lệ cũ thì cứ hai năm một lần, Văn Bút họp Đại-hội bầu Ban Chấp-hành mới. Trong bốn kỳ Đại-hội trước chỉ có một liên-danh ứng-cử nên việc bầu bán diễn ra rất nhanh. Trong Đại-hội kỳ V nhóm tại quận Cam ngày 25.11.1995, có hai liên-danh tranh cử. Liên-danh thứ hai do nhà văn Sơn Tùng đứng đầu, ra tranh với liên-danh Viên Linh đang cầm quyền.

Nhà văn Viên Linh cậy thế đang nắm Ban Chấp-hành, lên sửa Điều-lệ, nhận thêm 4 trung-tâm mới để áp-đảo liên-danh thứ hai. Chẳng may việc sửa đổi bị khám-phá khiến ông Viên Linh bị tuyệt đại đa-số các đại-biểu phản-đối dữ-dội. Ông này nhăm không thắng cử liền cho tắt đèn, đuổi Hội-nghị, tìm kế hoãn binh.

Đại-hội quyết-liệt đòi họp tiếp ngày hôm sau. Ông Viên Linh mời lại trụ-sở Văn Bút nhưng khi các đại-biểu đến họp, ông khóa cửa ngòai bên trong, không cho ai vào, chỉ dán giấy hẹn lần hẹn nữa thêm 3 giờ nữa tại một địa-điểm khác.

Lúc đó là chiều Chủ-nhật, nhiều đại-biểu sắp-sửa lên máy bay trở về để hôm sau đi làm. Thấy rõ mưu-định của ông Viên Linh, 4 trong số 6 trung-tâm có mặt đầy-đủ lấy quyết-định của đa-số, định ngày địa-điểm và giờ họp để giải-quyết vấn-đề. Thư thông báo đưa tận tay ông Viên Linh nhưng ông này không tới.

Đại-Hội-đồng Văn Bút ngay sau đó họp với 22/32 đại-biểu, tuyên-bố Ban Chấp-hành cũ mãn-nhiệm (hôm đó. 26.11.1995, Ban Chấp-hành cũ vừa tròn hai năm, hết nhiệm-kỳ) và bầu ra Ban Chấp-hành Lâm-thời để tổ-chức phiên họp Đại-Hội-đồng kế-tiếp trong vòng ba tháng để bầu Ban Chấp-hành chính-thức.

Ông Nguyễn Mạnh Bích, đại-biểu của Trung-tâm Âu-châu được bầu làm Chủ-tịch BCH Lâm-thời. Trung-tâm Ontario được giao tổ-chức Đại-hội khóa 2. Đại-Hội-đồng Văn Bút ra Quyết-nghị xác-định các việc này nhưng ông Viên Linh không tuân-hành, vẫn tiếp-tục xưng là “chủ-tịch.” Thiếu-sót tai-hại cho ông Viên Linh là ông đã hết nhiệm-kỳ và không hề được một đại-biểu nào đề-nghị lưu-nhiệm!

Ban Tổ-chức Đại-hội là Trung-tâm Ontario quyết-định chọn thành-phố Houston làm nơi họp. Ngày họp là 24 và 25.2.1996. Trung-tâm Nam Hoa-kỳ, trụ-sở ở Houston, quyết-định giúp-đỡ Trung-tâm Ontario về trang-trí hội-trường, đưa-đón đại-biểu và văn-nghe. Các Trung-tâm khác cũng dôn hết sức để củng-cố Văn Bút và tham-gia Đại-hội.

Trong khi đó, ông Viên Linh tung ra đủ loại tài-liệu bịa đặt, đánh-phá các Trung-tâm và Ban Chấp-hành Lâm-thời, biến Văn Bút thành một đấu-trường. Ngoài việc phá-phách, Viên Linh không hề làm bất cứ điều gì chứng tỏ đang lo cho cái “đại-hội” hai người của ông ta.

Tuy-nhiên, người ta tin rằng sau ngày Đại-hội kỳ V khóa 2 diễn ra tại Houston, sinh-hoạt Văn Bút sẽ trở lại nề-nếp cũ và biên-cố vừa qua giúp cho tổ-chức vươn mình lớn mạnh hơn.

Tủ sách ngoại văn

Nhà văn Sơn Tùng vừa có một tác phẩm được dịch ra Đức văn, đó là cuốn *Bầy thú nhỏ*, dịch-giả là Nguyễn Thị Thu Cúc, thuộc nhóm *Vietnam Forum* ở Hamburg, Đức quốc. Sách sẽ ra mắt vào đầu tháng 6 năm nay.

Thi-sĩ Huy Lực Bùi Tiến Khôi trình làng tập *20 poems and 1000 thoughts*, gồm 20 bài thơ và 1000 danh-ngôn tư-tưởng, ấn-bản Anh văn do Professional Press xuất-bản.

Thi-sĩ Hoài Việt có tập thơ Pháp-văn: *Amour et liberté* xuất-bản tại Pháp.

Ngành xuất-bản văn được mùa

Trong năm qua, ngành xuất-bản tại hải-ngoại vẫn tiếp-tục “được mùa”, phần lớn nhờ kỹ-thuật điện-toán phát-triển nhanh, việc đánh máy chữ và trình-bày một cuốn sách trở nên giản-dị, dễ thực-hiện.

Xin lược kể một số các tác-phẩm được chú ý trong năm.

Duy Lam, một trong các nhà văn “trẻ” của Tự-lực văn-đoàn đưa ra tác-phẩm thứ bảy của ông, cuốn *Truyện mới chọn-lọc*, gồm 11 truyện ngắn viết theo lối “tân truyện”. *Truyện mới*, đúng như cái tên, tác-giả lồng trong những suy-nghĩ của mình trong một kỹ-thuật mới. Cái khéo của ông, là tận dụng kỹ-thuật nhưng không cho thấy kỹ-thuật.

Nhà văn Vĩnh Hảo đưa ra cuốn *Bụi đường*. Truyện bắt đầu từ mối tình trẻ thơ của một đứa nhỏ ở Hội-an trước khi nó trở thành chú tiểu trong xã-hội chủ-nghĩa. Mối tình thơ đại như một một căn duyên báo trước những vướng mắc trên chặng đường tu tập của chú sau này, bên cạnh đủ mọi thứ khó-khăn do nhà cầm quyền gây ra nhằm ngăn-chặn sự truyền thừa tôn-giáo.

Nhà văn Phùng Nhân ở Úc trình làng truyện dài *Vàm đất Cả Cao*. Tác giả có nhận-xét sâu-sắc về vùng đất ông đã ra đời và lớn lên, nhưng thiếu một cái nhìn tổng-thể và toàn diện,

bao trùm lên mọi biến-cố của một thời-đại. Ông nhìn rõ từng người nơi ông sống, rung-động với từng tâm-tình sâu kín của mỗi nhân-vật. Truyện của ông chất-phác, chùng-mực, nhưng không thoát ra khỏi cái mảnh nhỏ của một vòm đất trong tổng-hợp của đại thể. Tác-giả, cũng như nhân-vật, trôi nổi bênh-bồng theo vận nước, trên ranh giới mong manh giữa sống và chết, giữa hạnh-phúc và đau-khổ. Họ câm-nín chịu-đựng số-phận một cách gần như thản-nhiên, không có nghị-lực phản-kháng. Tác-giả chỉ ghi-nhận, một cách tỉ-mỉ, nhưng không giải-quyết. Nét đẹp của truyện thu-gọn trong sự đề cao tình người. Để sống sót, nhân-vật trong truyện phải che giấu cả những nỗi khổ-đau, nhưng họ không quay lưng trước nỗi khổ của đồng loại. Họ dùm-đậu, che-chở, làm tròn bổn-phận của con người đối với con người một cách thản-nhiên, không cần bàn-cãi và suy-nghĩ. *Vàm đất Cả Cao*, tuy chỉ có một khoảnh đất với vài chục nóc gia, nhưng tiêu-biểu cho cả một xã-hội miền Nam từ thời toàn quốc kháng Pháp cho tới cuộc chiến chống Bắc xâm, rất sống-động qua giọng văn mộc-mạc rất “Nam-kỳ lục tỉnh”, một ưu-điểm của tác-giả.

Hoàng Lan, một cây bút nữ-giới, đưa ra cuốn *Vòng tái-sinh và bài học nhân-quả*. Sách viết tái-sinh, luân-hồi và nhân-quả, căn cứ theo những dữ-kiện có thật và trên tinh-thần khoa-học. Nhìn chung *Vòng tái sinh* là một cuốn sách khá đầy-đủ, trình-bày sáng-sủa, thú-tự về công-án lớn của cuộc đời: chết và tái sinh.

Cũng trong năm, Nguyễn Phong có cuốn *Trở về từ cõi sáng*, viết về đời sống bên kia cửa tử, qua kinh-nghiệm của những người hồi sinh và giáo-lý mật truyền của Tây-tạng. Cuốn sách có giá-trị cao về quan-niệm tử-sinh, giúp con người bình-tĩnh và chấp-nhận cái chết khi nó tới, như thu-xếp hành-lý đăng trình vào một chuyến đi dài, tới một cõi giới nhẹ-nhàng, thanh cao và đẹp-đẽ hơn.

Về thơ, trong năm qua, các cuốn được chú-ý là *Chí-tôn ca* của Nguyễn

Hữu Nhật, *Hoa đài dâng hương* của Tuệ Nga, *Nắng rớt vườn xuân* của Trần Văn Lệ, *Thơ trong da ngựa* của Hà Huyền Chi.

Thơ của Nguyễn Hữu Nhật trang-trọng, đài các, đôi khi hơi đóm dắng. Thơ Tuệ Nga thanh-tĩnh như lời kể. Thơ Trần Văn Lệ tròn đầy, trôi chảy. Thơ Hà Huyền Chi hào-hùng, nghĩa-khí; quả mỗi người một vẻ...

Về biên-khảo, tập *Lịch sử văn-học Anh* của Đỗ Khánh Hoan là một công trình lớn, bao trùm từ thời khởi-thị đến đệ nhị thế chiến.

Cuốn *Tiền tệ Việt nam* của Phạm Thăng đứng ở khía-cạnh khác, vừa có tính-cách cổ-ngoạn, về thiên về lịch-sử.

Cuối cùng, năm 1995 cũng là năm được mùa truyện cười. Nhà văn Đặng Trần Huân đưa ra cuốn *Truyện cười đàn bà* toàn tập dày 410 trang. Một cây bút cười khác, Cả Cười, đưa ra một lúc 5 tập truyện cười: *Cười cho đời đỡ khổ*, *Cười cho đời lên hương*, *Cười toe*, *Cười tùm* và *Cười đỏ*. Được chú ý nhất là tập *Cười đỏ*. Ở ngoài vòng kiểm-tòa, thì đó là tập sách mua vui. Sống dưới chế-độ đỏ, nụ cười là vũ-khí để phản-kháng và tồn sinh.

*
* *
*

Nhìn chung, 1995 là một năm trung-bình về mọi mặt, không có tác-phẩm đồ-sộ, không có tranh-luận văn-chương đáng kể, không có trào-lưu mới, không có tác-giả nổi bật trong các khuôn mặt mới. Những cây bút mới được chú ý trong năm là Hoàng Nga (ở Đức) và Vũ Tiến Dũng (trại tị-nạn Hương-cảng).

Biến-cố duy nhất là chuyện Văn Bút. Một cá-nhân tham quyền cố vị, sẵn-sàng phá bỏ cả tòa nhà chung để bán gạch vụn. Hành-động đó không được chấp-nhận. Kẻ phá-hoại đã bị nhận diện. Sự quấy phá điên-cuồng của anh ta trong mấy ngày cận xuân là sự vùng-vẫy tuyệt-vọng của kẻ tự mình đào hố chôn vùi văn-nghiep vốn cũng chẳng lấy gì làm lớn lao hay đáng tiếc!

câu chuyện trời âu

Phan Nguyễn
Minh Minh

**Tại sao Ba Lê 13
trở thành phố Tàu?**

Ban đầu là do một nguyên nhân thời thế. Trong những thập niên 60, 70, khu vực Đông Dương trở nên rối ren về chính trị lẫn quân sự, có nguy cơ bị cộng sản nuốt chửng. Sự thất bại của Hoa Kỳ ở Việt Nam, việc hung thần cộng sản Pol Pot lên ngôi ở Cam Bốt, chế độ độc tài chuyên chế ở Ai Lao khiến cho hàng triệu người da vàng ở những nơi đó phải rời bỏ sinh quán lẫn trú quán ra đi.

Đến Pháp, những di dân này, mà thành phần chính yếu là người Trung Hoa, tạm thời sinh sống trong những chung cư cải dụng nằm trong khu tam giác Choisy (mà 3 cạnh là các con đường Choisy, Ivry và Masséna). Được Hoa kiều hải ngoại hỗ trợ một cách mạnh mẽ - đúng với truyền thống của người Hoa - biết chăm chỉ cần cù làm ăn và đoàn kết nên không mấy lúc mà những người Tàu lưu vong đã ăn nên làm ra và lần hồi mua lại gần hết khu bất động sản tồi tệ này để biến thành khu phố Tàu của Ba Lê ngày nay, một vùng đất quan trọng nhất của cộng đồng châu Á tại Âu châu. Khu tam giác nói trên được báo chí Tây gọi là "Tam giác vàng".

Tây tà họ ký con số 13 cho là xui xẻo, trong khi người Tàu di cư lại phát với con số này. Người ta thường



đùa rằng cứ đến khu đó lớn tiếng gọi "Nguyễn" là các tháp cao tầng sẽ ngã về phía tiếng gọi. Lý do : những người họ Nguyễn đồng loạt ra cửa sổ để xem ai gọi mình !

Hoa nào tặng nữ diễn viên?

Tặng hoa cho một nữ diễn viên mình khoái là một chuyện Tây thích làm, nhưng không phải bất cứ loại hoa nào cũng được. Vô tình ai đó trao tặng cô nàng một bó hoa cẩm chướng thì, than ôi, thật là ai tai! Chỉ cần nghe nói thôi cũng đủ để cô nàng hời hửng.

Theo truyền thống sân khấu Tây, hoa cẩm chướng dù đẹp và có nhiều màu sắc nhưng lại là biểu hiệu cho một điềm gở. Không phải là dị đoan mê tín của giới nghệ sĩ sân khấu nhưng là do cung cách xử sự từ xa xưa qua lời lẽ của hoa.

Cho đến thế kỷ XIX, giữa ông bầu và nữ kịch sĩ không có ký kết hợp đồng gì cả. Chỉ thỏa thuận với nhau bằng miệng. Khi được gia hạn hợp

đồng thì cô đầm kịch sĩ sẽ nhận được bó hoa hồng còn không thì chỉ một chùm hoa cẩm chướng. Do đó mà hoa này đâm ra mang biểu tượng của một điều chẳng lành mãi đến ngày nay.

Hữu xạ tự nhiên hương

Nhà hàng Maxim's, một trong những tửu lâu nổi tiếng của kinh đô ánh sáng, thế mà vào năm 1978 danh tính của nhà hàng biến mất trên những trang sách hướng dẫn Michelin sau 20 năm ngự trị trong sách đó với đẳng cấp 3 sao. Cũng nên biết sách hướng dẫn Michelin là một tài liệu có giá trị và uy tín.

Sở dĩ có chuyện lúng củng giữa hai thành phần lừng danh này là vì ông Louis Vaudable, chủ nhà hàng Maxim's, lúc bấy giờ muốn có một loại xếp hạng đặc biệt để cho tiệm ăn của ông được phân loại dựa trên cung cách trang trí và phục vụ của nhà hàng. Nhưng sách hướng dẫn Michelin không đồng ý, cho rằng yêu cầu đó đi ngược lại phương thức xếp loại quen thuộc xưa nay. Sợ bị xếp hạng thấp hơn và sợ mất uy tín, ông Vaudable rút tên Maxim's ra khỏi sách hướng dẫn viện dẫn lý do: "Sao nhiều hay ít là ở cảnh trí chứ đâu phải tùy theo phẩm lượng thức ăn".

Quả thực, đến ngày 11.12.1979 nhà hàng Maxim's được xếp loại là một địa điểm kỷ niệm lịch sử vì đó là một địa chỉ nổi tiếng, một cơ ngơi uy tín và một địa điểm có liên hệ đến lịch sử thành phố Ba Lê.

Một gác trọ lạ đời

Hai vợ chồng và hai đứa con nhà họ D. là những người ở phố độc đáo nhất giữa kinh đô ánh sáng Ba Lê. Thật thế. Họ là gia đình duy nhất đã chọn thánh đường làm nơi cư ngụ. Mà thánh đường đó nào phải tầm thường vì đó chính là nhà thờ Thánh Clotilde, cách điện Invalides không bao xa.

Không phải dễ mà gia đình này có được dịp may nương bóng miễn phí tại ngôi nhà của Chúa! Khi họ đến ở, căn gác khoảng 60 thước vuông này

đang trong tình trạng thảm thương. Xưa kia đó là nơi cư trú của người giữ kho thánh đường. Muốn làm lợi cho di sản của giáo khu, Linh mục De la Morandais, lúc đó làm trưởng giáo xứ quyết định không để cho căn gác trở thành hoang phế. Nhờ ở tài mọn của ông chủ gia đình mà nhà họ D. đã vào cư ngụ tại căn gác đó cách nay 2 năm. Thế là đêm đêm, khách bộ hành rảo bước qua đó có thể nghe tiếng thì thầm khe khẽ qua màn ánh sáng chập chờn. Nhưng, không phải là ma trôi xuất hiện hện hồ thủ thi đấu, mà là dư âm và ánh sáng của một chiếc máy truyền hình trong mái ấm dưới bóng thánh đường.

Quán nhậu Ba Lê không có gạt tàn

Những kẻ la cà ở các quán nhậu Ba Lê thường than phiền là các quầy rượu của thành phố không có lấy một cái gạt tàn. Người ta có cảm tưởng các tiệm đó không muốn khách hàng hút thuốc. Nhưng hành động đó chưa đủ làm nản lòng những người hút thuốc.

Quy luật của các quán nhậu là những cái gạt tàn phải giữ gìn sạch sẽ và đổ tàn thuốc thường xuyên. Đó chỉ là vấn đề vệ sinh tối thiểu. Thế nhưng những người đứng quầy rượu vốn bận bịu suốt ngày, đâu có thích cứ vài ba phút lại phải quan tâm đến những cái gạt tàn. Thà họ cầm chổi quét dọc theo quầy rượu và thu nhặt càng nhiều tàn thuốc càng tốt, vì đó là dấu hiệu biểu thị tính sung túc của quán nhậu.

Chờ Métro đến bao giờ

Không phải tuyến tàu điện ngầm nào của Ba Lê cũng có thời hạn cách khoảng như nhau. Công ty RATP (Công ty chuyển vận tự trị thành phố Ba Lê) điều chỉnh thời gian cách khoảng giữa các chuyến xe dựa trên lưu lượng hành khách của tuyến đường vào các thời điểm khác nhau trong ngày và trong tuần và dựa theo khả năng chở khách của các chuyến. Kết quả là mỗi tuyến Métro có một

khoảng cách thời gian riêng biệt tùy theo số lượng hành khách khác nhau. Vì vậy cho nên trên các tuyến 4 và 13 đông khách nhất, thời gian chờ đợi ngắn hơn hết; có khi chỉ mất 90 giây. Trái lại, với tuyến số 10 là một trong những tuyến ít khách nhất thì phải mất 4 phút. Về đêm có khi phải chờ đến 10 phút mới có được một chuyến. Thành tích nổi bật nhất là tuyến RER-A (Tuyến A của hệ thống tốc hành ngoại ô). Cứ 2 phút là có một chuyến chạy với tốc độ 100 cây số/giờ !

Con ma bảo tàng viện Louvre

Một vài con ma là tông phạm của lịch sử. Như con ma đỏ trong bảo tàng viện Louvre ở Ba Lê. Theo lời kể lại thì đó là oan hồn của lão hàng thịt bị hoàng hậu Catherine de Medicis ra lệnh hạ sát. Ma hàng thịt này trả thù trước tiên người đã ám hại hấn ta bằng cách truy hại bà ta không thôi. Kể đó bắt đầu đến số phận nước Pháp, ma này leo thang trả thù các giòng họ nhà vua và xuất hiện không những chỉ ở cung điện Louvre mà ở cả Tuileries và Versailles nữa! Vua Henry đệ tứ thấy ma hàng thịt xuất hiện một ngày trước khi băng hà, hoàng hậu Marie Antoinette cũng thế. Trường hợp ngoại lệ, hoàng đế Nã Phá Luân dường như được con ma đỏ thương tình miễn mộ và ủng hộ nên hiện hình nhiều phen để báo trước những chiến thắng của hoàng đế. Ma hàng thịt cũng hiện về với ngài quận công Berry vào năm 1820 để báo trước là ngài sẽ bị ám sát và với vua Louis 18 hồi năm 1824 trước khi vua băng hà.

Trạm liên lạc với cõi chết

Từ thời Victor Hugo với những chiếc bàn xoay (xây cơ) cho đến nay, vấn đề mê tín có vẻ chẳng thay đổi bao nhiêu. Tại một vài hội đoàn của Ba Lê, các ông đồng bà cốt chạy theo thời đại tân tiến điện tử, gọi hồn ma xuất hiện trên màn ảnh truyền hình. Ở giữa lòng kinh đô Ánh Sáng cuối thế kỷ 20 này, hiện vẫn còn nhiều hội

đoàn tổ chức các phiên gọi hồn ma bóng quế dành cho công chúng.

Những ông đồng bà cốt lương thiện thường áp dụng khẩu hiệu thiêng liêng là: "Tri thức không mất tiền mua"; cho nên khi tham dự một phiên gọi hồn mà bị đòi đóng tiền thì nên đề cao cảnh giác vì coi bộ những tên lừa đảo đông hơn các hồn ma đang ở trong phòng!

Mỗi ngày, tại Ba Lê bạn có thể tìm thấy một nơi để liên lạc với những linh hồn thuộc thế giới bên kia như: Liên đoàn các hội sử dụng Pháp ngữ để nghiên cứu tâm thần, số 15 đường Jean Jacques Rousseau (Quận I); Trung tâm nghiên cứu hiện tượng tâm thần, số 1 đường Gatines (Quận 20); hay viện Siêu tâm thần học quốc tế tại số 20 công trường Wagram (Quận 17). Ai thích cứ nhào vô !

Chiều nào cũng đứng nghiêm

Dù mưa hay nắng, dù gió bão hay tuyết rơi, chiều nào cũng như chiều nào đến 18 giờ 30, khoảng vài mươi người lính già thuộc 800 hiệp hội cựu chiến binh lại tụ tập quanh ngôi mộ chiến sĩ vô danh dưới chân Khải Hoàn Môn của Ba Lê để làm rực sáng ngọn lửa kỷ niệm.

Họ là những cựu chiến binh của hai cuộc thế chiến và các cuộc chiến tranh thuộc địa đến để tưởng niệm các chiến hữu của họ. Lễ khơi lại ngọn lửa này rất đơn giản, nay chỉ còn quy tụ lối 30 người trong số đó có một vài phụ nữ. Những cựu chiến binh của Thế Chiến I càng ngày càng ít đi.

Một vài công dân yêu nước thường đến tham dự lễ khơi lại ngọn lửa. Bà Eliane, 74 tuổi, co ro trong chiếc áo khoác, tâm sự: "Chiều nào tôi cũng đến đây để tưởng niệm những chiến sĩ vô danh, biểu tượng của hòa bình."

Ngày nay, việc khơi ngọn lửa kỷ niệm cho những chiến sĩ đã nằm xuống giữa đường binh nghiệp coi đơn giản, nhưng khởi đầu cho ngọn lửa kỷ niệm ấy không dễ dàng. Thực vậy, sau khi đình chiến, những cựu chiến binh của Đệ I Thế chiến đã phai gay go lắm mới giành được nơi ngàn

thu yên giấc cho bạn đồng ngũ của họ dưới Khải Hoàn Môn. Cánh tả Quốc Hội vì sợ chính phủ chịu ảnh hưởng của phe quân đội nên cứ tìm cớ trì hoãn. Mãi đến ngày 8.11.1920, cuối cùng người lính đã thành công. Hai ngày sau đó, trong đôn Verdun, anh August Thin, một quân nhân vừa 21 tuổi, chọn lấy 1 chiếc hòm trong số 8 chiếc chở về Ba Lê. Người lính vô danh ấy được mai táng dưới Khải Hoàn Môn ngày 8.1.1921. Gabriel Boissy, nhà báo và cựu chiến binh, đưa ra sáng kiến "Ngọn lửa kỷ niệm", đốt lên từ ngày 11.11.1923 và mãi mãi soi sáng từ bấy đến nay.

Ba Lê, thiên đường của người Nga

Năm nay, một người Nga chiếm một lúc ba giải thưởng văn học lớn của Pháp với cùng một tác phẩm. Đó là Andrei Makine với tiểu thuyết *Testament français* (Di chúc Pháp) đứng đồng hạng ở giải Médicis và một tuần lễ sau chiếm giải Goncourt của học sinh trung học lần thứ 8 và vài phút sau đó là giải của các viện sĩ Goncourt. Một thành tựu hiếm có của một văn sĩ ngoại quốc viết tiếng Pháp ở tuổi 38!

Năm 1988, một nữ văn sĩ người Nga, Nina Berberova, cũng đã từng chinh phục được độc giả Pháp với quyển *L'Accompagnatrice* (Người

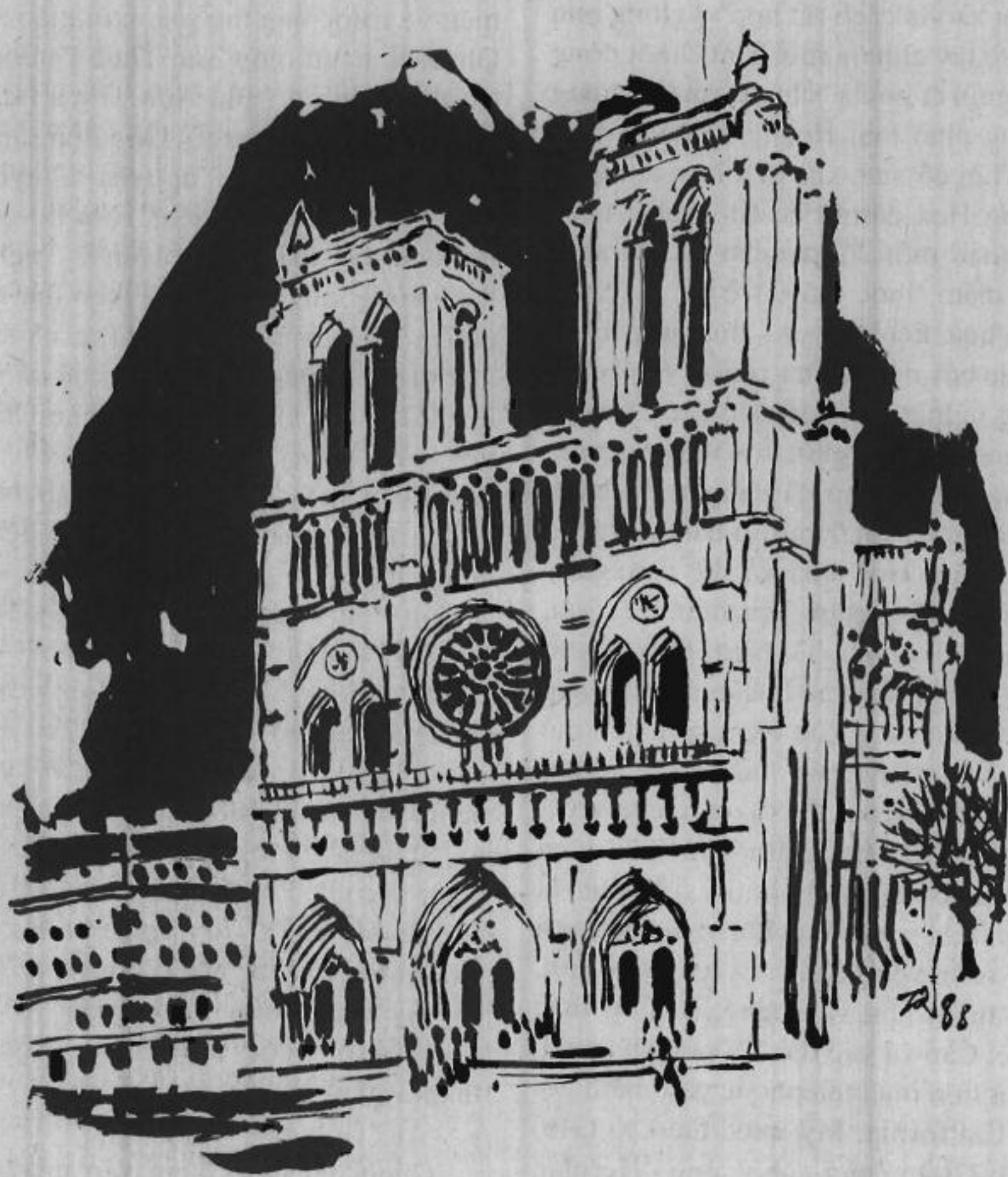
đệm nhạc), tường thuật những biến cố chẳng lành của một phụ nữ di dân đến Ba Lê vào năm 1925. Giống như Makine và Berberova, nhiều người Nga đã đến Ba Lê lập nghiệp. Năm 1992 chỉ có 2087 người Nga sống hợp lệ trên đất Pháp. Sau cái gọi là cách mạng tháng 10 vĩ đại (1917), khá nhiều người Nga đã bỏ của chạy lấy người và chọn nước Pháp làm chốn nương thân. Năm 1926 số người tỵ nạn lưu vong Nga lên đến 67.000. Xuất thân từ những gia đình khá giả Nga, họ chuyển sang những ngành nghề vụn vặt chủ yếu như giữ chung cư, tài xế Taxi.

Ngày nay, cư xá người Nga ở Montgeron (Essonne), thuộc vùng ngoại ô Nam Ba Lê, lúc nào cũng đầy cứng, có người phải che lều ngoài vườn để chờ phòng trống. Khoảng 60 mươi người sinh sống nơi đây, mỗi tháng trả 700 quan tiền phòng. Thế nhưng cũng không ít người biết xoay xở nên có được một cuộc sống thoải mái hơn. Một số trong bọn họ thành công trong kinh doanh và trở thành triệu phú.

Bao giờ thì những ngày đầu của cuộc đời lưu vong tỵ nạn cũng điều đúng nhưng ai biết kiên trì, cố gắng thì sẽ trở nên khá hơn. Như trường hợp của Vladimir Kotliarov, một họa sĩ rời Liên Xô năm 1979 chẳng hạn. Ngày mới đến Ba Lê, anh lang thang suốt 4 ngày chẳng có một miếng ăn mà cũng không thể ăn xin.

Anh tâm sự: "Ban đầu thì thật là gay. Trong vòng 3 tháng tôi chỉ sống với 19 quan mỗi ngày. Sau đó, một người bạn chỉ cho tôi một chỗ rửa ly đĩa ở Pigalle. Dĩ nhiên là làm lậu. Năm 1982, tôi đóng vai phụ trong một phim để kiếm 2 bữa ăn nóng trong ngày.

May mắn thay, ông đạo diễn phát hiện ra, thế là tôi lên đóng vai chính." Từ đó đến nay Vladimir đã đóng khoảng 30 phim, sinh sống trong một căn hộ tiện nghi ở quận 15 và có một ngôi nhà nghỉ mát ở Normandie. Anh mỉm cười tuyên bố: "Ông biết không, đối với chúng tôi, Ba Lê là thiên đường trần thế".



Hoàng Thử Tân Niên

Vi An



Năm 1996 là năm Con Chuột. Con chuột gì? Có phải con chuột bạch - chuột tàu - và một vài loại chuột làm kiểng? Hay là con chuột mõm dài thân dài "hữu xạ tự nhiên hương", đứng xa cả mấy thước vẫn thấy bốc mùi xú uế? Hoặc con chuột cống xác bự da dày đến nỗi mèo vừa nhấc thấy là lắc đầu chê, bỏ đi? Không phải à? Vậy là con chuột nhất, thứ chuột khoái chạy nhón nhạo trong nhà khiến các bà các cô la hoảng lên chơi mà không dám làm gì bởi "ném chuột sợ vỡ lọ"?

Thưa bạn, sai tuốt luốt! Năm Bính Tý chính niên Con Chuột Vàng, năm Hoàng Thử. Căn cứ vào đâu? Đà, căn cứ vào nhà ông bưu điện Nhật ạ! Trên bưu thiếp Xuân 96, ông ấy in ra hàng trăm kiểng, phần lớn đều vẽ hình chuột màu vàng. Đẹp nhất trong số đó, có lẽ là bức vẽ *Nhật hạ Hoàng Thử*, chuột vàng dưới vầng triêu dương. Loại Hoàng Thử này hiếm quý lắm, khó ai có dịp nhìn thấy. Nó thuộc dòng linh thử, y hệt như truyền thuyết về con kỳ lân (tiếng Nhật là Kirin, hiệu bia Kirin của Nhật có dán nhãn vẽ kỳ lân), cả ngàn năm mới xuất hiện một lần báo điềm lành, điềm thánh vương ra đời.

Ở miền Nam Việt Nam, chuột đồng, loại chuột nhiều người thích ăn, có hai thứ: lông đen xám và lông vàng xám. Chuột đồng lông vàng xám sống ngoài đồng, rúc nơi hang ổ hay làm tổ trên các loại cây ăn trái như ngọn cây dừa. Theo một số người sành rẽ cho biết loại chuột này lông màu nâu đen

xám, mịn màng óng mượt, thịt đã thơm lại béo vì được "tắm bổ" bằng nước dừa từ bé. Người miền Nam mần thịt chuột đồng như người Bắc mần thịt chó, cũng đốt lửa ngọn thui lông cháy xém rồi mới mổ bụng lột da. Thịt chuột xào lá cách rất hợp vị giống như thịt cở tây chịu lá mơ. Thứ chuột đồng ấy người ta gọi là "chuột vàng", nhưng không phải loại Hoàng Thử vừa nói.

Thời cổ xưa, xưa thật là xưa, người Trung Hoa dùng tiến trình phát triển của thảo một để gán cho 12 chi như: nầy mằm, mọc thân, trở lá, ra cành, đơm hoa, kết trái.v.v..., điều này rất tự nhiên bởi người xưa thuần văn minh nông nghiệp. Rồi cổ thuyết ấy truyền sang Ấn Độ. Người Ấn với trí tưởng tượng phong phú đã chuyển ra thành 12 con vật thần thánh và truyền ngược lại Trung Hoa hoá ra 12 con giáp. Xong xuôi, người Tàu đem Tí, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tị, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi phổ biến tùm lum khắp Á châu. Người Việt Nam biến con thỏ của Tàu thành con meo meo. Người Nhật biến con dê ra con cừu.v.v... Theo lịch cổ đại, năm Tí/Chuột, năm khởi đầu cho một chu kỳ 12 niên, là năm mằm non đâm chồi, một năm mới đầy triển vọng cho các... cây viết mới, các mằm non văn nghệ. Bạn lại thắc mắc: Căn cứ vào đâu? Vụ này bạn nên bỏ ít tiền mua telephone card bấm gọi về California, Mỹ quốc theo số (916) 533-7702 đăng nhờ ông Herman Aihara, 76 tuổi, giám đốc cơ sở

G.O.M.F giải thích cho nghe bằng tiếng... Mỹ thì tiện lợi hơn.

Lý lịch ông Aihara được bản thân ông thành thật khai báo như sau: Tốt nghiệp kỹ sư hoá học Waseda, Tokyo năm một ngàn chín trăm hồi đó. 42 niên về trước ông thọ giáo với giáo sư Ohsawa, tổ sư môn Tân Thực Dưỡng, trở thành cao đồ của Anh Trạch Như Nhật tiên sinh (Sensei). Ông dọn sang Mỹ từ 1952 với ý nguyện khuyên người Mỹ bỏ xức xích, hăm-bơ-gơ, hót-đóc, bơ sữa, thực phẩm kỹ nghệ đặng sống vui, sống khoẻ theo luật tự nhiên, thiên nhiên. Một trong những luật tự nhiên ông Aihara cực lực cổ võ là: "Càng bé càng tốt", trái ngược hẳn với luật Âu Mỹ "Bigger's better", vì ông quan niệm càng to bự mập béo chừng nào, người Mỹ càng lắm bệnh chừng này.

Xứ Phù Tang hiện có cả thảy 100 triệu 470 ngàn người cầm tinh Con Chuột, chiếm 8.3% dân số. Cũng theo thống kê của bộ An sinh Nhật, có 317 cụ... Chuột với tuổi đời 108 cái xuân xanh, sinh năm 1888. Ở Nhật có khá nhiều người sống trên 120 tuổi, đa phần là các cụ bà (luật âm dương: âm dài, dương ngắn), tuy nhiên không có cụ Chuột nào sống nổi 120 năm cả, các cụ ấy đã sớm về Thiên Quốc (Tengoku) trước khi hưởng tròn thập... giáp rồi.

Cũng như mọi năm, vào ngày tận niên năm nay, toàn gia đình Nhật

hoàng lại tụ tập đầy đủ ở ngự cung để chụp ít bộ hình làm kỷ niệm. Đồng cung Thế tử Hiro ngồi bên trái cạnh mẹ; Công nương Masako ngồi bên phải cạnh Bình Thành bệ hạ, bố chồng. Kế đó là Công chúa Kỷ Cung, nàng không được phép ngồi bên à, nàng phải đứng giống như vợ chồng Hoàng tử Akishino. Tết này Công chúa Kỷ Cung được hăm ba tuổi, nàng vẫn còn là đề tài rất bắt khách cho giới truyền thông Nhật với câu hỏi “Bao giờ Công chúa lên xe bông?”. Nói thật cùng bạn, ăn rồi cảm cung như nàng e khó có dịp gặp tình quân, gặp hoàng tử của lòng nàng. Cả mấy năm qua, duy nhất có một lần năm ngoái nàng rời hoàng cung đi du lịch xứ Ba Tây mà thôi.

Bình Thành bệ hạ Heisei vẫn tiếp tục mãn thơ. Ông đã 62 tuổi, thơ ông ngày càng đầy nét suy tư vàng trán thêm gầy, như bài thơ về trận động đất Kobe:

*Trầm buồn nhứt nhối con “tiềm”
Nhìn mưa rớt lạnh trên miền Kobe
Bà con nơi đó tội ghê,
Gió bung lều mỏng, dầm dề dầm mưa.*

Còn Hoàng hậu Nhật thì tâm tư đầy thương cảm khi đi thăm Hiroshima, thành phố hưởng quả bom nguyên tử đầu tiên của loài người, vào một chiều mưa buồn:

*Hiroshima ơi,
Bom rơi bao năm rồi
Bi chừ trên phố mới
Dừng không sao mưa rơi!*

Sáng mùng 2 Tết Nhật, gia đình Nhật hoàng xuất hiện trên bao lơn ngự điện, đứng đằng sau tấm kính chắn đạn để chúc Tết thần dân Nhật. Sở dĩ người ta phải dựng tấm kính dày này vì lý do giữ an toàn cho hoàng tộc. Vào khoảng đầu thập niên 70, cố Thiên hoàng Chiêu Hoà đã bị một kẻ quá khích bắn hụt giữa lúc đương đọc lời chúc. Vì sân rồng không đủ rộng để có thể chứa trọn vẹn trên 80 ngàn dân đến chiêm ngưỡng long nhan, nên họ phải chia ra làm nhiều đợt, nối nhau xếp hàng trước cổng hoàng cung chờ đến phiên mình. Một rừng cờ Mặt Trời cầm trên tay, dân chúng vậy nồng nhiệt chào mừng gia tộc Nhật hoàng. Đợi cho tiếng hô

“Banzai, vạn tuế!” lắng xuống, Bình Thành bệ hạ lung thung trong bộ áo đại lễ đuôi tôm, cùng Hoàng hậu đưa tay vẫy chào dân chúng. Ông chậm rãi ban lời chúc:

“Trước thềm năm mới Hoàng Thử tân niên, trăm cầu chúc cho toàn thần dân Nhật Bản và nhân loại được hưởng một năm tràn đầy may mắn, hạnh phúc hơn năm ngoái.

“Như thần dân đã biết, năm vừa qua là một năm đầy ý nghĩa vì nó đánh dấu 5 thập niên nhìn lại Thế chiến II, đánh dấu nỗ lực tái thiết xứ sở thành công và ước muốn sống an bình của dân tộc Nhật. Năm 95 còn ghi đậm sự kiện đau thương về trận đại địa chấn Kobe cũng như vụ thả hơi độc sarin tàn hại nhiều người. Trăm cầu xin ơn trên cho những đau thương ấy sớm được hàn gắn, cầu cho vùng bị nạn sớm hồi phục...”

Cũng vào dịp cuối năm Con Heo, hội Thân hữu Tương trợ Việt Nam tại Nhật, Hội trưởng là cụ bà Hồng Lĩnh, 78 tuổi, một nhà thơ lão thành và là một trong những sáng lập viên của Trung tâm Văn Bút Á châu tân lập, đã tổ chức buổi họp mặt nhân dịp kỷ niệm một năm thành lập Hội tại tỉnh Kana Gawa, vùng đông người Việt cư trú nhất Nhật Bản, được coi như Tết niên VN vào ngày Chủ nhật 24.12. Có văn nghệ, trò chơi, hô lô tô.v.v.. cùng những món ăn thuần túy Việt Nam. Số bà con tham dự lên đến 300 người.

Phân Hiệp hội Người Việt tại Nhật, tổ chức Tết Tây vào sáng mùng 2 tháng 1.96 ở khuôn viên nhà thờ Fuji Sawa. Mọi năm, hội Tết Việt Nam vẫn cử hành ở nhà thờ Yotsuya, Tokyo nhưng năm 96 nhà thờ này mắc tân trang nên phải dời địa điểm. Tuy đường xá xa xôi nhưng cũng đã có khoảng 600 người Việt rủ nhau về tham dự dưới ánh nắng tươi đẹp của một ngày ấm áp trong những bộ quần áo mới của ngày Tết. Sau lời khai mạc và chúc Tết đồng bào của ông Hội trưởng Lê Văn Xê, sân khấu Karaoke vui nhộn hẳn lên với các người đẹp VN trong *Khúc ca mừng xuân*. Nhiều giọng ca địa phương và các nam nữ

thanh niên đã liên tục biểu diễn những bản nhạc xuân đại khái như *Phiên gác đêm xuân*, *Xuân này con không về*, *Đón xuân...* mà có người cho rằng hát chẳng kém gì những ca sĩ chuyên nghiệp như Chế Linh, Giáng Thu. Chỉ nội trong vòng vài tiếng đồng hồ, các quầy bán thức ăn VN như bún bò, chả giò, bánh cuốn... được mọi người chiếu cố gọn, sạch. Quầy sách báo Thăng Bờm vẫn đông đảo khách hàng như mọi năm. Đài truyền hình TBS của Nhật đã đến lấy tin và thu hình tại chỗ.

Tình hình kinh tế và chính trị Nhật Bản hiện có nhiều thay đổi lớn. Để đối phó với sự trì trệ của nền kinh tế “bọt bia” (tràn lên nhanh chóng rồi dần dần xẹp xuống) và nguy cơ sập tiệm của nhiều nhà tư sản mại bản cùng một số ngân hàng Nhật sắp vỡ nợ, Quốc hội Nhật Bản nhóm phiên họp cuối năm đã nhất trí sẽ phê chuẩn cho bản dự thảo ngân sách 96 thật vĩ đại: 75 ngàn lẽ 100 tỉ Yen. Quốc hội Nhật long trọng hứa hẹn rằng sẽ biến lượng thành phẩm (tức họ sẽ làm những... con chuột nhắt thôi, sẽ rửa rúc ngân quỹ ít hơn năm ngoái). Biết rõ lời các ông to ngôn chảm ma nào thềm tin, Thủ tướng Thôn Sơn vội vã chải chuốt lại cặp lông mày chổi xể (hình ảnh trên báo chí, ti-vi Nhật vẫn cho thấy ông chau tria nó hàng ngày) để lên ti-vi trấn an dân chúng: “Thưa quý dân đen, chính phủ chúng tôi cũng lấy làm trần trở lắm lúc mở kho bạc chứa thuế của quý dân ra dùng vào đại sự. Nước Nhật chúng ta đương và sắp phải đối diện với một cuộc khủng hoảng tài chính và kinh tế trong một tương lai gần, mong quý dân đen thông cảm!”.

Nói về Quân sư Tiểu Trạch Ozawa, sau một thời gian làm việc căng thẳng để chống lại dự luật “điều chế tôn giáo” (dự luật nhằm hạn chế sự tiếp tay của giáo phái Soka Gakkai thuộc Nhật Liên Tông cho đảng đối lập Tân Tiến hơn là nhằm vào “ba thằng À-um” mà quân sư vì ức quá nên đã họp báo phun huych toẹt ra), quân sư đã phải nhập viện. Nhờ thần linh phù hộ, Quân sư Ozawa đã thoát nạn Karô Shi (làm quá

mà tịch), và nhờ đám nữ y tá nơi bệnh viện đỡ-luých chích thuốc bổ não, bổ thận cùng cho uống sữa tươi hàng ngày, Quân sư xuất viện, mặt mày hồng hào, mập phet ra, cười tươi cười to hơn bao giờ hết. Trong những ngày nằm khểnh nơi bệnh viện, được rảnh rỗi nên quân sư đã ôn luyện lại một mớ cẩm nang, hoạch định sẵn một chương trình ra quân ngoạn mục.

Đúng như lời úp mở với báo chí hồi đầu tháng 12.95, ông Ozawa chạy nước rút. Ngày 16.12 vừa rồi, Quân sư Ozawa cùng ông Hata, hai nhân vật đã từng cộng tác với nhau, chiến đấu bên nhau suốt một phần tư thế kỷ trong các vai huynh đệ rồi thầy trò; nay vì đại cuộc, cả hai trở thành đối thủ của nhau, hẳn là cả quân sư lẫn con rối đều ray rứt lắm! Quân sư Tiểu Trạch đã phải đi ngược lại với lời tuyên thệ trước mặt sư phụ ông là: “Sẽ không bao giờ mần thủ tướng, chỉ mần... quân sư quạt mo mà thôi” hôm ông được thầy cho hạ sơn sau nhiều năm vẫn ôn võ luyện trên núi Phú Sĩ. Phần ông Vũ Điền Hata, cứ nghĩ tới câu thơ:

*Còn đảng, còn quyền, còn huynh đệ
Hết quyền, hết đảng, hết ông tôi*
tức nghĩ đến lời bàn “lùi một bước, tiến ba bước” theo kế sách “nhất bản tán vạn thù”, giải tán đảng Tân Sinh mà Quân sư Ozawa đã “gà” cho khiến ông biến thành một thủ tướng... không quân là bộ mặt đầy thịt của ông nhân lại.

Trong buổi họp báo ngay sau khi nạp đơn tranh cử chức vụ đảng trưởng Tân Tiến Shin Shinto, ông Ozawa lên tiếng thanh minh thanh nga: “Tôi ra ứng cử không vì cái ghế, nhưng vì lo cho công cuộc cải cách”. Ông Hata cũng ngôn tương tự: “Nếu nước Nhật cứ dậm chân tại chỗ như hiện nay, hậu quả cả nước sẽ đi xuống nên tui phải tranh cử đảng tiến hành việc cải tân”. Giữa lúc đó, đảng trưởng Tân Tiến đã mãn nhiệm là cựu Thủ tướng Kaifu, nhà khách mệnh giờ thứ 25, đã nhận ra mình không phải là đối thủ của Quân sư Ozawa nên quyết định rút êm cho tiện việc.

Theo tin đồn hành lang, để chắc ăn, Quân sư Ozawa đã liên hệ với đám đầu

nậu (tức nhóm tài phiệt Zaibatsu, đỡ đầu cho các đảng phái ở Nhật). Chính tay đám này phát phiếu có viết sẵn tên quân sư để người của họ bỏ vào thùng phiếu. Kết quả ra sao, đứa dân ngu khu đen nào cũng thừa sức đoán.

Sau cuộc kiểm phiếu đêm 27.12, Quân sư Ozawa thắng lớn. Số phiếu ông đạt được gấp đôi số phiếu của con rối cựu đệ tử Vũ Điền. Vậy mà ông Vũ Điền vẫn phải nở nụ cười méo xệch: “Dà, thưa quý bà con, dù tui thất cử nhưng rất hài lòng với cuộc ‘bầu bán vô tư’ này. Tui xin hứa sẽ cố gắng tối đa đảng giúp cho tiền đồ, cho sự nghiệp tương lai của Tân Tiến đảng dưới ngọn cờ tiên phuông của đảng trưởng Tiểu Trạch”.

Xét cho cùng, không ai xứng đáng hơn ông Ozawa, 53 tuổi, con người tài ba được báo giới khắp nơi tặng danh hiệu “Người sắp đặt ghế thủ tướng”. Khởi sự từ những ngày làm quân sư cho đảng Tự Dân, cảm thấy bí kíp của mình không được đám thủ cựu thuộc đảng này tôn trọng, Quân sư bèn áp dụng câu châm ngôn của... Tào Tháo: “Thà ta phụ người chứ không để người phụ ta”, Quân sư bỏ đảng cũ, rủ rê những con rối đệ tử của mình, lập ra đảng mới, đêm ngày suy tư cho đại cuộc. Nay cờ đã đến tay, Quân sư bèn phát. Chỉ phát nhẹ một phát thôi, hai ông cựu Thủ tướng đã văng xuống hàng tà-lọt. Phát thêm ít cái nữa, chắc cả thiên hạ sẽ lọt vào bầy tay phù phép của Quân sư.

Tin Quân sư Tiểu Trạch chính thức lên ngôi đảng trưởng đối lập, thống lĩnh quần hùng đã làm Thôn Sơn thủ tướng rầu rĩ rầu rìa ra rậm rạp khi nghĩ đến cái ngày mình bị hất văng khỏi ghế. Suốt một tuần lễ Tết, ông nuốt không trôi miếng bánh dày mochi, nhấp chén rượu saké thấy như uống ly thuốc đắng. Sáng mùng 5 Tết, trái với lệ thường, ông Thôn Sơn thức dậy rất sớm. Ông ra sân sau nhà, hướng cặp lông mày đuôi chổi rũ cụp của ông về phương đông, hướng thần nữ Thái Dương mà than rằng: “Than ôi, thần đã sinh Sơn sao còn sinh Trạch?” Trưa hôm đó, Thủ tướng Thôn Sơn tuyên bố từ chức sau khi ngồi trên ghế được 555

ngày. Việc Thôn Sơn từ chức không hề khiến người dân Nhật ngạc nhiên, bởi lẽ uy tín đảng Xã Hội của ông đã xuống tới mức thấp nhất kể từ khi thành lập. Dù tân đảng trưởng đối lập Ozawa lớn tiếng đòi hỏi giải tán Hạ viện để bầu lại, nhưng dựa vào thế đa số đàn em trong Hạ viện hiện tại, Công tử cậu Hashimoto 58 tuổi, đã thắng phiếu, đã bại bước bon chen lần thứ nhất của ông Ozawa với tỉ số quá chênh lệch: 288/167. Như vậy, muốn đạt được giấc mộng công hầu khanh tướng, ông Ozawa phải cần chiêu nạp thêm cả trăm đệ tử nữa mới phá nổi âm mưu “chuyển giao quyền bính” của 3 đảng trong chính quyền Liên Lập.

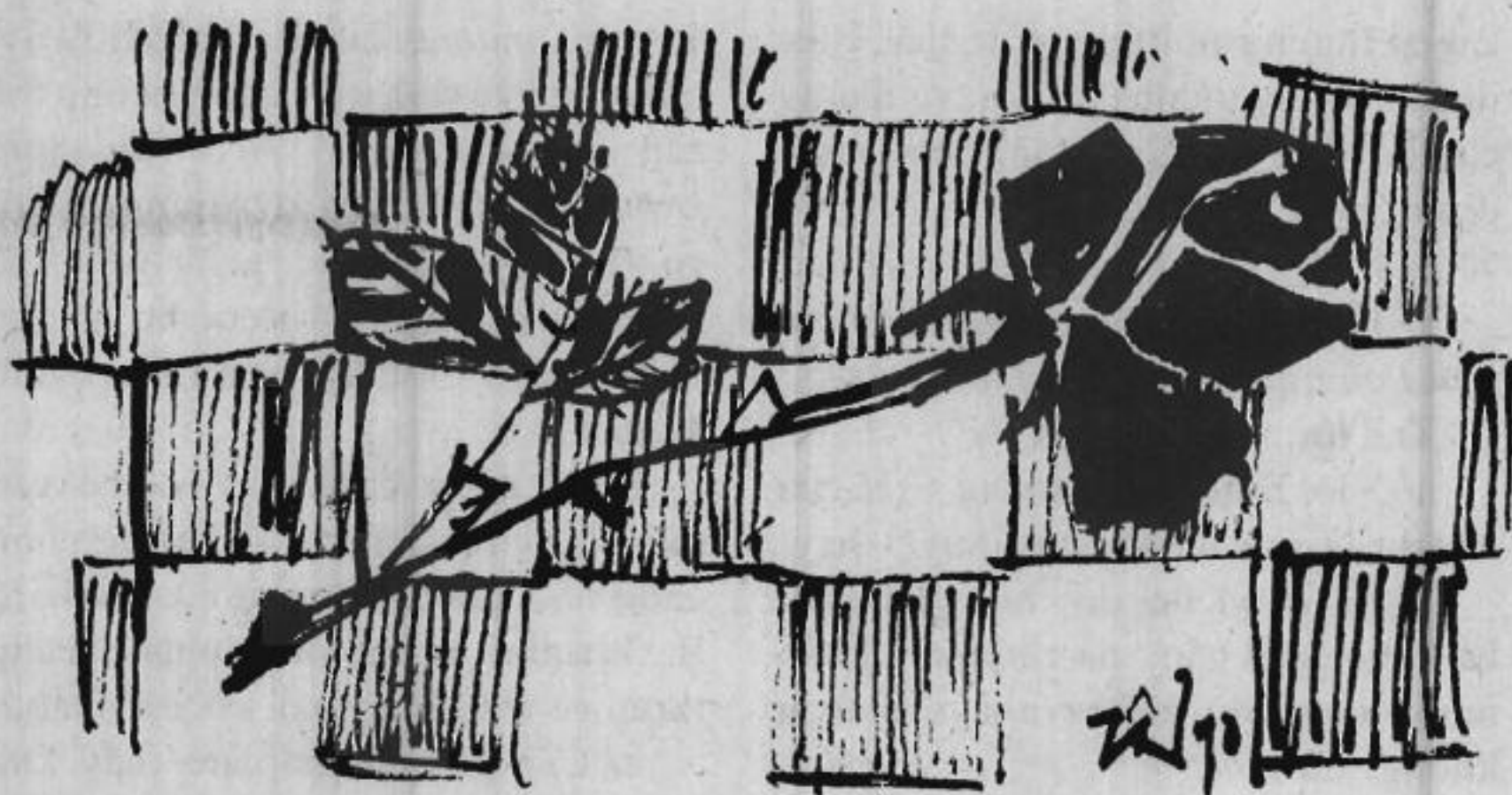
Ngày 13.1.96, tân Thủ tướng đời thứ 53 của Nhật, Công tử cậu Hashimoto (Kiều Bản) nhậm chức, kể được ông thầy bói mù ở đền Yasu Kusu (đền Liệt Sĩ Nhật) đoán số sinh vi thủ tướng. Được biết, năm nào ông Kiều Bản cũng dắt lũ đàn em Tự Dân đến viếng đền Liệt Sĩ, ngôi đền mà hể ông Thủ tướng Nhật nào đến viếng với tư cách đại diện chính phủ cũng bị báo giới khắp Á châu chửi rủa om sòm. Cũng chính mồm ông Kiều Bản đã phun ra những lời lẽ hẹp hòi chê trách cựu Thủ tướng dòng Samurai Hosokawa khi ông này đọc bài diễn văn kỷ niệm ngày Chung Chiến trong đó có những chữ “cuộc chiến tranh xâm lược láng giềng”, như sau: “Tôi không muốn nghe ông Tế Xuyên ngôn những lời xúc phạm đến các liệt sĩ Nhật”.

Vừa nghe tin đảng Tự Dân tái cầm quyền, báo giới các nước Á châu khác đều tỏ ý lo ngại, nhất là Đại Hàn: “Chúng tôi sợ rằng một chủ nghĩa quốc gia cực đoan, hẹp hòi sẽ lại tái bành trướng ở Nhật Bản”.

Thật là khó mà đoán Công tử cậu Hashimoto sẽ phải đối phó ra sao với những vấn nạn gay gắt nhức đầu như: Giảm bớt căn cứ quân sự Mỹ ở Nhật, dự luật điều chế tôn giáo, bản dự thảo ngân sách 1996 moi kho thuế của dân đen, v.v.. và phải đối phó với cả đầu óc mưu thần chúc quý của ông tân Đảng trưởng đối lập Shin Shinto Ozawa và kế sách tái phối trí của ông ta ! ●

tin văn xứ người

Nguyễn Nhân Sơn



Nhà văn và tự do

Đây là câu chuyện về nhà văn Anh Salman Rushdie.

Rushdie gốc Ấn-Độ, sinh năm 1947 tại Bombay, theo Hồi-Giáo. Trước kia ông mang quốc tịch Pakistan và sống ở đây, nhưng sau phải sang Anh tị nạn, vì xung đột tư tưởng với nhà cầm quyền địa phương. Tại Anh, ông tiếp tục viết văn làm thơ, và vẫn giữ nguyên phong cách cũ là “nghĩ sao thì nói vậy”, nên cũng dễ gây ác cảm với những người tôn thờ chủ nghĩa “chỉ có mình là đúng”.

Năm 1988, Rushdie cho xuất bản tập thơ *The Satanic Verses* (Những vần thơ quỷ). Qua năm sau, ông bị nhà lãnh đạo Hồi-Giáo của Iran là Khomeiny tuyên án tử hình về tội đã mạ lị Hồi-Giáo. Khomeiny ra lệnh cho tín đồ hạ sát Rushdie, lại treo giải thưởng 1 triệu đô-la cho ai giết được. Sau khi ra sát lệnh ít lâu, Khomeiny qua đời. Nhưng sát lệnh kia vẫn còn hiệu lực. Từ đó, Rushdie nơm nớp lo sợ, và nhà chức trách Anh phải bảo vệ cho ông. Cái giá phải trả cho việc “được tự do nói” là “mất tự do sống”.

Nhưng chẳng lẽ cứ sống chui rúc mãi sao? Mới đây, Rushdie đã cùng vợ làm một chuyến du hành xuống Nam-Mỹ. Trong khi Rushdie ở Chí-Lợi, cảnh sát xứ này giữ an ninh cho ông, chặt đến nỗi nhà xuất bản của ông phải lên tiếng phản nản rằng “họ

coi nhà văn của tôi như tù nhân, đi đâu họ cũng chẳng cho”. Cũng có phần đúng. Chính Bộ trưởng Nội vụ Chí-Lợi Belisario Velasco đích thân ra lệnh cho các lực lượng an ninh dưới quyền, bằng mọi giá không để xảy ra việc gì cho Rushdie trong thời gian lưu trú. Những cái lệnh như thế thường được thi hành quá mức, vì ai cũng sợ trách nhiệm về phần mình. Họ “giam” người khách quý của họ trong một ngôi nhà, không cho ai được gặp, vì ai cũng “có vẻ” là sát thủ hết cả. Nhưng Rushdie đến đây là để tham dự hội chợ sách, là để ra mắt sách, là để họp báo, tức là cần phải tiếp xúc. Không được tiếp xúc thì đi làm gì? Rushdie và nhà xuất bản Olaf Hantel tranh đấu quyết liệt, mới được nhà chức trách Chí-Lợi cho đi dự tiệc tại tòa đại sứ Anh, đi ra chợ phiên, và đi dự họp báo. Thật là “sống cái miệng” thì “khổ cái thân”. Nhưng chắc chắn Rushdie không ân hận. Chính ông đã nói như thế trước đây.

Đồng thời, khoảng cuối tháng 11.1995, trong một cuộc phỏng vấn, chủ tịch quốc hội Iran Ali Akbar Nateq-Nouri cho biết chính phủ của ông sẽ không bao giờ phái biệt kích đi hạ sát Rushdie. Natep-Nouri nói rõ: “Chính phủ Iran không thể thu hồi chỉ dụ của giáo chủ Khomeiny, nhưng cũng không có bổn phận phải thi hành lệnh ấy”.

Salman Rushdie nhận được tin

trên trong khi đang đi ra mắt cuốn sách mới nhất của ông (*The Moor's Last Sigh*) ở thành phố Buenos Aires, Á-Căn-Đình. Khi được hỏi về thái độ hòa dịu của chính phủ Iran, Rushdie nói: “Câu chuyện cũng chưa phải là đi tới hồi cuối, nhưng ít ra thì họ cũng đã thay đổi”.

Lại những giải thưởng

Ở Gia-Nã-Đại có 2 giải thưởng văn chương quan trọng là giải “Toàn-quyền” và giải “Giller”. Năm nay, hai giải này đã chung kết vào trung tuần tháng 11, và tác phẩm nào thắng giải cũng đã được công bố.

Nói mà không sợ quá lời, là 2 giải thưởng này có cái hương “mang tiếng chịu lời”. Năm nào cũng vậy. Kết quả được công bố xong, là báo chí lên tiếng. Nào ông giám khảo này nặng đầu óc địa phương; nào ông giám khảo kia bị nhà xuất bản mua chuộc... Văn chương là tự do. Chấm văn chương là tự do. Thì phê bình chấm văn chương cũng tự do vậy. Cũng như mới đây, có nhiều nhà phê bình trên thế giới cho rằng giải Nobel Văn Học năm nay cấp cho nhà thơ Ái-Nhĩ-Lan Seamus Heaney là có tính cách chính trị. Nhưng, phê bình thì cứ phê bình, hội đồng giám khảo cứ chấm...

Sau đây, tôi sẽ trích thuật cho các bạn nghe nhận xét tổng hợp của các nhà phê bình văn học Gia-Nã-Đại về

2 giải thưởng nói trên. Các thắc mắc được đúc kết thành câu hỏi, và những câu hỏi này được giải đáp theo nhận định chung.

1-Tại sao Greg Hollingshead đoạt giải Toàn-quyền về tiểu thuyết 1995?

Trả lời:

a/-Vì cuốn *The Roaring Girl* của ông ta là một cuốn tiểu thuyết hay.

b/-Vì cuốn đó do một nhà xuất bản nhỏ xuất bản, mà các giám khảo muốn nâng đỡ những nhà xuất bản không thể lực.

c/-Tác giả Hollingshead cư trú tại thành phố Edmonton, là thành viên của Hội Nhà Văn tỉnh bang Alberta. Trong năm 1993, 2 tác phẩm của ông là *White Buick* và *Spin Dry* được giải thưởng "Sách Alberta", mà giải này do Hội Nhà Văn của ông quản trị. Cũng vậy, Joan Clark, trong hội đồng chấm giải năm nay, nguyên là chủ tịch Hội Nhà Văn Alberta trước kia. (Về nghi vấn Joan Clark, có người bẻ: Bà này có làm chủ tịch Hội Nhà Văn Alberta năm 1984, nhưng sau đó đã dọn về quê cũ bên phía đông. Nếu bà có óc địa phương, thì không bênh vực cho một tác giả ở phía tây).

d/-Trong hội đồng giám khảo có giáo sư Keith Maillard, cũng dạy tại miền tây như tác giả. (Lý lẽ này bị vặn: Các giáo sư đại học không bao giờ ưa nhau. Cũng giống như các nữ ca sĩ Việt-Nam chẳng?).

e/-Bởi vì giải Toàn-quyền phải có lập trường đúng đắn về chính trị, nên các giám khảo phải chọn người trúng giải là một người đàn ông da trắng gốc Anh, để mê hoặc thiên hạ (Lý lẽ này cũng bị vặn: Thế thì các giám khảo đều quá thông minh, hoặc quá mảnh lối cả hay sao?).

f/-Vị nào trong hội đồng giám khảo cũng nhắm vào một thí sinh khác. Họ chọn Hollingshead, để đỡ va chạm.

2-Tại sao các nhà văn khác không được giải Toàn-quyền?

Trả lời:

a/-Các vị giám khảo quá chân thực, không thể cấp giải cho cuốn

Mister Sandman của Barbara Gowdy, nói nhiều về tình dục; cũng không thể cấp giải cho cuốn *Highways and Dancehalls* của Diana Atkinson, nói về thoát y vũ. Các giám khảo là những nhà văn dẫn đạo, họ không muốn chọn một tác phẩm sắc cạnh, nguy hiểm.

b/-Vị giám khảo nào là nhà văn sắc cạnh, nguy hiểm, sẽ không chọn cuốn *The Age of Longing* của Richard B. Wright, là một tác phẩm trung thực, có thể đóng vai trò dẫn đạo.

c/-Các giám khảo cảm thấy khó lòng cấp giải cho một tác phẩm đầu tay của một tác giả, lại do một nhà xuất bản không thể lực phát hành, như cuốn *The Jaguar Temple and Other Stories* của Julie Keith.

3-Tại sao Rohinton Mistry đoạt giải Giller năm nay?

Trả lời:

a/-Cuốn *A Fine Balance* của ông ta là một cuốn sách hay.

b/-Trong hội đồng chấm giải, ngoại trừ Leo MacKay, các vị giám khảo khác đã chọn vào chung kết toàn những tác giả người Ontario, điều đó chứng tỏ họ có óc địa phương. Ngược lại, danh sách tác phẩm vào chung kết của giải Toàn-quyền gồm đủ tác phẩm từ Alberta sang Québec. (Lý lẽ này bị bẻ: Không nhất thiết. Như giám khảo Mordecai Richler là người chỉ thích tác phẩm của Montreal thôi. Không khi nào một giám khảo người Montreal lại có chủ trương thiên ái đối với các nhà văn Ontario).

c/-Các giám khảo của giải Giller chơi thân với nhà xuất bản của Mistry. (Lý lẽ này cũng có kẻ hờ: Các giám khảo cũng có sách xuất bản ở nhiều nhà khác. Quyền lời họ trông tréo với nhau, chớ đâu có kết riêng với một nhà nào).

d/-Mỗi giám khảo đều có riêng một "con gà nhà". Chọn Mistry là một cách hoãn xung.

4-Tại sao các nhà văn khác không được giải Giller?

- Các vị giám khảo giải Toàn-

quyền phải đọc tất cả 118 cuốn tiểu thuyết. Nhưng các vị giám khảo giải Giller hạn định cho mỗi nhà xuất bản chỉ được chọn trình 2 cuốn, tuy họ có đề nghị các nhà xuất bản đưa ra tất cả tác phẩm mới của những tác giả nguyên đã trúng giải Giller trước kia, và những cuốn được vào chung kết bên giải Toàn-quyền. Như thế, các giám khảo giải Giller chỉ phải đọc tối đa là một nửa số sách trình ở giải Toàn-quyền.

5-Thiên hạ nghĩ sao về kết quả?

Trả lời:

a/-Khi vừa về tới văn phòng ở Ottawa, một vị giám khảo của giải Giller là Staines giải thích "Mordecai, Jane và tôi, ai cũng cố tìm một tác phẩm hay nhất. Chúng tôi không hề có sự bận tâm, hoặc ý đồ nào khác. Khi tôi đọc xong tác phẩm của Mistry, tôi mới nhận ra là tôi đang khóc. Ít khi tôi gặp tác phẩm làm tôi xúc động như thế. Có lẽ sau này cũng vậy... Thật là vô lý nếu tự bắt mình phải chú mũi đọc tiểu thuyết trong nhiều tháng. Vì có gì vậy? Chẳng có cái cớ nào chính đáng hết cả".

b/-Ba giám khảo của giải Toàn-quyền, Joan Barfoot, Keith Maillard và Joan Clark phân trần với bộ biên tập nhật báo *The Globe and Mail*: "Thay vì chỉ trích bọn giám khảo chúng tôi, sao họ không giới thiệu những tác phẩm hay hơn? Trong một giải thưởng, có những cái sai, và những cái đúng, nhưng không có gì tuyệt đối. Là giám khảo, chúng tôi không được phép trình bày lại nội dung tranh luận của chúng tôi. Tuy nhiên, chúng tôi có thể nhấn mạnh rằng tiêu chuẩn duy nhất để một tác phẩm trúng giải là "hay", thế thôi".

c/-Khi về đến nhiệm sở là viện đại học British Columbia, giám khảo Maillard nói: "Đánh giá một tác phẩm văn chương không phải là một khoa học chính xác. Chúng tôi không có bản phận phải nhận xét những tác phẩm trước kia của tác giả, cũng không bận tâm đến việc liệu ông ấy hay bà ấy có còn cho ra được cuốn

nào hay hơn nữa không. Chúng tôi chỉ căn cứ vào cuốn này thôi. Và đó là việc chúng tôi đã làm.

6-Tất cả những điều trên giúp chúng ta được gì?

Trả lời:

a/-Thiên hạ hay cầu toàn bằng cách nêu những nhược điểm của các giám khảo.

b/-Là chuyện tất nhiên nếu có những người giỏi giang không đồng ý với nhau về vấn đề thưởng thức.

c/-Cũng là chuyện tất nhiên nếu những người trúng giải cho kết quả cuộc thi là thành công của lẽ phải, và những người thua giải thì cho là bị mua chuộc, là do hiềm khích... Nhưng dù là gì, những cuốn sách được vào chung kết cũng đã được quảng cáo rất mạnh.

*

* *

Còn phần các bạn và tôi, chúng ta nghĩ sao? Có lẽ chúng ta cũng nên mừng được khỏi làm giám khảo cho các giải văn chương Gia-Nã-Đại.

*Bị chú: Những cuốn sách nhắc đến trong bài đều là những cuốn được vào chung kết.

Cũng là chấm giải, nhưng ngon hơn

Thử điểm qua sinh hoạt của các hội đồng chấm giải văn chương quốc gia, quốc tế, thì thấy chỉ có các vị chấm giải Goncourt của Pháp là "ngon" nhất. Ngon ở đây là "ăn ngon".

"Mang tiếng chịu lời" thì giải thưởng nào lại không có. Nguyên tắc của con người là "ở đâu có quyền lợi, thì ở đó có tranh chấp". Thế cho nên, đã làm giám khảo thì phải "chấp hết". Quyền rom vạ đá mà. Nhưng với giải Goncourt, thì các vị giám khảo được đền bù.

Năm nào, kết quả cũng được công bố tại nhà hàng Drouant ở Paris. Lễ này được giữ từ năm đầu phát giải,

1903.

Và thực đơn của bữa ăn của hội đồng giám khảo đã không thay đổi qua gần một thế kỷ. Hay nói cho thật chính xác, người đầu bếp trưởng của nhà hàng có thể thay đổi chút ít riêng về món thịt, tùy theo tình trạng chợ búa trong ngày. Mục đích là để làm cho món thịt ngon hơn. Còn lại là những món truyền thống, bất di bất dịch. Chúng ta thử đọc thực đơn năm nay thì biết cho cả gần trăm năm đã qua, và có lẽ cho cả trăm năm sắp tới nữa: Đùi hoẵng quay, trứng cá "hải lân" biển Caspienne, tôm hùm xốt Meursault, gan ngỗng chưng. Những món khai vị, trung vị, kết vị, và cà phê, và rượu, đều là những loại thượng hảo. Chúng ta chỉ cần nghe cũng đã thấy ngon, và sợ bội thực.

Nhưng thật ra, những thứ ấy không lạ. Chúng ta không được ăn vì không có tiền trả, thì tưởng tượng ra cũng được. E còn có khi ngon hơn, và nhiều hơn. Nhưng những cái này mới là lạ. Mỗi phần ăn như thế, nhà hàng Drouant chỉ tính cho thủ quỹ Hội Goncourt 20 xu thôi. Vị chi cả bàn 10 người, chỉ phải trả 2 quan, không hơn. Giá này đã được nhà hàng ấn định từ năm 1914, và giữ nguyên từ đó đến giờ. Ai dám nói là giới làm ăn không sành văn chương?

Chúng ta cũng nên biết thêm lương đồng niên của mỗi hội viên của tổ chức Goncourt là 60 quan, vĩnh viễn không thay đổi. Và giải thưởng cấp cho tác phẩm duy nhất trúng giải là 50 quan, cũng không thay đổi. Bù lại, các ông hàn bà hàn Goncourt (*) được gì thì các bạn biết rồi; còn tác giả thì sẽ thấy tác phẩm của mình có số phát hành tăng lên với tốc độ chóng mặt.

* Hội nhà văn Goncourt được người Pháp gọi là Académie Goncourt, nên cũng có người gọi đùa các thành viên của tổ chức này là "ông hàn, bà hàn".

Một nhà văn Á-Căn-Đinh

Đây là nhà văn Adolfo Bioy

Casares, 81 tuổi, vừa được giải thưởng Roger Caillois của Pháp.

Hiện giờ, Casares là nhà văn nổi tiếng nhất còn sống của Á-Căn-Đinh. Văn nghiệp của ông gồm nhiều tác phẩm giá trị, và cuốn *L'Invention de Morel* của ông chiếm một vị trí hàng đầu trong nền văn học của châu Mỹ La-tinh. Ông là bạn thân của 2 văn hào Jorge Luis Borges và Roger Caillois (1).

Trong tháng 11.1995, Casares sang Pháp để nhận giải thưởng. Nhân dịp này, ký giả Jean-Rene Van Der Plaetsen của tờ *Le Figaro Littéraire* có phỏng vấn ông. Sau đây là bản tóm tắt những ý chính.

Hỏi: Hình như cụ vẫn giữ nguyên cách viết súc tích với những câu thật gọn trước đây?

Đáp: Đó là thói quen. Cách đây 50 năm, khi bắt đầu viết cuốn *L'Invention de Morel*, cách viết của tôi tồi lắm. Tôi cố gắng sửa chữa lại. Tôi nghĩ mỗi câu văn là một cuộc phiêu lưu: Càng dài thì càng dễ sai. Thế cho nên tôi luôn luôn nghĩ đến việc rút gọn chúng lại. Nhưng cũng có khi tôi bắt đầu một cuốn tiểu thuyết bằng những câu hơi dài, cốt là để câu khách.

Hỏi: Cuốn *L'Invention de Morel* của cụ là một tác phẩm quan trọng trong nền văn học của thế kỷ 20. Nó có làm cho cuộc sống của cụ thay đổi gì không?

Đáp: Khi tôi bắt đầu viết cuốn tiểu thuyết đó, tôi có cảm tưởng là tôi nắm được một chuyện đời tuyệt đẹp. Chỉ mới 26 tuổi, tôi đột nhiên nổi tiếng là nhờ nó. Nhưng cảm ơn Chúa, thành công trong văn chương chẳng liên hệ chi với cuộc sống thực tế...

Hỏi: Tình bạn giữa những nhà văn thường là rất hiếm. Làm thế nào mà tình bạn giữa cụ và văn hào Borges lâu bền như vậy?

Đáp: Chúng tôi viết chung từ năm 1934. Số là người ta đặt cho tôi viết một tài liệu quảng cáo sữa chua, dày chừng 30 trang, với số thù lao rất hậu.

Tôi liền rủ Borges về miền quê, sống trong nông trại của cha tôi, để cùng nhau viết cuốn sách kia. Chúng tôi đã hoàn thành "tác phẩm", rất vui với công việc, rồi nhân đó hứa hẹn với nhau chung sức viết nữa. Năm năm sau, chúng tôi cho xuất bản cuốn *Six problèmes pour Don Isidro Parodi*, ký tên là Bustos Domecq. Bustos là tên ông cố của Borges; còn Domecq là tên ông cố của tôi. Thế là bút danh Bustos Domecq ra đời, làm tác giả 3 tập truyện về sau.

Hỏi: Và cũng từ đó ra đời văn phong "Borges"?

Đáp: Chữ đó chỉ là do các ông phê bình bịa ra mà thôi. Borges đã nhận định về những bài "thời luận" của Bustos Domecq như sau: "Bustos đã viết như một ký giả sinh văn chương. Anh ta lạm dụng những từ mới, những tiếng La-tinh ba rọi, những sáo ngữ, những ẩn dụ đầu Ngô mình Sở, những cách nói trái cựa, và những cách khoa trương". Đâu có gì đáng, mà gọi là văn phong?

Hỏi: Làm thế nào mà hai người cùng viết được?

Đáp: Rất dễ. Người này có thể dựa vào ý của người kia, khi gặp bí. Tất nhiên phải có một tình bạn chân thành, và tuyệt đối không tự mãn. Không thể nào viết chung được, nếu có một người chỉ muốn những ý, những câu, những chữ của mình được dùng.

Hỏi: Cụ đã gặp Borges ở đâu?

Đáp: Ở nhà chị vợ tôi. Bà ấy có một khách thính ở Buenos Aires. Thú thật hồi ấy tôi không thích tham dự những cuộc họp ở khách thính. Nhưng lại chính ở những cuộc hội văn đó, mà tôi đã được gặp những người bạn quý như Borges, Roger Caillouis và nhiều nhà văn Pháp khác nữa.

Hỏi: Có phải cũng tại khách thính kia, cụ đã gặp cụ bà, nữ văn sĩ Silvina Ocampo?

Đáp: Không phải. Do mẹ tôi gài đây. Một hôm, mẹ tôi nói: "Mẹ thấy

trong 5 cô gái nhà Ocampo, con bé Silvina thông minh hơn hết". Sau đó ít lâu, bà lôi tôi đi "coi mắt". Thế là chúng tôi dính.

Hỏi: Chúng tôi biết, cũng giống như Borges, cụ đọc nhiều lắm. Thế thì, cụ thích những cuốn nào nhất?

Đáp: Tôi thích nhất cuốn *La Chartreuse de Parme* (2). Ngoài ra, mấy cuốn của George Moore, một cuốn của Cervantes, và tất nhiên là phải kể sách của Borges. Thơ thì của Paul-Jean Toulet (3).

Hỏi: Cụ có cái may là có thể sống theo sở thích, hoàn toàn cống hiến cho văn học. Nhưng cho đến giờ, cụ có điều gì phải hối tiếc không?

Đáp: Không. Tôi rất biết ơn số phận của tôi. Cha tôi là luật sư; nhờ ông mà tôi có thể sống theo ý muốn. Nghĩa là viết, yêu đương, và chơi quần vợt. Khi còn niên thiếu, tôi đã muốn viết, nhưng đồng thời tôi cũng cố tập để chạy 100 thước trong thời gian ít hơn 10 giây, lại nuôi mộng trở thành cây vợt vô địch thế giới. Tôi bắt đầu tập viết rất sớm, khi mới bảy tám tuổi. Đến năm 14 tuổi, tôi viết được

một truyện ngắn vừa trình thám vừa kinh dị. Sau đó, tôi chuyển qua diễn thuật những giấc mộng của tôi. Cho đến khi tôi nhận thấy không thể nào dựa theo chiêm bao mà tạo nên chuyện hay được, thì tôi bắt đầu bịa ra.

Hỏi: Có phải, cụ cũng giống như Borges, đã nuôi mộng trở thành "uyên bác toàn diện", nhưng không được?

Đáp: Đúng. Khoảng 15 tuổi, tôi tự nguyện sẽ đọc tất cả, và sẽ viết tất cả. Rồi tôi gặp Borges. Khi Borges hỏi tôi thích đọc tác giả nào, tôi kể ra một lô tên toàn là thứ dữ. Nhưng Borges thuần tính lắm, không cười cái lỗ bịch, cái thông thái rôm của tôi lúc bấy giờ.

Hỏi: Có phải cụ cũng cảm thấy mình "Âu" nhiều hơn là "Mỹ"?

Đáp: Cũng không hẳn. Có điều tôi đọc các tác giả Pháp, Anh, và Nga nhiều hơn.

Hỏi: Malreaux có nói người nào cũng là nhân vật chính của những cuốn sách mà họ đọc đi đọc lại. Cụ thích đọc lại cuốn nào?



Đáp: Năm nào tôi cũng đọc lại cuốn *La Chartreuse de Parme*.

1. Jorge Luis Borges (1899-1986), nhà văn Á-Căn-Đinh; Roger Caillois (1913-1978), nhà văn Pháp, năm 1940 đã thành lập học viện Pháp tại Buenos Aires, Á-Căn-Đinh.

2. *La Chartreuse de Parme* là một trong 2 danh tác của nhà văn Pháp Stendhal (1783-1842). Cuốn kia là *Le Rouge et le Noir*. Cuốn trước đã được dịch ra tiếng Việt tại miền Nam trước 1975, với nhan đề *Tu Viện thành Parme*.

3. George Moore (1852-1933), nhà văn Ái-Nhĩ-Lan; Cervantes (1547-1616), nhà văn Tây-Ban-Nha, tác giả quyển *Don Quichotte*; Paul-Jean Toulet (1867-1920), nhà thơ Pháp.

Điều ố điệu

Câu tục ngữ trên của người Việt mình, cũng hơi vớ vẩn cả năm, nhưng rất “nhân loại”. Là vì nó còn đúng cho cả người Mỹ nữa. Các bạn cứ đọc hết phần này, sẽ biết tại sao.

Tôi có thói quen cuối tuần nào cũng dành ra một buổi để đi dạo qua các tiệm sách và thư viện, coi có cuốn nào mới, đáng đọc không. Sách mới, thì thường xuất hiện ở tiệm trước thư viện. Thấy ở tiệm rồi, tôi sẽ vào thư viện tìm mượn. Tôi cũng biết nếu đọc giả nào cũng đi con đường vòng như tôi, thì tác giả chỉ còn nước gác bút. Nhưng lắm khi “cái khó nó bó cái nên làm”. Sách mới mắc lắm.

Nhưng đi dạo trong tiệm sách, đôi khi cũng là cái thú, nếu mình được tự do đi, chứ không có người bán sách đi theo chào mời. Có họ đi theo bên cạnh thì phiền lắm. Có khi “cái khó không bó nổi cái sĩ diện”.

Cuối tuần trước, ở một tiệm sách, tôi cũng làm một chuyến “đi dạo” như thế. Dừng chỗ này một chút, dừng chỗ kia một chút, cầm vài cuốn lên coi bìa trước bìa sau, lật xem các tiểu đề bên trong, rồi để vào chỗ cũ. Đôi khi còn sửa cho ngay ngắn để tỏ ra văn minh lịch sự... Chợt một cuốn sách mỏng khiến tôi chú ý: Tựa sách và tên tác giả là một. À, thì ra là một

cuốn tự truyện. Có điều tác giả dùng luôn tên mình làm tên sách. Tay này thẳng thắn có cỡ đây.

Nhưng cái làm cho tôi ngạc nhiên là cái tựa phụ. Nó dài lắm, có lẽ dài vô địch:

“11 đời tổng thống, 4 cuộc chiến tranh, 22 hiệp ước chính trị, 1 chuyến viếng cung trắng, 3 vụ ám sát, 2.000 tuần lễ tin tức và những thứ khác trên truyền hình, và 18 năm lớn lên ở Carolina Bắc”.

(Có bạn nào hụt hơi, hay ngây ngất gì không?)

Tôi tự nhủ: Một “ông Trạng” thú thật đây mà. Và tôi chợt nhớ đến những tấm danh thiếp mà cái tên không thể nào in ở giữa được, vì phía dưới phải dành cả chục hàng để in chức tước, nào “đương kim”, nào “cựu”, nào “nguyên”.

Đây là cuốn *David Brinkley* của David Brinkley.

Con người này là ai mà tự quảng cáo “bộc trực” quá vậy?

Tên thật của ông ta đó, còn nghề nghiệp thì, ông ta là người đọc tin và bình luận trên hệ thống truyền hình Hoa-Kỳ, đã gần 50 năm. Về phẩm chất của công việc, ông ta là một người xướng ngôn rất giỏi, đã được nhiều thính giả và đồng nghiệp phê bình là “người ăn nói có duyên”.

Nhưng bây giờ, ông ta không để người khác khen, mà tự mình khoe ra thành tích của mình, nên mới có chuyện. Một đồng nghiệp của ông là Bill Carter, nhận xét rằng cuốn tự truyện viết không đúng sự thật ở nhiều chỗ; có chỗ lại cho thấy tác giả là con người vô tình, không trung hậu... Người phê bình dẫn chứng: Tác giả không nói thẳng vào sự việc, mà cứ nói vòng vèo; như về chuyện hôn nhân của mình chẳng hạn. Nhắc lại chuyện gia đình, tác giả lại tỏ ra không nguôi thù hận đối với bà mẹ mà ông cho là đã giày vò cha ông. Tác giả kể ra bao nhiêu sự kiện để chứng tỏ ông rất thân cận với Robert Kennedy, nhưng đến khi thuật lại vụ ông này bị ám sát năm 1968, thì giọng kể dừng dưng như đang nói về một người xa lạ.

Cùng có chung đối tượng với sự ngạc nhiên của tôi khi mới nhìn thấy cuốn sách, người phê bình cũng chú ý đến cái tựa phụ. Carter xán cho một câu: “Cuốn tự truyện thật vụng về với cái tựa phụ hết sức vô duyên”. Hóa ra, từ người “ăn nói có duyên” đến cái tựa sách “vô duyên”, khoảng cách không gian và thời gian chẳng có là bao. Nhưng chưa hết, cuối bài nhận xét, Carter kết luận bằng những ý này: “Dường như bốc đồng là cái kiểu sống của David Brinkley, nên tác phẩm của ông ta cũng bốc đồng, chứa đựng toàn chuyện bốc đồng. Nhiều chuyện đọc thấy thú vị, nhưng có chuyện đọc thấy mắc cỡ. Tuy nhiên, tất cả đều rất là David Brinkley”.

Người phê bình nói cũng đúng, nhưng quá đáng. Và tôi đã nhận xét bằng câu “điều ố điệu”, sau khi thử đọc cả cuốn tự truyện. Cuốn sách không dài mấy, đọc “cho biết” thì cũng không mất bao nhiêu thì giờ. Nhưng phải nhìn nhận nó chứa rất nhiều tài liệu và sự việc thú vị. Bỏ qua cách kể chuyện của đương sự (người ta đang nói về chính người ta mà, để ý cách nói làm gì), và đọc theo cách đọc “hồi ký”, thì chúng ta sẽ chỉ được lợi, mà khỏi phải bực mình: Gặp chỗ khen, chúng ta trừ đi 50 phần trăm; gặp chỗ chê, chúng ta cũng trừ đi 50 phần trăm; có thể chúng ta có được sự thật.

Nhưng lời Carter chê cái tựa phụ là vô duyên thì thật đích đáng. Thật vô duyên hết cỡ! Kể hết ra như thế, rồi ông Bành-Tổ viết tự truyện, thì cái bìa phải bao lớn mới đủ chỗ mà in?

Một bản tình ca sung sức

Đây là một bài thơ tình được chọn trong rừng thơ tiếng Anh của Gia-Nã-Đại. Trong bài thơ này, tác giả cũng khoe khoang đủ thứ (giống như xướng ngôn viên David Brinkley), nhưng chỉ khoe với một người. Lời lẽ lại chân thành tha thiết, khiến độc giả sinh lòng lân mẫn, tự hỏi sao người được hỏi không chịu trả lời là “có”.

Bài thơ này được trích trong tập thơ *Here I Sit* của Rene Fumoleau, nhan là *My love*. Qua bản dịch sau đây, các bạn thử thưởng thức xem “thơ tình” của người ta ra sao.

*Em yêu,
em không thích sao
những quần áo đẹp,
những châu ngọc đắt tiền,
những chiếc xe đua anh tặng cho
em?*

*Em yêu,
em không thích sao
những chuyến anh đưa em theo,
những lần nghỉ mát anh thu xếp
cho em,
những hội vui anh giới thiệu em
vào,
những ngôi nhà tráng lệ anh cất
cho em,
những buổi tiếp tân anh tổ chức để
em khoe nhan sắc?*

*Em yêu,
em không thích sao
bạn bè của anh,
lối sống của anh,
tài nấu nướng tuyệt vời của anh,
cách trang phục lịch sự của anh,
thẩm quan cao nhã của anh trong
họa nhạc?*

*Em yêu,
em không thích sao
những mục đích cao xa thăng tiến
của anh,
những tranh đua, những thắng lợi
của anh,
những nhãn quan, những quyết
định của anh,
những lập trường, những tín
ngưỡng của anh,
những tài sản chất chồng cùng
lòng bác ái của anh?*

*Em yêu,
em không yêu anh sao?*

Bao nhiêu câu hỏi nêu ra đều chưa được trả lời. Nhưng chúng ta có thể đoán “em yêu” của nhà thơ sẽ trả lời là “không”. Lý do thật dễ hiểu. Thứ nhất, cái gì cũng là “của anh”; chẳng

có cái nào là “của em”. Thứ hai, những cái “của anh” đó không chắc là cái “anh yêu” đích thực của người được hỏi.

Nhưng phải thành thực nhìn nhận rằng các nhà thơ Việt của chúng ta, nhất là những nhà thơ hải ngoại, không thể nào làm được một bài thơ “sung sức” như vậy. Chữ nghĩa thì có thừa, nhưng “thị liệu” đâu có dồi dào, để mà hỏi người yêu những câu nghe hấp dẫn quá vậy?

Người Pháp bàn chuyện của người Mỹ

Rõ ràng là người Pháp không biết đến câu châm ngôn của ta: “Đền nhà ai nấy rặng”.

Kennedy là tổng thống của người Mỹ, bị ám sát ngày 22.11.1963, cách nay đã 32 năm. Nhưng trong tháng 11.1995, báo chí Pháp lại khơi lại rất kỹ vụ xì-căng-dan chính trị ấy. Thôi thì đủ thứ: Xã luận, tường thuật (kiểu cổ sự tân biên), phê bình sách, hình ảnh (tất nhiên là hình ảnh cũ). Có tờ không kiếm đâu ra được hình ảnh của biến cố Dallas 63, đành đại lên những hình ảnh khác, chỉ cần có mặt vợ chồng Kennedy. Có những bài có tựa mang đầy tính cách chỉ trích, như “Văn minh hay Man rợ?”. Những bài như thế, thì chưa đọc cũng đã biết tác giả viết những gì.

Sau đây, tôi chọn một bài có luận điệu tương đối ôn hòa, để giới thiệu với các bạn một cách người Pháp “hiếu” người Mỹ. Đây là bài xã luận của Jean-Marie Rouart, trên tờ *Le Figaro Littéraire*.

“Máu”.

“Sắc đẹp và tuổi trẻ, quyền năng và cái chết: Những câu chuyện lớn luôn luôn được cấu tạo bằng những chất liệu muôn thuở này. Huyền thoại về những người trong dòng Kennedy cũng rập khuôn theo những bi kịch Hi-Lạp, chỉ thêm những hợp tố của thời đại chúng ta. Vì chúng ta không phải ở Thèbes, ở Memphis, ở Sparte, ở Athènes (1), mà đang ở Dallas. Vị anh hùng không tử nạn vì tên, vì lao, mà vì những viên đạn của một khẩu

súng có máy ngắm. Những cận thần được thay thế bằng những cảnh sát, nhưng cũng giáo quyết như nhau. Đạo diễn vở kịch không phải là những vị thần trên đỉnh núi Olympe (2), mà là những nhân viên mật vụ của CIA và FBI. Những kịch bản xưa của Sophocle, Euripide, và Shakespeare (3), lại được những kịch sĩ trẻ, đẹp, đầy tham vọng, gốc Ai-Nhĩ-Lan, thủ diễn. Cần một nữ diễn viên để cho màn kịch thêm phần thú vị ư? Thì đã sẵn Marilyn Monroe rồi đó. Chúng ta có quá nhiều nhan sắc cùng với tài năng, tuổi trẻ cùng là tình yêu. Nhưng thay vì thành công và may mắn như chúng ta chờ đợi, thì tử vong và bất hạnh đã xảy ra.

“Trước 23 thế kỷ, tướng lãnh kiêm chính trị gia Hi-Lạp Alcibiade bị kẻ thù bắn trúng tim, ngã chết trong tay vợ, là một biến cố nhất thời. Sau 23 thế kỷ, Kennedy bị đạn trên một chiếc Cadillac mui trần, là một vết thương không bao giờ lành của nước Mỹ. Nước Mỹ kiêu căng, thích đi dạy thiên hạ những bài học công lý, đã bị đánh trúng tim. Nước Mỹ quán quân về dân chủ, về văn minh hiện đại, bỗng nhiên cảm thấy mình lùi lại tận thời man rợ. Cho đến khi nào có một phiên tòa đưa ra ánh sáng những kẻ phạm tội, thì nước Mỹ mới lấy lại được danh dự đã bị những tên mật vụ dè tiện chôn vùi.

“Có những người dân Mỹ và những nhà tiểu thuyết cứ muốn khơi lại mãi vết thương lịch sử và sự nhục nhã này. Họ muốn tìm hiểu tận gốc những nguyên nhân nào đã tạo ra cái hố sâu ngăn cách lý tưởng dân chủ của họ và cái tội ác không bị trừng phạt kia. Người Mỹ không thể nào quên nỗi cái vết thương xâm hại đến những huyền thoại dựng nước của họ. Máu của vết thương chảy ra, làm hoen ố lá cờ sao, họ không tẩy được, nên họ cứ phải bận lòng”.

1. Thèbes (Ai-Cập), Memphis (Ai-Cập), Sparte (Hi-Lạp), Athènes (Hi-Lạp) là những nơi ngày xưa đã xảy ra nhiều biến cố chính trị.

2. Olympe là một ngọn núi ở Hi-Lạp, theo truyền thuyết là nơi các vị thần ở.

3. Sophocle (Hi-Lạp, 496-406 trước CN), Euripide (Hi-Lạp, 480-406 trước CN), Shakespeare (Anh, 1564-1616) đều là thi sĩ-kịch tác gia.

Salman Rushdie không cô đơn

"Làm Người Ba-Tư" là nhan đề cuốn hồi ký mới được xuất của Manouchehr Ganji, một học giả người Iran lưu vong.

Ganji nguyên là Bộ trưởng Giáo dục trong chính phủ quân chủ của Iran. Sau cuộc cách mạng 1979, ông sang Mỹ tị nạn. Hành trang đem theo độ thân chỉ là những tấm thảm Ba-Tư đắt tiền. Với số tiền bán thảm, ông mở một lò bánh mì tại Texas. Trong khi công việc làm ăn đang phát đạt, thì ông được vị hoàng tử con của cựu quốc vương Iran, mời sang Paris lãnh đạo phong trào kháng chiến của nhóm bảo hoàng. Ông rời Mỹ đi Pháp năm 1986. Nhưng hoạt động chung với họ ít lâu, Ganji nhận ra những người bảo hoàng có đầu óc hẹp hòi và chỉ biết có quyền lợi của họ. Ông liền ly khai, tổ chức một nhóm kháng chiến quốc gia dân chủ lấy tên là "Ngọn Cờ Tự Do". Nhóm này lập một đài phát thanh bí mật, hướng về Iran, phổ biến những tài liệu chống độc tài.

Trong cuốn hồi ký, Ganji kể rằng năm 1993, chính phủ Iran buộc tội ông là "âm mưu chống lại Hồi-Giáo", và hứa thưởng cho ai giết được ông. Đã có một số đồng chí của ông bị ám sát. Riêng ông thì chưa, nhưng nhân viên an ninh của Pháp phải ngày đêm bảo vệ, và đi đâu ông cũng phải mặc áo giáp và dùng xe chống đạn. Ông nói: "Tôi tố cáo những vụ vi phạm nhân quyền tại Iran, tức là tôi đã tự tay ký vào bản án tử hình, mà các lãnh tụ Hồi-Giáo nước tôi đã ban cho tôi".

Báo chí Pháp gọi cuốn hồi ký của Ganji là một "bản cáo trạng đau thương". Nhưng tác phẩm cũng phân tích khá rõ về những nhóm Hồi-Giáo

tuyết xuân

*Khuya nền nhỏ hai hàng tuyết trắng
Gió tàn đông lạnh gót xuân vương
Tìm hoa xưa nở, đồng mộng quạnh
Tay áo bay vời theo khói sương.*

*Xuân trôi mây trắng, anh đào nở
Lòng trôi dòng nhỏ, nhánh sông chia
Tiểu khê phương lạ, đêm trường đỏ
Một giải hoa, mù bay tuyết khuya.*

phan thịnh



cấp tiến đang hoạt động bên ngoài Iran.

Tựa tiếng Pháp của cuốn sách là *Être persan*; tựa tiếng Anh là *To be a Persian*. Tôi đã dịch như trên, nhưng vẫn cứ muốn thêm cho dài ra: *Làm người Ba-Tư khó lắm thay!*

Bất hiếu hữu da, vô tâm vi đại

Nhân vật mà chúng ta sắp đề cập đây là một con người lỗi lạc, thật lỗi lạc, nếu chỉ xét về mặt tài năng: Ông Rupert Murdoch, người Úc, được gọi bằng "sir", năm nay 64 tuổi, tài sản nếu ghi bằng tỷ, thì cũng phải dùng đến 2 con số.

Ông Murdoch có thừa hưởng di sản của cha, nhưng không nhiều. Người cha qua đời chỉ để lại cho ông làm vốn kinh doanh một tờ báo nhỏ ở Úc. Nhưng di huấn của người cha thì lớn: "Con nên dành cuộc đời cho báo chí và truyền thông, với tấm lòng nhân ái vị tha".

Ông Murdoch đã làm theo lời cha dặn, nhưng chỉ với phần đầu.

Từ một tờ báo nhỏ của thân phụ để lại, ông ta phát triển thành một "đế quốc" báo chí và truyền thông mà

lãnh vực là khắp thế giới. Hiện nay, tổ hợp của ông kiểm soát nhiều tờ báo lớn của Anh, của Mỹ, và của Úc, nhiều hệ thống truyền thanh và truyền hình quốc tế, và đại công ty điện ảnh *The Twentieth Century Fox*.

Năm 1994, tính tất cả lợi tức của mọi ngành xuất bản sách báo, truyền hình và phim ảnh, vệ tinh truyền thông cùng mạng lưới "Internet", tổ hợp Murdoch đã thu được 9 tỷ đô-la.

Hai giới báo chí và truyền thông quốc tế đã bắt đầu gọi Murdoch là "tài phiệt" từ nhiều năm rồi. Nhưng người ta chỉ mới "hài tội" ông ta gần đây, khi mà tham vọng không bờ bến của ông ta trực tiếp gây thiệt hại cho người khác. Lời tố cáo quan trọng nhất là của Andrew Neil, người đã từng cộng tác với Murdoch: "Ông ta gạt đài BBC ra khỏi hệ thống vệ tinh truyền thông của ông ta, là cốt để lấy lòng Trung-cộng, hòng hưởng lợi về phía này". Ngoài ra, không ai quên được chuyện Murdoch canh tân hệ thống nhà in ở đường Fleet, khiến cho cả công đoàn thợ in của Anh không còn chỗ đứng. Hiện nay, những tờ báo nhỏ của Murdoch có số phát hành lớn, nhưng phẩm chất rất kém. Còn những chương trình truyền hình của ông thì chỉ nhắm khai thác thị hiếu thấp kém của khán thính giả, chớ

không có giá trị gì về văn chương nghệ thuật.

Tóm lại, Rupert Murdoch chỉ nhắm mục đích làm giàu, hề thấy lợi là làm. Ông không kể đến chuyện “nhân ái, vị tha” mà cha ông đã dạy.

Tìm đã thấy nguồn

Có những cái cố ý tìm mãi thì không thấy, nhưng ngẫu nhiên lại gặp. Đó là trường hợp người Do-Thái tìm được mộ tổ.

Chuyện này xảy ra khoảng cuối tháng 11.1995.

Xa lộ 443 chạy ngang phía bắc, cách thành phố Jerusalem 30 cây số, đang được mở rộng. Cảnh binh phải đứng gác cho công tác, bởi vì có một số người theo Chính-Thống-Giáo cực đoan, mặc toàn đồ đen, đang biểu tình phản đối. Có người còn nằm lăn xuống đất, đọc kinh, để cản trở. Họ la lên: “Các người không được quấy nhiễu mồ mả của người Do-Thái. Các người không được ăn trộm hài cốt của ông bà”.

Thật ra, đối tượng căm giận của nhóm biểu tình không phải là đám phu làm đường, mà chính là một toán khảo cổ. Nhóm này đang đào bới rất hăng, vì vừa tìm được một di chỉ hết sức quan trọng: Cái hang mai táng những chiến sĩ của dòng họ Macabée, dòng họ cầm đầu những cuộc nổi dậy trong thế kỷ thứ 2 trước Công Nguyên, chống lại các ông vua Séleucide.

Những vật mà toán khảo cổ vừa tìm thấy là những chứng tích về dòng họ Macabée của người Do-Thái, mà trước đây chỉ thấy nói trong Thánh-Kinh.

Giáo sư Yeshayahu Gafni, dạy sử tại trường đại học Jerusalem, nói: “Trong bao nhiêu năm, các học giả đã cố tìm cho ra cái địa điểm khó định vị này. Ngày xưa, xưa lắm, người ta đã nói tới chỗ chôn cất những chiến sĩ anh dũng kia. Và có một tấm bản đồ khảm, tạo ra từ thế kỷ thứ 6, mô tả chỗ ấy. Bản đồ để tại Madeba, xứ Jordan. Nhưng đáng tiếc là về sau,

tấm bản đồ thất lạc”.

Sự ngẫu nhiên đã xảy ra như vậy: Chiếc xe ủi đất đang san mặt đường, thì chột lưỡi xẻng của nó gạt lộ ra một miệng hang. Toán làm đường lập tức đình chỉ công tác, giữ nguyên chỗ ấy, và thông báo ngay cho giới chức có thẩm quyền về di tích lịch sử. Nhà khảo cổ Shimon Riklin và một toán công nhân, được lập tức phái tới.

Chỉ sau mấy ngày, toán khảo cổ đã tìm được 2 cái hang chứa 23 cái quách bằng đá dựng hài cốt, đặt sâu vào vách hang.

Trên một cái quách, thấy có khắc bằng chữ Do-Thái, chữ “Hasmonean” là một cái tên khác của thị tộc Macabée. Trên một số quách khác, thấy khắc những tên “Sarah”, “Mariama”, Eliezer, Alazar, bằng chữ Hi-Lạp, và trên một cái khác nữa, tên Simon bằng chữ Do-Thái. Ngoài ra, trong hang còn có những đồng tiền, những cây đèn dầu, của thời đại Macabée.

Shimon Riklin tuyên bố đây đúng là những chứng vật về dòng họ Macabée. Căn cứ vào cách chôn cất, cùng những đồ vật thu được, các chuyên gia khác của viện khảo cổ Do-Thái cũng đồng ý như vậy. Những cái tên khắc trên những chiếc quách kia đúng là tên của các tiền nhân dòng Macabée. Efrat Orbach, phát ngôn viên của viện khảo cổ nói: “Cứ theo các tài liệu lịch sử, chúng tôi cũng biết là họ được chôn trong vùng đó, nhưng không thể nào biết đúng là ở đâu”. Riklin thì đoán nơi ấy là chỗ mai táng 3 thế hệ Macabée, trong đó có thế hệ lưng lầy nhất là Judas Macabée và anh em của ông.

Theo sử, chính Judas Macabée đã lãnh đạo cuộc nổi dậy chống vua Antiochos IV của xứ Syrie, một bạo chúa xâm lăng đã ngược đãi người Do-Thái, và đã phá các đền thờ của họ. Judas chiến thắng, thu phục lại Jerusalem, chỉnh trang lại các đền thờ, vào năm 165 trước CN. Nhưng đến năm 63 trước CN, thời đại Macabée chấm dứt với cuộc xâm lăng của tướng La-mã Pompée.

Nhiều học giả nhận định rằng sự

khám phá kể trên đã làm cho người Do-Thái xúc động. Cũng dễ hiểu, vì Macabée chính là thời kỳ độc lập cuối cùng của người Do-Thái trên đất nước của họ, cho đến ngày nay, thời kỳ tân độc lập. Có thể nói, nước Do-Thái mới vừa tìm được di tích của nước Do-Thái cũ.

Nhưng đối với những người cực đoan biểu tình phản đối cuộc khai quật, toán khảo cổ phải trả lời thế nào? Riklin giảng giải: “Không phải chúng tôi khai quật để nghiên cứu. Nhà chức trách làm đường ở chỗ này. Theo luật lệ của chúng ta, người sống được coi là quan trọng hơn người chết. Nếu người sống cần một con đường mới, người chết có thể được dời đến một chỗ xứng đáng khác”. Nhưng cơ quan bảo tồn di tích lịch sử của Do-Thái rất mạnh. Họ ra lệnh giữ nguyên trạng khu hang Macabée, và xa lộ 443 phải đi vòng để tránh chỗ ấy.

Sự phát hiện di tích này cũng làm thay đổi một ít phong tục đã có từ lâu của người Do-Thái. Trong 60 năm qua, nhiều người Do-Thái đã đi hành hương đến một công viên quốc gia mà họ tin là nơi mai táng dòng họ Macabée. Và những người tham dự cuộc chạy đua hàng năm trong dịp lễ Chanukah(*), cũng bắt đầu cuộc thi từ công viên ấy. Trước đây, các nhà khảo cổ đã cho biết công viên kia chỉ chỗ chôn những người lính La-Mã xâm lược, chứ không phải các nghĩa sĩ dòng Macabée, nhưng những người hoài cổ cố chấp kia, vẫn cứ làm theo ý họ.

Bây giờ, biết là làm, chắc họ sẽ “dời chỗ”. “Nhưng trong dịp lễ Chanukah(*) sắp tới đây, nếu họ vẫn trở lại nơi cũ để cầu nguyện, thì chúng tôi cũng không cản trở”. Phát ngôn viên của Sở Bảo Tồn Di Tích Lịch Sử nói vậy.

* Chanukah (cũng gọi là Hanukkah) là lễ của người Do-Thái, kéo dài 8 ngày, bắt đầu từ ngày 17 tháng 12; họ kỷ niệm chiến thắng của các vị anh hùng Macabée, giải phóng đất nước khỏi ách thống trị của người Syrie.

Thi Ca "Đức Mã"

Trần Văn Tích



Nếu ông Hans Tietmeyer, Thống đốc Ngân hàng Liên bang Đức, mà đọc được đầu đề bài này thì chắc ông sẽ nổi giận. Nhưng đó cũng phần nào do lỗi của ông, nên ông phải răn chịu vậy: tại sao tên gọi đồng tiền do ông quản lý lại cũng viết là DM và nhất là cũng đọc là ĐM giống y như chữ ĐM trong Việt ngữ, là chữ được con Rồng cháu Tiên vận dụng khi nổi tức nổi khùng?

Giận là một trong những tình cảm tự nhiên của loài người, kể từ khi con người còn trứng nước. Kèm theo tâm trạng giận dữ có những biểu hiện sinh lý: tim đập nhanh, mặt đỏ lên hay tái mét, tay run; ở trẻ em có khi cứng đờ toàn thân, có khi ngất xỉu, khiến các bậc làm cha mẹ khiếp vía hoảng hồn. Ở người lớn, trong trạng thái nhiều tâm, cơn giận thường nổi lên khi có người khác mục kích; người tâm thần

phân liệt khi giận dữ thì lại tìm cô đơn; trong chứng động kinh, hay xảy ra những cơn giận vô cớ, bất ngờ; trong chứng cuồng ám, cơn giận lại xuất hiện có tính toán, nhằm báo thù.v.v..

Trong văn học, nhiều khi văn chương mang sắc thái nổi loạn, văng tục. Một người rất mực trung hậu, hết sức điềm đạm là nhà văn Võ Phiến mà cũng từng có lần phải biện bạch: "Khi mình là dân một nước đã trải qua bao nhiêu năm khói lửa, rồi lại trông thấy trước mặt một viễn tượng đầy máu me, khi ấy nói về kẻ gây thảm họa thật khó giữ lòng bình thản để nói lời tao nhã". (Tập luận, nxb Văn Nghệ, 1987, tr.25) Nói cách khác, ông Võ Phiến chỉ muốn ĐM Vem.

Nói chung, khoa "tu từ học" chữ bới thường dùng cách kêu réo tổ tiên

cha mẹ đối tượng bị thoá mạ coi như để sỉ nhục những người này cho hả giận; hoặc đề cập đến các cơ quan sinh dục, đến động tác tính giao nhằm dùng những lời lẽ xúc phạm cay độc để nhieét móc kẻ bị nguyên rửa một cách tục tĩu thô bỉ.

Ca dao chữi xéo con ong cánh bướm:

Mồ cha con bướm trắng, để mẹ cái ong xanh

Khen ai uốn lưỡi cho anh nói càn.
hoặc:

Mồ cha con bướm trắng, để mẹ cái ong vàng

Khen ai uốn lưỡi cho nàng nói chua
Có khi người ta tự chữi để xác định lập trường, bày tỏ quyết tâm. Cô gái lộn chồng nhất định cứ lộn:

Sáng ngày ra đứng cửa đông,
Xem một quẻ bói, lộn chồng được chẳng?

Thầy bói gieo quẻ nói rằng:
Lộn thì lộn được, nhưng năng phải
dồn.

Mồ cha đứa có sợ đòn,
Miễn là lấy được chồng giòn thì thôi.
Trong khi đó thì người thiếu nữ
chính chuyên lại đào mồ cuốc mả lũ
đàn ông dâm bôn mắc dịch:

Em là con gái có chồng
Mồ cha những đứa đem lòng nọ kia.
Đối tượng bị lãng mạ có khi là một
gã trai bạc hãnh:
Mồ cha con bướm khôn ngoan,
Hoa thơm bướm đậu, hoa tàn bướm
bay.

Nhưng lòng người đen bạc phụ
phàng cũng bị lên án qua một lời văng
tục:

Mồ cha cái áo rách này,
Mất chúng mất bạn vì mày áo ơi!
Thầy Mạnh ở tuốt bên Tàu tuy
hoàn toàn vô can mà vẫn có thể dính
dáng vào chuyện dù cha dù mẹ:
Thầy Mạnh? Cụ Mạnh sinh ra
Đù mẹ con hát, tổ cha thằng bà!

Đọc câu hát, có thể hình dung ra
nội vụ. Trong một vụ hát hò đối trao
ở một phường nón, phường vải nào
đó, bên cạnh trai chưa vợ gái chưa
chồng tham gia đông đảo, còn có
những người ở tuổi trung niên, đã có
gia đình, nhất là các thầy đồ, thường
ngồi "bể chuyện" ở hậu trường, đứng
đằng sau gà các cô, giúp các cậu, đặt
lời cho các cô gái hát để đối đáp với
những chàng trai từ nơi khác đến.
Nhà nho đi hát gheo như thế cũng là
một cung cách tham gia hoạt động
văn nghệ như đi hát ả đào, có hát có
xướng, có hẹn có hò theo cách sống
hào hoa phong nhã. Chẳng ngờ gặp
phải một câu hỏi lắt léo, hóc búa, ác
khẩu để bắt bí đối phương; đại khái
hỏi rằng ai sinh ra Mạnh tử. Hỏi như
thế thì chết cha người ta rồi. Nếu mọi
người đều biết thân phụ thầy Khổng
tên gì, ông nội tên gì, ông cố tên gì
thì *Sử ký Tư Mã Thiên*, phần *Mạnh tử*,
Tuân Khanh liệt truyện chỉ chép
Mạnh Kha người huyện Trâu, thụ
nghịệp học trò của Tử Tư. Phần còn
lại về lý lịch thầy Mạnh là truyền
thuyết: tương truyền thầy thuộc dòng
đôi quí tộc, tục truyền thuở nhỏ thầy

chịu sự giáo huấn rất chặt chẽ của bà
mẹ. Còn ngoài ra chẳng ai hay thân
phụ thầy Mạnh tên gì, cho nên hỏi ai
sinh ra thầy Mạnh thì chỉ có cách
văng tục để mà trả lời. Và qua câu trả
lời vừa chửi kẻ hát đố vừa chửi đứa
xúi bẩy.

Phần uất thì chửi rửa là phản ứng
tâm sinh lý lành mạnh. Hồ Xuân
Hương ngứa gan vì cảnh đời làm lẽ,
vì lối sống nàng hầu, vì những nỗi
đau đớn tủi nhục căm tức của kiếp lấy
chồng chung nên chửi toáng lên:

Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh lòng,
Chém cha cái kiếp lấy chồng chung.
(Làm lẽ)

Không phải nữ sĩ chửi... chơi, nữ
sĩ chửi thật. Bởi chính bản thân nàng
cũng đã làm lẽ, cũng đã goá chồng.
Cho nên nàng cảm thông sâu sắc với
bao nhiêu kiếp (chứ không phải chỉ
một đời) người đàn bà nạn nhân chế
độ đa thê qua hàng ngàn năm xã hội
phong kiến. Nữ sĩ chắc chắn cũng
liên tưởng đến hoàn cảnh các cô gái
chứa hoang hay chứa oan:

Chém cha cái nước sông Bờ,
Nghĩ rằng bán nước, ai ngờ bán con.
(ca dao)

Người thiếu nữ đáng thương bám
vào hy vọng mỏng manh mình chỉ bị
bán nước chứ không phải có thai.
Bán nước là tình trạng bệnh lý do
các chất dịch cơ thể tích tụ lại trong
màng bụng khiến bụng to phình lên,
tiếng Pháp gọi là *ascite*.

Nguyễn Du cũng biết chửi khi cần
thiết. Từ tình cảnh bi thảm của Thúy
Kiều, nhà thơ khái quát hoá để mô tả
số phận chung của nữ giới:

Chém cha cái số hoa đào,
Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi.

Chém cha vốn là quốc hồn quốc
túy của ngôn ngữ nòi Việt chứ chẳng
phải tầm thường. Bằng cố là các ngôn
ngữ Âu Tây đành chịu thúc thủ không
làm sao chuyển dịch được. Nguyễn
Văn Vĩnh, Xuân Phúc đều dịch:
"maudite soit cette destinée..." như
vậy là chỉ bảo rằng cái số đào hoa
đáng bị nguyên rủa, đáng bị coi là tệ
mạt chứ đâu có *chém cha* nó được như
Nguyễn Du! Tiếng Anh cũng vậy. Lê
Xuân Thủy dịch là "The devil takes

the fate of those girls who were born
under the sign of the peach-flower
star"; Huỳnh Sanh Thông dịch "The
fate of peach blossom - what a curse!"
thì chung qui cũng chỉ là một cách
dùng lời lẽ độc địa cầu cho cái số đào
hoa gặp thể này thể nọ, chứ đâu có
lột được cái ý rủa sả cay cú, chửi bới
đay nghiến của Việt ngữ! Chẳng thế
mà Tản Đà chú: "Hai chữ chém cha,
có dùng trong văn chương, chỉ riêng
thấy ở câu đây và trong thơ Hồ Xuân
Hương: Chém cha cái kiếp lấy chồng
chung! Thật là tay văn mới dám dùng
mà cũng mới dùng nổi chữ đó". Sau
Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du;
Nguyễn Công Trứ cũng sẽ câu kinh
nguyên rủa cảnh sống túng bấn khó
khăn, tài chánh khốn quẩn:

Chém cha cái khó! Chém cha cái khó!
Khôn khéo mấy ai? Xấu xa một nó!
(Hàn nho phong vị phú)

Thật ra Nguyễn Du đâu sao cũng
còn mực thước. Có chửi bới cũng chỉ
vừa phải. Quá lắm thì thi bá nghiến
răng trèo treo:

Hồng quân với khách hồng quân
Đã xoay đến thế, còn vãn chưa tha.
hay nộ khí xung thiên thì quát tháo
la lối:

Phận sao bạc chẳng vừa thôi,
Khăng khăng buộc mãi lấy người hồng
nhân?

(Truyện Kiều)

Trái với Phạm Thái, Nguyễn Công
Trứ; chư vị này ĐM thẳng thừng.
Nguyễn Công Trứ bất bình bức tức vì
cảm cảnh sĩ khí đời trụy, nhân tâm
điên đảo, nên vỗ án chửi đổng, riếc
móc cuộc đời:

Đéo mẹ nhân tình đã biết rồi,
Nhạt như nước ốc, bạc như vôi.
(Nhân tình bạc bẽo)

Đéo mẹ là tiếng chửi thề nặng
nhất, nhẹ hơn thì có *đéo bà*, nhẹ hơn
nữa là *đéo hỏa* (theo Lê Văn Đức và
Lê Ngọc Trụ trong *Việt Nam tự điển*).
Cho nên khi mất mạng đến nơi, khi
đối diện với đao phủ thì người ta phải
đéo mẹ số phận như câu chuyện
truyền tụng về những giờ phút cuối
cùng của Cao Bá Quát:

Ba hồi trống giục, dù cha kiếp!
Một nhát gươm đưa, đéo mẹ đời!

Phạm Thái chán chường đến độ bi phần, xem những phường vô sĩ quanh ông không còn xứng đáng là người mà chỉ toàn là chuột bọ, chó má; xem nhân gian không còn là môi trường sinh hoạt nên hẳn học nguyên rủa:

*Thôi về Tiên Phật cho xong kiếp,
Đù ỏ trần gian sống mãi chi!*

(Cảm thán)

Nguyễn Khuyến thì tập trung mũi dùi nhức móc thoá mạ vào một thành phần xã hội - có lẽ đáng thương hơn đáng giận - là giới me Tây. Yên Đỗ dụng công sưu tập những lời chửi chua ngoa tàn độc trong dân dã để mô tả tập thể dĩ gặp thời, dĩ bao tử, dĩ mười phương chơi cho đủ chín, còn một phương nhịn để lấy chồng, dĩ vợ bọm chồng quan.v.v... Gọi đích danh những cô Tư Hồng, mụ Hậu Cẩm để đả kích thấy chưa đã nư, quan Hoàng giáp buông một câu chửi rất tục:

Cha đời con dĩ cầu Nôm.

(Đĩ cầu Nôm)

Đã có đù mẹ thì cũng có đù cha, tuy rằng đù cha ít phổ cập hơn. Trong truyện *Phạm Công Cúc Hoa*, khi Phạm Công đánh đồng thiếp xuống âm cung tìm Cúc Hoa, chàng đã gặp nhiều cảnh ngộ tức đến cảnh hồng.

Khi đi qua Giang hà, thấy nước trong dòng mát, trạng nguyên họ Phạm thoát y nhào xuống tắm, không ngờ rơi vào giữa một tập thể ba mươi cung nga thể nữ hầu hạ Cúc Hoa cũng đang truồng cời bơi lội nên bị các nàng tác sắc mắng cho một trận. Quan trạng tuy kim bảng đề danh, văn chương nét đất mà cũng nổi đoá xì nọc, réo cha ra đù:

Đù cha lũ đi ăn mày

Cả tớ lẫn thầy ăn đếch cho tao!

Giới tu hành có một chữ riêng để chửi và được Hồ Xuân Hương vận dụng một cách ồm ờ mà cay cú:

Đầu sư há phải gì bà cốt,

Bá ngộ con ông bé cái nhâm.

(Sư bị ông châm)

Nhà thơ nôm trút vào hai chữ *bá ngộ* tất cả sự chống báng của mình đối với đạo đức cấm dục của Nho giáo và chủ trương diệt dục của Phật giáo.

偶作
莫问何由鳥叫
花开不爲誰知
花开鳥叫之常事
惟有詩人應感題
高蕭

ngẫu tác

Mạc vấn hà do diều khiếu

Hoa khai bất vị thùy tri

Hoa khai, diều khiếu chi thường sự

Duy hữu thi nhân ứng cảm đề.

cao tiêu

Chim lột đồ
tài sao lường họa
Hoa nó' Kia
chẳng phải vì ai
Chim ăn hoa nó thường ngày
như thỏ duy có
ông này Khóai hơn
Cảm đề sẵn bút
viết luôn.
Lao
Tiêu

Ngòi bút có bản lĩnh không kiêng sợ từ ngữ thô tục bất nhã. Thô tục nhưng đúng chỗ có sức mạnh riêng của nó, bất nhã mà đặc địa có tính đa năng của nó. Nhà thơ trước hết là một con người, ngôn ngữ thơ chủ yếu là ngôn ngữ biểu hiện. Phẩm chất thi ca gắn với chiều sâu thế giới nội tâm. Cho nên nếu thơ có lúc mang rõ nét những hạt nhân lý tính, có khi đi sâu vào những suy tưởng triết học, thậm chí có bài du ngoạn vào những mê cung bí hiểm thì cũng có chỗ thơ chảy tràn trên dòng cảm xúc. Hồ Xuân Hương, Nguyễn Công Trứ không thể hiện lành, nho nhã trước những bất

công quá đáng, những vô lý phũ phàng. Gặp những trường hợp này, phải ném thẳng vào mặt các đối tượng đáng khinh bỉ, các tình huống đáng phỉ nhổ những tiếng thét, những tiếng chửi cho hả hê, cho đích đáng. Chẳng phải khi sử dụng những từ ngữ, những lời lẽ đó là để chửi cho sướng miệng; trong thực tế, có khi ĐM, đù ỏ trở thành thanh từ lệ cú. Và lại nói cho cùng, chửi bới nguyên rủa chỉ là một hình thức biểu hiện hung tính mà riêng ở loài người thì với sự xuất hiện của ngôn ngữ và trí tuệ, đã có một số hình thái tấn công tượng trưng được sáng tạo ra.

Phong-Trào Cần Vương Qua Thi-Ca

Đào Đức Chương



Ngày 19 tháng 7 năm 1883, vua Tự Đức băng hà. Từ ấy, triều đình Huế trải qua cơn sốt chính trị.

Bên trong, hai viên phụ chính Tôn Thất Thuyết (Thượng thư bộ Binh) và Nguyễn Văn Tường (Thượng thư bộ Lại) tóm thâu quyền bính, lòng hành, nếu ai can ngăn hay phản đối đều bị loại trừ. Từ việc hạ bệ vua Dục Đức (23.7.1883), bức tử vua Hiệp Hoà (29.11.1883), tổng giam Ngự sử Phan Đình Phùng rồi cách chức đuổi về; từ cái chết mờ ám của Đệ nhất Phụ chính Trần Tiễn Thành đến cái chết đột ngột của vua Kiến Phúc trong đêm rạng ngày 31.7.1884 và việc đưa ông hoàng Ung Lịch mới 12 tuổi, không phải con nuôi vua Tự Đức, lên ngôi (2.8.1884) lấy niên hiệu Hàm Nghi.

Thời bấy giờ, có hai câu thơ được lan truyền khắp nơi, phản ánh giai đoạn lịch sử đen tối của nước ta:

*Nhất giang lưỡng quốc nam phân
Thuyết*

Tứ nguyệt tam vương triệu bất Tường.
Việt Thao dịch:

*Một sông hai nước làm sao nói,
Bốn tháng ba vua ứng chẳng lành.*

Ở Nguyễn Văn Tường, việc lòng hành có nhiều ẩn ý chưa rõ mưu gian. Nhưng ở Tôn Thất Thuyết, một người yêu nước, thì ông chủ trương: đánh Pháp, giành lại chủ quyền và độc lập cho đất nước là việc tối thượng nên dù phải làm bất cứ việc gì, từ phế lập

để loại trừ phe chủ hoà đến mưu sát những kẻ chống đối đều cần thiết. Do đó ông không khỏi mang tiếng chuyên quyền.

Cuộc kháng Pháp tại kinh đô

Chỉ một tháng sau khi vua Tự Đức băng, Pháp đánh lấy cửa Thuận An (20.8.1883). Ba giờ sáng ngày hôm sau, triều đình ta phải xin ngưng chiến. Đến ngày 25.8.1883, Hiệp ước Harmand tức Hàng ước Quý Mùi được ký kết tại Huế, thừa nhận Nam kỳ là thuộc địa, Bắc và Trung kỳ chịu quyền bảo hộ của Pháp.

Bà Nguyễn Nhược Thị Bích (1830-1909), bí thư riêng của bà Từ Dũ, đã ghi lại nhiều chi tiết của giai đoạn lịch sử đen tối ấy qua thi phẩm *Hạnh Thục Ca*, thể lục bát, dài 1018 câu, trong có đoạn:

*Việc tôn vừa mới thành thời,
Cây oai Tây lại giở bài mạn khinh
Khiến mau súng đẹp trên thành,
Với nơi Mang Cá tận hành ban di (1)
Nếu mà chấp nhất chẳng nghe
Gây ra hấn khích chín e nan trì.
Hiếp lẫn Tây đã chẳng vì,
Chọc gan Tôn Thuyết chiến ky (2)*

quyết rày.

Tôn Thất Thuyết đứng đầu phe chủ chiến. Ông xây chiến khu Tân Sở, thành lập đội quân Phấn Nghĩa, chuẩn bị kháng Pháp.

Hướng chi địa chấn diêm bầy,

*Trời đã khiến vậy ta nay sợ gì
Phen này Phấn Lực dương uy
Truyền quân cơm gạo sẵn đi sẵn sàng.*
(HTC)

Để đối phó với Tôn Thất Thuyết, ngày 1.6.1885, Trung tướng Roussel de Courcy thuộc phe điều hâu, tới Bắc kỳ với chức tổng tư lệnh lực lượng viễn chinh Pháp ở Bắc và Trung kỳ. De Courcy được bộ Chiến Tranh Pháp trao toàn quyền về dân sự và quân sự, với nhiệm vụ chính là dập tắt các ổ kháng chiến. Ông ta nghĩ ngay đến việc phải dập tan đầu não phe chủ chiến tại triều đình Huế. Vì vậy, giải pháp bất cóc vị Đệ Nhất Phụ Chính Tôn Thất Thuyết, với ông, là thượng sách.

Để dọn đường cho biện pháp mạnh, ngày 5.6.1885, De Courcy cử De Champeau làm Khâm sứ Trung kỳ thay Lemaire, một quan văn bị chỉ trích vì thái độ ôn hoà. Từ đây, De Champeau chỉ là người thi hành mệnh lệnh của De Courcy.

Ngày 2.7.1885, De Courcy đến Huế, mở chiến dịch giăng bẫy bắt mồi:

*Những lo hàn bạc cơ nghi,
Tháng năm mười chín Bắc kỳ Tây vô*
(HTC)

De Courcy đích thân mời các hoàng thân và các quan Cơ Mật Viện đến dự tiệc tại toà Khâm Sứ để bàn việc yết kiến vua Hàm Nghi.

Bữa tiệc ấy có đủ mặt các hoàng

thân và các quan, cả Nguyễn Văn Tường. Riêng Tôn Thất Thuyết, nhờ đoán biết mưu gian nên cáo bệnh không đến. Hồng kế hoạch, De Courcy như con hổ say mồi, gầm lên trong cơn tức giận:

Văn Tường trước tới một mình,

Trình rằng Tôn Thuyết chưa lành bệnh nay.

Nghe lời ấy, đó đã hay,

Rằng đau phải gắng tới rày mới nghe.

Nếu mà cứ cưỡng không đi,

Quyết rày bắt quách chẳng vì chẳng tha. (HTC)

Trước kia Tôn Thất Thuyết đã bàn với Nguyễn Văn Tường về giải pháp dùng binh lực để rửa nhục. Nhưng Nguyễn Văn Tường ngần ngại vì quân sự ta còn yếu và nhất là vì còn tin vào giải pháp nhượng đất, nộp tiền thì sẽ được yên. Ông không ngờ chính sách thực dân là cố gây hấn để có cơ xâm lăng toàn bộ. Thêm vào đó, thái độ cứng rắn đầy khiêu khích của De Courcy đã đồn triều đình vào chân tường, đến nỗi khôn ngoan và dè dặt như Nguyễn Văn Tường cũng phải nói: "Đã đến lúc không còn hoà hoãn được nữa, đành liều may rủi vậy!" (3)

Rồi cái gì đến, phải đến! Đêm 22 rạng ngày 23 tháng 5 năm Quý Dậu, giờ Sửu tức 1 giờ sáng rạng ngày 5.7.1885, quân ta khai hỏa:

Canh hai cơm gạo sấm sanh

Hai bên phùng phỏ lạnh tanh như tờ

Canh ba dàn trận binh cơ,

Canh tư lấy giờ phát lệnh giao công.

(về Thất thủ Kinh đô)

Cả kinh thành Huế rung chuyển dưới bầu trời lửa đạn:

Ầm ầm tiếng súng khắp vơi,

Khói um mù đất, lửa ngời lòq mây.

(HTC)

Càng về sáng, tiếng trống trận càng hăng. Những đường gươm quyết tử xông vào đồn-địch, những khẩu đại bác lớn nhỏ thi nhau gầm lên, những khẩu súng tay liên tục nổ giòn... và tất cả sĩ nhục, đêm nay gửi trả lại kẻ thù qua đường tên mũi đạn:

Canh tư thắng phụ chưa hay,

Canh năm nghe báo rất may mừng lòng.

Bình Đài (4) thu phục đã xong.

Lầu Tây (5) đương đốt, lửa chong bốn bề. (HTC)

Quân ta tuy đông, có đến 12 ngàn người, nhưng trang bị chủ yếu là giáo mác; súng ống cũng có nhưng quá lỗi thời lại thiếu kinh nghiệm chiến đấu. Quân Pháp chỉ có 31 sĩ quan, 1387 binh sĩ và 37 khẩu đại bác nhưng võ trang đầy đủ, vũ khí tối tân, dày dặn chiến trường:

Ai ngờ Tây rất quá khôn,

Để ta bắn trước thấy luồn nấp đi.

.....

Liệu chừng thuốc đạn đã mòn,

Dấy lên Tây mới thành môn bắn vào.

(HTC)

Và cuộc chiến để tự vệ không cân sức đã đến hồi kết thúc:

Dường như sấm sét ào ào

Dấu là núi cũng phải nao hướng thành.

Quân ta khôn sức đua tranh,

Dem nhau trốn chạy tan tành bèo trôi.

(HTC)

Mở sáng ngày 5.7.1885, Tôn Thất Thuyết ra lệnh rút khỏi kinh thành, lui quân về Quảng Trị:

Bấy giờ trời đã sáng rồi

Văn Tường liền khiến gửi lời cầu xin.

Khiêm cung (6) nay phải ngự lên,

Lánh nơi pháo đạn, chẳng nên trễ tràng.

Vua tôi hoảng hốt vội vàng,

Hồ phù, thánh giá một đoàn kíp ra.

Tới nơi cửa hữu xem qua,

Hai bên lễ thứ trẻ già quá đông.

Chen nhau diu dắt mang hồng,

Chực theo Từ giá (7) thoát vòng nguy nan. (HTC)

Xa giá vua Hàm Nghi và Tam Cung (8) lánh ra cửa hữu, hướng về bến đò Kẻ Vạn. Đoàn quân hộ giá có Đề đốc Trần Xuân Soạn đi đầu, Tả quân Đô thống Hồ Văn Hiến hộ vệ ngự đạo, Nguyễn Văn Tường đi tập hậu. Còn Tôn Thất Thuyết đích thân ở lại cản giặc để ngự đạo an toàn ra đi rồi mới rút lui sau cùng.

Trong khi đó, Nguyễn Văn Tường được lệnh của Thái hậu Từ Dũ, phải trở lại kinh thành để tìm cách điều đình với Pháp:

Phán rằng: "Sự đã đường này,

Người tua trở lại ngỏ rày xử phân".

Vâng lời Tường mới lui chân... (HTC)

Trên đường bỏ đào, Lễ Tân Nguyễn Nhược Thị Bích luôn luôn hầu bên Từ giá, mô tả tỉ mỉ:

Xiết bao đường sá gặp ghềnh,

Ngày hai mươi bốn Trị thành tới nơi.

Hành cung dọn chốn nghỉ ngơi,

Tĩnh thần Trương Đản truyền coi canh giờ. (HTC)

Nhưng rồi tình thế không cho phép ở mãi trong thành Quảng Trị. Ngày 9.7.1885, đoàn ngự giá phải tiếp tục lên đường đi Tân Sở. Còn Tam Cung ở lại Quảng Trị để trở về Huế:

Phán rằng: "Ta vốn đã liều,

Hướng đem xách cả đi theo thêm phiên.

Hãy phò thiếu chúa cho yên,

Mặc ai ở lại chỉ truyền khá vắng.

(HTC)

Việc kinh đô thất thủ, xét cho cùng, Binh bộ Thượng thư Tôn Thất Thuyết đã làm một việc đúng: Đánh Pháp. Dù thất bại, nhưng ông đã lấy được sĩ diện cho triều đình, rửa được phần nào sỉ nhục cho đất nước. Từ đó, thực dân Pháp phải sáng mắt thấy rằng dân tộc Việt Nam, triều đình nhà Nguyễn, có thể bại trận, kinh đô có thể thất thủ, nhưng không bao giờ hàng giặc.

Lịch sử ghi công, dân chúng cũng ca ngợi:

Nước ta Quan Tướng (9) anh hùng

Bách quan văn võ cũng không ai tày. và

Phò vua lấy một chữ trung

Trời cao bể rộng non hồng phải đi

(về Thất thủ Kinh đô)

Có thể nói, Tôn Thất Thuyết là cha đẻ của phong trào Cần Vương. Ngay đêm đầu tiên kinh đô thất thủ, xa giá trên đường ra Quảng Trị, ngự đạo tạm dừng chân ở nhà một bá hộ quá làng Văn Xá, Tôn Thất Thuyết đã thừa lệnh vua Hàm Nghi, cho khởi thảo chiếu Cần Vương. Rồi ngày 13.7.1885, Hàm Nghi Đế Chiếu khẩn cấp chuyển đi khắp các tỉnh Bắc và Trung kỳ. Hịch kêu gọi cả nước nổi dậy ứng nghĩa chống Pháp.

Bà Lễ Tân Nguyễn Nhược Thị, tuy đứng về phe Đồng Khánh, cũng

phải nhìn nhận sự lớn mạnh và chính nghĩa của phong trào:

*Đồn nghe chiếu dụ tung bùng,
Bay từ các tỉnh lấy lòng Cần Vương.
Huyền truyền hưởng ứng tứ phương,
Đốc toan cử nghĩa trùng quang cơ đồ.*
(HTC)

Vua Hàm Nghi và thần dân yêu nước đã đi vào lòng kháng chiến của dân tộc, đi vào trang sử oai hùng; bỏ lại đằng sau những tên Việt gian mãi quốc cầu vinh, đành lòng trở mặt tiếp tay với giặc, dựng lên ông vua bù nhìn: Đồng Khánh.

*Trời ơi trông xuống mà coi
Nước Nam cơ khổ, con trời hai ông!
Hàm Nghi chính thực vua trung,
Còn như Đồng Khánh là ông vua xằng.*
(ca dao)

Phong trào Cần Vương

Ở các tỉnh miền bắc Trung phần có câu ca dao:

*Ai về nhẩn với quan Thương,
Bình Tây sát Tả dọn đường vua ra.*

Thời ấy, Quảng Trị và Quảng Bình được coi là kinh đô Cần Vương vì vua Hàm Nghi lánh nạn ở đây. Quảng Trị là nơi hình thành triều đình kháng chiến, nơi ra đời hịch Cần Vương. Núi rừng Quảng Bình là nơi che chở vua Hàm Nghi, nơi phong chức cho các thủ lĩnh Cần Vương khắp mọi miền đất nước, nơi ban hành những chỉ thị của nhà vua và triều đình. Quảng Bình còn là nơi nhận tin tức từ các vùng kháng chiến gửi về trung ương.

Tính từ kinh đô Cần Vương, về phía bắc, có hai vùng kháng chiến: một ở miền bắc Trung phần (từ Quảng Trị đến Thanh Hoá), một vùng nữa chung cho các tỉnh Bắc kỳ. Về phía nam kinh đô, có vùng kháng chiến chạy dài từ Quảng Nam vào Bình Thuận.

Còn triều Đồng Khánh, nhờ sự bảo vệ của quân đội Pháp, nhưng cũng chỉ đóng khung trong kinh thành Huế:

*Nghĩ xem thế sự mà rầu,
Chính giữa Đồng Khánh, hai đầu Hàm Nghi.*
(ca dao)

1. VÙNG KHÁNG CHIẾN THANH NGHỆ TĨNH BÌNH:

Vua Hàm Nghi rời Quảng Trị (9.7.1885) đến Tân Sở (12.7.1885) rồi đến Bảo Đài (20.7.1885) thuộc xã Thủy Ba, giáp ranh tỉnh Quảng Bình, định tiến ra Bắc, hợp với các nhóm văn thân có sẵn binh lực đang chống Pháp từ khi thành Hà Nội thất thủ lần thứ hai (25.4.1882).

De Courcy đoán biết được ý định của Tôn Thất Thuyết nên phái 5 chiến hạm, chở một lữ đoàn bộ binh do Thiếu tá Beaumont chỉ huy, ra Quảng Bình đổ bộ lên Đồng Hới, chiếm thành Động Hải đóng chốt, chặn đường xa giá. Một cánh quân khác do Đại úy Bastideman dẫn 200 quân theo đường bộ ra Quảng Trị, tiến chiếm Tân Sở. Về phía Nam triều, Nguyễn Văn Tường cũng sai các quan đi lùng sục bèn gót vua Hàm Nghi để thuyết phục vua trở về hàng giặc.

Trong hoàn cảnh đó, dân tình các tỉnh Thanh Nghệ Tĩnh Bình đã trở nên sôi động hơn lúc nào hết. Các sĩ phu bấy lâu mê ngủ trong giấc mộng khoa bảng, giờ đây sức tỉnh do tiếng gọi Cần Vương, vội vã cầm kiếm cung trực diện chiến đấu với ngoại xâm:

*Cần Vương xuống hịch ruổi sao,
Phải lấy máu đào đền đáp giang sơn.
Anh hùng thảo dã thâm sơn,
Phải ra mà giúp quân vương hội này.*
(về Quan Đình)

Và tất cả cho việc cứu nguy đất nước:

*Chỉ ban ra dựng nước
Ai có sức giúp sức,
Ai có lực giúp tài,
Lính các tỉnh sốt ai,
Cũng rút về tất cả.
Ngày chiều cờ mãi mãi,
Đêm tuyển tướng luyện binh.
Chọn tháng tốt ngày lành,
Ra cần vương phụng chỉ...*
(về Trung thần Chí quyết)

Đất Quảng Bình là nơi ẩn náu của vua Hàm Nghi, vì vậy, cả Pháp và Đồng Khánh đổ dồn lực lượng vào tỉnh này để tiêu diệt cơ quan đầu não của phong trào Cần Vương.

Thế nhưng đã có một thời cờ Cần

Wang giường cao ở các huyện Bồ Trạch, Tuyên Hoá và phủ Quảng Trạch.

Tháng 11.1885, Tri phủ Nguyễn Phạm Tuấn đem 1000 quân ứng nghĩa, được vua Hàm Nghi phong chức Tán Tương Quân Vụ quân thứ Quảng Bình. Đề đốc Lê Trực mộ được 2000 quân, đặt bản doanh tại Thanh Thủy, quê ông.

Năm 1886, Tôn Thất Thuyết ra Bắc liên lạc với các nhóm Cần Vương và sang Trung Hoa để tìm nguồn tiếp viện cho kháng chiến. Ông giao trọng trách giữ chiến khu Tuyên Hoá để bảo vệ vua Hàm Nghi cho Đề đốc Lê Trực, Tán Tương Nguyễn Phạm Tuấn và hai người con ông là Tôn Thất Đàm và Tôn Thất Tiệp.

Nguyễn Phạm Tuấn lo trấn giữ miền thượng lưu sông Gianh (Linh Giang) thì đầu năm 1887 có kẻ nội phản. Biệt kích Pháp bắt thần đột nhập bao vây, ông bị thương và bị bắt. Trước khi chết, ông còn khẩu chiếm câu đối:

*Số thế quân ân thù nhất tử,
Thập niên hoạn nghiệp túc tam sinh.
Bản dịch ở Bài ngoại liệt truyện:
Ơn nước mấy đời, đền một chết,
Nghề quan mười tuổi, vẹn ba sinh.
Tại Hà Tĩnh có anh em ông Lê Ninh, thường được gọi là Ấm Ninh, Ấm Võ ứng nghĩa đầu tiên:
Nhất tài là cậu Ấm Ninh,
Trọng vì việc nước nên khinh việc nhà.
Lúc bốn bá thừa xa
Ai cũng đều kinh hãi,
Cậu một lòng trung ái,
Ra Nghệ thám tình hình,
Về xuất của mộ binh...
(về Ấm Ninh của Lê Trọng Đôn)*

Được vua Hàm Nghi phong chức Bang biện Quân vụ Hà Tĩnh, ông tích cực hoạt động. Giặc Pháp căm giận đã đốt sạch, phá sạch rồi xoá tên làng Trung Lễ, huyện Đức Thọ, quê hương ông, để trả thù:

*Bảy xóm giăng giăng,
Một mùi ngụt ngụt.
Sạch sành sanh kẻ đói kẻ giàu,
Truốt lượt lượt nhà lim nhà mọt.
Từ thuở tiên hoàng khai quốc,
Cơ đồ kẻ xiết bao năm,*

Đến nay Kiến Phúc thắng hà,
Bình hỏa ra rì mới một...
(phủ Trung Lễ Thất Hỏa của Lê Trọng Đôn)

Hà Tĩnh còn có cuộc khởi nghĩa Hương Khê của Phan Đình Phùng rất nổi tiếng. Bài về Quan Đình tường thuật đầy đủ cuộc ứng nghĩa oai hùng ấy:

Hương Khê non nước bao la,
Giang sơn riêng hảnh một toà cõi Nam.
Mười tám quân thứ rõ ràng,
Suốt từ Thanh Hoá đi sang Quảng Bình.

Trong quân có nhiều tướng tài:

Khen thay Cao Thắng tài to,
Lấy ngay súng giặc về cho lò rèn.
Đêm ngày tỉ mỉ mở xem,
Lại thêm có cả Đội Quyên cũng tài

....
Các tướng mưu lược cũng ghê,
Đội Văn, Quân Đạt, đứng kề Lãnh Chanh.

đã lập được nhiều chiến công:

Hồng Lam mặc sức tung hoành,
Đánh đồn tỉnh Nghệ, phá thành Nam Giang.

nhưng sáng giá nhất là trận:

Vụ Quang huyết chiến vừa khi,
Mấy ngàn lính Pháp xác thì chật sông.

Tại Nghệ An có Tiến sĩ Nguyễn Xuân Ôn, Nguyễn Nguyên Thành; có Phó bảng Lê Doãn Nhạ; có Cử nhân Đinh Nhật Tân, Trần Quang Diệm; có các ông Lê Trọng Vinh tức Đề

Vinh, Nguyễn Ngợi còn gọi là Lãnh Ngợi hay Tác Bấy, hội nhau ứng nghĩa Cần Vương. Trong quân có nhiều vị chỉ huy giỏi như Đề Kiều, Đề Mậu, Đốc Nhạ, Lãnh Bang... Thanh thế của họ vang dội khắp vùng.

Thời ấy ở Nghệ An, các bài về Nguyễn Xuân Ôn khởi nghĩa, về Lê Doãn Nhạ khởi binh, về Tác Bấy được dân chúng phổ biến, ca tụng:

Thoắt đâu có chiếu Cần Vương
Lời lời ngọc chuốt, hàng hàng châu sa.
Nghĩ mình là đáng đại khoa,
Nhân dân ý vọng, nước nhà trọng khinh.

Được thua phó mặc trời xanh,
Khăng khăng báo quốc trung thành khôn lay...

(về Nguyễn Xuân Ôn)

Quan tướng cả sơn phòng,
Tiếng đồn nhất thiên hạ
Tả hữu tướng tá,
Có Quân Ót, Quân Bông,
Có Quân Sá, Quân Không,
Cũng đồng tâm như nhất.
Nghe tiếng lệnh cờ phát,
Nghe trống giục làm chùng,
Kéo quân ra giữa rừng,
Lo chiến trường tập trận...

(về Lê Doãn Nhạ)

Tại Thanh Hoá có hai cuộc khởi nghĩa nổi tiếng trong lịch sử chống xâm lăng của dân tộc: Đó là cuộc khởi nghĩa Ba Đình (1886-1887) ở huyện Nga Sơn, và cuộc khởi nghĩa

Hùng Lĩnh (1886-1892) ở huyện Vĩnh Lộc. Trước đó có Hà Văn Mao lãnh đạo đồng bào Mường khởi nghĩa ở vùng hữu ngạn sông Mã.

Cuộc khởi nghĩa Ba Đình do Đốc học Phạm Bành chủ xướng. Có Hoàng Bật Đạt, Đề đốc Đinh Công Tráng, Đề đốc Nguyễn Khế trong ban lãnh đạo. Có hai tù trưởng Mường là Cầm Bá Thước và Hà Văn Mao kéo quân gia nhập. Có các quan chức như Tổng đốc Lê Như Rạng, Tuần phủ Nguyễn Bạt Nô, Bố chánh Ngô Xuân Quỳnh, Tri huyện Nông Cống Tôn Thất Hàm theo phe khởi nghĩa.

Ba Đình không những nổi tiếng trong lịch sử mà còn vang dội trong thi ca, qua bài về sau đây:

Kéo quân về đất Thanh Hoa,
Tìm nơi hiểm yếu để ta nhập đồn.
Quân truyền điểm được hai vắn,
Đình công đại tướng có gan chẳng là
Ba Đình được chọn làm nơi phòng thủ
theo thể chân vạc:

Lệnh cho dân chúng chặt tre,
Chẻ nan đan sọt nẹp về cho nhanh.
Kéo quân đến đóng Ba Đình,
Đào tường đắp ụ can thành tứ vi.
Tán Hoàng đóng chốt Mỹ Khê,
Đốc Bành Mậu Thịnh đi về có ta.
Lãnh Toại đóng chốt thứ ba,

Tại Nghệ Thượng Thọ để mà phòng không.

Đã vậy, Ba Đình còn có một ưu thế địa hình:

Trông vào đồng nước mông mênh,
Đường thời độc đạo vây thành xung quanh.

Cho nên Ba Đình là mồ chôn quân giặc:

Ra uy thiết bị vừa xong,
Ngày sáu tháng chạp giao công tức thì.
Đánh Tây trận ấy thật ghê,
Bắn ra quân chết ngã kề biết bao.
Kinh sợ chẳng dám kéo vào,
Thấy quân bại trận biết bao nhiêu rồi.
Và Pháp phải trả một giá rất đắt mới chiếm được Ba Đình:

Mười hai Tây lại kéo về,
Đi ngả huyện Thống, quân thì thật đông.

Lấy tre bắc cầu qua sông,
Lần này giặc định tấn công nhập thành.



*Trong đồn súng nổ ầm ầm,
Bắn ra Tây chết tan tành biết bao.
Thắng đường chúng vẫn kéo vào,
Đạn bắn rào rào, giặc vẫn tấn công...*

Cuộc khởi nghĩa Hùng Lĩnh do Tiến sĩ Tống Duy Tân, người làng Đông Biện huyện Vĩnh Lộc và Đề đốc Cao Điền, người làng Trịnh Sơn xã Mỹ Hoà, lãnh đạo. Lại có thêm Từ trưởng Mường Cầm Bá Thước, sau khi Ba Đình thất thủ, đem quân về giúp.

Nơi khởi nghĩa là dãy Hùng Lĩnh, còn gọi là núi Bút, nằm về phía đông huyện Vĩnh Lộc. Cuộc khởi nghĩa đứng vững trong sáu năm, gây cho giặc nhiều tổn thất qua các lần chiến thắng oai hùng, như trận Nông Cống (7.3.1889), trận Đa Bút ở chân núi Hùng Lĩnh (2.11.1889), trận Vạn Lại (30.11.1889), trận Yên Lược (1.12.1889), trận Mỹ Hoà (29.4.1890).

Sau, Tống Duy Tân bị Cao Ngọc Lễ, cháu gọi bằng cậu, vừa là học trò, vừa là thuộc hạ tin cẩn trong quân, đem lòng phản trắc, ngầm làm nội tuyến cho giặc, đã cung cấp những bí mật trong căn cứ, vì thế cuộc khởi nghĩa thất bại. Và trên bước đường trốn chạy, chính Cao Ngọc Lễ đã chỉ điểm cho Pháp bắt thần đột nhập hang núi Niên Kỵ, Thanh Hoá vây bắt Tống Duy Tân (5.10.1892) để đổi lấy chức tri huyện. Người đời thương tiếc ông, làm thơ *Điếu Tống Duy Tân* nguyên văn chữ Hán, bản dịch trong *Bài ngoại liệt truyện* có đoạn:

Nước nhà khôn biết tính sao,

Lại nghe ông chết, giọt châu ròng ròng.

Triều đình trước dạy hiếu trung,

Giáp khôi vinh quý hơn trong mọi người.

Non sông trăm trận máu rơi,

Mười năm tâm sự gửi nơi hoa vàng.

2. VÙNG KHÁNG CHIẾN MIỀN BẮC:

Trước khi kinh đô thất thủ (1885), miền Bắc đã có phong trào Văn Thân chống Pháp ngay từ lúc Hà thành thất thủ lần thứ hai (25.4.1882).

Lúc đầu triều đình Huế tích cực

ủng hộ các nhóm kháng chiến này. Nhưng sau Hiệp ước Quý Mùi (25.8.1883), triều đình chịu nhận quyền bảo hộ của Pháp, đã ra lệnh bãi binh. Tuy nhiên hầu hết các thủ lĩnh Văn Thân không tuân theo lệnh đầu hàng của triều đình, vẫn tiếp tục chiến đấu.

Đến tháng 7.1885, khi vua Hàm Nghi xuống chiếu Cần Vương, một số sĩ phu trước đó đã bãi binh, giờ đây nhận được Hàm Nghi Đế Chiếu, cũng vội vã trở lại chiến trường dưới ngọn cờ Cần Vương.

Lực lượng chống Pháp ở Bắc kỳ có thể chia làm ba khu chính:

- Các tỉnh miền đồng bằng Bắc Việt có lực lượng Đại Nghĩa Đoàn. Trong đó, đáng kể nhất là cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy của Tán lý Quân vụ Nguyễn Thiện Thuật, vào tháng 9.1885.

Nguyên Bãi Sậy là vùng ruộng rộng lớn, thuộc các huyện Khoái Châu, Mỹ Hào (tỉnh Hưng Yên) và huyện Văn Giang (tỉnh Bắc Ninh). Vùng này vì lý do vỡ đê Văn Giang suốt 18 năm dưới thời Tự Đức nên ruộng vườn bỏ hoang, lau sậy mọc như rừng.

Ứng nghĩa Cần Vương, Tán Thuật lập căn cứ ở Bãi Sậy, được phong chức Bắc kỳ Hiệp thống Quân vụ Đại thần. Ông cùng các nhà lãnh đạo kháng chiến ở các tỉnh lân cận như Tạ Hiện tức Tạ Quang Hiện ở Thái Bình, Nguyễn Đức Hiệu tức Đốc Tít ở Hải Dương, Nguyễn Cao ở Bắc Ninh, kết hợp thành một lực lượng thống nhất hoạt động khắp vùng đồng bằng, lấy tên là Đại Nghĩa Đoàn.

Địa bàn hoạt động của Đại Nghĩa Đoàn rất rộng, bao gồm các tỉnh Hà Đông, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương, Kiến An, Thái Bình. Thanh thế Bãi Sậy vang dậy khắp Bắc kỳ. Mọi người hy vọng ngày ca khúc khải hoàn.

Thủ lĩnh Tạ Hiện, trong bài *Cái nợ tang bồng*, tin tưởng ở chiến thắng sau cùng:

Nay ta quyết kéo trời Nam lại,

Kéo để giang sơn lật đổ nhào.

Đại Nghĩa Đoàn có nhiều vị chỉ

huy giỏi như Đề Vinh, Đốc Bân, Đốc Cọp, Đốc Mỹ, Đốc Suất, Đốc Sùng, Đốc Tính, Lãnh Bái, Lãnh Chiêu, Lãnh Điều, Lãnh Đề, Lãnh Hạ, Lãnh Hải, Lãnh Hiền, Lãnh Phá, Lãnh Quý, Lãnh Quỳnh, Lãnh Văn... Nghĩa quân lập nhiều chiến công oanh liệt như trận tiêu diệt đồn Bình Phú (Hưng Yên), trận Đông Nhu, Vũ Xá, trận Hoàng Vân.

Thời ấy có câu ca dao truyền tụng:

Thứ nhất Đề Hiền Quang Lang,

Thứ nhì Bang Tồn ở làng Hoàng Nông.

Đi thì cờ mở trống dong,

Làm cho thiên hạ nức lòng mộ quân.

Năm 1887, Pháp tấn công cánh quân của Nguyễn Cao nhiều trận; lực lượng bị suy yếu, ông tạm ẩn náu ở một vùng thuộc phủ Ứng Hoà (Hà Nội) để mưu việc khôi phục. Việc bại lộ, Nguyễn Cao bị Pháp bắt, giải về Hà Nội. Bọn tay sai hùa theo giặc buộc tội ông là bất trung, tức là không theo lệnh của Đồng Khánh bãi binh. Lời nói nghe chướng tai, khiến ông lớn tiếng quát mắng rồi dùng móng tay rạch bụng lòi ruột ra trước mặt chúng và đồng đặc hỏi: "Ruột ta đây, bay hãy chỉ xem đoạn nào là bất trung".

Trước đó Nguyễn Cao đã làm bài tuyệt mệnh *Tự phận ca* dài 53 câu, nói lên ý chí quyết tử của mình, trong có đoạn:

Ta ta tạo vật, hề dĩ ngã vì sinh?

Sinh như luân ư khuyến dương chi dĩ vực,

Hà như tử nhi đồng hồ thiên địa diếu minh.

Hùng Tào dịch:

Hỡi ơi trẻ tạo, sinh ta làm chi?

Sống mà bị chìm đắm trong vòng dè dỏ,

Thà chết đi cùng trời đất đi về.

Nghe tin Nguyễn Cao tuần quốc, Tôn Thất Thuyết điếu ông qua bài *Văn Nguyễn Cao*, có đoạn:

Niên lai tạc nghĩa bất thiếu nhân,

Tranh đạo Cách Bi ông thù tuyệt,

Tinh linh ưng vị dục sơn hà,

Vạn cổ Đức Giang lưu phượng khiết.

Trần Huy Liệu dịch:

Gần đây chết nghĩa biết bao người

Tiếng ông Cách Bi trội hơn hết.

*Hồn thiêng nên gắng giúp non sông,
Muôn thuở Đức Giang thơm sạch
tuyệt.*

Cuộc kháng chiến Bãi Sậy kéo dài được bốn năm. Đến năm 1889, Pháp phải dùng cả đại binh, hợp với quân của Hoàng Cao Khải, dùng sách lược khủng bố và tàn sát dân chúng vùng để cô lập nghĩa quân. Nguyễn Thiện Thuật bị vây ở căn cứ Hai Sông thuộc huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Đốc Tít đã phá vòng vây giải thoát cho Tán Thuật sang Tàu, với hy vọng tìm cơ hội xây dựng lại việc khôi phục.

Lúc chia tay, Nguyễn Đức Hiệu cảm tác bài *Tiến Nguyễn Công Thiện Thuật*:

*Công thệ tiêm cứu tử tài dư,
Mai Sơn nhất xuất ngẫu tương xư.
Vị thương xích tử sa trường hướng,
Tái kiến hàng quân xã tắc khư.
Bắc tái phong sương hàn cạnh chiếm,
Đông thành ca tửu lạc hà như.
Chỉ bằng tráng sĩ phùng cơ hội,
Bi phản vì hoan tín bất hư.*

Hà Văn Tấn dịch:

*Diệt thù thề bốn năm hơn,
Xa nhau một buổi Mai Sơn lên đường.
Thương dân trong cảnh sa trường,
Lại đau vì thấy vua hàng nước tan.
Gió, sương ải Bắc cơ hàn,
Thành Đông chén rượu tiếng đàn nào
vui.*

*Chỉ mong tráng sĩ gặp thời,
Buồn qua vui lại đến rồi chẳng sai.*

- Các tỉnh miền trung du có cuộc khởi nghĩa của Đề Thám, kéo dài từ 1885 đến 1913. Đề Thám lập chiến khu ở Yên Thế thuộc tỉnh Bắc Giang nhưng cũng có lúc lan rộng đến Phú Yên, Vĩnh Yên, Thái Nguyên, Lạng Sơn.

Hoàng Hoa Thám xứng đáng với biệt danh Hùng Thiêng Yên Thế. Ông đã đánh Pháp nhiều trận khốc liệt, gây cho giặc những thiệt hại nặng nề:

Ở đây có đất ông Đề,

Tây đi thì có, Tây về thì không. (ca dao)

khiến giặc phải hai lần cắt đất chia hoà với ông.

Khu Yên Thế là vùng bất khả xâm phạm của Đề Thám, là nơi độc lập

duy nhất của Việt Nam trong thời Pháp thuộc. Ông lập đồn điền Phồn Xương làm nơi che giấu các lãnh tụ kháng chiến khắp các miền đất nước tạm về ẩn trú mỗi khi gặp nạn.

- Miền tây bắc có cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Quang Bích. Ông quê quán làng Trình Phổ, tổng An Bồi, phủ Kiến Xương, tỉnh Nam Định. Là Tuần phủ Hưng Hoá (tức Phú Thọ), ngày 12.4.1884 thành này thất thủ, ông rút quân lên thượng du tiếp tục chống Pháp mặc dù triều đình Huế đã ký hàng ước Patenôtre (6.6.1884) buộc phải bãi binh.

Khi vua Hàm Nghi chạy ra Quảng Trị, xuống chiếu Cần Vương, sai sứ ra Bắc phong Nguyễn Quang Bích làm Lễ bộ Thượng thư, sung Hiệp thống Bắc kỳ Quân vụ Đại thần, tước Thuần Trung.

Sau hai lần lãnh quốc thư đi sứ sang Tàu, việc cầu viện không thành, cuối năm 1886 ông về nước, lập căn cứ ở Nghĩa Lộ thuộc huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái. Ông điều khiển phong trào Cần Vương từ Bắc đến Trung và trực tiếp chỉ huy lực lượng nghĩa quân miền tây bắc qua các tỉnh: Phú Thọ, Yên Bái, Sơn La, Lai Châu, Lào Cai. Địa bàn hoạt động suốt dải tây bắc, nằm giữa sông Đà và sông Chảy, kéo dài từ Sơn Tây lên vùng biên giới Việt Hoa.

Tôn Thất Thuyết, với cương vị cấp lãnh đạo trung ương, đã họa thơ Nguyễn Quang Bích, đề cập vai trò trọng yếu của vị tư lệnh mặt trận tây bắc:

ĐẠI THẦN HỌA THI

Tình trung bất nhẫn khí Tây Châu (10)

Chế thắng Thao Đà (11) tự cổ ưu.

Độc văn cô quân tri viễn tái,

Cộng hoài xích kiếm trăm đông lưu

Việt Thao dịch:

Lòng trung không nở bỏ Tây Châu

Ưu thế Thao Đà vốn đã lâu

Thân lẻ đem quân gìn ải vắng,

Gươm vung chém nước gửi dòng sâu

Là một chiến sĩ kiên cường, Nguyễn Quang Bích còn là một thi sĩ nổi tiếng. Trên bước đường hành quân, ông đã viết *Ngư phong thi tập*, một tập thơ, đúng hơn, một nhật ký

chiến trường bằng thơ, lòng trong khung cảnh núi rừng tây bắc.

Trong bài *Quá Chiến than* (*Qua thác Chiến*) ông viết:

Đà thủy tổ chu ngại trách than,

Chiến than hựu thị nhập phần nan.

Thủy thanh hào báo thiên ngu hống,

Thạch duẩn lân tuân vạn giáp toàn.

Hoàng Tạo dịch:

Ngược thác sông Đà khó mấy mươi,

Nay qua thác Chiến khó bằng mười.

Nước như trâu rống nghe ầm tiếng,

Đá tựa gươm tràn mọc khắp nơi.

Niềm vui của người chiến sĩ cần vương là chiến thắng. Nguyễn Quang Bích đã gửi nỗi xúc động đó qua bài *Văn Dụ Phong báo tiếp* (*Nghe tin thắng trận ở Dụ Phong*):

Thoái xá sơn đồn tọa tịch huy,

Tự lân điền độ thất tiên ky,

Gia nguyên tiếp hỷ liên thời đáo,

Thập giải phiên đầu mã tự phi.

Việt Thao dịch:

Rút vào đồn núi, xế trời tây

Tự trách điều quân lỡ dịp may

Bổng thắng Gia Nguyên liên tiếp báo

Đầu thù mười giải ngựa như bay.

Nhưng niềm vui chỉ trong chốc lát, đời nghĩa quân phải trực diện với muôn vàn khó khăn. Trong bài *Quân trung sách mẽ* (*Đi kiếm gạo trong khi lo việc quân*), tác giả đã nói lên nỗi lo cho lính của người chỉ huy:

Sách mẽ tầm diêm nhật nhật mưu,

Hà năng lệ tửu thả chùy ngư.

Thử tình nan hướng giang sơn bạch,

Mang đặc tướng quân bất tận sầu.

Lê Thuốc dịch:

Hàng ngày gạo muối những lo âu,

Còn nói chi điều rượu với trâu,

Sông núi khó đem tình ấy giải

Tướng quân khôn xiết nỗi âu sầu.

Qua bài *Dạ chí lâm trung vô nhân gia, kết liêu vi trú* (*Đêm đến, trong rừng không có nhà dân, phải dựng lều để ở*), mới thấy cuộc đời lưu động của nghĩa quân còn vất vả hơn nhiều:

Phi tịch thâm lâm kết tiểu liêu,

Y nhai giá sạn phú ba tiêu.

Vũ lai hữu hạnh vô đa thậm

Hiếu lộ nhượng nhượng trích thụ tiêu.

Việt Thao dịch:

Rừng sâu dọn chỗ dựng gian lều

Sàn gỗ, sườn cây lợp lá tiêu

*May quá, mưa về không lớn lắm,
Ngon cây, sương sớm giọt rơi đều.*

Rồi có những chiều hành quân ven rừng Kiến Lĩnh bạn diều mẩu (Thấy ruộng rẫy trên miền núi cao), lòng người chiến sĩ cần vương tạm quên nỗi nhọc nhằn:

*Thiên nhẩn trực biên qui giảm thủy
Vạn gia toàn tạ khái điền công.
Tàng tàng lĩnh bạn đông nam mẩu,
Hiệp tự xà diên, khúc tự cung.*

Việt Thao dịch:

*Thế cao bờ dựng nước xuôi dòng,
Cuộc sống muôn dân khẩn đất dùng
Quay hướng đông nam từng bậc ruộng,
Nhìn như rắn lượn, uốn hình cung.*

3. VÙNG KHÁNG CHIẾN MIỀN NAM TRUNG PHẦN:

Về phía nam kinh đô Cần Vương, tính từ Thừa Thiên vào đến Bình Thuận, các cuộc ứng nghĩa đồng loạt, rầm rộ thành một cao trào: Thừa Thiên có Đặng Hữu Phổ; Quảng Nam Quảng Ngãi vang dội phong trào Nghĩa Hội; Bình Định lấy lòng chiến công; Phú Yên có Nguyễn Thành Phương; Khánh Hòa có Tam Kiệt anh hùng; Bình Thuận có đạo quân Nghĩa Dũng của Ung Chiến...

Nhóm Cần Vương kháng pháp ở miền nam Trung phần không được điểm phúc gần gũi với triều đình kháng chiến để nhận chỉ thị của vua Hàm Nghi, làm nức lòng quân sĩ. Họ cũng không có điều kiện vũ trang tương đối đầy đủ như nhóm kháng chiến miền Bắc, đã mua vũ khí từ bên Tàu. Họ chiến đấu ở thế cô đơn, đây bắt trắc vì phía nam, giáp với miền lục tỉnh, là nhượng địa của Pháp từ lâu, nền móng cai trị đã vững vàng, có Trần Bá Lộc đem quân lùng sục từ Bình Thuận đến Bình Định; phía bắc chịu sự tấn công của triều đình Đồng Khánh, có Nguyễn Thân tảo thanh suốt ba tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Quảng Nam. Cả hai đều khét tiếng tàn ác.

Thời ấy, người ta rỉ tai nhau câu ca dao:

*Chuyện đâu có chuyện lạ đời,
Quan đi theo giặc bắt người lành ngay.
Nghìn năm nhớ mãi nhục này,*

Theo Tây được thả, đánh Tây bị tù.

Thế nhưng, với tinh thần chiến đấu rất cao, quân kháng chiến Cần Vương đã không những lấy khí phách ra chống đỡ súng đạn quân thù mà còn xây dựng được một vùng đất độc lập, có chính phủ, có quân đội, đại diện cho triều đình Hàm Nghi ở phía nam. Đó là trường hợp cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Duy Hiệu tức Hường Hiệu tại Quảng Nam.

Nguyễn Thân, được Đồng Khánh phong chức Khâm sai Đại thần, đem quân đi đánh dẹp cuộc khởi nghĩa của Hường Hiệu. Đạo quân Việt gian này được dân chúng mô tả qua bài về Khâm Sai dưới đây:

*Khâm sai Đại thần,
Kéo vô Đà Nẵng,
Tướng quân đều sẵn,
Tán Lý Tán Dương,
Chú Bang chú Thương,
Chú Đề chú Lãnh,
Quân hùng tướng mạnh,
Các đội các cơ,
Dóng trống phát cờ,
Kéo vô tỉnh cũ...*

Đạo quân diều võ giương oai, ai thấy cũng khiếp, nhưng mới ra quân đã bị nghĩa quân vây đánh tại bờ. Nếu không có Pháp đem quân cứu viện thì chắc quan Khâm sai đã bỏ mạng:

*Sau lên Phong Sử,
Nghĩa dũng tứ vì,
May chẳng hề chi,
Nhờ ba chú Pháp.
Thâu qua Yến Giáp,
Trở lại Lạ Thành,
Từ ấy thất kinh,
Vừa làm vừa sợ.
Tướng chi! Tướng dờ!
Vị luyện quân tình,
Chẳng có Tây binh,
E không khỏi chết.*

Nhờ Pháp giúp, thắng được nghĩa quân thì quay ra cướp bóc:

*Lũ quân đi lấy
Các tướng về chia,
Thôi đã tràn đìa,
Cái chi chẳng xách,
Cái quần đã rách,
Cái áo đã tơi,
Cũng giành cũng quơ,*

Hướng chi cái khác!

Thành tích tội ác càng cao, chúng càng mau được thăng quan tiến chức:

*Bọn nào đắc lực,
Tiến chức tiến quan.
Lớn bé một đoàn,
Vô sở bất chí (12)
Thậm vì khả bỉ (13)
Quân lệnh Khâm sai
Thiên hạ ai ai,
Chớ tin mà mắc.*

Trong bài *Lâm hình thời tác* Nguyễn Duy Hiệu làm lúc sắp bị hành hình, cũng đã nói lên cái tình thế đáng tiếc của bọn Việt gian theo giặc, khiến việc cứu nước của ông không thành:

*Nhược sử gian phong vô áo viện,
Hà nan chung đỉnh thất cường di.
Hàn sơn kỷ đắc cô tùng cán,
Đại hạ yên năng nhất mộc chi.*

Huỳnh Thúc Kháng dịch:

*Giáo như không trở, tay dần kín,
Giặc khó gì hơn, gậy đuổi bừa.
Núi lạnh từng cội xơ xác đứng,
Nhà to cột một khó ngăn ngừa.*

Nguyễn Duy Hiệu mất rồi, dân chúng vẫn mãi tiếc nuối những ngày Trung Lộc (Quế Sơn) giương cao ngọn cờ Cần Vương:

Đường đi chín xã Sông Con (14)

Hỏi thăm Hường Hiệu có còn hay không? (ca dao)

Quảng Ngãi có Cử nhân Lê Trung Đình, Tú tài Nguyễn Tự Tân cùng Vũ Hội và Nguyễn Văn Hanh dựng cờ khởi nghĩa, chiếm được tỉnh thành trong 5 ngày. Nguyễn Thân, trước theo Nghĩa Hội, bắt thần trở mặt, cùng Đình Hội đem quân vây thành, công hãm rất gắt. Thành vỡ, Lê Trung Đình bị bắt và bị Nguyễn Thân xử chém.

Trước khi chết, ông có bài *Tuyệt mệnh thi* nêu rõ ý chí, không hề tiếc tuổi trẻ (mới có 22 tuổi) mà chỉ thương xót cho xã tắc bị quân xâm lăng giày xéo:

*...Thử thân hà tấc tích
Xã tắc ái kỳ khu*

Lê Trọng Khánh dịch:

*Thân này có tiếc chi,
Chỉ thương cho xã tắc.*

Điều đáng nói là Quảng Ngãi còn

có Trịnh Tuyết Anh, vị hôn thê của Nguyễn Thân. Vì chán ngán tâm địa bội phản, mãi quốc cầu vinh của người chồng sắp cưới nên bà đã thoát ly gia đình, cải dạng nam trang, tự nghĩa dưới ngọn cờ Cần Vương:

*Thân gái dặm trường, gươm bảy thước
Quyết trừ bạo tặc dệt đường thơ.
(Dệt đường thơ, Trịnh Tuyết Anh)
Vì vậy ca dao Quảng Ngãi có câu:
Chiều tà bóng ngã nương dâu,
Vịn cành bẻ lá em sầu duyên tơ.
Tiếc công thán đợi năm chờ,
Tuồng chàng có nghĩa, ai ngờ theo
Tây.*

*Vùi thân trong đám bùn lầy
Nước nào rửa sạch nhục này chàng ơi!*
Tại Bình Định, phía bắc có Tầng Bạt Hồ lập căn cứ ở nguồn Kim Sơn, bản doanh đặt tại núi Dinh, kho quân nhu đặt ở núi Trà Vinh, địa bàn hoạt động ở hai huyện Hoài Ân và Hoài Nhơn. Năm 1887, nghĩa quân tan rã, ông trốn sang Xiêm, qua Tàu rồi đến Nhật, vẫn tiếp tục hoạt động. Cổ Bàn Nhân cảm cảnh đất nước con người, có mấy vần thơ điệu, Quách Tấn chép lại:

*Mây chiều quấn quít hòn Dinh,
Nhớ Tầng Tổng trấn hết tình cứu dân.
Non sông chưa sạch bụi trần,
Nắng mưa bao quản tấm thân quê
người.*

Ở phía nam Bình Định có nguyên Tổng đốc Đào Doãn Dịch, chiêu mộ 600 quân, ứng nghĩa Cần Vương. Tháng 9.1885, ông mất, giao quyền lãnh đạo cho Tân khoa Mai Xuân Thưởng. Ông đặt bản doanh tại Lộc Đồng (Đồng Hươu) tức Phú Phong huyện Bình Khê. Về phía tây có mặt khu Linh Đồng (Đồng Le) nay thuộc xã Bình Tường:

*Ngó vô Linh Đồng mây mờ
Nhớ Mai Nguyên soái dựng cờ đánh
Tây.*
*Sông Côn khi cạn khi đầy,
Khí thiêng đất nước nơi này còn ghi.
(ca dao)*

Từ ấy lực lượng nghĩa quân tăng nhanh, thanh thế vang dậy khắp vùng. Trong bài *Xuân nhật hữu cảm* (Ngày xuân cảm xúc), Mai Xuân

Thường viết:

*...Phát pháo lệnh truyền chư trại
tướng.*

*Nghinh xuân nghi xướng xuất quân
hành.*

Việt Thao dịch:

*Súng lệnh vang truyền quân các trại,
Đón xuân ca khúc bước quân hành.*

Nghĩa quân của ông lập được nhiều chiến công. Trong bài *Thủ Thiện đại phá Lang Sa hữu cảm* (Cảm xúc nhân trận thắng lớn giặc Pháp ở Thủ Thiện), tướng Đặng Đề chỉ huy trận ấy, đã viết:

*Thủ Thiện (15) thôn trung bề cổ động,
Nghĩa binh phấn dũng vũ đao thương.
Lang Sa mã hạ hoành thi biến,
Tặc huyết lưu thành nhất tuyến trường.*

Việt Thao dịch:

*Thủ Thiện trong thôn tiếng trận rền,
Nghĩa quân dũng cảm giáo vung lên
Lang Sa dưới ngựa phơi đầy xác,
Máu chảy dài theo vết đặc sền.*

Và Hòn Sung, tục danh của ngọn Trung Sơn thuộc thôn Phú Lạc xã Bình Thành huyện Bình Khê, quê hương của Mai Nguyên soái, mãi mãi đi vào lòng người dù cuộc khởi nghĩa chưa được hai năm (1885-1887) thì tan:

*Hòn Sung tuy thấp mà cao,
Trời cho làm chốn anh hào lập thân.
Kìa ai áo vải cứu dân,
Kìa ai ba thước gươm trần chống Tây.*

*Chuyện đời thành bại rủi may,
Hòn Sung cây trái, đá xây bao sòn
(thơ du khách, Quách Tấn chép)*

Phú Yên cũng có nhiều cuộc khởi nghĩa, như Bùi Giảng lập căn cứ ở Xuân Thọ thuộc huyện Đồng Xuân; Nguyễn Hảo Sự ở miền bắc Phú Yên, Vũ Trứ ở Xuân Cầu. Nhưng sáng giá nhất là cuộc khởi nghĩa của Tú tài Lê Thành Phương, bản doanh tại đèo Quán Cau thuộc quận Tuy An. Đầm Ô Loan, một thắng cảnh miền này, cũng dự vào công cuộc chống xâm lăng:

*Ô Loan nước lặng như tờ,
Thương người chiến sĩ dựng cờ Cần
Vương.*

*Trải bao gởi đất nằm sương,
Một lòng vì nước nêu gương anh hùng.
(ca dao)*

Tại Khánh Hoà, phong trào Cần Vương do ba người khởi xướng: Tổng trấn Trần Đường giữ quân khu phía bắc; Đề đốc Trịnh Phong lãnh quân khu phía nam; còn Tú tài Nguyễn Khanh, được phong Tấn tương Quân vụ, thì ở giữa, lo việc tuyển mộ binh sĩ và tiếp tế lương thực. Người đời tôn ba ông là Khánh Hoà Tam Kiệt, mãi mãi đi vào lòng người qua những câu ca dao truyền tụng:

*- Tiếng đồn anh hay chữ,
Lại đây em hỏi thử
Đôi câu lịch sử Khánh Hoà:
Từ ngày Tây cướp nước ta
Nhưng ông nào đã dựng cờ nghĩa,
Anh hãy nói ra cho em tường?*

*- Nghe lời em hỏi mà thương,
Thương người nghĩa kiệt, tơ vương tấm
lòng.*

*Vì thù non sông,
Thề không đội trời chung với giặc,
Từ nam chí bắc,
Thiếu chi trang dạ sắt gan đồng.
Khánh Hoà thì có ba ông:
Ông Trần Đường giữ đèo Đốc Thị (16)
Ông Trịnh Phong trấn nơi biển Cù
(17)*

*Ông Nguyễn Khanh lo việc quân nhu,
Ba ông một bụng nghìn thu lưu truyền.*

Những bước thăng trầm

Tiếng súng khai hỏa ở kinh đô đêm 4 rạng ngày 5.7.1885 tiếp đến ngày 13.7.1885 Hàm Nghi Đế Chiếu khẩn cấp đưa về các tỉnh Bắc và Trung kỳ, thì một cuộc ứng nghĩa rầm rộ, đồng loạt nổi lên khắp nơi, tạo thành phong trào Cần Vương.

Cụ Tú Nhơn Ân Nguyễn Diêu, một danh sĩ Bình Định, ghi lại khí thế của phong trào qua bài *Văn kinh thành thất thủ hữu cảm* (Cảm xúc khi nghe tin kinh thành thất thủ):

*Vũ hịch dĩ truyền triệu cứu binh
Tứ phương động địa cổ bề thanh
Cần vương chư đội lai kinh khuyết
Việt tướng thủy ngâm bảo quốc hành?*

Việt Thao dịch:

*Hịch vọi truyền đi, cứu viện lên
Bốn phương trống trận đất vang rền
Cần vương các đội về kinh gấp*

Tướng Việt, ai ngậm nợ nước đền?

Các nhà khoa bảng, các sĩ phu vốn có uy tín trong xã hội, nên một khi họ dựng cờ khởi nghĩa, dân chúng theo về rất đông. Cha chuyên con, vợ khuyên chồng, anh khuyên em lên đường ứng nghĩa:

Khen ai khéo tiện ngà cờ,

Khéo xây bàn án khéo thờ tổ tiên.

Tổ tiên để lại em thờ,

Anh ra ngoài ải cầm cờ theo vua. (ca dao)

Họ chống Pháp bằng khí phách hơn là vũ khí. Họ bảo vệ non sông với lý tưởng:

Không tính làm chi việc mất còn,

Nợ trai lo trả ấy là khôn.

(Mai Xuân Thưởng)

Nhờ lòng yêu nước sâu sắc, họ chiến đấu vô cùng dũng cảm, gây cho giặc nhiều tổn thất và kéo dài nhiều năm vất vả. Pháp phải trả một giá rất đắt mới dẹp yên được phong trào này.

Có thể nói, nếu không có những tên Việt gian theo giặc, quay lại bắn giết đồng đội, đồng bào vì ham bả vinh hoa, thì Pháp khó lòng dẹp tan phong trào Cần Vương.

Nguyễn Thiện Kế, bào đệ Nguyễn Thiện Thuật, đã than:

Mất nước giờ ôi, rặt một phường!

“Rặt một phường” đó là những ai? Là Hoàng tử Ứng Kỷ, nhờ thân Pháp mà được lên ngôi (19.9.1885) thành vua Đồng Khánh, sẵn sàng tuân phục Bảo Hộ:

Nhà vua thân với Lang Sa,

Để Tây ăn cướp trứng gà của dân. (ca dao)

Đó là tên cận vệ Trương Quang Ngọc, nhả tâm bắt vua Hàm Nghi (1.11.1888) nộp cho Pháp để được hợp thức hoá hàm Lãnh Binh. Cụ Phan Đình Phùng đã ra lệnh trừng trị những tên phản bội:

Bắt sống Tuần phủ Đình Quang,

Giết Trương Quang Ngọc hết dằm theo Tây (Về Quan Đình).

Đó là Cao Ngọc Lễ, chỉ điểm cho Pháp bắt Tống Duy Tân (5.10.1892) để được chức Tri huyện. Việc làm của hắn lưu xú muôn đời qua câu đối của một vị khuyết danh:

Vô địa khả mai Cao Ngọc Lễ,

Hữu thiên bất tử Tống Duy Tân.

Việt Thao dịch:

Không đất chịu chôn Cao Ngọc Lễ,

Có trời chẳng mất Tống Duy Tân.

Ngoài Bắc có Vũ Văn Báo, lừa bắt bạn đồng song và là học trò cưng của cha mình là Vũ Hữu Lợi vào đầu năm 1887 để được thăng Tổng đốc Nam Định. Thời ấy, câu đối Mạ Vũ Văn Báo được nhiều người biết:

Báo chỉ cách, khuyến dương chỉ cách,

Lý chỉ đình, thi lễ chỉ đình. (18)

dịch:

Đa con báo là đa chó dè,

Sân ông Lý là sân thi lễ.

Còn có Hoàng Cao Khải, nhờ nhiều năm đánh dẹp nghĩa quân vùng đồng bằng Bắc bộ mà thăng đến chức Bắc kỳ Khâm sai Kinh lược Đại thần; với Lê Hoan, có bài vịnh:

...Giặc nhờ Đề Thám nổi công lao,

Khâm sai mà vẫn theo hòa Pháp,

Nhục đấy, còn vinh ở chỗ nào?

(Nguyễn Thiện Kế)

Việc đánh dẹp nghĩa quân ở các tỉnh miền nam Trung phần do Trần Bá Lộc và Nguyễn Thân. Chúng lừa bắt dân làng làm con tin, tra tấn tàn tệ và hăm dọa sẽ đem chôn sống tất cả nếu thủ lãnh nghĩa quân không ra hàng. Với thủ đoạn ấy, Trần Bá Lộc không cần đánh nhiều mà vẫn dẹp tan nghĩa quân suốt từ Nam kỳ ra đến Bình Định. Lúc y chết, Lê Quang Chiêu đã vịnh “công trạng” ấy qua bài *Khóc quan Tổng đốc Cái Bè*:

Mấy năm lòng lấy sức anh hào,

Nam Bắc hai kỳ nổi tiếng phao.

Mũi súng “trừ loạn” hơi nghi ngút,

Ngọn đèn đưa cứu gió lao xao.

Nguyễn Thân thì được “thưởng công” không những ở Bình Định, Quảng Ngãi mà còn ở Hà Tĩnh nữa. Y rất giỏi cách mồi quốc cầu vinh. Trước theo Cần Vương, Thân bắt thần trở cờ, thay vì đem quân từ Ba Tư về Quảng Ngãi tiếp ứng, lại ra lệnh công hãm thành, bắt Lê Trung Đình xử chém, lập công đầu với Pháp, được thăng ngay Binh bộ Thị lang.

Nhân sông Lai giang nhận nguồn nước từ Ba Tư chảy vào, thời ấy có câu ca dao ám chỉ việc Nguyễn Thân phản lại Nghĩa Hội:

Nước Ba Tư chảy vô Bình Định,

Nhất hạn thân tình tránh nịnh chớ theo.

Trên đây chỉ là những trường hợp tiêu biểu của một số kẻ Việt gian phản quốc, đã góp phần rất lớn trong việc Pháp dập tắt phong trào Cần Vương. Nhưng không vì thế mà phong trào chịu tàn lụi ngay sau khi vua Hàm Nghi bị bắt (1888) tại Quảng Bình. Cuộc khởi nghĩa Hương Khê (1885-1895) vẫn tiếp tục cho đến ngày 28.12.1895, khi Phan Đình Phùng tử trận tại chiến khu Núi Quạt (Hà Tĩnh) thì phong trào Cần Vương mới thực sự tàn tạ. Chỉ hai năm sau đó, 1897, lại bùng lên vụ Kỳ Đồng tức Nguyễn Văn Cẩm, ở đồn điền Chợ Kỳ (Bắc Giang).

Tuy Kỳ Đồng lấy nông nghiệp làm nền tảng lâu dài cho kháng chiến và khéo che giấu chiến khu dưới dạng đồn điền:

Tạm gửi niềm vui vào vỡ đất,

Việc chi lo lắng phải chau mày.

(thơ chữ Hán của Kỳ Đồng,

Việt Thao dịch)

nhưng tác giả cũng đã tỏ rõ ý chí:

Anh hùng tự cổ đâu cam chịu,

Giành lại non sông hẳn có ngày.

(Nguyễn Tiến Đoàn dịch)

Chưa hết, phong trào Nghĩa Hưng tức nhóm Cần Vương Yên Thế vẫn âm ỉ kéo dài cuộc kháng chiến chống Pháp gần 30 năm trời của Đề Thám. Cho đến ngày 10.2.1913, ngọn cờ Cần Vương cuối cùng mới bị hạ tại một vùng rừng núi Yên Thế khi lãnh tụ Hùm Thiêng Yên Thế bị hai tên thuộc hạ của Lương Tam Kỳ phản bội, ám sát.

Phong trào Cần Vương kéo dài suốt 28 năm trời (1885-1913) không những viết lên những trang sử oai hùng trong công cuộc chống xâm lăng để bảo vệ đất nước của dân tộc, phong trào còn đóng góp cho văn học nguồn thơ hiện thực, dân thân, nhân chứng của thời đại. Và phong trào đã để lại trong lòng dân tộc niềm tự hào, kính phục và vô vàn thương mến.

Trên những chuyến đò xuôi ngược giòng Hương, giọng hò buồn bã như nhả gửi đến vong linh người chiến

sĩ Cần Vương:

Đò từ Đông Ba,
Đò qua Đập Đá,
Đò về Vĩ Dạ,
Thăng Ngã Ba Sênh,
Lờ mờ bóng ngà trắng chênh,
Giọng hò xa vọng nhẩn tình nước
non... (ca dao)

Chú thích:

1. Ban di: dời dọn đi chỗ khác.
2. "Ky" thường đọc là "ơ".
3. *Việt Nam Cách Mạng Cận Sử* của Phạm Văn Sơn, Sài Gòn 1963, tr. 32.
4. Bình Đài thường được gọi là đồn Mang Cá, một căn cứ phòng ngự quan trọng nằm sát vách cung thành Huế, bị buộc nhượng cho Pháp trấn đóng.
5. Lầu Tây là toà Khâm sứ Huế, nằm bên hữu ngạn sông Hương.
6. Khiêm Cung: lăng vua Tự Đức.
7. Từ giá: xa giá bà Từ Dũ.
8. Tam cung: gồm Hoàng thái hậu Từ Dũ, mẹ vua Tự Đức; Trang Ý Hoàng thái hậu, vợ vua Tự Đức, mẹ nuôi vua Dục Đức; và bà Học Phi, vợ thứ vua Tự Đức, mẹ nuôi vua Kiến Phúc.
9. Quan tướng: Tôn Thất Thuyết.
10. Tây Châu: gồm các tỉnh Tuyên Quang, Hưng Hoá và các tỉnh miền tây bắc.
11. Thao Đà: dải đất nằm giữa sông Đà và sông Thao.
12. Vô sở bất chí: Không có chỗ nào mà không ruồng tới.
13. Thạm vi khả bi: Rất đáng khinh bỉ.
14. Chín xã sông Con: thuộc huyện Đại Lộc, Quảng nam. Sông Con là nhánh sông phía tây bắc sông Vu Gia, chảy vào sông Thu Bồn.
15. Thủ Thiện: Một thôn thuộc xã Bình Nghi, huyện Bình Khê (nay là Tây Sơn) tỉnh Bình Định.
16. Dốc Thị: còn gọi là đèo Xuân Tự trong ngọn núi Bồ Đà, nằm trên quốc lộ 1.
17. Biển Cù: còn gọi là vịnh Cù Huân, có hai cửa: Cửa Lớn là hải cảng Nha Trang, Cửa Bé ở về phía nam gần Cam Ranh.
18. Lấy chữ trong sách *Luận ngữ*. Về trên tả tâm địa của Vũ Văn Báo, sau bị nghĩa quân thui sống; về dưới nhắc y là con nhà thi lễ vì cha là Tiến sĩ Vũ Văn Lý, nổi tiếng dạy giỏi. Tam Nguyên Yên Đổ và ông nghề làng Dao Cù (tức Tiến sĩ Vũ Hữu Lợi) đều là học trò cụ Lý.

mùa xuân thăm giàn thiên lý

Tôi gửi hồn tôi trên giàn bí lá xanh
sương long lanh
có bày chim se sẻ.
Tôi gửi hồn tôi trên cây cam, cây khế
trên giàn trầu lá xanh mượt dễ thương
trên buồng cau đêm trắng sáng ngát hương
trên cành bưởi vườn quê hương ngọt mật.
Xuân lại trở về trên trái đất
Quê hương tôi xa cách nửa bán cầu
Người người trở về tấp nập thi nhau
thăm quê hương, thăm vườn trầu, luống cải
Tôi ngồi đây, nghe lòng mình ái ngại
Tôi bàng khuâng, tôi thăm tự hỏi mình
Quê hương tôi có thật sự hoà bình?
Quê hương tôi người người đang hạnh phúc?
Quê hương tôi không còn ai oan ức?
Bị tù đầy bắt bớ oan khiên?
Có thật sự quê tôi bình yên?
Tôi thăm hỏi, rồi tôi thăm nghĩ.
Vẫn trùng trùng phi lý,
vẫn trại giam cải tạo tù đầy.
Triệu người dân vẫn sống cảnh lắt lay
Bút bẻ cong đâu tự do tư tưởng?
Thư mùa xuân tôi thả đi muôn hướng
Lời nguyện cầu xin đất nước an bình
quê hương không còn khốn khó điêu linh
tôi trở lại thăm vườn cây trĩu trái.
Ơi quê hương, một trời quan tái!
Đón gió xuân nghe xao xuyến tâm hồn
Lòng giấy âm thầm, mực nhỏ chữ cô đơn
Tôi gửi hồn tôi qua muôn trùng hải lý
Tôi thả hồn tôi về thăm giàn thiên lý
Ước nguyện cuộc đời không còn vị kỷ
Vườn quê hương tươi nắng mới thanh bình.
Đời hiền hoà, người thương mến chân tình
Hoa xuân nở thơm trời quê đất mẹ
Dường như không gian vang lời kệ
Trầm dâng hương... thơ ngát ý nguyện cầu.
Xuân hạnh phúc trên quê hương Việt tộc.
Đại hồng chung ngân vang
Vườn chùa, cây xanh lộc
Xuân muôn nhà, người thấy hội mùa xuân.
Tôi nghe bước hài xuân nhẹ nhẹ rất gần
Tôi nguyện cầu giấc mơ thành sự thật
Chuyến tàu ghi danh, tôi là người thứ nhất
Xin trở về, tắm nắng mới quê hương.

tuệ nga





Éo Le

Nguyễn Đức Lập

.Một

Nồi đồng nồi đất ơi! Thiệt là không xong rồi! Cái con Hai Cường lẳng vắn trác nết, bỏ xứ mà đi sáu bảy năm nay, tưởng đã trôi sông lạc chợ hay chết đuối rụi bờ đâu đó rồi. Ai dè mà nó là lù lù trời đầu về, lại còn nhè sát rào tui mà ở. Cái điệu này thiệt là không xong.

Cái nết của con Hai Cường mà, ai lại không biết. Chăn ăn trăn quán là nó, mà lộn nài tháo ống, trốn chúa lộn chồng cũng là nó luôn. Đối với ai thì bướm tìm hoa, chớ còn đối với nó hả? Nó là cái thứ bẹo hình bẹo dạng để trêu ong ghẹo bướm. Đối với ai, muốn lựa người bắt đôi bắt cặp thì phải kiếm nơi đồng trang đồng lứa, đồng thanh đồng thi, còn đối với nó hả? Nó là thứ nhỏ không tha, già hồng nhin, ốm không bỏ, mập không từ, cỡ nào nó cũng “thầu” được hết ráo. Nó là hạm mà. Xà-lan chở đầy còn khảm, còn nó hả? Nó “chở” bao nhiêu cũng trắm trơ trắm trát.

Nhớ hồi năm năm, thằng cu Anh, con của thím Bảy Sự, mới mười lăm, mười sáu tuổi gì chớ mấy, còn bận quần xà lỏn trật bù lương, vậy mà nửa đêm nửa hôm, nở lòng nào nó dụ thằng nhỏ vô trong lùm mả của ông Cai Tổng Sắc! Thím Bảy Sự chặn nó giữa chợ, chửi cho nó một trận tan hoang, tàu Nam Vang chở cũng không hết. Vậy mà cái mặt của nó vẫn trơ trơ như tấm thốt me. Gặp như ai, chắc người ta phải vạch đất mà chun

rồi.

Đợi tới hồi bà Hai Tu lột quần nó, xát ớt hiểm nó, ngay trước quán cà phê của chệt Tắc, nó mới cuốn gói mà đi. Ông Hai già muốn cúp bình thiếc rồi mà, tay ông lại cán vá như cái cù nèo, vậy mà nó cũng đành đoạn rù quên ông, hẹn ra đàng sau miến thờ ông Hậu Hiền. Bộ nó hồng biết cái tiếng của bà Hai sao? Tuy tu hành, tụng kinh gõ mõ, ăn chay trường mặc dầu, nhưng cái nết ghen bất kể quân thần của bà, ai mà không ngán! Cái gì bà cũng nhin được hết, còn nhè chồng bà mà leo tẹo, đừng nói một cái quần, mười cái bà lột cũng sạch.

Con Hai Cường đông mắt, mấy bà mẹ có con trai mới lớn, mấy bà vợ có chồng còn đi được, đứng được, mấy cô gái có nhen tình nhen ngãi, ai nấy đều mừng hết lớn, mừng còn hơn là đương không mà bắt được vàng thoi bạc nén. Bởi vì, nó là con ông tay áo, con cú dờm nhà mà. Hơ hồng một chút là ôm đầu máu với nó liền.

Thiệt, không nghĩ tới, không nhớ tới thì thôi. Nghĩ tới nhớ tới chừng nào, tui rùng mình, muốn phát nóng lạnh hay muốn làm xung bứt thở chừng nấy. Bởi vì, thiên địa quỷ thần ơi, thằng cha già dịch nhà tui cũng đâu có hiền lành gì. Ai cũng nói thằng chả lù khù. Thấy “*khoai lang khô xắt lát*” mà tưởng “*sâm cao ly bên Tàu*” như vậy là làm chết. Thằng chả lù khù theo kiểu “*nhu nhu vác lu mà chạy*”.

Còn cái điệu bộ lù đừ của thằng chả hả? Coi chừng! “*Lừ đừ đi ngang mắt bộ lư*” chớ hồng phải giỡn đâu! Mỗi lần ra đường, thằng chả chụp cái nón ni lên đầu, cứ thẳng một đàng mà đi, làm như gái chính chuyên. Ai dè được, dưới vành nón, cặp mắt thằng chả lảo liên lảo lia, liếc ngược liếc xuôi. Mấy bà già mấp mé miệng lỗ, thằng chả liếc làm chi! Gái tơ nheo nhèo, hay đồn bà vá xồn xồn mát da mát thịt, có ai thoát khỏi cặp mắt điều hâu, cú mèo của thằng chả đâu! Cũng may là tui biết khôn. Trước khi về làm vợ thằng chả, tui đã tôn bà Hai Tu lên làm sư mẫu, được bà dạy cho mấy đòn hiểm độc để giữ thằng chả. Nếu không, tui cũng ghen, máu sản hậu kéo lên chặn cổ, ám mờ xanh cỏ từ cái hồi đẻ con Lài rồi kìa.

Bà Hai Tu đã từng nhận xét rằng thằng cha già dịch nhà tui có cặp mắt biết cười mà lại có đuôi. Mỗi lần thằng chả nheo nheo cặp mắt, chớp chớp đôi mi, ngó cô nào bà nào, là y như rằng người đó thấy trong bụng lộn xộn lạo xạo liền. Bà nói chắc ăn như ba bó một gia rằng, thằng chả thuộc về loại “*đòn ông năm bảy lá gan*”, giống như chồng bà. Cái thứ đòn ông đó, nếu không giữ chừng chừng, sơ sẩy một chút là mất liền tay. Bà nói, chồng mình là chồng đã từng đem khay trầu nhạo rượu tới cưới mình, có ông bà, cha mẹ, họ hàng nội ngoại hai bên chứng kiến đàng hoàng,

chớ đâu phải là cái thứ “*chồng chung chồng cha, ai năng hầu hạ thì đáng chồng riêng*”; của mình thì mình phải giữ chớ, để thiên hạ xài ké đâu có được! Bả còn nói thêm làm cho trong bụng tui phát đánh lô-tô: “Thử lấy con dao bằng sắt đem ra mài trên đá mà coi. Sắt đá còn phải mòn, hà huống là chồng mình bằng thịt, bằng da...”

Thiên hạ vẫn thường nói miệng lưỡi của những người chạy lạt thường đậm thâm ngọt ngào, nghe rồi cảm thấy thân tâm an lạc. Nhận xét này đúng với ai không biết, còn đối với bà Hai Tu, thiệt là trật lất. Những điều bả thàm thì nhỏ to sát bên lỗ tai làm cho tui muốn phát lãnh: “Tao nói cho con Năm mày biết, chồng mình, mình lo cho ăn uống tắm rửa đặng có hú hí với mình, chớ hổng phải để cho ba cái quân Tử Hi, Võ Hậu nó rình, lâu lâu nó trút lộp. Mày đừng có tin vô cái câu ‘*khôn ba năm, dại một giờ*’. Hổng có thằng cha nào dại được tới một giờ đâu mày ơi, nhấp nháy hà!”

Coi cái điệu này chắc tui phải xanh xương mất máu vì cái nỗi phải lo giữ chồng rồi đây. Hổng ốm o gầy mòn sao được! Hồi nào tới giờ, chiều chiều thằng chả đâu có cái tật bắc ghế ngồi hóng gió ở trước hàng ba. Vậy mà, từ ngày có con Hai Cường ở sát rào, chiều nào thằng chả cũng than nóng nực, phải ra mé trước ngồi cho mát. Cái nóng nực này là bởi tại sao, tui biết rõ như hai với hai là bốn. Bởi vậy thằng chả nóng chừng nào, tay chun tui lạnh chừng nấy.

Đã vậy mà, mỗi lần thằng chả banh chun ngồi dựa ngửa trước hè, thì con Hai Cường lại lượn tới lượn lui bên hàng rào, làm bộ hái rau càng cua hay là nhổ cỏ dại. Báo hại tui, chiều nào cũng phải bỏ công bỏ chuyện, ra ngồi khít rít bên thằng chả. Trong bụng tui thì nóng như bị ai đó bắt nhơn đem lửa mà hơ, vậy mà còn phải nghe cái con trời đánh thánh đăm nó chào “chị Năm” ngọt xớt. Giả đồ mua khế bán chanh làm chi, em? Chào chị Năm mày làm chi mà đuôi mắt dài sọc của mày kéo xuôi về phía anh Năm?

Chắc phải tìm một cái kế nào để giải quyết cái vụ con Hai Cường này mới được. Nếu không, nội mắc cái chúng đau tim hồi hộp cũng đủ làm tui theo ông theo bà sớm, để chồng lại cho nó hưởng. Hay là tui rủ năm, bảy chị em, đợi nó đi chợ, làm cho nó một trận, giữa chốn thập mục sở thị giống như bà Hai Tu đã làm hồi trước? Nghĩ cho cùng, cái kế này coi bộ hổng được. Nghi là mới trong bụng tui nghĩ thôi, chớ đã “*bắt tận tay, day tận trán*” đâu mà hổng đánh người? Hay là, bữa nào tui rình rình, lòn qua cửa sau, bỏ thuốc rầy, thuốc chuột, thạch tín, mã tiền vô nồi canh, nồi kho của nó, để trừ hậu hoạn? Nói có hai bên vai vác làm chứng, mới nghĩ tới chuyện đó thôi, tui đã muốn xỉu tại chỗ rồi, đừng nói chi tới lúc ra tay thì hành độc kế. Mạng con người đâu phải là nhỏ. Cắt cổ gà cổ vịt, tui còn hổng dám mà.

Thôi, tui nghĩ ra rồi. Để ợt như vậy mà mắng rới ren trong bụng, tui nghĩ hổng ra. Cái này phải lấy độc mà trị độc. Thằng Sáu Cò ở xéo xéo bên kia đường đó chi mà không dưng? Tuổi nó đâu chừng ba một bước qua, ba ba bước lại, còn tân hay không thì hổng biết, nhưng rõ ràng là nó chưa có vợ lần nào. Cho đâu nó có nhỏ hơn con Hai Cường chín, mười tuổi đi chăng nữa, con này cũng còn mướt mà mướt rượt, lại thêm biết cách sửa soạn nên hai đứa có xáp vô kế cũng hổng tới nỗi “*nồi tròn úp vung méo*”.

Lay trời lay phật, lay thiên địa quỷ thần, lay bốn bên cô bác linh thiêng hãy phù hộ tui lo cho xong cái mối này. Làm sao cho thằng Sáu Cò với Hai Cường xáp lại được với nhau, tui mừng còn hơn là trúng số cặp năm, cặp bảy. Có như vậy tui mới ăn được ngủ được, trong bụng tui mới hết xốn xang, gan tui mới hết teo từ đoạn, ruột tui mới hết thất từ từng, tui mới hổng ăn đời ở kiếp cho tới răng long tóc bạc với thằng cha già dịch của tui được...

Hai

Mắc mớ gì mà mấy bữa nay cái mặt của con mẹ lúc nào cũng chằm chằm chờ, lúc nào cũng hằm hằm

như muốn đánh lộn vậy kìa? Tui có làm cái gì trái ý con mẹ đâu mà con mẹ làm mặt mâm mặt thúng với tui? Thậm chí tới bữa ăn con mẹ cũng đặng đặng sát khí, làm cho tui hổng dám khua đũa khua chén theo thói quen, nhai hổng dám mạnh miệng, húp hổng dám thẳng thét. Tui làm cái gì cũng bị con mẹ gườm gườm rình rập. Tui đi lên nhà trước, tui đi xuống nhà sau cũng đều không thoát khỏi cặp mắt chiếu tướng của con mẹ.

Hay là con mẹ đổi tánh theo cái kiểu “*già sanh tật, đất sanh cỏ*”? Nói như vậy thì cũng không phải. Con mẹ đã già gì đó cho cam! Tuy cũng có sui gia rồi, nhưng con mẹ cũng mới sồn sồn, chớ đâu đã tới nỗi cúp bình thiếc.

Thấy con mẹ hằm hừ quá lẽ, tui cũng không yên lòng. Tui hỏi đơn hỏi ren để tìm hiểu nguyên nhơn. Lần nào con mẹ cũng hứ ngang, không thèm trả lời. Đối để tui mới phải nói:

- Vợ chồng đâu áp tay gối với nhau tề gì cũng hai mươi năm có lẽ, mà còn ở với nhau cho tới mãn đời nữa, có gì thì em phải nói rõ ra, chớ kéo dài tình trạng âm ỉ này hoài, làm sao chịu thấu!

Tới chừng đó con mẹ mới chịu nói, mà phải chi con mẹ dài dòng đầu đuôi cho tui được hân tường chung thủy; con mẹ nói như cóc mở miệng:

- Chuyện gì thì tự bụng ông, ông biết rồi, còn hỏi tui làm chi?

Mẹ ơi, con mẹ nói đúng hết sức. Nếu tự trong bụng tui, tui đã biết rồi, thì tui còn hỏi con mẹ làm chi. Đàng này, tui phải năn nỉ ỉ ôi, tui phải hỏi tới hỏi lui bao phen, thì con mẹ cũng phải hiểu rằng trong bụng tui chưa biết chớ! Khó khăn làm chi mà con mẹ hổng chịu nhỏ phước trả lời giùm tui ít câu?

Đêm đêm, nằm bắt tay lên trán, nghĩ cho tới nát óc, tui cũng không thấy rằng đã làm cái gì để cho con mẹ phật lòng. Tui sợ con mẹ bị bệnh hay khó ở trong mình. Tui hỏi con mẹ tới tiệm thuốc bắc Di Sanh Đường để cho ông thầy ổng bắt mạch kê toa. Con mẹ nhếch môi, cười gằn như cọt mếu:

- Tui mà có bệnh là cũng tại ông.

Ông mà đang hoàng như người ta thì tui mạnh sắn sắn hà. Ông liệu muốn chôn tui sớm thì cứ cái mừng đó mà làm.

Tui có làm cái gì đâu mà con mẹ nói thấy ghê vậy, trời! Tui đâu có phải là cái thứ đờn ông tham thanh chuộng lạ, cơm dẻo canh ngọt ở nhà dựng tới tận miệng mà chê, còn đòi đi ăn chùng ăn lén ngoài đường. “Cái mừng đó” là cái mừng nào? Tui thương con mẹ từ hồi con mẹ mới mười sáu tuổi. Tui qua lại trước nhà con mẹ tới mòn đường chết cổ. Tui năn nỉ thiếu điều muốn gây lưởi, ông Bồi báí Thanh mới chịu đứng ra làm mai. Tội nghiệp ông thì thôi. Đầu heo chưa được ăn mà ông phải cố công, chun thấp chun cao, tới lui nhà con mẹ năm, bảy bận. Rồi, tui phải lau đĩa chùi bình, phải vòng vàng, trầu rượu, heo gà đủ lễ mới rước được con mẹ về.

Nào tui có giàu sang gì đó cho cam. Con mồ côi thân tự lập thân từ nhỏ mà. Vậy mà, tui đâu có để cho con mẹ phải khổ. Tuy con mẹ không được “ngồi bên cửa sổ tằm trầu, có

hai con thị nữ đứng hầu hai bên” nhưng cũng đâu tới nỗi mà con mẹ phải than “thân tui như cá vô nơm, như con cò cưỡng sớm hôm lội bùn”.

Khổ thì thôi! Thương con mẹ, tui thương quần thương quít, hồi chưa cưới còn thương ít, cưới được về rồi lại xít ra thương nhiều, càng sống lâu bên nhau lại càng thương đậm. Ước sức mà tui giàu có, dư ăn dư để, tui sẽ đóng một cái ghế, chạm rồng chạm phượng, sơn son thếp vàng, bắc ở giữa nhà, cho con mẹ ngồi lên, đặng tui đi qua đi lại, ngó suốt ngày cho mãn nhãn.

“Cái mừng đó” là cái mừng nào? Hồng lẽ tui thương con mẹ như vậy là một cái tội? Bối thương quá như vậy nên con mẹ làm cái gì tui cũng thấy “ghét” hết trơn. Con mẹ cười, tui “ghét” theo cười. Con mẹ khóc, tui “ghét” theo khóc. Con mẹ nhú mày, tui “ghét” theo nhú mày, mà con mẹ nhăn mặt, tui “ghét” theo nhăn mặt. Bối thương con mẹ quá thể như vậy, nên khổ với con mẹ tới đâu, tui cũng không hề bận tâm.

Hồi mới cần chữa con Lài, con mẹ hành tui thiếu điều chun không bám đất. Nửa đêm nửa hôm, tự nhiên, con mẹ thềm ăn cháo huyết, báo hại tui phải xách gào-mên, đạp xe ra tới ngoài vòm, mua xách về cho con mẹ. Công khó của tui, tô cháo huyết bưng lên còn bốc khói, mùi hành mùi tiêu mùi gừng thơm phức. Vậy mà, húp mới có hai muỗng, con mẹ đã đẩy tô cháo qua một bên, chếp miệng ước chỉ có bắp nướng trét mỡ hành hai mới đã. Tui lại phải lợc cộc đạp xe đi “rước” bắp nướng mỡ hành về cho con mẹ. Chớ chi mà con mẹ ăn được nửa trái thì tui cũng mát ruột. Đàng này, con mẹ cạp có một miếng, nhai chóp chếp rồi phun phèo phèo, chê tui mua nhằm bắp chở qua sống, lạt còn hơn nước miếng... Con mẹ than đau lưng, đòi uống Thảo Nam Sơn. Rồi, không biết nghe ai bày, con mẹ bắt tui phải đi mua nào là Cửu Long Hườn, Bá Đả Sơn Hườn Tán, nào là thuốc dưỡng thai hiệu Nhành Mai. Con mẹ còn dặn thêm, bắt tui phải mua cánh chỉ, cà na, trần bì, xí muội

để con mẹ ngâm cho đỡ lạt miệng. Báo hại lần đó, tui cộ về một đồng bùm xùm, thiên hạ không biết, tưởng tui tính khui tiệm thuốc bắc. Thuốc đem về, con mẹ soạn tới soạn lui, sắp qua sắp lại một hồi, rồi cười hi hi: “Ba cái thuốc tể này uống vô, mai mốt để con đen thui, uống làm cái gì!” Đã điếu chưa? Tui lộn gan lên đầu, cự nự con mẹ mấy câu. Mặt con mẹ xụ xuống. Cặp mắt chớp chớp, ướt ướt, chót mũi ửng lên đo đỏ, con mẹ bệu bạo: “Tại con của anh nó hành em, chớ em có muốn như vậy đâu?” Chỉ cần con mẹ “diễn xuất” có bấy nhiêu đó thôi, con bào hao hậm hực của tui tan mau còn hơn nước đá đem phơi giữa nắng.

Có thai, con mẹ sanh đủ thứ tật. Xoài tượng, trái nào trái nấy lớn gần bằng bắp vế, con mẹ xăn quần, ngồi xếp xuống đất theo kiểu chun co chun duỗi, xất tới đâu, ăn tới đó, làm một hơi hai trái mà coi bộ chưa đã thềm. Nghe con mẹ nhai dòn rậm tới đâu, tui ê răng tới đó, nhưng con mẹ vui, cũng đủ cho tui vui theo.

Đó, tui thương con mẹ như vậy, tui yêu con mẹ như vậy, năm mặt con rồi, bộ con mẹ chưa hiểu bụng tui sao?

Con mẹ làm mặt lớn mặt nhỏ thét rồi không khí trong nhà trở nên nóng nảy bức bối như ở trong lò hầm vôi. Nhiều lúc tui phải tránh mặt con mẹ, ra ngồi ngoài hàng ba cho đỡ nóng. Vậy mà con mẹ đâu có tha. Hồi đó, nơi Huế Dung đạo, Quan Công còn quay ngược thanh long đao, mở đường tha cho Tào Tháo. Đàng này, hành tui, con mẹ quyết bám theo khít rít. Tui ra ngồi ở cái ghế xích-đu, con mẹ bắc ghế đầu, ngồi sát bên. Thiên hạ mới ngó qua, tưởng vợ chồng già thanh thoi ngồi hóng mát, ngó ông đi qua bà đi lại. Thiên hạ đâu có biết, chiến tranh lạnh đang tới hồi gay gắt, đạn bay bom nổ hồng biết xảy ra hồi nào.

Thét rồi tui cũng muốn khùng luôn. Cho tới một bữa, tình cờ tui nghe con mẹ với bà Hai Tu xầm xì xậm xít với nhau, cái gì mà “bướm nọ vô tình” nhưng “hoa kia hữu ý”, cái

vào hội thưởng xuân

Cánh én truyền tin gợn cánh xuân
Xiêm y diễm ảo thoáng như gần
Đã mừng bắt gặp duyên bèo nước
Lẳng nhịp cung huyền vọng suối ngân.

Đây sắc xuân nồng, xuân mãn khai
Nắng xuân nồng thắm má hồng ai
Có nghe hoa cỏ bưng hương đón
Lối hẹn thềm xuân đẹp gót hài.

Phải chốn đào nguyên lạc hướng về?
Dấu tiên hoa rắc, trải sơn khê
Nhớ sao buổi ấy trăng tròn mộng
Hỏi khách cung nga có lối thề?

Đào vẫn đào tơ, vẫn dáng tân
Ngàn mây diu bước, bóng giai nhân
Xui dưng nghiêng ngọc, xin trao bút
Để bút nghiêng vào hội thưởng xuân.

vân nương

gì “giấc trước mặt dễ đỡ, còn giấc sát nách hàng rào thiết là khó phòng”... tui mới manh nha khám phá ra tự sự.

Trời ôi, ngó xuống mà coi đây nè, trời! Cái oan này mới thiết là oan ôi ông Địa! Suốt một đời tui nưng niu chiều chuộng con mẹ, thiếu điều tui tôn thờ con mẹ, cho dầu có tiên nga ngọc dạng, Chiêu Quân xuất thế hay Tây Tử giáng phàm, tui cũng đâu có màng. Con mẹ ghen làm chi với cô Hai Cường? Ai khen cổ đẹp, chớ dưới mắt tui, cổ thua con mẹ xa lắc. Với lại, cái tiếng của cổ, ở khắp xứ này ai mà không biết! Tui đâu có muốn thân bại danh liệt, tán gia bại sản mà dính líu tới cổ! Lóng rày, cổ có lo tu bí làm ăn hay không, đâu có ai biết được. Tốt hơn hết, tui biết thân biết phận, gặp cổ phải tránh. Nhưng, hồng lẽ ở sát bên, người ta chào, mình không đáp lễ; người ta cười, mình không cười lại? Người ta, thân phận đồn bà, yếu chùn mềm tay, ỉ ạch khiêng bao gạo, chẳng lẽ mình thấy mà đứng ngó?

Để rồi tui phải tỉ tê khúc nôi cho con mẹ biết. Nếu không, có bữa máu ghen nổi lên chặn ngang cản cổ, con mẹ dám bỏ tui bơ vơ côi cút mình lăm! Nhứt định là phải phân rõ trắng đen hơn thiết cho con mẹ nghe rồi. Nhưng, cái nét của con mẹ, tui rành quá mà, sức mấy mà con mẹ thêm tin...

.Ba

Cái câu “hồng nhan bạc phận” đối với ai chưa chát đắng cay ra sao, không biết; chớ còn đối với tui, thiết là bầm dập e chề.

Thân phận đồn bà mà, ai cũng muốn một vợ một chồng, ấm êm hạnh phúc, chớ có ai ước chi cái cảnh chồng chung chồng chạ, hay chồng hồng phải chồng, vợ không ra vợ, già non ngãi non vợ chồng. Còn cái cảnh “tám thân bán rẻ đồng tiền, huyết còi một cái thì liền ra ngay”, họa có khủng mới ao ước.

Trách ông trời sao cũng khéo lá lay cay nghiệt. Muốn thì trong bụng tui cũng muốn tốt, muốn lành như người ta, các cố làm chi mà ông đầy

xất tui, để cho tui phải mang tiếng trốn chúa lộn chồng, bẻ nài tháo ống? Chớ chi mà ông nhỏ lòng hơn, thương tưởng tới cái phận hồng nhan của tui một chút, thì thân tui tới nông nổi nào mà bầm trầy e chề, lòng tui tới nông nổi nào mà nhiều phen nát ngầu như tương! Thấy cái cảnh đâm ám của người ta mà bắt ham, rồi nhìn lại cái cảnh của tui, mới thiết là ứ hự. Người ta buồn hay vui gì, cũng có người chia sẻ. Còn cái thân tui, vui cũng hồng muốn cười, mà buồn cũng hồng muốn than. Mà, cho dầu tui có muốn than, cũng biết than với ai bây giờ? “Người buồn có chốn thở than, em buồn như lộn nhang tàn thấp khuya” mà! Than với ông trời thì ông trấm trơ trấm trát, mà ông đã hại tui tới ong tàn bướm tạ làm vậy, than với ông, gẫm có ích gì!

Hồi má tui còn sống, mỗi khi có chuyện gì khiến cho tui phải rên trời kêu đất thì bà cười gằn, rồi phán một câu xanh đờn:

- Trời ở đâu mà kêu, còn đất thì mây đậm bành bạch dưới cẳng đó! Kêu làm chi cho mỗi miệng.

Người ta nói, biết con hồng ai bằng mẹ. Nỡ lòng nào mà má tui rửa tui, nghe bắt lạnh mình:

- Cái thứ gái như mày, nữa có làm cái gì cho nên thân. Trẻ thì chỉ có nước ra đường bán dạng thuyền quỳên, còn may mà sống được tới già thì cũng chỉ có nước xách rổ quẩu ra ngồi ở đầu chợ mà “lạy ông đi qua, lạy bà đi lại” thôi.

Nghe bà than tới than lui mới ớn:

- Tui ăn ở cũng đâu tới nổi nào, đâu phải là cái thứ “đâm heo thuốc chó” mà để ra nhằm cái thứ gái rợng sớm vậy nè! Mới nứt mắt mà nó đã đánh đôi đánh đọ, tối ngày rườn rượt ngoài đường như chó thối bầy. Lạy trời cho tui đừng có thấy cái cảnh nó chữa hoang để lạnh, để tui khỏi trào máu hợng mà chết hồng nhắm mắt.

Bà than có một câu mà động lòng trời. Bà cảm mạo, nóng lạnh sơ sơ, Thối Nhiệt Tấn mua về chưa kịp uống, trời đã rước bà đi êm. Chỉ vì sợ phải thấy cái cảnh tui chữa hoang để lạnh mà bà nở bỏ đi, để mặc kệ một

mình thân tui phải lo bương chải.

Người lớn trong xóm buộc tui vô cái tội lẳng vắn trác nết. Còn mấy đứa con gái đồng trang đồng lứa thì né tui như “có ghẻ né ruồi”. Đâu có ai ở vô cái cảnh của tui mà biết. Mẹ thì chết, cha thì chưa từng thấy được cái mặt tròn, méo, xéo, vuông ra sao, mới mười sáu tuổi, tui biết làm cái gì để có cơm bỏ vô miệng?

Mà nói nào ngay, tui mà mang tiếng mang tai đây, cũng tại mấy thằng đồn ông khốn nạn, với lại mấy con đồn bà ích kỷ hại hơn.

Lẽ đúng ra, thấy thân tui côi cút như vậy, phải nhỏ lòng thương mà giúp tui, vạch đường chỉ nẻo cho tui sống làm sao cho đàng hoàng chớ. Đàng này, từ thằng già tới thằng trẻ, thậm chí tới những thằng mấp mé miệng lỗ; thằng nào gặp tui cũng trở mồi dề đạo lộ. Rồi, đứa thì đem tiền đem bạc ra dụ, đứa thì đem áo quần, phần sấp ra nhem thềm. Rốt cuộc rồi, cái chuyện “ông mất của kia, bà chìa của nọ” làm sao mà tránh cho khỏi!

Tui bực nhứt là cái câu “Trách lòng quân tử bia danh, chơi hoa rồi lại bẻ cành bán rao”. Quân tử cái mà ông nội nó chớ quân tử! Ba cái quân “bẻ cành bán rao” này, nói gọn một câu, là cái thứ khốn nạn nhứt trên trần đời. Tên-tui mà trôi nổi khắp mấy cái quán cà phê, cũng tại mấy cái miệng hồng có dây chằng của ba cái quân khốn nạn này thôi.

Đã cùi rồi, tui đâu còn sợ lỗ. Đã nằm dưới đất rồi, tui đâu còn sợ té. “Lẳng lơ thì cũng chẳng mòn, chính chuyện cũng chẳng sơn son để thờ” mà! Đã lỗ một lần thì có lỗ thêm năm, bảy trăm lần nữa cũng đâu có mất mát thêm gì của tui!

Tui hận ba cái quân khốn nạn. Tui lại hận ba cái thứ đồn bà ích kỷ hại hơn. Chồng nó, sao nó hồng biết giữ. Con nó, sao nó hồng biết dạy? Nó thả làm chi luông tuồng, làm hại tới tui, rồi nó lại đâm ra oán giận tui?

Tui hồng phải là đứa ngu, mà tánh tui cũng hồng được hiền như người khác. “Tốt thì ra vàng ra bạc” mà xấu thì “ra rác ra rơm” chớ để đâu gì mà tui chịu nhin! Thiên hạ đã hại thân tui

tới nước, đã đập đầu tui xuống tận đất sinh, mà còn muốn đập nữa, bộ ăn cá sù sao mà tui không hại lại thiên hạ cho tan nhà nát cửa?

Đó, như thằng con vàng con ngọc của con mẹ Bảy Sự đó, chưa ráo máu đầu mà gặp mặt tui, mắt đã chớp lạch liên hồi; đứng gần tui, đã khều đã móc. Ngu dại gì mà tui hồng xúi nó ăn cắp tiền của con mẹ mà nạp cho tui. Đi đâu, cái miệng của con mẹ cũng bô bô khoe là biết cách dạy con. Tui phải làm cho thiên hạ sáng mắt ra, biết con mẹ khéo dạy tới cỡ nào. Đợi tới hồi thằng nhỏ xanh xương mất máu, lết hồng muốn nổi, nằm hồng muốn dậy, con mẹ mới hời ôi; chửi tui thì chửi, chửi con mẹ làm gì được tui?

Còn như chồng bà Hai Tu đó, ngồi ở đâu cũng ra miệng nói chuyện đạo đức tu hành, ai nghe cũng phải nể. Tui phải vạch cái bộ mặt đạo đức giả của thằng chả ra, cho thiên hạ mỗi người thấy một chút. Tu hành cái gì mà tui mới bẹo hình bẹo dạng sơ sơ, đã quên hết bản thờ tông môn nội ngoại?

Ai cũng tưởng tui bỏ đi là tại bà Hai Tu đánh ghen. Thiệt ra, bà đánh như phũ bụi. Còn, bà xát ớt hiểm thì tui lấy xác trà chà một chút thì đâu đó êm liền. Bà làm nhục tui, thì tui còn cái gì nữa mà sợ nhục.

Tui bỏ đi đây là tui chán mấy cái thứ đạo đức giả chung quanh, tui ghét ba cái quân "ở ngoài lồng lộng màu da, ở trong ghẻ cóc, tiêm la đầy mình". Tui, tui làm đi lấy trai hồng có "ba-tăng" nhưng cái tiếng của tui thiên hạ đều biết mà tui cũng hồng chạy chối, chớ hồng phải như ba cái thứ "trông xa xa tưởng bà hoàng hậu, đi lại gần mới biết là con đĩ lậu Bình Khang". Ờ, tui vậy đó. Cho đâu có giận quá mà mất khôn, những điều tui nói cũng chỉ là sự thiệt mà thôi.

Cơ khổ cho thân tui thì thôi. Đã lấm lem làm vậy sao không biết thân biết phận, còn bày đặt thương yêu làm chi, cho đau cho đớn, cho tím ruột bầm gan?

Ba cái thứ đòn ông dề đạo lộ, cho đâu đem vàng thoi bạc nén, đem hột xoàn cẩm thạch tới dựng cho tui, tui

cũng thị như cỏ rác. Lòng tui thất theo đây là vì người quân tử chánh hiệu. Mà, trời đất ơi, yêu làm chi để cho những lúc khắc lụn canh tàn phải sa nước mắt một mình!

Anh Năm ôi là anh Năm! Nỗi lòng héo úa như "bầu đứt dây" của em, anh có thấu rõ không, anh Năm? Hồi đó, hồi anh chưa đụng chị Năm, mỗi ngày đạp xe đi làm, anh có biết em đứng núp sau cửa, mê man tàn tịch ngó theo không? Đã bao nhiêu lần, em cố tình bắt chuyện làm quen với anh, nhưng sao anh quá vô tình? Nội khắp hết xứ này, em chỉ chăm có mình anh là người quân tử. Hầm hiu bạc phước cho em biết mấy, "hồn sanh" của anh, anh đã gởi trọn cho chị Năm mất rồi. Ước chi mà em có phép như Lê Sơn Thánh Mẫu, thì em sẽ xủ tay áo, bắt trọn cả hồn cả xác của anh để các cùm giữ riêng cho mình. Khổ quá thì ước làm vậy, chớ em cũng biết, cái xác của anh kia mà em bắt còn không được, huống gì tới cái hồn của anh.

Em bỏ đi. Em trôi nổi. Vòng vàng em đeo đỏ tay. Tiền bạc em nhét đầy túi. Đi, em có kẻ đưa. Về, em có người đón. Anh đâu có biết, xác em thì ở một nơi, mà hồn em thì về một nẻo, gởi trọn cho anh.

Em về chuyến này là vì anh. Hồng phải em về để rình cơ hội chị Năm sơ hở mà cướp sống anh đâu. Tiền bạc lóng rày em dư xài. Đời cũng dạy cho em biết khôn. Lẽ ra, em tìm một nơi nào đó, không ai biết tên biết tuổi, kiếm một tấm chồng, xây dựng mãn ăn. Đã nói là biết khôn, thì ai ở trong hoàn cảnh như em cũng phải làm như vậy hết. Chớ có ai đâu lại dại dột đem thân về lại cái nơi mà thiên hạ coi mình là cái thứ phung cùi ghẻ lở. Nhưng, em đi đâu cho được khi chưa bao giờ, cho đâu là một giây một phút, em quên anh.

Anh Năm ơi, phần số em hồng có. Cái người quân tử mà em tôn thờ, hồng bao giờ em với tới. Thôi thì, em đành cam chịu. Chắc anh cũng đâu có hẹp hòi gì mà cấm đoán em lâu lâu nhìn anh cho mãn nhãn một lần. Chắc anh cũng đâu có nỡ cấm đoán lòng

em rộn rã khi nghe anh cười, anh nói ở khít bên rào.

Chị Năm, đâu có khó tánh, cũng đâu có cấm được em dòm lên chồng chị, đứng ngoài rào vui ké một chút hạnh phúc của chị, phải vậy hông, anh Năm?

.Bốn

Ừa, lóng rày bộ chị Năm trở tánh rồi hay sao mà rậm rức quá tay? Hay là chỉ đã tới tuổi hồi xuân mà anh Năm cung phụng hồng kịp?

Đừng có ai tưởng là tui nghĩ bậy. Hồng có lửa làm sao có khói? Hồng có tích làm sao tui dịch được ra tuồng? Tự thuở nào tới nay, có đời nào mà chỉ ngó thẳng vô mặt tui, có đời nào mà chỉ đứng lại nói chuyện một, hai câu với tui. Chỉ là đòn bà chính chuyên mà; đi, đâu có đi ngang; về, đâu có về tắt. Đưa khách, chỉ còn đứng trong cửa đưa ra mà.

Hồng biết mắc cái chứng gì mà hôm rày chỉ niêm nở với tui. Thấy tui, chỉ ngoác, chỉ cười tích toác. Anh Năm đi làm, chỉ còn kêu tui qua, ngồi trước hàng ba mà nói chuyện. Chỉ còn nói chịu khó kêu chỉ bằng chị đi, rồi chỉ làm mai giùm cho.

Tánh tui tuy lự đạn, nhưng hồng phải là cái thứ chuyên môn rình chồng cướp vợ. Từ hồi nhỏ, tui đã kiếng anh Năm như là anh tui. Tui hồng bao giờ dám nghĩ tới chuyện lỗi đạo với anh. Nhưng, cái này là mớ để trước miệng mèo, chớ hồng phải mèo lục nôi mà tìm mớ.

Chỉ nói tìm vợ tìm chi đâu cho xa, ở trước mặt tại sao hồng thấy. Chỉ còn nói thời buổi nào vợ lớn hơn chồng thì thấy kỳ, chớ thời buổi này hồng có kỳ cái gì hết ráo. Chỉ đã nói tới nước làm vậy thì trong bụng chỉ định vẹo cái gì, bộ ngu sao mà tui nghĩ hồng ra.

Chỉ muốn tui kêu bằng chị, thì tui kêu chỉ bằng chị liền. Chỉ muốn sao thì tui làm vậy thôi. "Ngựa kia trở mã thành rồng, em nuôi trở mã thành chồng chị nuôi" mà. Mà đâu không có "thành rồng" thì "ban ngày chị chỉ em em, tối tối cà rem chấm mứt" cũng vui vậy.

Người Đi Giữ Tiếng

Hoàng Nga

Vừa bước vào văn phòng cộng đồng, chỉ kịp cười với chị Hoa là tôi đã chững lại bởi bất gặp ánh mắt của một người đàn ông đang tựa cửa sổ phía bên kia nhìn ra. Cái ánh mắt tò mò nhưng như reo vui hăm hở rơi đọng trên tôi một cách thần nhiên. Tôi hít thở vài hơi để tránh bối rối, cố làm ra vẻ bình tĩnh rồi mới thông thả đi vào.

Chị Hoa la lên mừng rỡ, chạy ra nắm lấy tay tôi kéo hẳn vào trong phòng:

- Đang nơm nớp lo là cô không đến. Đây, vào đây cô giáo.

Xong, chị quay lại phía người đàn ông vẫn còn đang nhìn tôi, giới thiệu ngay:

- Cô Khanh, cô giáo mới của lớp Việt ngữ đây chú Hảo.

"Chú Hảo" có nghĩa là nhỏ tuổi thua chị Hoa. Chắc chỉ khoảng hơn bốn mươi, không biết có nên gọi là đẹp trai hay không, với dáng dấp cao lớn đầy đà, mái tóc cắt ngắn gọn, phía sau thấp thoáng vài chỗ lốm đốm muối tiêu, gương mặt hiền lành, nụ cười diễm đạm nở ra tươi tắn, tiến tới bắt tay tôi:

- Chị Hoa giới thiệu nhất cử lưỡng tiện như thế thì tôi khỏi cần xưng danh phải không cô Khanh?

Tôi nhìn người đàn ông có giọng nói ấm áp và đôi mắt tinh nghịch đang đứng trước mặt, thầm nghĩ không biết mình sẽ may mắn hay xui

xẻo khi sắp làm việc chung với con người này. Cái phong cách tự nhiên chững chạc trông rất dễ dàng "chinh phục tha nhân" ấy chẳng biết có làm tôi phải mất công... phòng thủ cẩn mật không nhỉ! Tôi mỉm cười tự giễu mình, vì nhận ra một điều rõ ràng là tôi đã thích Hảo ngay từ lúc sơ giao. Tôi nói:

- Nhưng tôi chưa biết anh làm công việc gì cho cộng đồng.

Chị Hoa cười:

- Chú Hảo là "bộ trưởng ngoại giao" của cộng đồng.

Hảo gật đầu:

- Vâng.

Tôi nhìn người đàn ông ngờ vực. Cái giọng nói lẫn gương mặt nghiêm trang của Hảo khiến tôi không khỏi giật mình tự hỏi chẳng lẽ lại có một chức vụ như thế trong cái cộng đồng bé tí teo này sao? Tôi vẫn thường nghe người ta lập chính phủ lưu vong khắp nơi ở hải ngoại, và tự động ban cho nhau những chức vụ, tiếng tăm to như tiếng thanh la của các gánh hát bội.

Lát sau, có lẽ thấy tôi ngập ngừng lâu quá, Hảo phì cười:

- Nói đùa vậy thôi chứ tôi chỉ chạy loong toong. Ai mà có lãnh lương của cộng đồng là có quyền sai vặt tôi...

Hảo chưa kịp dứt câu là đã bị chị Hoa chộp lấy:

- Á à, nhớ nhé, cô Khanh nhé! Cô làm chứng cho tôi nhé! Có người mới vừa tuyên bố hể ai có lãnh lương của cộng đồng là có quyền sai vặt hẳn nhé. Tôi chờ cái câu này từ bao nhiêu năm rồi, giờ hẳn mới chịu nói ra.

Hảo "hừ" một tiếng:

- Chị làm như xưa nay em không giúp chị cái gì.

Chị Hoa "hừ" lại:

- Thế chú thử nói cho tôi nghe tôi đã nhờ được chú cái gì nào? Giúp, hay là mỗi bận có chuyện gì cần đến bàn tay của chú là tôi phải năn nỉ muốn hụt hơi mà chú vẫn cứ ồm ồm ờ ờ, không hện đông thì cũng hện tây!

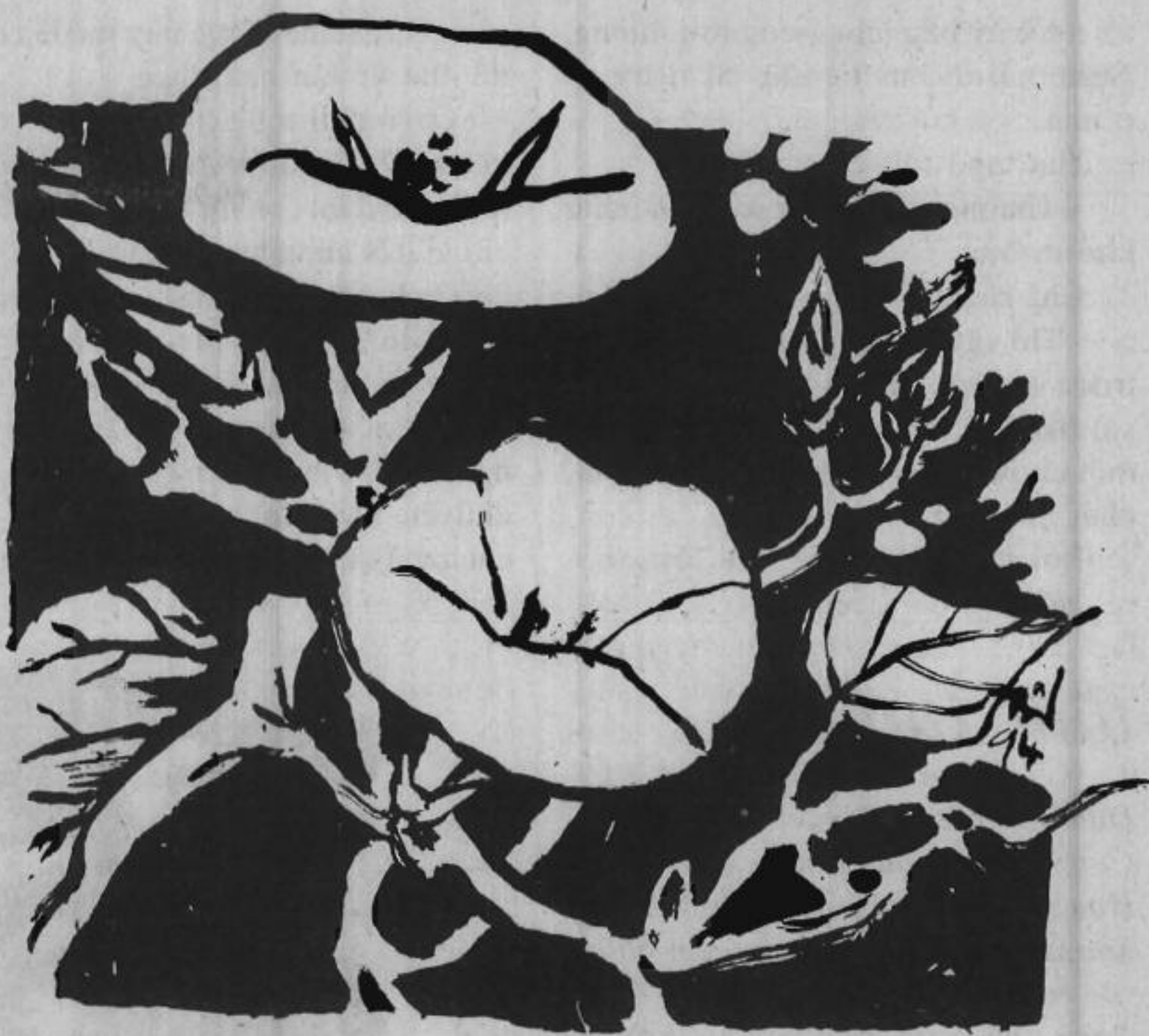
Chị lườm Hảo một cái muốn nổi da gà xong quay sang tôi:

- Sáng nay cô Khanh đến bằng xe bus?

Tôi gật đầu. Hảo ngạc nhiên hỏi lại:

- Cô đi bus?

Chị Hoa ngáp dài:



- Cô ấy bảo làm biếng tìm đường. Nghe nói đi bus tiện là vất ngay xe ở nhà.

Hảo ngó tôi:

- Thường người biết lái xe ít chịu khó đi bus.

Chị Hoa:

- Thì vậy! Nhưng có lẽ cô ấy đoán trước sẽ được sử dụng cái quyền... sai vật mà chú mới vừa tuyên bố nên đi một chuyến bus cũng đâu có thiệt gì, phải không?

Rồi chị cười cười, giễu tôi:

- Thích nhé! Trưa nay thế là có tài xế đưa về tận nhà nhé!

Chúng tôi cùng cười. Tôi cảm thấy yên lòng. Tôi đã nhận lời đi dạy tiếng Việt cho đám con nít trong cộng đồng chỉ vì trót chịu ơn chị Hoa, bà vợ ông chủ tịch, nhưng trong bụng cứ ngấm ngấm lo sẽ đụng phải những người làm việc chung... trời ơi đất hỡi. Tôi thường quan niệm, sống ở cái xã hội ngoài quê hương này thì dẫu có chuyện xích mích, lộn xộn dữ dằn cách mấy đi nữa với dân bản xứ cũng

đễ chịu hơn là những đụng chạm vun vut vật bé nhỏ với đồng hương. Tôi hay "ăn thua đủ" với nhiều bạn học, bạn đồng nghiệp dị chủng trong trường, trong sở làm, ngoài phố, nhưng luôn luôn tìm cách... vẫn hồi hoà bình, cố nhắm mắt bịt tai, bỏ qua nhiều chuyện cả chón không đầu vào đầu với "phe ta" để giữ vững "nền an ninh" cho quốc gia dân tộc.

Chị Hoa dịu giọng, nói với tôi:

- Chú Hảo là ủy viên thường trực của cộng đồng, kiêm luôn ngoại giao và chịu trách nhiệm chính cho lớp Việt ngữ.

Tôi vờ lè lưỡi rồi quay sang Hảo cười cười:

- Nói như vậy có nghĩa anh lấy là xếp của em hả?

Chị Hoa và Hảo cùng cười theo. Hảo:

- Sao nghe giọng cô có vẻ thăm nào quá vậy cô Khanh? Nói không phải... khoe, chứ tôi hiền khô hà.

Chị Hoa giễu:

- Chú ấy hiền lắm, có bằng của nha cảnh sát tiểu bang cấp đấy.

Hảo lườm chị Hoa:

- Chị thì lúc nào cũng nhân dịp để hạ em út không hà.

Chị Hoa phì cười:

- Tôi khen mà chú cũng không bằng lòng. Thế thì tôi nói lại vậy. Là, ngó vậy chứ chú Hảo cũng "được" lắm. Nếu cô có năng khiếu chỉ huy thì tôi chắc chắn chú ấy sẽ xin tự "hạ tầng công tác" để được đầu quân dưới trướng cô liền đấy!

Hảo ngó chị Hoa ra vẻ chán ngán rồi bắt qua chuyện khác. Chúng tôi lảo rão nói chuyện. Những câu chuyện đùa dí dỏm dễ thương của Hảo khiến tôi cảm thấy như quen với cái không khí này từ lâu rồi. Tôi thở phào nhẹ nhõm, thầm nghĩ chị Hoa đã là người nhà, có thêm ông xếp đặc biệt này nữa thì coi như tôi khỏi cần mất công thủ thế. Tôi hăm hở bảo Hảo dẫn đi nhận lớp. Hảo gật đầu, bảo tôi chờ chàng một chút để chàng đi gọi các em vào lớp. Tôi hơi ngạc nhiên, nhưng vì mãi tán dóc với chị Hoa nên không để ý Hảo đã làm cách nào tập trung được đám học trò, reo

tâm xuân ơi,

Dẫu anh mừng về miền tuyết trắng
Còn băng khuâng nhung nhớ rặng tâm xuân
Hoa vẫn nở e dè trong ngõ vắng
Xưa nương tay anh còn sợ em buồn!

Rặng tâm xuân thấp thoáng dưới mưa ngâu
Em lầm lỡ trao nhâm anh tuổi trẻ
Anh mê đắm một dấu yêu mới mẻ
Một niềm đau rưng rức nhựa hồi sinh.

Tâm xuân ơi, giọt lệ chảy vô tình
Thấm buốt giá suốt tháng ngày gần gũi
Anh nhớ chứ một thời hoa trông đợi
Em dọn mình khao khát nở vì anh.

Để mà thương... chỉ có vậy sao đành
Báu vật ấy bên đường anh cất giấu
Một lều gió cũng thành nơi trú náu
Thiên hạ đi qua, thoáng thoáng đêm hè

Tự giận mình không gom được mây che
Có thể lắm tâm xuân em thăm trách
Biển rộng thế, chỉ mình tìm tự bạch
Nỗi riêng tây cam nín cả thời qua.

Giờ thì anh đã xa, quá xa
Vòng tay lỏng nụ hôn hờ hững muốn
Trắng cát vắng xiết bao câu phiến muộn
Kiếp phù du hát hồng mãi quê người.

Tận cuối đời anh còn mãi rong chơi
Tóc bạc rụng mới hay mình chẳng trẻ
Đột nhiên nhớ... tiếng ai vừa lay khẽ
Rặng tâm xuân... trống vắng trưa hè!

ông thế hùng



chuông hay đánh trống? Một lát sau chàng vào, ngoắc tay ra dấu cho tôi đi theo. Chúng tôi đi xuyên qua một hành lang nhỏ đến một phòng khác. Hào dừng lại, lắng tai nghe ngóng một thoáng rồi mới mở cửa bước vào. Chàng vừa đi vừa vui vẻ nói:

- Xin giới thiệu với cô Khanh, đây là lớp Việt ngữ của cộng đồng.

Tôi không biết nói sao để diễn tả sự kinh ngạc của mình. Chỉ nhớ là tôi đã đứng sững ở ngưỡng cửa, hai mắt mở to, mồm suýt há hốc vì không tin nổi mình vừa “nhìn thấy” một cái lớp học. Trước mắt tôi, lớp Việt ngữ là một đám con nít lớn có, nhỏ có, khoảng từ 7 cho đến 17 tuổi, lố nhố độ hơn hai mươi mạng, đang đứng ngồi lộn xộn khắp nơi trong đủ loại màu sắc quần áo và đang râm ran tán dóc với nhau bằng một thứ tiếng Anh rất chuẩn. Như phần lớn người Việt sống lâu ở đây, tôi đã quen mắt thấy học sinh xứ này mặc đồng phục. Cái lớp học Hào vừa giới thiệu là một tổng hợp của “thập loại chúng sinh”, tạp nham vá vấu, chẳng khác gì một đám xóc bầu cua ngoài đường phố những lúc gần Tết, khiến tôi không khỏi xốn xang, khó chịu. Tôi chưng hửng ngó đám con nít vừa nhìn thấy chúng tôi. Một vài đứa ngước mắt tò mò quan sát. Vài đứa khác ngưng chuyện, huých tay chỉ chỗ cho đứa bên cạnh xong bình thản quay đi tiếp tục câu chuyện dở dang của mình. Vài đứa khác hỏi nhau: “*Who's that?*” rồi cười với chúng tôi. Số còn lại thì tỉnh bơ, chẳng thêm đếm xỉa đến ai, dù chỉ bằng một cái liếc mắt hay một cái nhìn thờ ơ lãnh đạm.

Tôi chôn chân luôn tại ngưỡng cửa, hai tay buông thõng, mặt mày tiu nghỉu ngó đám nhóc như ngó một quang cảnh chưa từng thấy trong đời. Lòng tôi hoang mang thất vọng. Hằng ngày tôi vốn dễ mất bình tĩnh, lại không thích chăm sóc con nít. Ở đây, ngoại trừ vài đứa *teenage*, hy vọng tôi có thể dùng lời “phải trái” để nói, còn lại, tôi sẽ làm cách nào đối phó với cái đám... mẫu giáo này?

Hào không hề quay lại nhìn tôi. Chàng hiên ngang bước vào lớp, vỗ

tay bôm bốp kêu các em về chỗ ngồi. Lớp Việt ngữ được sử dụng hai căn phòng họp lớn của cộng đồng với hai dãy bàn ghế kê thẳng tắp ở giữa phòng, trên tường có gắn lá quốc kỳ và tấm bản đồ đất nước còn mới tinh tươm. Tự dưng tôi thầm nghĩ là không biết có bao nhiêu đứa trong đám nhóc này biết đây là lá quốc kỳ và dải đất quê mẹ của chúng. Tôi đã từng gặp vô số người không dám nhận mình là người Việt; và vô số người khác không dám tuyên xưng màu cờ vì họ chọn cái thái độ “đứng giữa”, sợ người chung quanh nghĩ mình thân... quốc gia!

Tôi đưa mắt sang hướng khác, qua phía phòng bên kia, nơi được dùng làm chỗ cất cặp và chỗ bày biện bánh trái, nước nôi để... dụ dỗ các “quan lớn” đi học tiếng mẹ đẻ. Lòng tôi buồn vô kể khi nhìn đám “đệ tử” tương lai của mình về chỗ ngồi. Đám nhóc, vì được tự do chọn chỗ theo ý thích, chẳng cần phải dựa trên một trật tự nhỏ trước lớn sau gì cả, nên chỉ vài giây sau là có bao nhiêu mạng gấu ó cãi nhau vì không kịp chen đến cái ghế mình muốn ngồi. Tôi bỗng nghĩ đến những người đã khởi xướng ra cái phong trào dạy tiếng Việt cho những đứa bé sống ngoài quê hương như thế này. Họ là ai mà có bầu nhiệt huyết nồng nàn đến vậy? Làm sao họ có đủ can đảm để nhảy ra đảm nhận một công việc gay go, cam khổ, mà hoàn toàn giấu mình, hoàn toàn chẳng có tiếng tăm gì cả như vậy?

Tôi thở dài.

Hào nói lớn:

- Các em chú ý! *Attention! Attention! Please give me your attention!* Hôm nay các em sẽ có cô giáo mới. *New teacher for you, guys!* Chú Hào giới thiệu đây là cô Khanh, cô sẽ dạy tiếng Việt cho các em *right now*.

Đám con nít ào ào “*Hi, cô!*”, “*Good morning, m'em*”, “Chúng cháu chào cô ạ” như thể đang cổ vũ một trận *football* hay một trận *cricket* nào đó trên ti-vi, ngoài sân vận động. Tôi mỉm cười, không biết nên nói “*Hi*” hay đạo mạo đáp lại “Chào các em”.

Tụi nhóc *welcome* xong là bắt đầu nói chuyện riêng. Tôi đảo mắt thêm một vòng. Cái đám “chúng cháu chào cô ạ” đã làm tôi chú ý. Tôi đưa mắt về hướng phát ra cái mớ âm thanh đáng yêu ấy và bắt gặp năm sáu đôi mắt tròn xoe, ngây thơ đang nhìn lên. Quý vị này có lẽ còn vài năm nữa mới đạt tới tuổi mộng mơ, tuổi dỏ dỏ ương ương, tuổi thích ô mai xí muối, tuổi thần tiên ong bướm “buồn nhiều hơn vui”, nên đã “chấp hành nghiêm chỉnh” câu chào hỏi lễ phép này từ một vị thầy cô nào đã ra công dạy dỗ trước đó. Tôi bỗng có thiện cảm với cái lớp học lộn xộn này. Tôi quay sang hỏi nhỏ Hào:

- Trình độ tiếng Việt của các em ra sao?

Hào cũng trả lời nhỏ:

- Lung tung. Mấy đứa lớn nói sõi nhưng không biết viết. Vài đứa nhỏ học xong lớp một hay lớp hai gì đó bên nhà. Vài đứa sinh bên này, học hoài mà chẳng biết chút a, bê, xê nào.

Rồi chàng chỉ cho tôi thấy một thằng bé đang ngồi sát cửa sổ:

- Cái thằng bé ấy còn không biết nói cả tiếng Việt. Tội nghiệp! Bố mẹ ly dị. Mẹ không được quyền giữ con, mà bố thì đi tù. Nó đã bị đưa vào viện mồ côi, may sao mà có một gia đình Úc nhận về nuôi - Hào thở dài - Bà mẹ nuôi này chí tình lắm, tuần nào cũng lặn lội đưa nó đến lớp Việt ngữ với hy vọng là nó sẽ học được chữ đực chữ cái nào chẳng. Nhưng vì ở nhà, ra đường, đến lớp, nó đều hoàn toàn không có dịp học thêm hay thực hành tiếng mẹ đẻ, chung quanh hàng xóm chỉ toàn là Úc nên nó đến lớp cả năm rồi mà vẫn cứ ù lì, không biết mô tê gì ráo!

Cổ họng tôi nghẹn lại. Tôi nhìn thằng bé đang riu ra riu rít nói chuyện với đứa bạn bên cạnh mà chẳng nghe được một âm thanh hay một từ ngữ nào dính dáng đến cái ngôn ngữ bà mẹ nuôi muốn nó biết, lòng nặng nề như vừa chứng kiến một cảnh nhà tan tác, thương tâm. Tôi đặt ngay cho mình câu hỏi là tôi sẽ làm gì với cái thằng bé này? Tôi sẽ giúp nó như thế nào trước khi bà mẹ nuôi tốt bụng ấy

nhận ra bà đã phí công vô ích đưa đón nó đến cái lớp học này?

Tôi lại thở dài xót xa, chẳng biết nên khóc hay nên cười trước cái thảm cảnh mình sắp phải đương đầu. Chưa bao giờ tôi thấy mình ngu xuẩn đến mức đã không chịu bỏ ra ít thì giờ quan sát cái lớp học này trước khi nhận việc. Tại sao tôi lại không thể nghĩ ra là trên đời này có thể có những cái tập thể, những lớp học kỳ quặc như thế này nhỉ? Tại sao tôi không chịu “tư duy” thêm một chút để nhận ra rằng ở một thành phố chỉ có khoảng hơn một ngàn người Việt với đủ mọi tầng lớp, giai cấp lộn xộn như thế này thì làm sao tôi có thể kiếm được một cái lớp học cho ra hồn kia chứ! Tôi không muốn rơi vào cái ý nghĩ, thảo nào mà đã có hàng loạt người trước tôi bỏ cuộc dù thật lòng họ ước mơ được bảo tồn cái ngôn ngữ mẹ đẻ tại xứ này.

Vẫn không chú ý đến tôi, Hảo nói tiếp với đám nhóc:

- Bây giờ các em *introduce yourselves* với cô Khanh nhé! *One by one* thôi! *Start from* Thư, *OK*?

Rồi chàng quay lại phía tôi:

- Cô Khanh rần nhớ hết tên các cậu ấm cô chiêu này nhé.

Tôi không biết những người thuộc phe bảo thủ và cả những người “cấp tiến” ưa sử dụng tiếng Anh, tiếng Tây trong khi mạn đàm với đồng hương, mà nghe Hảo trò chuyện với các em thanh thiếu niên nhi đồng rường cột của đất nước mai sau, bằng một thứ ngôn ngữ tạp nham, tả tơi lù như thế trong một lớp Việt ngữ, thì họ sẽ phản ứng như thế nào? Sẽ vỗ tay tán thưởng, hay sẽ ngao ngán thở dài? Tôi, tôi... hỡi ơi. Và tự hỏi trong tương lai, nếu phải tiếp tục hành cái nghề nhà giáo bất đắc dĩ tại cái lớp học... *mixed up* như thế này, liệu mình có tránh được cảnh xào nấu, trộn gỏi hai thứ ngôn ngữ lại với nhau như Hảo đang sử dụng hay không?

Đám “đệ tử” của tôi bắt đầu tự giới thiệu. Tôi cẩn thận lắng tai nghe từng nhóc tí hô danh tánh của mình. Nhiều đứa tên John, David, Kelly, Catherine... Nhiều đứa khác phải hỏi

lại mới biết tên là Huyền hay Hiền, Hoang hay Hoàng. Có đứa bị bạn chọc:

- Tên của nó có dấu hỏi hả cô?

Con bé tên Cúc. Chắc đứa bạn muốn giấu cái dấu trên chữ u. Tôi phì cười. Thằng bé hí hửng bảo bạn:

- *Your name is Shit. Holy shit!*

Đám nhóc cười ầm ầm. Hảo nhăn mặt la lên:

- Im lặng! Im lặng! *Be quiet, please! OK, tiếp tục. Continue, please...*

Xong màn giới thiệu tên tuổi là mất hết cả giờ. Tôi thầm cảm ơn cây kim đồng hồ đã quay khá nhanh, nhưng sau đó vẫn lúng túng vì không biết phải bắt đầu thế nào với đám nhóc. Tôi nhìn Hảo cầu cứu, nói nhỏ với chàng:

- Bây giờ làm sao hả anh Hảo?

Hảo cười. Chàng lớn tiếng bắt đám nhóc lôi sách vở ra, và quay sang nói với tôi trong tiếng ồn ào léo nhéo và tiếng lục soạn sách vở khắp nơi:

- Hôm nay tôi phụ trách phần giảng dạy, cô Khanh quan sát và lần sau thì cô bắt đầu nhé!

Tôi không gật đầu. Hảo quay đi viết một bài tập đọc lên bảng cho các em chép lại. Tôi tần ngần đứng tựa vào mép bàn, đưa mắt nhìn những hàng chữ to, chẳng đẹp đẽ gì nhưng ngay hàng thẳng lối của Hảo hiện dần trên bảng. Lòng tôi buồn bã lạ thường. Tôi bỗng nhớ là đã lâu lắm rồi, dường như là từ lúc rời Việt Nam đến giờ, tôi chẳng còn dịp nào để viết bài bằng phấn bảng nữa. Năm ngoái nhỏ bạn viết cho tôi cái thư, bảo: “Để thường đến gần mười năm rồi, tao chẳng hề viết một cái gì ngoại trừ những lần đi thu tiền hội mỗi tháng. Cầm bút để mà viết những thứ ‘tử tế’ như viết thư cho mày chẳng hạn, cái cảm giác đầu tiên của tao là ngượng ngịu và làm sao ấy mày! Giá hôm nay không phải là ngày họp bạn, và chúng không chửi tao như tát nước, có lẽ tao sẽ để cái khả năng ‘biết đọc biết viết’ của tao vĩnh viễn đi vào huyền thoại. Mày có nghĩ là viết một cái thư, bây giờ đã thành một vấn nạn cho tao không Khanh nhỉ?”

Tôi ngao ngán thở dài, thấy mình cũng sắp rơi vào cái tình trạng ngượng ngịu và lả lẫm tương tự như thế với phấn trắng bảng đen. Tôi nhận ra mình đã liều mạng nhận một công việc mà không hề có chút kinh nghiệm còn con nào. Tôi sẽ dạy cho các em cái gì đây? Chẳng lẽ lấy kinh nghiệm của cái thời đi “diệt dốt” ở Việt Nam ra ứng dụng, dạy bảo những công dân tí hon có khả năng nói thông thạo hai ba ngôn ngữ như thế này hay sao? Mà tôi cũng có hơn gì tội nhỏ! Tội nhỏ ngơ ngác với tiếng mẹ đẻ, thì chính tôi cũng lơ lơ lảo lảo, ù ù cạc cạc. Cái vốn liếng chữ nghĩa của tôi cũng chỉ là một dúm lửa rơm để dàng tắt ngúm.

Tôi cười buồn lúc Hảo đột ngột quay lại nhìn tôi, giấu một câu có vô số từ ngữ “cao siêu” mà có lẽ các em có học thêm năm hay mười năm tiếng Việt nữa ở xứ này cũng không thể nào hiểu nổi. Không biết Hảo lấy kinh nghiệm ở đâu ra để dạy cho các em. Chàng có một lối “giáo dục” riêng, một kiểu cách có một không hai của chàng, hay chàng “copy” được từ những người dạy ở đây ngày trước? Hảo dạy như hát xiếc. Từ căn bản giảng dạy đến lời lẽ, từ ngữ sử dụng với các em, hoàn toàn chẳng có chút gì nghiêm trang, đứng đắn. Thế như chàng đang cà rồn, đang nô đùa với một trò chơi nào đó.

Trưa Hảo chở tôi về theo đề nghị của chị Hoa. Lên xe rồi mà tôi thật vẫn còn bàng hoàng ngơ ngác. Vừa buồn cười vừa chán ngán, tôi nói với Hảo:

- Vậy mà tôi nghĩ cái lớp học nó khác lắm anh Hảo à.

Hảo chớp mắt. Chàng bảo:

- Có lẽ đây là lần thứ sáu hay thứ bảy gì đó, tôi nghe một câu phát biểu tương tự như cô vừa nói.

Tôi hỏi:

- Từ ai?

Hảo thở ra:

- Từ những người đến phụ trách cái lớp học này như cô.

Tôi im lặng ngạc nhiên, cố tìm xem trong giọng chàng có chút gì giấu cợt hay không. Hảo vẫn chăm

chú lái xe. Tôi hỏi:

- Có nghĩa là xưa nay không hề có sự thay đổi nào ở cái lớp Việt ngữ này phải không anh Hào?

Hào nhìn thoáng tôi rồi quay đi. Chàng hỏi lại:

- Cô bảo thay đổi là thay đổi cái gì?

Tôi rùn vai:

- Cho đến tận giờ phút này tôi vẫn chưa thật sự làm việc với lớp Việt ngữ. Nhưng có lẽ không cần nói, anh cũng hiểu là tôi đã thất vọng, như những người đi trước tôi đã thất vọng...

Tôi im lặng giữa chừng để chờ phản ứng của Hào. Chàng không nói gì cả. Lát sau tôi tiếp:

- Lẽ ra nếu thấy nhiều người cùng bị thất vọng giống nhau, ban chấp hành cộng đồng phải biết là lớp học đã không thành công với cách làm việc cũ rồi chứ.

Mặt Hào có vẻ dăm chiêu. Chàng không trả lời tôi một lúc lâu. Sau đó chàng thở dài, hạ giọng:

- Phải thành thật mà nói, là khó khăn và nhằn nại lắm chúng tôi mới duy trì được cái lớp học này cô Khanh ạ. Chỉ vì đây là yêu cầu duy nhất và chánh đáng nhất của bà con mình trong cộng đồng.

Chàng ngó tôi buồn bã:

- Cộng tác lâu ngày rồi cô sẽ thấy làm việc cho cộng đồng chỉ là làm việc thiện nguyện không hơn không kém, chỉ là ăn cơm nhà vác ngà voi, nghe khen ngợi khuyến khích thì ít mà bị chỉ trích thì nhiều. Hễ bà con mình đòi hỏi mà không được đáp ứng là thành chuyện phiền ngay... Lớp Việt ngữ này là một trong những chuyện nhức đầu nhức tai của ban chấp hành cộng đồng. Bao nhiêu lần họp hành, cãi vã nhau cũng chỉ vì nhiều người muốn bỏ quách cho rảnh nợ. Nhưng cô xem, bỏ thế nào được.... Nội cái chuyện kiếm ra được một người chịu phụ trách lớp học là đã chết lên chết xuống rồi. Người nào cũng đến rồi đi, từ người có tâm tình nhất cho đến người chỉ cần một cái job gọi là...

Tự dưng những lời tâm sự của Hào

đầu năm ở mỹ

*Ở Mỹ, đầu năm chưa phải xuân
mà em yêu ạ, vẫn mùa đông.
Nửa vòng trái đất, trời như thế
tròn một vòng quay mới Việt Nam.*

*Em ở quê nhà đang đón Tết
buồn - vui, anh biết: chẳng gì đâu!
mới mà lịch gở lần hăm một
giọt lệ thời gian đọng chứa lau!*

*Hai đoạn thơ thôi, chữ lấp, trùng
buồn anh như thể tuyết giăng giăng
tuyết tan có thể mai rồi một
còn mãi trong thơ một vết hằn!*

*Cái vết hằn đau nhức tới xương
tàn binh ai khiến tản muôn phương?
Nam nhi tứ hải giai huynh đệ
ai xác hồn chôn đáy đại dương?*

*Ở Mỹ, đầu năm, thơ thế đó
gửi về, em đọc, xót xa không?
ôi xa là xót, xa là khuất
trái đất tròn quay mới nửa vòng!*

trần văn lệ

khiến tôi bối rối. Tôi ngồi im, rồi rụt rè hỏi:

- Anh có thể nói rõ cho tôi nghe một chút về cái lớp học không?

Lúc ngừng xe chờ đèn xanh, Hào gác tay lên thành cửa, ngó sang tôi:

- Mới chỉ vài tiếng đồng hồ tiếp xúc với lớp học thôi, mà tôi đoán chắc là cô đã nhìn thấy những khó khăn rồi. Nhưng để tránh vòng vo tam quốc, tôi sẽ nêu thứ tự - chàng cười - set order cho cô thấy những khó khăn ấy là gì, hy vọng cô không bị chóng mặt.

Tôi không đáp. Hào thở ra một hơi, giọng nói chẳng có chút gì vui:

- Nếu như sau này mình có lại đất nước, có lẽ tôi sẽ là một trong những cố động viên mạnh mẽ nhất cho chương trình giáo dục cưỡng bách, và nhất quyết sẽ trình những kiến nghị,

cũng như tiến cử các bậc phụ huynh ở thành phố này lên làm tổng trưởng, bộ trưởng, thứ trưởng giáo dục hết ráo. Bởi vì hơn ai hết, họ là những người có kinh nghiệm dày dặn trong việc "tổng động viên" và "khủng bố" con em mình đến lớp Việt ngữ. Tôi sẽ giới thiệu cho cô những khuôn mặt vừa đi học vừa khóc vì dưng không bị ép buộc đến trường vào buổi sáng thứ bảy để học một môn học hoàn toàn không có trong chương trình học.

Mỗi lúc giọng Hào mỗi buồn bã và chán ngán. Tôi ngồi im thin thít nghe chàng nói tiếp:

- Tôi hy vọng cô cũng nghĩ là tiếng Việt mình không dễ nuốt, phải không? Ở tuổi tôi và cô mà còn có vô số người viết chính tả sai be bét, nói thì câu không ra câu, cú không ra cú;



không kể những người hợm hĩnh, học đòi nói kiểu nói cách, nói văn chương phú lục, thì con nít ở hải ngoại cũng đủ kiệt sức khi “tiếp thu” cái thứ tiếng mẹ đẻ này.

Hảo im một lát.

- Nhưng tất cả những điều tôi mới phân nân, chỉ là vật vãnh, ít dính dáng đến cái lớp học này. - Hảo thở dài - Điều làm chúng tôi khổ sở nhất là người Việt mình hay có thói quen giao khoán trách nhiệm dạy dỗ con cái cho nhà trường. Ở bên này mà vẫn có biết bao nhiêu người chọn trường tư hay trường đạo cho con đi học dù phải trả học phí đắt như cát cổ chỉ vì họ tưởng trường tư dạy kỹ hơn trường công, trường đạo kỷ luật nghiêm ngặt hơn trường ngoài. Và với suy nghĩ như vậy, họ mang con đến lớp Việt ngữ, đinh ninh là độ hai hay ba tháng, con em họ có thể viết thư về thăm ông bà nội ngoại bên Việt Nam bằng tiếng mẹ đẻ. Thường thường cộng đồng hay bị những người này mắng mỏ, ta thán. Họ bảo đón đưa tụi nhỏ trầy vi tróc vảy, năn nỉ tụi nhỏ khô môi hết nước miếng mà cuối cùng chẳng thấy được cái tích sự gì cả.

Chàng cay đắng:

- Họ tưởng mình đến lớp Việt ngữ để giải trí hay chỉ để tán dóc rồi báo cáo với cộng đồng cho có “thành tích”. Nghe họ than, nhiều lúc uất ức muốn la lên báo, về phía ông bà, xin ông bà về nhà làm ơn nói tiếng Việt với tụi nhỏ, làm ơn ghé mắt xem chúng nó học hành ra sao để giúp chúng tôi, mà cũng không dám. Sợ họ giận mới chết chứ!

Hảo nhăn ga. Chiếc xe lướt êm trên mặt đường. Tôi đọc tên đường nhà tôi cho chàng. Hảo nói:

- Tôi có nghe chị Hoa nói cô làm cho một hãng bất động sản. Cô xong đại học bao giờ nhỉ?

Tôi đáp năm ngoái, lòng thắc mắc không hiểu Hảo có ý định gì khi hỏi như vậy. Chàng cười cười:

- Thường những người làm việc cho mấy cái *Real Estate* là khéo nói lắm.

Tôi so vai:

- Đó là những người đi giới thiệu

mua bán, hay sang nhượng nhà cửa. Tôi chỉ làm nhiệm vụ viết hợp đồng cho thuê nhà thôi.

Đột nhiên Hảo quay lại chuyện lớp Việt ngữ:

- Có một lý do, không lớn lắm, nhưng theo tôi nó lại khiến cho những người dạy tiếng Việt trước đây bỏ cuộc, là họ nói mà các em không hiểu gì cả. Có người áp dụng phương pháp chỉ nói thuần tiếng Việt, vì quan niệm đây là lớp tiếng Việt. Nhưng những người này thường thất bại vì ngôn ngữ họ sử dụng đối với các em có vẻ... cao siêu, vĩ đại quá. Nhiều người khác dùng lối “Anh Việt đề huề” như tôi đang dùng, nhưng cũng không thành công. Vì cứ độ vài ba lần bị các em cười cái lối phát âm ngọng nghịu, cứng ngắt của mình là đâm ra mặc cảm, rồi bực bội, cuối cùng bỏ cuộc cho... khỏe.

Tôi tò mò nhìn Hảo:

- Lúc bị tụi nhỏ cười thì làm gì để không bị quê hã anh Hảo?

Hảo vừa rẽ xe về hướng nhà tôi, vừa cười đáp:

- Người khác sao tôi không biết, còn tôi thì tôi tỉnh bơ chứ biết làm sao bây giờ... - Chàng ngó lại tôi - Nhưng tôi dám chắc là tiếng Anh của cô hay lắm.

Tôi nhăn mặt. Hảo nói:

- Cô đã xong đại học, lại làm việc cho một công ty buôn bán nhà cửa, phải tiếp xúc giao dịch với khách hàng thì chắc chắn giọng của cô thế nào cũng lên bổng xuống trầm dàng hoàng, tông nào ra tông ấy chứ không phải chỉ có một tông... đơ như tụi này.

Tôi cười vì lời lẽ quyết đoán của Hảo. Tôi chỉ cho chàng thấy nhà tôi. Hảo chạy chậm lại một chút trước khi dừng hẳn trước cổng. Chàng gật gù:

- Quả là dân trong nghề mới tìm được cái nhà vừa đẹp vừa gần phố mà lại ở trong một khu yên tĩnh như thế này.

Tôi đùa:

- Lẽ ra anh phải hỏi tôi thuê cái nhà này bao nhiêu trước khi khen như vậy. Nếu anh muốn, tôi sẽ giới thiệu cho anh hàng chục cái nhà vừa đẹp vừa thơ mộng, lại vừa sang trọng, yên

tĩnh...

Hảo cười, bắt tay tôi:

- Tuần sau, nếu cô cho phép, tôi sẽ đến đón cô.

Tôi nhăn mặt. Hảo kêu lên:

- Xin cô đừng nói câu tuần sau tôi không đi dạy đâu.

Tôi không biết trả lời thế nào nên chỉ rùn vai. Hảo tiếp, giọng khẩn khoản:

- Nói thật với cô Khanh, chứ nghe cô nhận lời đi dạy tụi này mừng hết lớn. Từ trước đến nay lớp Việt ngữ chỉ toàn là các ông già bà cả, có thể tụi nhỏ chỉ mới nhìn mặt các thầy cô ấy là đủ ngán rồi. Cô rán giúp cộng đồng một thời gian để lớp học được duy trì... - Chàng cười cười - Không hiểu tại sao lúc này tôi lại ngu xuẩn khai báo tất cả sự thật với cô như vậy nữa. Cô làm ơn quên hết giùm tôi nhé! Hoặc nếu có nhớ thì cứ nghĩ là tôi nói... nhầm vậy.

Tôi bĩu môi:

- Anh khôn gần chết, ở đó mà nói nhầm.

Hảo lại cười:

- Ngổ vậy chứ tôi... tré người non dạ lắm cô Khanh ơi.

Tôi lườm. Chàng tiếp:

- Còn việc làm tài xế cho cô, thì như cô nghe lúc nãy đó, tôi cũng đã... non dạ mà tuyên bố ầu. Bà Hoa ghim trong bụng thì đừng hòng chạy thoát. Cô có lãnh lương của cộng đồng thì không muốn, bà ấy cũng ép cô phải xài cái quyền... sai vật tôi đấy.

Tôi vẫn không nói gì cả. Hảo nhìn tôi tinh nghịch:

- Nói nhỏ với cô, đây là một trong những kế sách chiêu mộ người hiền, chiến dịch... dụ dỗ những người dám nhảy ra đảm nhận cái công việc kinh khủng nhất của cộng đồng đấy cô Khanh ạ.

Tôi phì cười. Lối nói nửa đùa nửa thật của Hảo làm tôi thấy vui vui. Có một “phụ tá” vui tính như anh chàng này, kể ra cũng không đến nỗi tệ.

Tôi vẫy tay chào Hảo, bảo sẽ phôn cho chị Hoa biết quyết định của mình, nhưng lúc quay lưng vào nhà, tôi biết chắc là mình sẽ thử cái công việc “bảo tồn văn hoá” này một thời gian.

Tết Vợ Chồng

Hồ Trường An



Khi sang Pháp bằng đường chính thức, Yến chỉ mang theo hai món gia bảo: món thứ nhất là chiếc đĩa sứ Càn Long màu lam nhạt rìa chạy nét hồi văn màu ngọc thạch, phía trong tô điểm bằng ba con gà trống, một màu lông bạch hạc, còn hai con kia lông màu hoàng hạc, đuôi màu lông chim quạ; ba con gà đứng bên phiến đá màu lam ngọc. Còn món gia bảo kia là một chiếc độc bình thời Khang Hy tráng men bạch ngọc, đáy vuông, cổ tròn vẽ bức thâm sơn họa đồ ở bốn mặt. Không bao giờ Jean Hughes Roussel, chồng của nàng biết giá trị của hai món gia bảo trên. Chàng cứ tưởng Yến mua hai thứ đó ở tiệm Á châu như siêu thị Tang Frères ở Paris 13 chẳng hạn. Chàng hạ một câu trước cái nguýt bẽn lẽn như lưỡi lam của vợ:

- Đó là những loại sứ nhập cảng từ Đài Loan, anh chắc thế. Có phải thế không, hử cưng của anh?

Cái thứ hồ đồ gì đâu ấy! Vậy mà thuở mới lớn tên Phiên tặc này dám mơ làm nhà khảo cổ. Bộ hấn cho tôi nói xạo chứ gì!

Jean Hughes cũng đã từng đến một tiệm tạp hóa ở Belleville nhân chuyến mua con vịt làm sẵn để cho vợ tiếm với hạt sen, bạch quả, đã tìm được một cái hũ đựng trà hay đựng được thảo dành để nấu sâm thang. Cái hũ màu nâu nhạt, nhạt đến nỗi trở thành màu ngà phớt hồng, in hoa sen

đỏ, lá sen xanh, nét mềm mại và bay bướm. Khi thấy chồng sắp chung hai món gia bảo của mình với hũ vẽ hoa sen ấy là Yến bất mãn, quát vào chồng một cái nhìn sấm sét, rồi ngúng ngẩy bỏ vào buồng. Hai món gia bảo kia là tặng phẩm của ông nội nàng, khi nàng đậu tốt nghiệp trường Chính Trị Kinh Doanh ở Đà Lạt. Cha nàng không có con trai, chỉ có nàng là trưởng nữ và một cô thứ nữ tên Oanh hiện ở bên Mỹ, đã kết hôn với Kha, một y sĩ vừa mới ra trường.

Yến cảm thấy chồng mình thiếu tế nhị, dù nàng thấy trong chiếc tủ kính, hai món gia bảo kia và chiếc hũ hoa sen vẫn đẹp ngang nhau khi chúng được sắp chung. Nàng còn nhớ năm ngoái, khi cả hai đi nghỉ mát ở vùng núi Alpes gần biên thùy Pháp Ý, Jean Hughes có mua tặng cho nàng hai chiếc nhẫn, một bằng hồng mã nâu màu nâu đỏ, một bằng đá ngọc kim sa màu lục tươi, mỗi chiếc nam trong cái vỏ mạ kền, giá năm chục quan. Vốn yêu chồng, vốn trân quý những

món quà kỷ niệm, Yến phải đến một hiệu kim hoàn Việt nam ở tỉnh Troyes, để ông tra mỗi hạt đá tâm thường kia vào chiếc vỏ vàng, tốn gần hai nghìn rưỡi quan. Món ngọc lại rẻ hơn tiền công và tiền vàng rất xa, vậy mà Yến nào có than van? Cũng kỳ hè vừa rồi, Oanh từ Mỹ qua chơi, đeo kim cương và ngọc thạch choáng lộn, thứ ngọc thạch hoàng gia màu thật thắm biếc, đẹp ơi là đẹp! Oanh trẻ môi:

- Thằng chồng phiên tặc của chị kẻo quá! Tặng chị mấy món ngọc thổ tả miền núi Alpes rẻ như sỏi sạn, trông sao mà lu cam thảm hại!

Yến khò lấp:

- Tây tà ghét cẩm thạch vì cẩm thạch ưa bể.

Oanh liếc xéo háy dài chị mình. Yến chết trân. Nàng nhận thấy từ bấy lâu nay, Jean Hughes thích chơi sách, thích có sách đóng bìa da mạ chữ vàng mà không nghĩ gì tới mua tặng vợ một món nữ trang. Ở đời ai cũng có cái bám vào để làm cho đời mình

thêm tươi thắm, thêm ý vị. Nàng thích chất chiu kỷ niệm. Còn Jean Hughes vốn là một *bibliophile*, thạo chơi sách dù thú tiêu khiển của chàng có tốn khá nhiều tiền. Còn cái con nha đầu Oanh kia, ngoài thích mua sắm nữ trang, ả cứ say mê mái tóc thề của mình. ả đã từng bảo mặt ả không mỏng không đầy, cũng không thôn thôn trứng ngỗng và không vuông vuông chữ điền. Đó là khuôn mặt nữ ca sĩ Khánh Ly. Chỉ có mái tóc thề buông xõa mới làm cho ả giống Khánh Ly 100% mà thôi. Khánh Ly đã tới tuổi năm mươi ngoài mà vẫn để tóc dài, vẫn thơ mộng như thuở nào, thì ả cũng sẽ như vậy, sẽ giống Khánh Ly dài dài, sẽ thơ mộng đứt đuôi con nòng nọc một khi ả tử thủ với mái tóc dài kia. Chỉ khác ở chỗ là giọng Khánh Ly nồng nàn gợi cảm nên Khánh Ly trở thành danh ca, còn giọng ả chát chát chua chua nên ả để dành xéo xắt với thằng chồng khờ của ả.

Mỗi khi nghe Oanh đề cập tới nữ trang là Yến cảm thấy tủi cực. Jean Hughes dù có tiền gởi ở chương mục Ngân Hàng Quốc Gia Paris, đã đề trên các tập chi phiếu tên hai vợ chồng, có nghĩa là tiền đều do vợ chồng cùng xài chung. Vậy mà chàng không mua tặng cho nàng một món nữ trang xứng đáng để vào mùa hè này, nàng có thể lấy le với con Oanh xí xọn kia. Nữ trang mà nàng có sẵn là do Oanh giấu trong chuyến đi chui vào năm 1977; cô ả luôn nhớ rành từng món, nàng đừng có hồng đem ra lòi ả. Chẳng lẽ nàng lấy tập chi phiếu để khoe với Oanh rằng Jean Hughes cưng yêu và tin cậy vợ, cho vợ đứng chung với mình trên tập chi phiếu? Nghĩ lại, Yến thấy cuộc đời của Oanh sao mà suôn sẻ, hạnh phúc hơn đời nàng. Oanh đẹp hơn nàng, tốt nghiệp được sĩ trong khi nàng còn đánh vật năm chót trường Đại Học Chính trị Kinh Doanh. Oanh qua Pháp đi học suốt ba năm để giặt lấy bằng được sĩ bốn xứ. Chính Oanh làm giấy bảo lãnh cho cha mẹ và chị qua Pháp vào năm 1983. Rồi trong chuyến nghỉ hè ở Perpignan, bên bờ Địa Trung Hải,

Oanh đã làm quen Kha. Cả hai yêu nhau suốt một tháng hè và cảm thấy "đời mất nhau rồi, vui với ai" nên cả hai chuẩn bị làm đám cưới cũng trong thời gian nghỉ hè đó. Kha làm thủ tục để thỉnh vợ về Mỹ. Oanh vốn giỏi tiếng Anh và giỏi chạy chọt nên ba năm sau, ả mở tiệm thuốc tây gần phòng mạch của chồng. Kha điển trai, ham hoạt động, giống Oanh ở chỗ thích thể thao và nhất là thích xem ca nhạc kịch do các nghệ sĩ Việt Nam lưu vong trình diễn. Cả hai hầu như không thèm rỏ tới văn chương ngoại quốc lẫn văn chương cây nhà lá vườn. Giống vợ về phương diện giải trí để có nhiều cơ hội chiều vợ, vậy mà Kha bị vợ ảu yếm tặng nhiều cái hỗn danh huy hoàng mỹ lệ: thằng khờ, thằng ngốc, thằng cà ngắt cà ngơ... Vậy mà Kha vẫn trang trọng gọi vợ: nội tướng của anh, trân bảo của anh, vũ trụ của anh. Cho nên mỗi khi cưng chồng, Oanh phải thêm vào những hỗn danh cũ bằng hai tiếng "của em" để cho chúng từ đáng biến thành đường phèn, từ chua áy biến thành cam vắt: thằng khờ của em, thằng ngốc của em, thằng cà ngắt cà ngơ của em, thằng cà chớn của em...

Vợ chồng của ả em thì hạnh phúc chắc mềm rồi vì Oanh nổi tiếng cưng chồng, Kha nức danh chiều vợ. Còn vợ chồng của mụ chị cũng nồng nàn đắm đuối, mặn muối cay gừng như bao cặp vợ chồng yêu đương khác dù rằng vòm trời hạnh phúc của họ vẫn có đôi lúc thấp thoáng một áng mây mỏng. Jean Hughes dạy văn chương ở Đại học Văn Khoa tỉnh Reims, cách tỉnh Troyes ngót trên trăm cây số. Cũng thuộc vùng Champagne, nhưng Troyes ở hạt Aube, còn Reims ở hạt Haute Marne. Chàng sáng đi chiều về, khi thì dùng xe ca, khi thì dùng xe nhà... Jean Hughes không muốn mượn nhà ở Reims, một là Yến làm việc ở Troyes, hai là chàng không muốn rời ngôi nhà đẹp của chàng với cột kèo bằng cây, giữa khu vườn trồng lê, táo, anh đào, hạnh đào, dâu tây... Jean Hughes thích văn chương, thích khung cảnh sân dã. Nhà của chàng ở làng Saint Julien, bên cạnh

một cái đập nước, thật tĩnh mịch và thơ mộng, ngó quanh quất toàn là trác bách diệp, lệ liễu và thanh tùng. Oanh không ưa những gì cổ kính. Cô ả chê rui kéo, chê bàn ghế bằng gỗ sồi dù có mắc tiền, nhưng chỉ tổ làm cho căn phòng thêm tối. Thậm chí khi nhìn chiếc đèn hoa kỳ với bình đầu bằng thủy tinh màu lục, với giá đèn bằng bạc có nạm đá hoa cương hồng đẹp ời là đẹp, cô ả cũng bĩu môi:

- Jean Hughes bám vào quá khứ sâu đậm quá. Tiền để mua kim cương và xe Mercedes có phải hơn không?

Yến còn lạ gì con nỡm Oanh kia. Trời sanh ả ra để ả nổi bật hơn nàng, để ả có dịp chê bai, từng xẻo nàng. Còn thằng Phiền tặc Jean Hughes Roussel kia tuy không chê hai món gia bảo kia, nhưng đời nào hắn biết nhận chân giá trị của chúng để nói câu mát mẻ tim gan nàng? Đã biết trọng quá khứ, mê sách đẹp, mê luôn đồ cổ, tại sao tên yêu lười kia tỏ vẻ lãnh đạm với hai món cổ ngoạn gia bảo của tôi? Đôi lúc Yến bực tức nghĩ thầm như vậy. Nàng đã trân quý các món cổ ngoạn của chồng chẳng hạn như cái bình cà phê bằng sứ vùng Ottweiler vào thế kỷ 18 vẽ cảnh thần thoại với nàng tiên tám tuổi. Và chàng còn có bình trà vẽ con gà trống lông đỏ chen vàng, đuôi đen ngời ánh lửa xanh nổi bật trên nền men xám trần châu lát phát chỉ vàng cùng những nét lưu ly trắng, những chấm lưu ly thảo màu thiên thanh. Hai chiếc bình đều quá đẹp, mỗi tuần, Yến dùng nước ấm lau qua một lần. Ôi, nàng tể nhị biết bao nhiêu trong khi thằng Phiền tặc đó cùng con em thần nanh mỡ đồ kia cứ phê bình ả, nhận xét hồ đồ để tự ái nàng bị vầy vò cho đến nổi bèo nhèo tới tả một cách thảm hại!

Hôm nay là chiều thứ hai, vào năm giờ chiều, Jean Hughes đi chuyển xe ca từ Reims để về Troyes. Thứ tư tới là Tết Nguyên Đán. Chàng đã thu xếp nghỉ ngày thứ ba và ngày thứ tư với vợ. Trời khá lạnh, tuyết đổ phời phới. Khi xe ca tới bến, Jean Hughes phải vào tiệm nước để uống một tách sô-cô-la nóng. Xe chạy trên quốc lộ,

bằng qua những cánh đồng trắng xóa như rắc bột, giữa những cụm rừng cây cành trơ trụi, loáng thoáng những khóm thông xanh. Và ở những quán nước lẻ loi bên ven đường, ở những trang trại bên kia khoảng đồng trống, những khung cửa kính chói sáng ánh đèn giữa màn tuyết càng lúc càng mỏng dần.

Tối Troyes, Jean Hughes lội bộ tới nhà ga xe lửa vì xe hơi của chàng đã neo trước ga. Chàng lái xe đến tiệm tàu mua một chiếc lồng đèn tròn bằng lụa đại hồng có đính chùm tua chỉ hồng và mua thêm cái tượng Bồ Tát Di Lạc bằng sứ cùng bộ tượng Tam Đa (Phúc, Lộc, Thọ). Tại đây chàng gặp cặp vợ viêt chồng Pháp là Quế Lan và Jean Philippe Thulin. Jean Philippe thường lui tới với vợ chàng, còn chàng thì không mấy thân Jean Philippe, chẳng hiểu tại sao. Tuy nhiên vì hai bà vợ khăng khít nên cả hai vẫn đi lại với nhau. Jean Philippe hiện làm đại diện cho trại tạm cư dành cho dân tỵ nạn đông dương ở La Chapelle Saint Luc. Quế Lan cho biết:

- Chúng tôi phải đi Nogent-sur-Seine ăn Tết với cô chú tôi, hai hôm sau mới về.

Jean Philippe bảo:

- Khi về, chúng tôi sẽ gọi Yến và toa sau. Hình như cái Tết dù không kéo dài một tuần, nhưng một kia vẫn còn Tết trong lòng kiêu bào của các bà vợ chúng mình.

Jean Hughes nói xuôi:

- Tôi mong thế. Thôi chào anh chị, chào mấy chú nhóc. *A bientôt!*

Lũ trẻ nhao nhao:

- Chào tạm biệt! *A bientôt!*

- Chào tạm biệt ông Roussel!

Màn đêm đã phủ xuống từ lâu. Khi Jean Hughes về tới làng Saint Julien thì tuyết mới ngưng. Trong khuôn viên nhà chàng có trồng thanh tùng và lục trúc là hai thứ cây chịu lạnh rất giỏi. Chàng bước vào mái hiên bấm chuông. Cánh cửa mở. Yến thích thú, lỗ mắt ếch nhìn cái thùng giấy to mà chồng nàng khệ nệ bung vào. Sau đó, Jean Hughes mới mang chiếc lồng đèn phát lụa đại hồng giao

cho vợ. Chàng phen nản:

- Phiên một nỗi là các tiệm Á châu không biết gói quà tặng. Anh cũng có mua một món quà biếu song thân của em.

Món quà mua ở tiệm Á châu! Yến cảm thấy hết háo hức. Nàng vừa treo chiếc đèn ở phòng khách vừa giục chồng:

- Anh đói bụng chưa? Hãy đi tắm nước nóng rồi nhâm nhi một ly pastis trước khi dùng cơm tối.

Jean Hughes rũ tuyết bám trên áo đi mua treo ở *antichambre*, rồi sửa soạn đi tắm. Ngâm mình trong bồn nước ấm thoang thoang mùi *eau de lavande* độ mười lăm phút là chàng thấy tươi tỉnh để có thể dùng cơm tối. Chàng bước ra phòng tắm với khuôn mặt hồng hào và cặp mắt long lánh rạo rực từ đáy trông xanh biếc. Yến dọn hai cái ly thủy tinh, có cái đế màu bích lục và khui chai pastis. Trong lúc chàng vừa nhắm nháp rượu vừa xem truyền hình thì nàng dọn ăn. Trời lạnh ăn xúp rau thì ngon phải biết. Nhưng Yến lại dọn hai tô hoành thánh để làm món giáo đầu. Sau đó là món thịt bò non nướng với lá thơm và trét mù-tạt để ấm đệm với đậu ve hầm tỏi. Món sau cùng là rau xà lách trộn đệm thêm cà chua, dưa leo xắt mỏng, trứng luộc xắt khoanh, mắm anchois, hột ô-liu đen. Trong lúc tráng miệng, Yến chỉ ăn một góc bánh tarte nhồi quả lê bổ mỏng, còn Jean Hughes phải ăn phở-mát và dùng rượu vang trước khi ăn bánh.

Cơm xong, Yến toan đi rửa ráy mình mấy thì Jean Hughes hỏi:

- Em không muốn xem quà của anh ư?

Yến mở thùng "cạt-tông", lôi ra từng món. Jean Hughes chỉ tượng Phật Di Lạc:

- Tượng ông lão ăn mày to béo có sáu đứa bé bám theo là phần quà của em. Còn ba tượng kia dành cho ông nhạc bà nhạc của anh.

Yến tìm cuộn giấy màu lam đậm long lánh từng chấm sao bạc và lôi cuộn "ru-băng" sa teng màu hoàng yến ra để gói và cột ba bức tượng kia. Riêng bức tượng Di Lạc, nàng rửa

bằng nước ấm và xà bông rồi lau khô trước khi đặt trên nóc tủ "buyp-phê" gần bên bức tranh đức Nam Hải Quan Âm. Đây là bức tranh thật Tàu vẽ hình đức bồ tát mặc áo trắng cài thoa ngọc và đeo chuỗi vàng đứng trên tòa sen trắng nổi trên sóng biếc, bên rừng trúc tía, tay cầm tịnh bình có cạm nhánh dương liễu thướt tha.

Yến đi tắm qua loa rồi mặc chiếc *robe de chambre* màu hoa cà viền ren ở cổ. Vừa lúc nàng bước vào phòng ngủ thì chuông điện thoại reo. Nàng cầm ống nói:

- Mẹ đó hả? Con đây! Mẹ gói mười tám tấm bánh chưng thì dùng cái trả lớn bằng đồng mắt cua của con để luộc cũng đủ rồi. Còn đầu heo, lòng heo và thịt heo thì mẹ dùng cái trả bằng nhôm. Vâng, mẹ nghĩ phải đấy, cứ luộc các thứ đầu, lòng, thịt heo chung một lần rồi tùy thứ nào chín trước thì vớt ra trước; nước luộc dùng để nấu cháo lòng thì nhất rồi. Ô mẹ đừng lo, con có hai chiếc trả đồng mắt cua mà mẹ. Gia đình bên chồng con là gia đình trưởng giả lâu đời, có nhiều dụng cụ làm bếp cổ truyền, mẹ muốn mượn món chi thì cứ đến lấy. Vâng, chồng con được nghỉ hai ngày để ăn Tết với gia đình bên vợ. Anh ấy có mua món quà để tặng cho ba mẹ đấy. Còn con rồi trí quá, lại chẳng nhiều thì giờ gì cho cam. Con có gửi một chị bạn lên Paris mua một hộp mút đủ loại và một ký mút hạt sen cùng các loại trà bánh khác rồi. Vâng, mỗi dịp đón Xuân trên xứ người thì chỉ có làm được một nồi thịt kho cùng cá kho chung, một vài tấm bánh chưng hay một vài đòn bánh tét là còn đủ an tâm rồi... Vâng, mẹ ngủ ngon nhé. Sáng mai, mẹ nhớ rửa ba đến xông đất nhà con, mẹ nhé!

Chuông điện thoại lại reo vừa khi Yến đặt ống nghe xuống. Jean Hughes mỉm cười, mắt long lánh tia tinh quái:

- Từ đây qua khỏi tết, phần nghe điện thoại là phần của em đấy nhé.

Yến nhắc ống nghe. Bên kia đầu giây, một giọng eo éo cất lên:

- Cô Hai đó hả? Mụ Bảy Ngã Ba Cây Quéo đây.

- Nghe giọng nói là cháu biết ngay là giọng bà Ronsin rồi, dì khỏi phải xưng tên.

- Thôi mà cô Hai, giữa cô với mụ bành này là bọn Việt Nam với nhau, tui mình mà gọi nhau bằng bà Rút-xên và bà Ròng-xanh nghe kỳ thấy mồ! Chiều ba mươi Tết này, cô Hai có rảnh nhớ dắt dượng Hai Rút-xên qua nhà tui tui dùng cơm chiều. Ông xã Ròng-xanh của tui mới may cái áo gấm xanh bông bạc và mới mua cái khăn đóng để diện vào ngày mừng một đố cô Hai. Ờ, tui có mời ba má cô nữa. Ông bà đã nhận lời rồi.

- Cháu tính mời dì và dượng Ròng-xanh mà dì đã mời tui cháu trước rồi.

- Thì sáng mừng một, vợ chồng tui đến nhà cô xông đất rồi ăn cơm trưa luôn.

- Vậy thì tốt lắm. Chiều mai cháu dắt tên Rút-xên rút ruột đến... báo dờ dì dượng một phen.

Dì Bảy Ngã Ba Cây Quéo đây tên thật là Marie. Thérèse Nguyễn văn Sao. Cha của dì là ông Thierry Nguyễn Văn Sao thuở xưa đi lính khổ đở, lên tới chức ách (thượng sĩ), được vô dân Tây. Vì mồ côi cha sớm, sống nghèo nàn từ nhỏ với bên ngoại ở Ngã Ba Cây Quéo nên dì không có

dịp học trường đăm và dì chỉ học lớp nhì tiểu học rồi đi lấy chồng làm thợ nguội ở hãng Ba-son, sanh được chút con trai. Dì phải buôn tảo bán tần để cho thằng con cưng của mình được học trường La San Tabert. Khi đứa con lên 17 tuổi thì xảy ra ngày quốc nạn 30.4.75. Chồng dì chết trong trận pháo kích vào ngày 29.4.75. Dì cùng thằng con qua Pháp vào năm 1976. Thằng con tiếp tục đi học. Vào tuổi 23, nó tốt nghiệp trường Cao Đẳng Kỹ Thuật rồi đòi lấy vợ đăm. Dì dọa tự tử, nhưng nó vẫn trơ trơ đưa con đăm đi ở riêng. Chưa tìm được chỗ làm, nó xin vào làm việc trong tiệm làm bánh mì lẫn bánh ngọt. Dì phần uất, uống thuốc ngủ tự vận thật sự. May nhờ có ông đưa thư người Pháp vốn là hàng xóm, đã từng mê say dì, tới thăm dì kịp lúc, phát giác kịp thời được thảm trạng của dì nên đưa dì đi nhà thương rửa ruột. Khi dì xuất viện, không hiểu vì giận con hay vì cảm lẫn cảm lóc ông đưa thư tên là Henri Ronsin kia mà dì nhận lời làm vợ ông ta. Năm đó dì mới 40 tuổi, hơi mập nhưng tươi tắn, mặt ăn son phấn, nên hễ trang điểm vào là dì đẹp ngay. Còn thằng con, vì làm việc ban đêm nên ít dịp gần gũi yêu đương cô đăm. Cứ mỗi tối, hễ chàng đi làm việc thì nàng

ở nhà xem tivi, chừng chàng về là nàng đã ngủ say rồi. Còn nàng, sáng thức dậy thì chàng ngủ ngáy âm ỉ như thác Cam Ly, trời sập cũng không hay. Để trám vào thời giờ trống trải, cô đăm đến nhà tên bạn trai đồng chủng của mình hú hí. Thế là cả hai chia tay. Khi cậu trai tìm được việc làm ở Reims có đến nhà mẹ, yêu cầu mẹ theo mình. Dì Bảy lắc đầu:

- Sao hồi đó mày không nghĩ tới con mẹ quê mùa già cả của mày sớm hơn? Mày nữ mê gái bỏ mẹ, đó là điều tao không dám trách móc mày nữa vì ở trên đất Phiến bang này con cái đứa nào cũng như đứa nào, mỗi ngày mỗi xa cha mẹ. Nhưng mà tao đã hy sinh cho mày nhiều rồi. Giờ thì mày đã lớn, đủ sức lo lấy thân. Tao còn có cuộc đời riêng của tao. Chỉ có vợ chồng già là càng ngày càng gần gũi nhau mà thôi.

Câu nói hợp tình hợp lý của dì làm cho cậu con trai cứng miệng. Dù được ông Ròng-xanh làm giá thú hẳn hoi, nhưng dù sao dì Bảy cũng cảm thấy nhột nhạt bất an với kiểu bào ở vùng Champagne này. Lấy chồng bốn xứ, dì vẫn có ít nhiều mặc cảm. Dì mơ hồ mình đi quá xa, mình đã làm gương xấu cho đồng bào chủng tộc. Và dì luôn bị ám ảnh rằng sau lưng dì, kiểu bào luôn bêu riếu dì. Cho nên dì chỉ thích giao thiệp với Yến mà thôi. Đồng thời dì cũng ao ước thằng con trai cưng của mình sẽ kết hôn với một cô vợ đồng chủng. Dì thường quá giang xe của Jean Hughes đi Reims thăm con, bận về thường kéo nài vợ chồng Yến đến nhà dì dùng cơm. Trong những bữa ăn cơm khách lẫn nhau, ông Ròng-xanh ngồi tiếp chuyện với giáo sư Rút-xên. Còn dì Bảy Ngã Ba Cây Quéo thường ngồi lê đôi mách với Yến. Thật tình Yến cũng thích dì. Vắng dì một tuần lễ là nàng cảm thấy thiếu thốn đã dượng. Dì có cái tốt là không bao giờ thêm nói xấu bất cứ ai ở vùng Champagne này. Dì chỉ nói kể ở đâu đâu mà Yến chưa từng quen biết, riết rồi những nhân vật mà dì dùng làm đề tài cho những câu chuyện ngồi lê đôi mách của mình làm Yến tưởng chừng đó là

xuân hoài cảm

Chiều nghiêng đọng xuống vai người
Nghe trong thăm thẳm rụng rơi tiếng buồn
Nắng vàng trải sợi hoàng hôn
Trong ta sông núi vẫn còn tương tư
Nửa đời nửa thực nửa hư
Xa như cánh nhạn mịt mù biển đông
Tới đây đèo dốc chập chùng
Mây qua đỉnh núi ngập ngừng xuân trôi.
Phố người đông rộn ràng. Vui!
Tan trong tiếng pháo ngậm ngùi riêng ta
Mùi hương cốm lẫn hương trà
Ngọt thơm bánh mứt quê nhà mẹ dờm
Bàn tay người đã héo hon
Nụ cười móm mém mãi còn thiên thu.

t.t. mây trên ngàn



những nhân vật giả tưởng, thoát thai từ đầu óc hoang tưởng của dì. Tuy nhiên lối kể chuyện của dì thật hấp dẫn, đầy khôi hài trắng lẫn khôi hài đen, thường thì đen nhiều hơn trắng làm Yến cười muốn tróc mỡ chài lẫn mỡ sa ra. Tuy nhiên Yến thấy mỗi tuần nên gặp dì Bảy một lần cũng đủ rồi, nhiều thêm nữa không nên, để khỏi bị mất thời giờ. Dì Bảy làm các món bánh và những món ăn cổ truyền rất giỏi. Nhưng dì chỉ thích đãi ăn để khoe tài khéo của mình và tỏ vẻ đau khổ như bị hoạn mỗi khi phải chỉ dạy cho kẻ khác. Vì Yến giúp đỡ dì về công việc giấy tờ khi dì chưa kết hôn với ông Ròng-xanh và cũng vì Yến chỉ dạy cho dì nhiều kiểu thêu đan và cách làm các món bánh tây nên dì tự nguyện dạy Yến làm món bánh gan và món bánh bò nướng để trả ơn. Nhưng dì bắt Yến phải thề đọc:

- Cô thề đi cô hai. Khi cô học làm hai món bánh quê mùa này, cô đừng chỉ biểu cho ai hết nghe cô Hai.

Dì Bảy ăn uống hung tợn như cá mập cá xà, nhưng dì cũng chỉ mập cỡ đó, nghĩa là mập đẹp. Ông xã Ròng-xanh của dì trước khi chưa chung sống với dì cứ nhậu nhẹt như hũ chìm, giờ đây vì nề vợ nên ông uống có chừng mực lại ham chạy jogging dù trời nóng hay trời lạnh nên thân thể ông rắn chắc lại. Dì bắt chồng ăn cá kho, ăn mắm tôm chua, ăn bún bò Huế. Lần hồi ông đâm ra ghiền các món đó nên cứ mỗi tháng hai lần, dì cho chồng thưởng thức các món quà "quê hương của vợ". Nhưng khi ngửi mắm tôm và tương Cự Đà là mặt ông xanh dờn.

Chưa bao giờ dì Bảy Ngã Ba Cây Quéo ăn các món phở-mát cả. Điều thích thú nhất của dì là cứ vào mùa xuân, ông Ròng-xanh tìm cho dì loại táo dại để dì nấu canh chua. Ông cũng hái những đợt cải đầu để cho dì luộc chấm với nước cá kho. Gặp táo dại và đợt cải đầu tươi nõn, dì tìm mua cho được cá "đô-rát" để nấu canh chua, những thứ cá lụn vụn để kho tiêu, nước kho sền sệt trong cái quánh bằng sành. Yến mua cái quánh có tay cầm bằng sành, lớp men ngoài thì

màu nâu đậm, còn lớp men trong thì màu beige lọt để tặng dì, nhưng mỗi khi kho cá lụn vụn thì dì có cái tô sành mà dì đem từ Việt Nam qua. Thú vị thay những bữa ăn chỉ có dì và Yến. Món cá kho hay món mắm chưng của dì đã ngon, món canh chua của dì lại càng độc đáo không kém. Nếu không có loại táo dại hay loại nho hoang, dì đành nấu canh chua với me vắt. Nước canh đã trong vẩn vắt mà dì còn điểm rau cần giữ màu xanh tươi, điểm cà chua và ớt xắt khoanh giữ nguyên màu đỏ thắm. Những màu sắc của các rau gia vị đó rất hòa hợp với màu vẽ của chiếc tô sứ hình lá sen thật to do dì mua từ khi xách khăn gói quả mướp về làm chủ phụ của ngôi nhà ông Ròng-xanh. Chiếc tô vẽ tỉ mỉ những làn xanh nét đỏ điểm dứa để dành dọn ăn cho khách quý trong đó có Yến. Phải đợi Yến ngồi vào bàn, dì mới nhắc cá kho tộ trên bếp xuống. Nước cá đặc sánh đang sôi được phi đầu ăng nổ lép bép thật vui tai, sục nức mùi tiêu hành. Ngồi ăn với dì Bảy tại chiếc bàn mặt đá hoa cương trắng, trong căn bếp sạch bóng, Yến được nghe dì kể chuyện những vùng ngoại ô Sài Gòn vào trước năm 1953 với những bãi lau, rừng sậy hoang vu, những ao tù nước đọng, những con lạch nhỏ, những mương khe có bắt những chiếc cầu khỉ... Và dì kết luận ngon ơ:

- Ở bên quê nhà, mình ăn gì cũng ngon. Qua bên này, làm món gì mình cũng thấy chỉ tạm tạm thôi. Ở quê nhà, món ngon của mình được quý thân cùng hưởng nên nó đâu ngon có một cũng ngon tới mười. Còn quý thân bên này vốn là hồn lũ Tây tà hễ ngửi mùi nước mắm hoặc mùi mắm là họ chạy tét.

*

* *

Ông bà Kính, cha mẹ của Yến đã lập bàn thờ cho nàng tại phòng khách của vợ chồng nàng từ hôm 29 âm lịch. Chiếc bàn vuông bằng gỗ sồi được phủ khăn thêu, có bày bộ lư hương chân đèn bằng đồng và chiếc cổ bông bằng cây bày chiếc đĩa quả tử đựng trái cây và bánh chưng, phong bánh

in, bánh xu xê, bánh cốm. Tối 30 âm lịch, bà Kính nhờ chồng lái xe đưa mình tới nhà cô trưởng nữ để luộc đầu heo, thịt và lòng heo cùng mười tám tám bánh chưng. Cuối tuần tới, lũ cháu của ông cùng lũ cháu của bà ở Paris và ở các tỉnh nhỏ thuộc hạt Aube như Bar-sur-Aube, Bar-sur-Seine, Romilly-sur-Seine, Nogent-sur-Seine sẽ đến viếng vợ chồng bà. Bánh chưng là món quà của bà dành cho họ. Thịt heo, đầu heo và lòng heo luộc trước, hể khi nước luộc vừa sấm sập cạn là bà Kính đổ thêm một chén nước lạnh. Căn bếp mù hơi nước và bên ngoài tuyết rơi cũng mù trời. Ở nhà trên, Jean Hughes o bế lau chùi những ly ống sáo dùng để uống rượu Champagne, những ly có đế dùng để uống rượu vang, những cốc bạc dùng để uống rượu khai vị.

Cặp liễn bồi hồi năm ngoái được ông Kính viết tặng trên nền giấy màu hương cánh sen, điểm loáng thoáng những cánh hạc, khóm mây lấp lánh màu kim nhũ mà ông gọi là hoàng hạc tề phi. Nét chữ chân phương sắc cạnh: "Khứ tuế xuân qui sầu cửu biệt. Kim niên xuân đáo khách tương phùng" (Năm ngoái xuân về buồn cách biệt. Năm nay xuân đến vui tương phùng). Đó là vào năm đầu tiên, Yến cùng cha mẹ đến Pháp để sum họp cùng Oanh khi mùa thu vừa tàn, rồi sau đó được ăn cái Tết đầu tiên tại thành phố Troyes. Jean Hughes dù được ông nhạc giảng nghĩa cặp liễn, nhưng chàng vẫn thấy cái màu hồng phấn sao mà suồng sã quá dù được nét chữ bằng mực đen nhánh đề lên. Nhưng cũng Tết năm ngoái, các thương gia Hoa kiều ở Paris 13 có tổ chức múa lân đến đón xuân, có treo đèn lồng và treo phướn diêm dứa trong các hiệu tiệm. Cảnh đón xuân đó được chiếu trên tivi với màu sắc còn lờ lợt gấp ba gấp bốn lần hai tám liễn màu cánh sen kia, nên vào chiều cuối năm nay, khi cặp liễn được treo trên nền tường xám trần châu, chàng thấy chúng trở nên đậm ám, nồng nàn và thân mật bất ngờ. Nhưng tức cười quá đi mất, chàng lại treo câu hai ở bên mặt, còn câu một ở bên trái!

Trong lúc đợi luộc thịt, luộc bánh, bà Kính giở cái quả sơn son bốn tầng ra. Toàn là những món nhậu: chả tôm Huế, tôm lăn bột chiên giòn, nộm sứa, thịt gà xào nấm đông cô. Ngoài ra, bà còn có đem lại một thẩu đầu heo ngâm giấm, một thẩu kim chi. Dì Bảy Ngã Ba Cây Quéo đem lại các món dưa giá, bánh trôi nước, bánh bò nướng để làm quà. Yến khuyên chồng:

- Hôm nay là ngày quan trọng. Anh nên dùng chén đĩa đẹp bằng sứ, chứ loại bằng arcobal thì xoàng quá!

Dù là đĩa có nhãn hiệu Haviland, nhưng trên nền sứ trắng được trang hoàng bằng hoa in chữ hoa không được vẽ bằng tay. Sáu chiếc đĩa sâu lòng Haviland kia được in hoa uất kim hương hồng khi bày lên bàn trải nắp tím than thì chúng choáng lộn hấn lên. Dĩa trệt và đĩa dùng đựng thức tráng miệng và tách dùng để uống cà phê, bình cà phê, thẩu đường, bình đựng sữa cũng một thứ trang trí như đĩa sâu lòng.

Yến lắc đầu:

- Hôm nay, chúng ta ăn cơm Việt nam mà anh. Hãy để bàn ăn vừa dọn ấy làm cảnh. Anh hãy lấy tám nắp khác trải trên chiếc bàn tròn khác cho em, rồi lôi chén đĩa bằng sứ tàu bày bàn cho em. Chén sứ nhỏ, đĩa sơn son, muống bằng sành, thố đựng canh có quai, đĩa đựng nước mắm, đĩa đựng thức ăn, tô lớn đựng canh...

Đĩa dùng đựng món tráng miệng là thứ đĩa tây nhái theo sứ tàu rìa viền những giây hoa hồng chen lá biếc. Jean Hughes lấy thêm sáu cái đĩa nhỏ hình lá vẽ gân xanh để đựng nước chấm. Lại có chén sứ Đài Loan màu trứng sáo nổi những chấm trong vắt như hạt xôi nếp, lại thêm đĩa mun với khúc đầu sơn kim nhũ... Nhiều thứ chén đĩa làm Yến rối mắt. Sang năm, Yến phải mua thêm một sưu bộ thuận nhất để bày bàn mỗi khi tổ chức bữa ăn dành cho thực khách bốn xứ.

Dì Bảy Ngã Ba Cây Quéo nói:

- Chiều nay, tui sẽ bày bàn thờ để cúng tía má tui cùng tía của thằng Sơn.

Bà Kính hỏi:

- Năm nào dì cũng cúng dường Bảy phải không?

Dì Bảy có vẻ buồn:

- Năm nào tui cũng làm đám giỗ và cúng Tết cho ảnh cả. Hồi còn sanh tiền ảnh cưng tui như trứng mỏng. Tại ông Trời quá thương ảnh nên bắt ảnh về châu ổng, không kể số gì tới cảnh góa bụa của tui. Chớ thiệt ra ảnh có phụ rầy gì tui đâu. Chị ơi, "nhứt nhứt phu thê bá nhứt ân, nhứt dạ đồng sàng chung dạ ái", đó chị. Tui cúng ảnh xong, bắt ông Ròng-xanh xá xá ảnh vài cái gọi là kẻ đến sau ra mắt người bỏ đi trước để nhường chỗ trống cho mình vậy mà.

Rồi dì nhấn mạnh:

- Lần cúng nào tui cũng khóc ráo trọi á. Hồi tui còn mới qua bên này, còn ở Foyer Sonacotra, đêm nào nằm chiêm bao tui cũng thấy ảnh hiện hồn về khuyên tui lấy chồng khác để nương tựa. Tui xin thề là tui nói thiệt một trăm phần trăm, chị và cô Hai nếu không tin thì tui cũng ... đành chịu.

Bà Kính sốt sắng:

- Tôi tin chứ. Nghe thiên hạ nói dường Bảy là kẻ đại lượng và giàu lòng thông cảm.

Mắt của bà le lói ánh tinh quái giễu cợt, trong khi đó nước mắt dì Bảy chảy ròng ròng trên má. Yến an ủi:

- Em Sơn giờ đây ăn học thành tài, chắc ở dưới xuôi vàng dường Bảy cũng đẹp lòng thỏa dạ rồi đó.

Dì Bảy đổi buồn làm vui:

- Nhắc tới nó tui mới nhớ. Nó không ăn Tết ở đây vì nó nhận lời ăn Tết ở nhà một ông bác sĩ Việt nam ở Reims. Cội bộ nó mến cô con gái của ổng, con nọ hiện học ngành y khoa.

Rồi dì chuyển qua giọng tức tối:

- Cô gái này hơn con đầm lẳng loan kia thập bội. Cái thứ bán bar gần ga xe lửa là thứ điểm trá hình, lại cũng chẳng đẹp để gì đó. Vậy mà thằng con chết bầm chết già của tui cũng rinh cái con quý cái đó về cái tổ quý của nó để thờ phụng, chiêm bái dài dài... Chị với cô Hai nghĩ coi có ai bạc phận vô phúc như tui không?

Bà Kính cười:

- Thôi cho tôi can. Tết nhất rồi, mọi việc dù có gay cấn đến đâu thì chúng ta phải xí xóa mới là phải cho chứ.

Jean Hughes ở nhà trên chạy xuống hỏi vợ:

- Có thấp nhang không, hả cưng của anh?

Yến vỗ trán:

- Có chết không chứ! Em lại quên mua nhang rồi. Thôi thì anh hãy dùng mấy thỏi hương hoa lài, hương hổ phách hình nón đốt cho em cũng được.

Dì Bảy Ngã Ba Cây Quéo cười:

- Để tôi phone tên Pháp tặc của tui đem thẻ nhang bạch đàn và một thẻ nhang trầm hương cho cô.

Dì bước lại điện thoại quay số.

Khi ông Kính và ông Ròng-xanh tới thì các món thịt heo đã luộc xong, chỉ còn nồi bánh chưng vẫn chưa chín tới. Dì Bảy đi rửa mặt rồi trang điểm. Dì mặc chiếc áo dài lụa thiên thanh vì dì có bộ *sous vêtement* chống lạnh hiệu Damart ở bên trong. Chiếc áo dài may khéo làm dì bớt mập hơn; nhưng theo Yến dù có mập dì vẫn đẹp như thường. Dì đeo chuỗi, bông tai, vòng tay, nhẫn bằng ngọc thạch hoàng gia xanh ngọt cả mắt, nhưng đôi hoa tai và chiếc nhẫn có những hạt kim cương lấp lăm vẩy quanh. Vừa thấy chồng, dì chìa má cho chồng hôn và chào bằng câu nửa tây nửa ta, nửa cứng nửa chửi:

- Mắc dịch sê-ri!

Vẻ rạng rỡ của ông Ròng-xanh làm Yến vui lây. Nàng chột nhìn lên tử búyp-phê. Hai món cổ ngoạn của nàng được sắp chung với cái món gia bảo của Jean Hughes. Thấy nàng cười bằng mắt lẫn bằng môi, chàng cũng mỉm cười. Yến ghé tai chồng:

- Mắc dịch sê-ri! *Que la peste t'advienne!*

Nàng bỏ vào buồng, mặc áo dài gấm hồng, đeo hai chiếc nhẫn hồng mã não và ngọc kim sa xen lẫn với kiềng vàng, xuyên vàng và bông tai mù u cũng bằng vàng. Nàng bước ra xòe mấy ngón tay đeo nhẫn trước mặt chồng, uốn eo:

- *Brigand maudit!* Cưng của em,

Tết này em đeo luôn hai món quà tặng của anh một lượt.

- *Petite drôlesse!* Ngón tay em thanh nhả, các thứ ngọc tằm thường nhờ chúng mà đẹp bội phần.

Nghe con gái và rể gọi nhau bằng những danh từ trật búa, bất giác ông Kính mỉm mỉm cười. Yến liếc qua cha, thầm nghĩ:

- Trong khuê phòng, con gái của ba còn kêu chồng bằng những danh từ mất dạy hơn nữa..

Số là tháng vừa rồi, Jean Hughes có đến thư viện ở Reims mượn bộ *Kim Bình Mai* do giáo sư André Levy dịch ra Pháp văn. Yến bỏ ra một cái cuối tuần để đọc nó ngấu nghiến. Nàng lấy làm thú vị những tình ý yêu đương trong những câu mắng nhiếc, những lời chửi thề mà chàng Tây Môn Khánh dùng để âu yếm người đẹp Phan Kim Liên. Và nàng chép những lời sỗ sàng để thương kia ra cuốn sổ tay để dạy chồng. Có chửi nhau trong phút ân ái giao hoan, cả hai mới cảm thấy những giây phút làm tình ngọt một cách sắc đậm biết bao! Ngát lịm một phong vị tuyệt vời biết mấy! Jean Hughes gọi nàng nào là: *Petit museau futé, petite garce, salope...* Còn nàng gọi chồng nào là: *la brute de brigand, gredin de gibier de potence, sacré bonhomme qui sue le vice, salaud* .v.v.. Bà Kính dù không rành tiếng Pháp lắm, nhưng khi nghe con, rể gọi nhau bằng những danh từ đó bằng một giọng mỏng nhẹ như sương và mềm mại như khói, bà cũng thầm cảm nhận tình ý âu yếm của họ. Giờ đây hai cô con gái của bà đã có gia đình riêng. Oanh tuy ở xa, nhưng mỗi tháng hai lần không quên gửi thư cho mẹ kèm theo bưu ảnh hoặc hình chụp cả nhà nàng. Bà Kính hề gặp lúc rảnh rang là gắn ảnh chụp của Oanh và bưu ảnh trong những tập album bìa lộng lẫy. Oanh có cái thói quen viết thư bằng chữ nắn nót và ưa kể chuyện tràng giang đại hải. Bà mẹ mua những cái *pochettes* bằng plastic trong vất để lồng thư vào trước khi gài vào tập *classeur*. Tuy nhiên việc Yến lấy chồng Pháp làm bà hơi buồn. Nhưng Jean Hughes thường đưa vợ

đến thăm viếng vợ chồng của bà luôn. Càng về già, bà hơi khô, còn ông hơi đầy. Nhưng có xa quê hương, tình vợ chồng già càng thấm thiết hơn. Ông Kính hiện giờ làm kiểm soát viên trong hãng chế tạo nón vớ. Bà cùng dì Bảy Ngã Ba Cây Quéo nhận đồ may về may tại nhà. Tuy năm mươi ngoài bà vẫn ăn mặc màu chói hay màu tươi như màu đỏ, màu beige, màu hoa cà, màu tím hoa sim, màu hoàng yến... Hai cườm tay bà đeo đôi vòng ngọc thạch xanh nước lý, ngoài ra các món nữ trang khác đều bằng kim cương.

Có lần Jean Hughes bảo vợ:

- Đàn bà xứ em thích ngọc thạch. Ở Âu Châu, thứ đá quý bị xem thường vì nó mỏng mảnh dễ bể quá đi!

Nhưng chàng lại trầm trồ:

- Má em và bà Ronsin đeo ngọc thạch lại đẹp và sang.

Yến gật đầu:

- Có lẽ ngọc thạch chỉ hợp với phụ nữ xứ em mà thôi.

*

* *

Vào giờ giao thừa, Oanh và Kha từ bên Hoa Kỳ gọi về. Giọng Oanh không còn véo von trong trẻo như thường lệ, mà lại khàn khàn và nghệt mũi:

- Thưa ba má, con chỉ cảm xoàng thôi mà, ăn vẫn khỏe như hùm. Tết này con chả sắm sửa gì cả. Vợ chồng con sẽ đi ăn cơm khách, sẽ ăn cơm trong hội chợ Việt Nam mà thôi. Đáng trượng phu của con hả? Ôi trên thế gian này con chưa thấy ai hơn đương sự. *Number one* đấy! Để con đưa ống nói cho nhà con chúc Tết ba má.

Giọng Kha ấm áp nồng nàn:

- Thưa thầy mẹ, vợ chồng con năm mới xin chúc thầy mẹ vạn sự như ý. Năm qua là năm bất như ý của chúng con, nhưng tất cả đều được dàn xếp ổn thỏa vào cuối năm. Vâng, Oanh thì tuyệt vời hẳn rồi. Oanh sắp có tin mừng... nên ăn chua thôi kẻo khiếp! Oanh bảo rằng đàn bà mang thai hay thèm những món ăn kỳ quái! Nhưng con nguyện sẽ chiều vợ con, để vợ con thèm món gì, con sẽ cố

gắng mua về cho Oanh, chỉ trừ Oanh thèm ăn thèm ăn thịt chồng mà thôi.

Với Yến, Oanh lại đổi câu chuyện sang chiều khác:

- Eo ơi, con này mãi miết lo làm giàu rồi tính không đúng ngày nào phải kiêng, ngày nào phải chiều chồng. Ai mà dè dủ có *pillules* kè kè bên mình mà em vẫn dính của nợ trong bụng. Em đã nói chị nhiều lần rồi mà, thằng chồng của em cường tráng về cái chuyện oan gia đó. Nếu em không cai để thì hẳn cứ đêm bảy ngày ba ra vô không kể. Mệt ời là mệt! Nếu không có chuyện sợ đẻ dai, chuyện làm ăn thì em cứ để cho hẳn đâm chém kho rán em cách nào cho vừa bụng hẳn thì hẳn cứ làm tới. Đàng này, em có nhiều dự định trong công việc lớn lao... Lại nữa khi nghĩ mình phải nằm trên bàn để là em toát mồ hôi lạnh rồi. Lần này là lần đầu và cũng là lần chót. Bận sau em sẽ xin con nuôi thôi...

Vào ngày mùng một vợ chồng Yến đến nhà ông bà Kính xông đất. Quà trao tặng được mở ra. Ông Kính tặng con và rể bộ *Kim Bình Mai* gồm hai cuốn dày gần 1.300 trang qua cái tựa *Fleur en Fiole d'Or*. Hai cuốn được đặt trong chiếc hộp bằng giấy bìa cứng phát giấy son tươi, nổi chữ tàu đen nhánh. Số là Yến ca ngợi việc bài xích xã hội quan lại thói nát dưới triều Minh trong cuốn đó, ông Kính liền bỏ ra 500 quan mua sách cho con, mặc cho bà vợ eo sèo:

- Không phải em tiếc tiền, ai lại đi tặng con rể quyển đâm thư vô liêm sỉ đó?

Ông Kính bảo:

- Trong tủ sách của con rể mình đã có hai bộ sách tàu dịch ra tiếng Pháp là bộ *Thủy Hử* của Thi Nại Am và bộ *Hồng Lâu Mộng* của Tào Tuyết Cần do tủ sách Bibliothèque de la Pléiade xuất bản. Tại sao vợ chồng mình không tặng luôn bộ *Kim Bình Mai* cũng do tủ sách ấy xuất bản cho chúng nó?

Bà Kính phản nản:

- Con Yến và thằng Jean Hughes gọi nhau bằng những tiếng dù em chưa thấu nghĩa, nhưng cũng đủ toát

mồ hôi lạnh. Con Yến tuy ra vẻ tình lý đồng cân, nhưng thật ra nó là thú dễ nhiễm thói hư tật xấu trong cách ăn nói.

Khi các món quà trao tặng được bóc lớp giấy gói ra, bà Kính mắc cỡ lúi xuống bếp. Khi cỗ bàn được bày cúng thì vợ chồng dì Bảy Ngã Ba Cây Quéo tới. Dì tức tối:

- Tối hôm qua, thằng đực yêu lòi, thằng chồng mắc toi mắc dịch của tui sanh hứng rủ tui uống trà Xuân Long Tỉnh nên cả hai thức kể chuyện trắng đêm. Do đó mà hôm nay tui tui đến trễ.

Yến an ủi:

- Không sao đâu. Trông dì vẫn tươi mòng mọng như trái nho, trái anh đào mới hái.

Cuộc ăn uống kéo dài mãi tới hai giờ trưa mới tan. Ông Ròng-xanh giục vợ về trước. Nhưng dì Bảy nhất định ở lại với Yến để phụ bà Kính rửa xong nồi niêu chén bát rồi hẵng về. Ông Kính gói cặp liễn bồi với nền giấy ngọc thạch nổi gân bạc cho con gái, bảo:

- Con đã có cặp liễn màu hồng cánh sen thì phải có cặp liễn màu xanh đọt chuối chứ. Ba chép hai câu thơ trong cuốn *Văn Đàn Bảo Giám*; đó là: "Quân khứ lưu tình Tô thủy nguyệt. Khách quy tần vọng Nhị Hà vân". Đây là thơ của danh sĩ Dương Khuê tặng nàng tình nương ả đào của mình, có nghĩa: "Người đi vẫn nhớ trăng Tô Lịch. Khách ở còn mơ khói Nhị Hà". Tô thủy tức là nước sông Tô Lịch đấy.

Bà Kính buồn rầu:

- Màu hồng cánh sen và màu xanh đọt chuối là hai màu nhà quê xứ mình. Càng nhìn hai màu này, ai đó tránh sao khỏi nhớ tới cái Tết miền thôn dã chốn cố hương?

Ông Kính ngậm ngùi:

- Bởi thế hai câu thơ này trong hoàn cảnh này mới càng đượm tình hoài hương sâu sắc.

Dì Bảy nói:

- Ông bà là người Bắc. Còn tui là người Nam, hồi xưa ở Ngã Ba Cây Quéo, cũng ném về miền quê miệt vườn. Có một lần Tết nọ, bà ngoại tui

may cho tui hai cái quần lãnh, một cái mình trơn, một cái dệt nổi bông. Cái dệt nổi bông thì ngoại tôi cặp lưng bằng nhiều màu hường cánh sen, còn cái mình trơn thì được cặp lưng bằng nhiều màu đọt chuối. Giờ đây, khó mà tìm được lãnh, nên tui có nhờ con em bạn dì của tui hiện còn kẹt bên Việt Nam tìm mua cho tui mỹ a tuy không đen như huyền giời bằng lãnh, tuy không có thứ trơn, nhưng cũng hơi giống lãnh. Tui đã có một quần mỹ a dệt nổi bông mai cặp nhiều màu cánh sen, một cái quần mỹ a dệt nổi bông cúc cặp lưng bằng nhiều màu đọt chuối. Thỉnh thoảng tui đem ra mặc với áo bà ba lụa trắng để cho thằng mắc dịch của tui rửa mắt một phen. Mặc thứ quần áo quốc túy quốc hồn đó, tui bối đầu giắt trâm, trở lại con Bảy Ngã Ba Cây Quéo hồi hai mươi năm về trước.

Thấy cặp liễn Jean Hughes hoảng kinh. Nếu vợ chàng mà treo luôn ngữ này với cặp liễn năm ngoái thì... mệt cho chàng lắm chứ! Hai màu mạ non và hồng đào này khi sắp chung với nhau sẽ chửi nhau chan chát, chàng tin chắc như vậy.

Khi vợ chồng Yến về tới nhà thì Jean Hughes cởi hết quần áo rồi chui vào chăn để làm giấc trưa. Yến thừa biết chồng nàng không ưa cặp liễn, liền đem cặp mới và cặp cũ treo trong phòng đọc sách, không treo chung mà treo đối diện nhau. Cùng với tám tranh cực lớn vẽ hình hoa sen của họa gia Đới Ngoạn Quân, hai cặp liễn lại đẹp hẳn lên trên nền giấy dán tường màu xám trăn châu. Trong phòng đọc sách còn có vài bức tranh sơn dầu đối diện với bốn chiếc kệ sách, mỗi kệ năm ngăn đầy áp những sách là sách. Những cuốn sách quý bìa bọc da, gáy nổi chữ mạ vàng lóng lánh.

Yến pha thêm cho mình một cốc cà phê, vừa nhìn tuyết rơi bên ngoài vừa uống chậm rãi. Xong nàng đi đánh răng, mặc áo ngủ bông dài, cách gót chân nửa tấc, áo bằng acrylique màu hồng nhạt sọc trắng, cúc áo bằng xà cừ. Jean Hughes chưa ngủ vì dư hường chén trà tàu trong lúc dùng thức trắng miệng tại nhà ông

nhạc bà nhạc của mình. Chàng xoay mình về phía vợ, vuốt ve nàng:

- Chắc em mệt lắm?

- Nhưng mà vui lắm. Còn anh?

- Ở đâu có em là anh vui.

Yến vùi mặt vào tảng ngực vạm vỡ và chắc nịch của chồng:

- Cùng ạ, em vừa đánh răng xong.

Jean Hughes biết nàng muốn gì rồi. Chàng chưa chà răng, nhưng tại nhà ông bà Kính, sau khi ăn uống xong, chàng đã vào *toilettes* để súc miệng và nhai kẹo cao su vì chàng không muốn mùi tỏi trong nước chấm phảng phất trong miệng và trong hơi thở mình. Giờ đây chàng có chiếc miệng bình thường và hơi thở tinh khiết để sẵn sàng hôn vợ. Vào những buổi trưa, Yến súc miệng tức là Yến muốn làm tình cùng chàng. Lúc nào mà chàng chẳng sẵn sàng ứng chiến với vợ nhất là vào những giờ khắc thông thả và ấm cúng như buổi xế hôm nay?

Jean Hughes bóc từng lớp áo của vợ, áp môi rồi xoáy lưỡi lên những vùng nhạy cảm nhất của người đàn bà. Nàng uốn cong người lên. Ngực nàng có hai khối thịt hình mâm xôi thật xinh, gọn và chắc. Chiếc bụng nàng thật thon, cái rốn thật dễ thương, cặp đùi khá dài so với đùi đàn bà Á châu. Tất cả chi tiết trên thân thể nàng là những cái gì thật quen thuộc vào thật đáng yêu trong đầu óc chiếm hữu của chàng. Chàng hôn nàng thấm thiết, không vồ vập. Chàng giao hoan cùng nàng có vẻ dịu nhẹ mà nào kém miệt mài đắm đuối? Nàng yên lặng tiếp nhận những ân sủng của chồng, rèm mi khép hờ. Và nàng mừng tượng tới mùa xuân năm tới, khi cơn lạnh vừa thoáng thì bên trái vương sân những mầm hoa thạch kê, hoa trường thọ, hoa thủy tiên nhú lên, phô chồi lục biếc. Và bây giờ đây trong dạ con của nàng, một mầm sống nhân loại vừa tượng hình để rồi mùa xuân tới sẽ có đủ chân tay mặt mũi và sẽ chào đời trong ánh sáng mùa hè thơm ngát hương hoa hồng đỏ, hoa hồng trắng, hoa hồng vàng trồng bên tường.

Khi tan cuộc, Jean Hughes vẫn

còn ôm nàng. Tấm thân cuộn cuộn bắp thịt của chàng nguội dần, nguội dần... Mùi tinh khí và mùi mồ hôi trộn vào nhau sao mà trở nên đầm thấm và dễ chịu làm Yến cứ muốn đắm chìm trong trạng thái lơ mơ dạt dờ hồn phách này. Và khi nàng mở mắt ra, bất gặp nụ cười tươi rạng cùng cái nhìn xanh biếc và reo vui của chồng. Cả hai lại hôn nhau và tái diễn cuộc ân ái trong ánh sáng nhờ nhờ màu chì lỏng của chiều đông đến sớm.

Sau cùng, Yến thở thê:

- Anh hãy hứa với em một điều.
- ???
- Anh bằng lòng để em treo cặp liễn trong phòng đọc sách, anh nhé!
- Treo luôn?
- Tối chừng nào em chán.
- Tùy em.

Jean Hughes hôn nàng, thầm nghĩ rằng trong cuộc vợ chồng, cả hai phải nhân nhượng nhau. Cả hai ôm nhau ngủ thiếp cho tới lúc chuông điện thoại reo. Yến nhắc ống nghe. Bên kia đầu giây, tiếng dì Bảy Ngã Ba Cây Quéo léo xéo:

- Cô Hai! Hôm qua tối nay tụi mình ăn nem chả thịt thà ngán tới óc. Chiều nay, vợ chồng cô nhắm có thể đến tụi tui dùng bữa tối được không cô?

Yến uể oải:

- Dạ, thôi cảm ơn đi. Chiều nay tụi cháu uống trà sữa và ăn bánh biscuit rồi đi ngủ sớm. Chồng cháu ngày mai phải thức dậy sớm để bắt kịp chuyến xe ca đi Reims.

Thật sự bên kia đầu giây, dì Bảy chỉ muốn mời vợ chồng Yến chiêu lệ. Khách tới thì dì chỉ cần hâm lại vài món như canh hầm, thịt cá kho chung, món ra-gu gà và dì sẽ rán chả giò, rán cá hương tẩm bột là có một bữa ăn tươm tất ngay. Nhưng dì chỉ muốn chiều nay dì dọn các món ăn nhẹ tiêu như món xúp rau, món rau trộn và món pho mát đặc chế ở làng Chaource cho vợ chồng mình hơn. Vừa khi gác ống điện thoại, dì đắm vào lưng chồng:

- Mắc dịch sê-ri! Chiều nay, tụi mình ăn cơm tây.

Còn Yến khi gác ống điện thoại liền nheo mắt cười với chồng. Jean Hughes kinh hoàng hỏi vợ:

- Lại nhận lời dùng bữa cơm tối ở đâu vậy?

- Chiều nay, em phải dành cho chúng mình một bữa ăn thoải mái ở đây chứ.

Chàng mừng rỡ hôn vợ thật dài, rồi khoác *peignoire* vào phòng khách. Ngạc nhiên làm sao! Cặp liễn màu cánh sen lẫn cặp liễn màu ngọc thạch giờ đây sao mà đầm ấm và dễ thương như thế này! Chàng ngắm nghía những hàng chữ Tàu sắc nét, nét hạc vàng bằng kim nhũ trên nền hồng nhạt cùng nét gợn sóng bạc trên nền lục nồn, cảm nhận một cách thấm thía tình hoài hương sâu sắc của vợ chàng. Và chàng nghĩ mình phải tôn trọng cái tình cảm cao quý ấy.

*

* *

Dì Bảy nằm dưới thân thể ông Ròng-xanh, khép mắt nửa vờ. Bóng tối đã buông bức màn nhung xanh thẫm bên ngoài. Tuyết đã ngưng. Bầu trời đêm nam sao lóng lánh.

Ồi chao là ông chồng dị chủng của dì! Cứ mỗi tuần hai lần là ông ta dùng máy sượt tử ngoại tuyến để cho da mình nâu hồng. Thân thể của ông giờ đây nhờ ông siêng chạy *jogging* nên rắn lại. Song đây là thân vóc của một kẻ tuổi ngũ tuần, cứng cáp mà vẫn lẹch lạc. Dì yêu chồng ở những cái khác, ngoài cái thân xác và khuôn mặt khôi ngô của ông, nhưng đôi lúc dì thầm mừng vui khi nghĩ rằng mình có thể ngắm cái thân xác trần truồng của chồng mình mà vẫn thấy mọi chi tiết của nó có cái kích thích riêng. Và dì cũng tự hào ở thân vóc hơi đầy đặn của mình có nhiều cái để cho chồng chiêm ngưỡng một cách thích thú. Thì ra ở mùa xuân thứ hai của tuổi đời, dì vẫn còn cái đẹp riêng để làm cho chồng say sưa, để dì khỏa thân mà không chút mặc cảm nào.

Khi ông Ròng-xanh trút sinh lực ấm áp và trơn ướt vào người dì Bảy thì ông đã ngủ, ngáy se se. Dì chỗi dậy, khoác chiếc kimono màu thụy ngọc vẽ chim hạc trắng rồi đi xuống

bếp nhóm lửa bếp ga để hâm nồi xúp rau. Bên ngoài, sao sáng lộng lẫy, nhưng chắc chắn là thời tiết lạnh hơn lúc trời đổ tuyết. Bỗng dưng dì thêm một khung trời chang chói nắng xuân vào buổi Nguyên Đán. Nắng có trong mới làm nổi bật màu hoa vòng đồng thắm đỏ, màu hoa mai vàng tươi thật thật là tươi! Ôi cái nắng Tết miền quê làm rạng rỡ thêm gương nước trong, làm cho khói nhang đèn chùa thêm ấm cúng mà dì thường thấy trong chiêm bao vào những ngày cận Tết trên đất khách, như đêm hôm qua chẳng hạn.

Bỗng có tiếng chuông reo. Tiếng Sơn ở bên kia đầu giây:

- Măng đó hả? Sơn đây mà! Năm mới con chúc măng và bố dượng được trẻ trung, vui vẻ, mạnh khỏe... đủ thứ. Cả hai ăn Tết vui không?

Dì Bảy mừng rỡ:

- Măng và ông Ròng-xanh ăn Tết ở nhà cô Yến và ở nhà ông bà Kính. Măng vẫn còn vài món để đợi con về.

- *Week-end* này con sẽ về ăn Tết muộn với măng.

- Ăn tết ở Reims vui không con?

- Tết tha hương thì cũng... vậy vậy thôi. Song con rất vui vì được sống bên cạnh người con yêu. Mong cô ta sẽ làm đẹp lòng măng.

Dì Bảy hỏi dồn:

- Cô đó hay là cô khác?

Sơn cười ngất:

- Thì cô mà măng thường ca tụng chứ có cô nào nữa đâu?

Dì Bảy hớn hờ:

- Được vậy thì măng mừng. Mai, măng sẽ biểu bố dượng con lập bàn thờ ông bà ngoại con và bàn thờ ba con. Hể con đưa cô ấy về là măng làm mâm cơm cúng cả ba liền.

Khi gác điện thoại, dì Bảy Ngã Ba Cây Quéo khẽ nhắm mắt theo một phản ứng mù mờ mỗi khi dì tiếp nhận một tin vui. Dì thở nhẹ nhẹ để lắng sâu vào niềm vui tự hào về thằng con trai cưng của mình. Sau rèm mi, dì chợt thấy nắng vươn lên, ngun ngút trên những mái tranh bốc khói lam, trên những cây đa tàn lá tỏa rộng, trên những cây sao và cây thùy dương cao vút ở miền quê ngoại của dì. ●

Hội-Chứng Ăn Bưởi

Lola B. Walter

Nguyễn Văn Thông

dịch

Vợ chồng tôi hồi ấy kết hôn được chừng hai năm, một thời gian vừa đủ để tôi nhận ra rằng anh ấy là một người đàn ông bình thường chứ không phải là chàng hiệp sĩ trên chiến mã, thì tôi đọc được một bài báo khuyên các cặp vợ chồng nên thường xuyên bàn thảo với nhau về những thói quen làm cho nhau khó chịu. Tôi đem ý kiến ấy nói với chồng tôi và anh đồng ý làm thử.

Tôi nhớ, chúng tôi phải kể ra 5 thứ

làm cho nhau khó chịu, và tôi là người bắt đầu trước. Bây giờ sau hơn năm mươi năm, tôi chỉ còn nhớ điều phàn nàn thứ nhất của tôi: chuyện ăn bưởi. Tôi bảo chồng tôi rằng tôi không thích cách ăn bưởi của anh ấy. Anh bóc quả bưởi và ăn như người ta ăn quả cam vậy. Không lẽ một người đàn bà cứ phải chịu cả đời nhìn cách chồng mình ăn bưởi như thế sao? Mặc dù tôi không còn nhớ những điều phàn nàn khác, nhưng tôi chắc chắn

những điều kia cũng đại khái như thế.

Sau khi tôi nói xong thì đến lượt chồng tôi. Tôi vẫn còn mừng tượng được khuôn mặt tuần tú của anh khi anh cau mày nhăn trán suy nghĩ, và rồi ngược nhìn tôi với cặp mắt to màu xanh sẫm. Anh nói: "Thôi, phải nói thật là anh không thể nghĩ ra bất cứ điều gì về em mà anh không thích, cưng ạ!"

Nước mắt tôi tuôn trào. Tôi đã xét nét những cái lỗi vớ vẩn như cách ăn bưởi của anh, trong khi anh không hề chú ý đến những thói quen khó chịu của tôi.

Giả tôi có thể nói là sự kiện ấy đã chữa cho tôi khỏi cái tật bắt lỗi. Nhưng không. Nó chỉ có thể khiến tôi rất sớm nhận ra rằng trong đời sống hôn nhân, vợ chồng cần tôn trọng những thói quen và nhân cách khác biệt của nhau. Mỗi khi nghe chuyện xích mích vợ chồng, tôi luôn tự hỏi không biết họ có bị mang "hội chứng ăn bưởi" không? ●

Ở một nơi ta nhớ một nơi

Nằm dưới tàn cây nghe tiếng lá
Lao xao hơi thở của núi rừng
Đất đá tỏa hương lên ngọn cỏ
Tiếng chim nào hót giọng rưng rưng!

Ngồi giữa lưng đèo nghe vượn hú
Âm vang lay động bóng tà dương
Nỗi nhớ dâng trào như cơn lũ
Bóng quê nhà rộn rã phố phường.

Nằm gối đầu lên hòn đá nhỏ
Mơ man giòng suối chảy quanh thân
Ngỡ như bàn tay em thuở đó
Say đắm si mê lẫn ngai ngần.

Đi giữa Cali mùa đông xám
Nhớ màu nắng chói chói quê nhà
Nhớ cánh đồng xanh xanh tầm mắt
Thoang thoảng dậy mùi hương cỏ hoa.

Ngồi quán cà phê nghe nhạc rock
Nhìn quanh không một bóng người quen.
Rán ngồi uống hết niềm cô độc
Phun khói như phun nỗi muộn phiền.

đông vũ

Gọi người

Anh gọi em vang khắp trời Âu Á
Em nghe chẳng? Giục giã cuốn phong vân
Em thấy chẳng? Nao nức cả dương trần
Tình đắm đuối đến cả hồn hoa cỏ.

Anh gọi em từ đầu giờ trăng tỏ
Tới hừng đông khi trái đất trở mình
Mặt trời cười hỏi khế chuyện tâm tình
Duyên tiền kiếp? Gọi chi nhau mãi thế?

Em nghe chẳng? Đời từng ngày dẫu bể
Lòng chúng sinh như lá rụng trong chiều
Em thấy chẳng? Muôn con nước thủy triều
Cuốn mát hút những thê nguyên sơn hải.

Anh gọi em ngun ngút lời yêu ái
Hồn mê man ôm chấp chới ảnh hình
Em phương nào sao em vẫn lặng thinh
Mong em đến trên con đường sao mọc.

Ơi Phương Hoa, một loài hoa châu ngọc
Gọi tên em trong thế giới quay cuồng
Trong thời gian ngân vọng những hồi chuông
Nhưng chỉ thấy tuyết băng tràn mọi nẻo.

lê dã sử

tiếng kêu của máu

Hoàng Hải Thủy
phóng tác



Chương 23

Đại úy Osborne, trưởng ban Điều tra Tội ác của cảnh sát Chicago, có khuôn mặt dài và cái cằm nhọn. Những tờ báo *The Tattler* nằm ở khắp mọi chỗ trong sở cảnh sát. Trên mặt bàn của Osborne cũng có mấy tờ.

Viên đại úy nói ngay mà không mời Graham và Crawford ngồi xuống ghế:

- Hai anh không có việc gì hẹn cùng làm với Lounds ở Chicago phải không?

- Phải. Lounds hẹn gặp chúng tôi ở Washington, có giữ chỗ trên máy bay rồi, chắc anh đã biết.

- Biết. Lounds ra khỏi toà báo lúc 1 giờ 30 trưa hôm qua. Bị tấn công trong nhà để xe dưới hầm toà nhà anh ta ở vào khoảng 2 giờ, 2 giờ 10.

- Có tìm thấy gì trong nhà xe không?

- Chùm chìa khoá của Lounds vướng vào gầm xe. Nhà để xe không có người gác. Có gì trực trực thì chủ xe phôn cho quản gia. Không ai nhìn thấy lúc Lounds bị tấn công.

- Chúng tôi có thể giúp được gì không? Crawford hỏi.

- Ngay lúc này thì tôi thấy chưa có gì để nhờ các anh cả - Osborne nhìn

Graham - Còn anh, Graham? Sao anh nói ít thế? Khi được phỏng vấn anh nói nhiều lắm mà?

- Tôi đến để nghe anh nói - Graham trả lời - Anh cũng đâu có nói nhiều.

Osborne nhún vai:

- Cũng có chuyện để nói đấy nhưng mà các anh biết cả rồi. Các anh nhờ bọn tôi tìm một tên phôn lại sở các anh, chúng tôi tìm, bắt được hắn: Một ký giả. Các anh đòi bỏ tù hắn rồi cũng lại chính các anh thả hắn ra. Các anh toa rập, âm mưu chuyện gì đó với hắn. Rồi... hắn bị tưới xăng đốt cháy queo. Bây giờ thì bọn tôi có vụ án mạng do Quỷ Răng Nanh gây ra ngay trong thành phố này. Quỷ Răng Nanh xuất hiện ở Chicago. Vui quá là vui! Cảnh sát tha hồ có thêm việc để làm. Chỉ kể đến 12 giờ đêm hôm qua thôi, Chicago đã xảy ra 6 vụ vợ chồng bắn nhau. Anh chồng say xỉn mò vào nhà mà không kêu vợ mở cửa. Chị vợ nghe tiếng động, xách súng lên. Thế là "pằng"... anh chồng lãnh viên kẹo đồng của vợ hiền. Quỷ Răng Nanh có thể mền cảnh mền người Chicago, nó có thể ở lại đây chơi dăm bữa, nửa tháng...

- Chúng ta có thể làm như thế này - Crawford nói - Gõ đầu, thúc dít

thiên hạ, yêu cầu các ông Chương Lý và cấp lãnh đạo cảnh sát toàn tiểu bang, kể cả ông Thống Đốc, lên tiếng đốc thúc mọi người tích cực thanh toán vụ này. Hoặc là chúng ta cứ yên lặng mà thực hiện cuộc tìm bắt nó. Việc bắt nó là việc của tôi, tôi công nhận cho đến lúc này tôi đang bị thất bại. Tôi không muốn anh và tôi tranh chấp, cãi cọ nhau. Chúng tôi chỉ muốn tóm cổ nó rồi thơ thối về nhà với vợ. Anh muốn gì nào?

Osborne ngồi ngửa người lên thành ghế, thở ra một hơi dài:

- Ngay lúc này tôi muốn có một ly cà phê đậm. Hai anh muốn không?

- Muốn. Crawford nói.

- Tôi cũng vậy. Graham tiếp.

Một lúc sau ba người ngồi quanh bàn, trước mặt mỗi người là một ly cà phê nóng.

- Thằng Quỷ Răng Nanh nhất định phải có cái xe *van* hay xe vận tải nhẹ để chở Lounds về đây trong cái xe đấy. Graham nói.

Osborne gật đầu:

- Bảng số chiếc xe mà Lounds nhìn thấy là từ một chiếc xe *van* của hãng truyền hình bị lấy cắp, đậu ở công viên Oak. Không những Quỷ Răng Nanh nguy hiểm, nó còn hành động hết sức thông minh và thận trọng nữa. Nó lấy cắp bảng số xe ti-vi nhưng gắn trả vào xe một bảng số cũng lấy cắp ở một xe khác. Nó làm thế để người ta không nhận ra ngay là xe bị mất bảng số. Điều chúng tôi biết chắc là nó lấy bảng số xe ti-vi vào khoảng sau 8 giờ 30 sáng hôm qua. Trước khi cho xe đậu, người lái xe có đồ xăng bằng thẻ tín dụng. Người giữ cây xăng đã ghi số xe vào hoá đơn. Việc này cho ta biết chắc là bảng số xe bị lấy trộm sau khi xe đổ xăng.

- Không ai nhìn thấy cái xe vận tải nào ở gần toà báo *The Tattler* vào giờ ấy ư? Crawford hỏi.

- Không có ai. Nhân viên an ninh canh giữ toà báo chỉ nhìn thấy cái ghế đẩy bốc lửa chạy đến, ngoài ra không thấy gì khác. Anh ta báo động cháy nên nhân viên cứu hoả đến trước, họ cũng chỉ thấy lửa thôi.

- Tôi muốn được xem kỹ cái ghế

đẩy. Graham nói.

- Hiện để trong phòng thí nghiệm, anh muốn đến xem lúc nào cũng được
- Osborne ngừng nói, làm một cử chỉ tỏ vẻ thán phục - Lounds thật là cừ. Trong tình trạng tồi tả như vậy mà vẫn còn nhìn được bảng số xe. Bị đốt mà khi được cứu, câu đầu tiên anh ta nói là báo ngay cái bảng số xe. Nếu thằng Quỷ Răng Nanh không thay bảng số giả thì giờ này nó nằm chờ lên ghế điện trong tù rồi. Các anh có nghe băng thu tiếng Lounds ở bệnh viện chứ?

Graham gật đầu.

- Tôi không có ý gì khi đề cập chuyện này - Osborne nói - Tôi chỉ muốn biết các anh có nghe lời nói của Lounds giống như chúng tôi nghe không.

Graham nói bằng một giọng trầm trầm:

- Quỷ Răng Nanh. Wendy. Gọi Wendy. Graham hại tôi. Nó làm tôi chết. Graham hại tôi. Nó đặt tay lên vai tôi. Wendy.

Osborne không thể biết Graham có cảm nghĩ gì về câu nói ấy. Ông đặt câu hỏi khác:

- Lounds nói đến bức ảnh anh với anh ta chụp chung đăng trên tờ *Tattler*?

- Vâng.

- Sao Lounds lại nghĩ rằng anh muốn hại anh ta chứ?

- Tôi và Lounds có sự bất hoà.

- Nhưng trong bức hình, anh có vẻ thân thiện với Lounds lắm mà? Thằng Quỷ Răng Nanh thanh toán kẻ thù số hai trước?

- Đúng vậy.

Graham nói. Chàng thấy Osborne suy đoán khá nhanh. Osborne lại hỏi tiếp:

- Các anh thấy chúng ta có thể dùng được chi tiết nào trong câu nói cuối cùng đó của Lounds không?

Graham nhắc thăm câu nói của Lounds trước khi trả lời:

- Tôi thấy qua lời Lounds, tên Quỷ Răng Nanh đã đọc bài phỏng vấn tôi đăng trên tờ *Tattler*, đã nhìn thấy bức ảnh tôi đặt tay lên vai Lounds trước khi nó đến giết Lounds. Anh có đồng

ý không?

- Đồng ý. Osborne gật đầu.

- Như vậy nghĩa là nó đọc bài phỏng vấn trong đó có những lời mạt sát nó, nó nổi giận và đi tìm giết Lounds. Nếu ta suy đoán như vậy, ta cũng phải thấy là nó hành động hết sức vội vã. Nó không có nhiều thì giờ. Tờ *Tattler* phát hành tối thứ Hai, vậy mà sáng thứ Ba nó đã đến Chicago, đi lấy trộm hai bảng số xe. Trưa ngày thứ ba nó đã chờ sẵn ở hầm nhà Lounds. Anh nghĩ gì về chuyện đó?

Crawford trả lời thay cho Osborne:

- Tôi nghĩ rằng nó phải đọc tờ *Tattler* thật sớm. Báo vừa ra lò là nó có ngay. Hai: nó ở gần ngay đây thôi. Cũng rất có thể nó đọc tờ *Tattler* ở ngay Chicago này vào tối thứ Hai.

- Hoặc là nó sống ở ngay đây hoặc là ở gần đây - Graham nói - Các anh thấy nó tìm đến Lounds thật nhanh. Nó không thể mang cái ghế cổ lỗ sĩ kênh càngh ấy lên máy bay. Cái ghế ấy cũng không thể tháo ra hay xếp lại cho gọn được. Nhất định nó phải chở cái ghế đó trên xe, mà phải là xe *van* hoặc xe vận tải nhỏ mới chở được. Nó có sẵn cái ghế đó ở nhà nó, chắc chắn như vậy. Cái ghế đó cổ xưa lắm rồi, bây giờ không còn nhà nào bán loại ghế ấy nữa. Nó không thể có đủ thì giờ tìm ở đâu ra một cái ghế như thế, đi gỡ trộm hai bảng số xe, đến nhà Lounds chờ. Biết đâu cái xe *van* nó đi lại chẳng là xe lấy trộm...

Graham đứng dậy bước ra đứng bên khung cửa sổ. Chàng vừa nói vừa lơ đãng cầm sợi dây kéo màn che lên thất nút, mắt nhìn sang bức tường phòng bên kia.

Osborne định hỏi nhưng ông ngừng kịp khi thấy Crawford lắc đầu ra dấu bảo ông đừng hỏi vội.

-... Không. Cái xe đó là xe của nó

- Graham nói như đang nói một mình - Nếu là xe lấy trộm, nó đã chẳng mất công thay bảng số. Nhưng cái ghế đấy thì phải là ghế có sẵn trong nhà nó. Có từ lâu. Chính vì nó có sẵn cái ghế đó nên khi vừa nghĩ đến việc giết Lounds là nó sắp đặt ngay để có thể tưới xăng đốt Lounds. Nhờ cái ghế

đấy ấy, nó có thể đứng từ xa nhìn theo cái ghế bốc lửa chạy tới cửa toà báo *Tattler*. Cái ghế giữ cho Lounds không cựa quậy, vùng vẫy gì được. Nó có thể giết Lounds ngay trong nhà để xe, nhưng nó không làm thế. Nó cũng có thể cho Lounds vào xe của Lounds rồi đốt xe. Nhưng không. Nó muốn nói chuyện với Lounds trước, giết sau.

Osborne lên tiếng:

- Thời gian nó bắt Lounds mang đi cho đến lúc đốt Lounds là 15 giờ và 25 phút.

- Nó có thể nói chuyện với Lounds trong chiếc xe *van* - Crawford nói - nhưng với khoảng thời gian lâu đến thế, chắc là nó đem Lounds đến một nơi nào đó.

- Chắc chắn nó phải đem Lounds đến một nơi an ninh - Graham nói - Nơi an ninh nhất là nhà nó.

Chuông điện thoại trên bàn reo lớn.

- Cái gì? Không. - Osborne gầm gừ - Tôi đã nói tôi không tiếp nhà báo kia mà! Sao? Lúc mấy giờ? Ai nghe? Cho cô ấy nói thẳng với tôi cô ấy nghe thấy những gì. Chào cô.... Đại úy Osborne. Cô có chắc đó là tiếng ông Lounds không? Vâng. Cô nhắc lại tôi nghe... Cảm ơn. Cô cứ ở đấy. Tôi phải nhân viên đến ngay.

Osborne đặt ống nghe xuống:

- Cách đây năm phút, cô thư ký của Lounds vừa nhận được một cú điện thoại. Cô ấy xác quyết là tiếng của Lounds, tiếng nói được thâu vào băng. Nhưng cô ấy chẳng hiểu Lounds muốn nói gì cả. Cô ấy chỉ nghe Lounds ca tụng nhân vật nào đó có tên là Đại Xích Long... rồi lại nghe ca tụng cả Đại Nhân Long với Rồng Đỏ...

Chương 24

Bộ Tư Pháp có một số nhà và phòng gần toà án quận bảy ở Chicago dùng làm nơi tạm trú vãng lai cho những luật gia, những người làm chứng được ưu đãi khi họ phải ra làm chứng trước toà. Graham ngụ trong một căn phòng loại này, Crawford

ngủ ở phòng đối diện.

Graham trở về phòng lúc 9 giờ tối, mệt mỏi và ướt sũng. Trời mưa suốt ngày ở Chicago. Kể từ bữa ăn sáng qua loa trên phi cơ bay từ Washington tới Chicago, trọn ngày hôm nay Graham không ăn qua một miếng. Ý nghĩ về thức ăn, về thịt... làm cho chàng ghê tởm.

Freddy Lounds đã bị giết, người bị Quỷ Răng Nanh chiếu cố sắp tới sẽ là chàng. Đó là điều ai cũng nhận là đúng. Cũng suốt một ngày Trung sĩ Chester đứng ngay sau lưng Graham trong lúc Graham ở trong nhà để xe của Lounds, đứng trên vỉa hè nơi Lounds bị đốt dưới cơn mưa tầm tã, đi ngược con dốc tìm dấu vết chỗ chiếc xe đẩy được đưa ra khỏi ô tô.

Trước những ánh đèn flash nháng vào mặt, trước những ánh đèn chiếu của chuyên viên ti-vi, Graham kiên nhẫn đứng. Chàng nhắc đi nhắc lại với giới truyền thông đại chúng rằng chàng "rất đau buồn vì cái chết của bạn ký giả Lounds... nhất định bắt tên Quỷ Răng Nanh đền tội trong thời gian thật gần... đã nắm được nhiều dấu vết để bắt và trừng trị ác quỷ..."

Graham nói vậy nhưng thực ra chàng chẳng tìm được gì đáng kể ở đây. Chàng chỉ thấy lạnh trong bụng, buồn nôn, cùng một cảm giác mơ hồ khi nghĩ đến chuyện lẽ ra chàng đã bị tưới xăng đốt cháy queo chứ không phải là Freddy Lounds.

Về đến phòng, Graham đi tắm, thay đồ, rót một ly Martini đem ra ngồi xem bản Tin Trong Ngày trên màn ảnh truyền hình.

Tin Trong Ngày hôm nay ở Chicago vẫn là tin vụ ký giả báo *The Tattler* bị đốt chết. Nhưng cái tên Quỷ Răng Nanh đã được thay thế bằng cái tên Đại Xích Long và Rồng Đỏ. Toà soạn *The Tattler* đã tiết lộ chuyện tiếng nói của Freddy Lounds bị thu băng. Phần lớn chi tiết cuộn băng ghi tiếng nói của người bị thiêu sống được toà soạn *The Tattler* dành cho số báo đặc biệt sắp phát hành. Graham không ngạc nhiên khi thấy mấy anh nhà báo biết lợi dụng thời cơ. Số báo đặc biệt của họ sẽ bán chạy trên khắp

nước.

Sau khi uống đến ly Martini thứ ba, Graham gọi điện thoại cho Molly.

Nàng đã xem ti-vi, đã đọc tờ báo *Tattler* có bài phỏng vấn, đã biết chồng nàng trong mấy ngày qua được dùng làm con mồi ngồi trong bẫy chờ người đến giết, biết ký giả Freddy Lounds bị tưới xăng đốt chết thê thảm ở Chicago, nàng cũng biết chồng nàng đang ở Chicago.

- Will... anh phải cho em biết mới phải.

- Anh có nghĩ đến chuyện đó. Anh không nói vì có nói chỉ làm em thêm lo.

- Bây giờ nó tính chuyện giết anh chứ còn gì nữa.

- Tất nhiên. Anh thì lúc nào nó chẳng muốn giết. Nhưng nó khó dụng được đến anh vì anh di chuyển luôn. Anh được bảo vệ suốt ngày đêm. Nó cũng biết là anh được bảo vệ kỹ. Tin anh đi, Molly. Anh sẽ không sao đâu.

- Will... anh uống rượu hả?

- Martini thôi.

- Tinh thần thế nào?

- Nản lắm.

- Các báo, đài đều nói FBI chẳng bảo vệ gì anh ký giả ấy cả.

Graham im lặng.

- Bây giờ người ta gọi nó là Rồng Đỏ với Nhân Long, Xích Long...

- Nó tự xưng như thế.

- Will... - Molly có vẻ ngần ngại

- Em muốn đưa Willy đi khỏi đây.

- Em định đi đâu?

- Về nhà ông bà nội nó. Hai ông bà không được gặp nó khá lâu rồi. Nhân dịp này em đưa nó về chơi.

Ông bà nội Willy làm chủ một trang trại ở miền duyên hải Oregon.

- Ở đây sao em thấy lạnh lẽo, khó chịu quá. Em nhận là mẹ con em được an ninh nhưng mà... ngủ mãi rồi em cũng hết ngủ nổi. Về Oregon chắc em cũng được an ninh như ở đây. Ai biết được em về Oregon? Mà em lại đỡ buồn hơn ở đây.

- Anh rất tiếc đã làm em phải lo, phải buồn, Molly.

Graham nói mà cay đắng thấy rằng những lời chàng thốt ra sao quá hời hợt, nhạt nhẽo. Chàng không thể

cám ơn

*Cám ơn đời chồng gai
Dạy ta câu cổ gắng
Giữa chợ đời đứng, sai
Ta vờn mình đứng thẳng.*

*Cám ơn lời trung ngôn
Thấm vào như thuốc đắng
Cho ngày một khá hơn
Không thành tên bố nặng*

*Cám ơn đời có em
Bóp tim ta đau nhói
Nên em không hề quên
Tình ta không gian dối!*

*Cám ơn người tiểu nhân
Đã rập rình đâm lén
Ta vung tay bao lần
Mỗi lần giơ thêm bén.*

*Cám ơn người không tới
Thèm cũng chẳng xanh rêu
Nên ta không tiếc nuôi
Những bọt bèo lêu bêu.*

trần ngân tiêu

nào làm cho nàng thấy được nỗi lòng, tình yêu của chàng lúc đó. Giọng nói của nàng cho thấy là nàng đã quyết định.

- Em định bao giờ đi?

- Sáng mai.

- Còn cửa tiệm của em?

- Em đã thỏa thuận với Evelyn rồi.

Em nhường quyền khai thác quý tư năm nay cho Evelyn. Em vẫn ký hợp đồng với những nhà cung cấp, Evelyn sẽ chịu trách nhiệm trả tiền những hàng hoá em lấy về tiệm, trả mọi phí khoản cho tiệm và hưởng trọn tiền lời.

- Còn bây giờ?

- Bây giờ của mình thì không thể giao cho Evelyn nuôi mãi được. Em đã nhờ chị ấy báo cho nhân viên toà Thị Chính. Đành vậy thôi. Không làm sao khác được.

Chàng im lặng.

Nàng nói tiếp, giọng xúc động và nồng nàn hơn:

- Will... Nếu việc em ở đây có thể giúp ích được anh điều gì, có thể ngăn cản được việc gì xấu xảy đến với anh, em ở lại ngay. Ở mãi. Nhưng việc em ở đây có giúp gì được anh đâu? Anh còn phải bận tâm bảo vệ mẹ con em nữa. Để mẹ con em về ở ẩn nơi xa xôi tí mù ấy, anh còn yên tâm hơn. Anh có thể để hết tâm trí vào việc tự bảo vệ và bắt thàng quỷ ấy. Em không muốn lúc nào cũng phải kè kè khẩu súng bên mình, vào giường ngủ cũng đưa nó vào nằm cùng.

Graham cảm thấy như vừa có cái gì bị xé rách trong ngực chàng. Không còn biết nói gì hơn, chàng bảo:

- Chờ anh gọi về sở nhờ họ lấy vé máy bay và đưa mẹ con em ra phi trường.

- Em đã giữ chỗ rồi. Đừng nhờ họ. Em dùng tên khác cho cả em và con.

- Ý đó hay đấy. Nhưng em hãy để cho anh lo cho hai mẹ con đôi chút. Nhé? Anh sẽ nhờ người mang xe đến đón mẹ con em đi. Em và con sẽ đi thẳng lên phi cơ, không phải đi chung với hành khách. Em và con sẽ êm đềm đi khỏi Washington. Cho anh làm việc đó, nhé? Máy bay em cất cánh lúc mấy giờ?

- 9 giờ 40 sáng. American 118.

- 8 giờ 15 sáng mai sẽ có người đến đón em. À, em có đổi phi cơ ở O'Hare không? Anh ra phi trường gặp em?

- Không. Em đổi phi cơ ở Minneapolis.

- Molly, khi xong việc, anh đến đây đón em về nhé?

- Tuyệt. Em mong anh đến thật sớm.

- Em còn đủ tiền tiêu không.

- Em còn dư, anh đừng lo.

- Anh nhớ em.

- Em cũng nhớ anh. Em ở đó cũng như ở đây thôi. Nói với nhau qua điện thoại thì có kể gì xa hay gần. Willy chào anh.

- Chào Willy.

- Cẩn thận nghe mình.

Rất ít khi nàng gọi chàng bằng

tiếng "mình". Tối nay nàng gọi. Rồi tiếng nàng tắt đi. Nàng đã xa. Chàng chẳng còn thấy những danh từ là quan trọng nữa: Mình, anh yêu, anh... Quỷ Răng Nanh, Rồng Đỏ, Đại Xích Long, Đại Nhân Long... vô nghĩa hết.

Sĩ quan trực đêm ở trụ sở FBI Washington nhận đưa đón mẹ con Molly. Làm xong việc nhờ giúp này, Graham đứng bên cửa sổ. Chàng đặt vầng trán nóng bỏng lên mặt kính lạnh, nhìn màn mưa ngoài trời đêm giăng xuống đường phố dưới kia. Đường phố đang từ màu đen xám bỗng chuyển thành sáng xanh khi có tia chớp loé lên.

Molly đã xa rồi.

Một ngày tàn nhẫn đã qua. Bây giờ chàng phải đối phó với đêm đen. Bên tai chàng vang vang tiếng nói kết tội thốt ra từ cái miệng không có vành môi của người sắp chết.

Wendy, người đàn bà của Lounds, nắm bàn tay cháy đen cho đến lúc người tình của nàng tắt thở.

"Tôi là Valerie Leeds. Tôi xin lỗi không trả lời được..."

"Tôi cũng xin lỗi", Graham lẩm bẩm, "Tôi xin lỗi các vị, tôi đã không ngăn được nó làm hại các vị".

Quay trở vào phòng, chàng rót đầy ly rượu, mang ra ngồi ở bàn trước cửa sổ, nhìn ngây vào cái ghế đối diện chàng. Chàng nhìn mãi cho đến trong lòng chiếc ghế có một hình thể mờ như một cái bóng mong manh. Chàng cố tạo cho cái bóng có một hình dáng rõ rệt hơn, một khuôn mặt, một đôi mắt. Nhưng không thể được. Chàng thấy nó đấy nhưng nó không có mặt mũi gì cả.

Graham say ngất ngư. Chàng lải nhải nói với cái bóng:

- Tao biết là khó đấy. Khó cho mày ấy. Mày cứ phải giết người mãi. Nhưng mà... này, khi cơn thèm máu tươi của mày nổi lên, mày đến giết tao này. Mẹ kiếp... tao cóc sợ mày. Tao cóc cần sống hay chết. Mày thấy chứ? Molly đi rồi, Freddy tiêu rồi. Bây giờ chỉ còn tao với mày thôi. Đến đây! Đến đây... tao chờ mày...

Graham hết sức cố gắng để có thể hiểu được Rồng Đỏ. Nhiều lúc chàng

có cảm giác là chàng đang rất gần hắn. Nhiều lúc khác chàng lại có cảm giác kỳ dị là Rồng Đỏ cũng đang làm những việc chàng đang làm, như ăn, ngủ, tắm, lái xe.v.v..

Nhưng để có thể hiểu và tìm ra được Rồng Đỏ, Graham phải được biết những chuyện chàng không biết, nhìn thấy những cảnh chàng không thể nào nhìn thấy.

Chàng phải bay trong thời gian trở về dĩ vãng...

Chương 25

Springfield, Missouri, 14 tháng 6.1938.

Marian Dolarhyde Trevane, mồm và đau, ra khỏi xe taxi ở cổng bệnh viện thành phố. Gió nóng thổi cát bay vào hai cổ chân nàng khi nàng mệt nhọc bước lên những bậc thềm. Cái va-ly nàng vất vả xách theo trông mầu mã còn khá hơn bộ y phục nàng đang bận, cả cái sắc tay nàng ép vào vòng bụng chứa lớn tướng của nàng cũng vậy. Nàng có hai đồng 25 xu và một đồng 10 trong sắc. Nàng có Francis Dolarhyde trong bụng.

Nàng khai với nhân viên cho nhập viện tên nàng là Betty Johnson - nàng nói dối - Chồng nàng hành nghề nhạc công nhưng nàng không biết anh ta đang sống ở đâu - nàng nói thật.

Họ cho nàng vào khu miễn phí của nhà hộ sinh trong bệnh viện. Nàng không nhìn mặt những chị bạn nằm quanh giường nàng. Nàng chỉ nhìn sang những bàn chân của những chị nằm ở hàng giường bên kia.

Bốn giờ sau khi nhập viện, nàng được đưa đến phòng đẻ, nơi Francis Dolarhyde chào đời. Ông y sĩ sản khoa nhận xét là nó giống một con dơi mũi dẹt hơn là giống trẻ sơ sinh, đây cũng là một sự thật. Francis Dolarhyde ra khỏi lòng mẹ với hai vết nứt hở môi ở môi trên, nóc giọng trong miệng cũng có vết nứt. Nguyên bộ cái mồm của Francis nhô ra như mồm chó con. Mũi Francis bẹp dí.

Những người có quyền quyết định không cho người mẹ nhìn thấy Francis ngay. Họ chờ xem nó có thể

sống được hay không khi không được tiếp dưỡng khí. Nó được nằm ở góc trong cùng của phòng nuôi trẻ sơ sinh, chỗ thật xa cửa kính để những người đến xem mặt trẻ không nhìn thấy nó. Nó thở được nhưng không ăn được. Vì vết nứt trong miệng, nó không bú sữa được.

Ngày thứ nhất, thằng nhỏ còn khóc ẽ ẻ được đôi lúc. Qua ngày thứ hai, tiếng khóc của nó chỉ còn là tiếng rên rĩ giống như tiếng con mèo con mới đẻ bị bỏ đói và lạnh.

Vào lúc 3 giờ chiều, khi những người điều dưỡng đổi ca, một bóng người khổng lồ đến bên chỗ Francis nằm. Prince Easter Mize, 130 ký lô, phụ điều dưỡng kiêm lao công vệ sinh, đứng nhìn xuống thằng bé. Trong 26 năm trời làm việc ở đây, chị đã nhìn thấy khoảng 39 ngàn trẻ sơ sinh. Thằng nhỏ này sẽ sống nếu nó được cho ăn.

Chị Prince Easter không hề nhận được chỉ thị từ Thiên Chúa là hãy để cho thằng nhỏ này chết. Chị tin rằng những người khác trong bệnh viện cũng chẳng ai nhận được chỉ thị ấy. Lấy trong túi áo ra một ống cao su, chị cho một đầu ống vào chai sữa. Chỉ

dùng một tay thôi, chị nhấc đầu đứa nhỏ lên, cho đầu nó áp vào bộ ngực vĩ đại của chị, cho nó nghe tiếng trái tim chị đập. Rồi chị đút đầu ống cao su kia vào miệng nó. Đầu ống cao su đưa dòng sữa qua họng nó. Thằng nhỏ no sữa là ngủ luôn.

- A... ời... a... ời...!

Chị đặt nó xuống giường rồi tiếp tục làm công việc thu giặt tã lót.

Trong ngày thứ tư, các cô y tá đưa Marian Dolarhyde Trevane vào một phòng riêng. Bó hoa thực quì của sản phụ nằm trước ở phòng này còn được cắm trong cái bình men đặt trên bồn rửa mặt. Hoa vẫn còn tươi.

Marian là một thiếu nữ xinh đẹp, vẻ sừng phù của đàn bà đẻ đã gần biến hết trên khuôn mặt nàng. Marian yên lặng nghe những lời ông bác sĩ nói với nàng. Lúc đầu nàng chẳng hiểu gì cả nhưng rồi nàng hiểu ra. Nàng nhắm mắt lại khi người ta bồng đứa bé vào phòng.

Sau cùng nàng nhìn. Người ta phải đóng cửa lại khi nàng rú lên. Sau cùng người ta phải chích cho nàng mũi thuốc.

Đến ngày thứ năm, Marian một

mình ra khỏi nhà hộ sinh. Nàng không biết đi đâu, về đâu. Nàng không còn bao giờ có thể trở về nhà được, bà mẹ nàng đã nói rõ với nàng như thế.

Marian Dolarhyde Trevane vừa đi vừa đếm nhẩm những bước chân giữa những cột điện bên đường. Đi được ba cột điện, nàng dừng lại ngồi nghỉ trên cái va-li. Ít nhất nàng cũng còn cái va-li này. Thành phố nào cũng có tiệm cầm đồ ở gần bến xe buýt. Nàng biết được điều đó trong khi đi đây đi đó theo chồng.

Thị trấn Springfield vào năm 1938 không phải là một trung tâm giải phẫu thẩm mỹ. Ở Springfield vào những năm ấy, người ta mặt mũi như thế nào thì suốt đời cứ như thế.

Một y sĩ giải phẫu ở bệnh viện thành phố đã làm hết khả năng của ông cho Francis Dolarhyde. Ông sửa lại môi và miệng cho thằng nhỏ nhưng kết quả chẳng khá hơn là bao. Ông quyết định việc sửa hàm ếch cho nó phải chờ đến lúc nó năm tuổi mới có thể làm được. Làm bây giờ quá sớm, mặt thằng nhỏ sẽ bị méo.

Một nha sĩ tự nguyện đặt một hàm ếch giả vào miệng thằng nhỏ. Hàm ếch này giúp nó có thể ăn mà thức ăn không xộc lên bịt kín lỗ mũi nó.

Thằng nhỏ được đưa đến sống một năm rưỡi ở nhà nuôi trẻ vô thừa nhận Springfield rồi đến sống ở trường Mồ Côi Morgan Lee.

Sư huynh S.B. 'Buddy' Lomax là quản đốc trường Mồ Côi. Ông nói với bọn con nít trai gái trong trường rằng Francis bị tật sứt môi, rằng không nên gọi Francis là "thằng sứt môi" và ông đề nghị chúng cầu nguyện cho Francis.

Người mẹ của Francis Dolarhyde tìm được cách tự bảo vệ và làm lại cuộc đời sau khi sinh con.

Trước hết Marian Dolarhyde tìm được chân thư ký đánh máy trong văn phòng bầu cử khu vực của đảng bộ đảng Dân Chủ St. Louis. Nhờ ông Trưởng khu, cuộc hôn nhân giữa nàng với nhạc công giang hồ Trevane

bài hành cuối năm

Tính số cuộc đời mà thống hối
Bàn tay không, vẫn chỉ là không!
Dăm ba cuốn sách làm tay gối?
Vài chục bức tranh buồn mệnh mông.

Tráng sĩ ngày xưa là ly khách
Chừ ta đi mong có ngày về?
Mười mấy năm trời xa cách
Ta có còn giữ vẹn lời thề?

Năm năm lửa đạn, đời biên trấn
Tình nước non nằm giữa tâm can.
Lệ đá khô chảy thành từng ngấn,
Mà vẫn nghe lòng đất than van!

Sáng thức dậy, trong cơn ngái ngủ
Cầm nắm com, lội tiếp trong rừng
Tay súng gồm như con thú dữ
Dù thư sinh bạch diện đã từng.



Bốn năm tù đối thành "nợ máu"
Tổ quốc nào ghi ơn tuổi xanh?
Biết bao kẻ chọn rừng nương náu
Gửi năm xương tàn, ai vinh danh?

Đất nước này là đất nước chung
Sao ta vẫn thương nhớ vô cùng
Hay vì đã một thời góp máu
Mà không mơ làm kẻ anh hùng?

Hôm nay ngoài đường hoa tím nở
Mùa Chúa sinh chuộc tội cho người
Đôi tay rộng của ngài vẫn mở,
Xin cho tôi một nửa môi cười!

nguyễn tư

vắng mặt được hủy bỏ.

Trong án toà cho phép ly hôn không thấy nói gì đến con cái.

Nàng không còn liên hệ gì với bà mẹ nàng nữa. Bà từng nói rõ: "Tao không nuôi dạy mày để mày ngủ với thằng Ái Nhĩ Lan khốn nạn đó". Và khi nàng đi khỏi nhà, bà nói lời cuối: "Mày đi theo thằng lưu manh ấy thì đừng bao giờ vác mặt về nhà tao nữa".

Anh chồng cũ của Marian có lần gọi điện thoại đến văn phòng nàng làm. Lần này anh tỉnh táo, có vẻ ăn năn và ngoan đạo. Anh nói với nàng anh đã được "cứu rỗi" và anh muốn biết nàng, với đứa con yêu thương mà anh chưa từng có "niềm vui được thấy mặt", có thuận trở lại sống cuộc sống hạnh phúc mới với anh không. Nghe giọng anh nói, nàng biết anh đang ở trong tình trạng không có một xu teng dính túi. Marian nói cho anh biết đứa

nhỏ chết ngay khi ra đời. Rồi nàng cúp máy.

Say xin, anh tìm đến phòng trọ của nàng cùng cái va-li sộc sệch. Khi nàng bảo anh đi đi, anh nói nếu cuộc hôn nhân của họ bị thất bại, đó là do lỗi tại nàng. Đứa con đẻ ra đã chết cũng là lỗi của nàng. Anh còn tỏ ý nghi ngờ đứa nhỏ không phải là con anh. Cơn giận nổi lên, Marian Dolarhyde nói cho Michael Trevane biết đứa con của anh mặt mũi quỷ quái như thế nào, nếu anh muốn có nó thì xin mời... Nàng cũng gọi cho anh nhớ rằng tất sứt môi và tất nứt trong mồm là những tật gia truyền của nhà Trevane.

Marian tổng cổ Michael ra đường và bảo anh đừng bao giờ trở lại gặp nàng nữa. Anh không trở lại thật nhưng mấy năm sau đó, trong một đêm say và phiền muộn khi thấy Marian lấy được người chồng giàu

tiền, có địa vị trong xã hội, đời sống của nàng thoải mái, nhưng lạ, Michael gọi điện thoại đến nhà bà mẹ của Marian.

Anh cho bà già Dolarhyde biết về đứa con dị dạng của con gái bà. Anh nói với bà già rằng hàm răng nanh quái của bà chính là nguyên nhân sinh ra dị tật, dị dạng ở thằng cháu ngoại bà.

Một tuần lễ sau ở Kansas, một chiếc xe buýt cán và cắt thân thể Michael Trevane làm hai phần không liền nhau.

Khi Trevane cho bà Dolarhyde biết Marian có đứa con trai nhưng bỏ rơi nó trong nhà mồ côi, bà ngồi suốt đêm không ngủ. Cao, khỏe và nhanh nhẹn, bà ngồi trong ghế đu nhìn ngáy vào ánh lửa lò sưởi. Đến gần sáng, bà đẩy ghế đu đưa nhẹ nhẹ.

Đầu đó trên tầng lầu toà nhà lớn rộng có tiếng người ú ớ trong cơn ngủ mê. Rồi sàn gỗ trên đầu bà cọt kẹt khi có tiếng chân người lê vào phòng tắm.

Một tiếng bịch vang lên, người nào đó vừa ngã xuống, tiếng người đau đớn rên rỉ gọi.

Bà Dolarhyde vẫn ngồi yên nhìn ánh lửa. Bà đẩy cho ghế đu đưa nhanh hơn. Tiếng người trên lầu ngừng gọi.

Vào những tháng cuối năm lên năm tuổi, Francis Dolarhyde được người đến Nhà Mồ Côi thăm. Đây là người đến thăm thằng nhỏ thứ nhất và duy nhất. Nó được dẫn tới văn phòng Sư huynh Buddy.

Bà khách đứng chờ với Sư huynh Buddy trạc 50 tuổi, vóc người cao khỏe, phấn son trát đầy, tóc búi cao, có vài ánh vàng trong mái tóc xám, trong đôi mắt và hàm răng bà.

Điều làm cho Francis xúc động nhất, khiến nó nhớ mãi là bà mỉm cười vui vẻ khi thấy mặt nó. Đây là việc chưa từng xảy ra với nó bao giờ. Sau bà, suốt đời nó cũng chẳng còn được thấy ai cười vui khi gặp nó như bà.

- Bà đây là bà ngoại của con đó. Sư huynh Buddy nói.

- Hê-lô. Bà nói.

- Nói hê-lô chào bà đi - Sư huynh

em muốn hỏi cây sầu riêng

*Cửa sổ nhà anh sớm mai khép lại
Tờ lịch cuối tuần ai xé bỏ ngoài hiên
Em muốn về hỏi những ngọn sầu riêng
Cho em mượn hết những lá vàng sắp rụng*

*Mới hôm qua áo em màu tươi thắm
Vườn thơ ngây hoa sứ gọi chim về
Xui lòng ai rộn rã những duyên quê
Hương lúa mới rủ nhau về nguyên dân.*

*Mà hôm nay gió tây nào lãnh mạn
Cho buồm anh phiêu bạc tới phương trời.
Lá trầu xanh e ấp miếng cau tươi
Hoa súng nở thương đầm, ao, bướm trắng.*

*Ai có qua sông khi chờ xuồng buổi sáng
Thấy trên tay em héo đoá hoa hồng
Biết lòng anh vẫn là ngọn gió đông
Thối hiu hắt bên đời em mây tím.*

*Còn lá thơ xanh giữ làm kỷ niệm
Cửa sổ nhà anh mở sớm mai hồng
Em bước qua đường, tà áo thêu bông
Thấy trên tay anh mấy cành hoa nở.*

lâm hảo khôi



Buddy giục - Nói đi.

Francis cũng đã tập nói được một số tiếng. Nó nói khó khăn, ngọng và nhất là nó chưa từng nói đến tiếng "hê-lô" bao giờ.

- Lế-lô. Francis nói.

Nghe nó ngọng, bà ngoại càng có vẻ vui hơn:

- Con gọi "bà ngoại" đi, được không?

- Gọi "bà ngoại" đi. "Bà ngoại"... Sư huynh Buddy nhắc.

Francis không nói được hai tiếng đó. Nó chỉ ú ớ trong họng, rồi nước mắt nó chảy ra. Nó nghẹn.

- Không sao - Bà ngoại vẫn vui vẻ - Bà chắc mày nói được tên mày. Nói cho bà nghe, tên con là gì?

Bộ mặt quái dị của Francis có vẻ tươi lên. Tên nó thì nó biết. Bọn con trai lớn sống chung với nó vẫn mỗi ngày gọi tên nó nhiều lần. Muốn làm cho bà ngoại hài lòng, nó cố nói lớn:

- Một Lần.

Ba ngày sau, bà Dolarhyde trở lại nhà mồ côi đón Francis về nhà. Bà dạy thằng cháu tập nói. Bà chuyên chú vào việc dạy nó nói tiếng "Má".

Hai năm sau ngày được toà án cho phép ly hôn với Michael Trevane, Marian Dolarhyde gặp và kết hôn với Howard Vogt, một luật sư thành công và là một nhân vật hàng đầu của đảng Dân Chủ St. Louise.

Vogt góa vợ, có ba con nhỏ, vui vẻ, dễ tính, có cao vọng, hơn Marian Dolarhyde 15 tuổi. Vogt không thù ghét một cái gì ở đời ngoài việc thù ghét tờ báo địa phương *Pos Dispatch*, tờ báo đã vẽ biếm họa chế nhạo ông trong những lần đảng Dân Chủ thất cử nặng ở St. Louise vào những năm 1936 và 1940.

Đến năm 1943, ngôi sao Howard Vogt lại nổi sáng. Ông được đảng đề cử làm ứng cử viên tham gia cuộc bầu cử quốc hội tiểu bang và được nhắc đến như nhân vật đại diện đảng bộ St. Louise đi dự đại hội lập hiến sắp tới.

Marian là người vợ trẻ xinh đẹp, khả ái. Nàng đóng vai bà chủ tiếp khách rất nhuần. Vợ chồng Vogt sống trong căn nhà rất tiện nghi cho

việc tiếp đãi khách ở đường Olive.

Francis Dolarhyde về sống với bà ngoại được một tuần, bà đưa nó đến đường Olive.

Bà Dolarhyde chưa từng đến và cũng chưa từng đến nhà cô con lần nào. Chị người làm ra mở cửa không biết bà là ai.

- Tôi là bà Dolarhyde.

Bà vừa nói vừa đẩy chị người làm sang một bên. Bà đường hoàng dắt tay Francis vào phòng khách đang có lò sưởi hồng ấm áp.

Tiếng người đàn bà từ trên lầu hỏi vọng xuống:

- Viola, ai đến thế?

Bà ngoại áp hai bàn tay vào hai bên mặt Francis. Thằng nhỏ ngửi thấy mùi da của đôi găng tay:

- Lên gặp má đi, Francis. Lên đi.

Francis chùn người lại. Bà Dolarhyde nắm vai nó, đẩy nó đến chân cầu thang:

- Lên đi. Lên chào má. Đi.

Bà đẩy nó lên thang.

Thằng nhỏ đi lên một thang lầu lẹ, vào một lối lẹ. Nó trông thấy cánh cửa phòng mở, nghe tiếng người đàn bà từ trong đó gọi ra:

- Viola...

Marian đang ngồi trước bàn trang điểm, sửa soạn đi dự một cuộc họp chính trị. Phấn son loè loẹt quá không tốt. Nàng ngồi quay lưng ra cửa.

- Má...

Francis ngắc ngứ thốt ra tiếng gọi nó được bà ngoại dạy từ mấy ngày nay.

Marian nhìn thấy bóng thằng nhỏ trong gương. Tưởng nó là bạn của con chồng nàng, không quay lại, nàng nói:

- Ned đi học chưa về...

- Má...

Lần này nàng nghe tiếng nó gọi. Rồi nàng cứng người khi nghe tiếng bà mẹ nàng sang sang từ dưới phòng khách vang lên:

- Bưng trà cho tao. Tao là mẹ của bà chủ mày...

Nhào sang giường, Marian úp mặt xuống khóc oà. Không biết Marian khóc cho nàng hay cho đứa con dị tật của nàng.

Ngay sau đó, bà Dolarhyde dắt Francis đến nơi tổ chức đại hội chính trị. Bà nói cho mọi người ở đấy biết thằng nhỏ là con ai, nó sống ở đâu từ lúc mẹ nó đẻ nó và bỏ nó. Bà bảo thằng nhỏ chào "hê-lô" mọi người.

Trong kỳ bầu cử đại biểu vào quốc hội tiểu bang năm đó, ứng cử viên Howard Vogt bị thất cử.

Chương 26

Ở nhà bà ngoại, thế giới mới của Francis Dolarhyde là một khu rừng đầy những bấp chân chằng chịt những đường gân xanh.

Bà ngoại Dolarhyde đã dùng toà nhà lớn rộng của bà làm nhà nuôi người già cô đơn trong tỉnh từ ba năm trước. Tiền là một vấn đề gây khó khăn cho bà từ khi ông chồng bà qua đời năm 1936. Ra đời là một tiểu thư, bà được nuôi dưỡng để trở thành một bà quý phái, bà không có khả năng kiếm tiền bằng việc buôn bán. Bà chỉ có toà nhà lớn này với những món nợ ông chồng bà để lại. Nhận khách vào ở trọ là việc không làm được. Nhà bà ở chỗ xa vắng quá, chẳng có khách nào chịu mò đến tận đây ở trọ. Nếu không có tiền trả nợ, bà có thể bị trục xuất ra khỏi nhà.

Tin cô con Marian kết hôn với Luật sư Howard Vogt giàu tiền đăng trên các báo địa phương đến với bà Dolarhyde đúng nghĩa là một tin vui. Bà liên tiếp viết nhiều thư cho con gái, yêu cầu nàng giúp đỡ, nhưng Marian không trả lời. Khi bà gọi điện thoại đến nhà, người làm của nàng đều nói gọn lỏn: "Bà chủ đi vắng..."

Sau cùng, cay đắng và bất mãn, bà Dolarhyde ký hợp đồng hai chiều với chính quyền địa phương: nhà bà sẽ là nơi cư ngụ của những ông bà già nghèo mà ngân quỹ tỉnh quận phải nuôi. Bà được quận chi một khoản tiền để nuôi những ông bà già này. Lâu lâu bà cũng nhận được vài khoản tiền của thân nhân những người đó gửi đến trợ giúp khi họ bị lương tâm cắn rứt đến độ họ chịu không nổi hoặc khi họ bị nhân viên An sinh Xã hội truy tìm ra tung tích, gửi thư đến

thức.

Tuy vậy cuộc sống của bà Dolarhyde vẫn khó khăn cho đến khi có mấy ông bà già thuộc giới trung lưu đến cư ngụ.

Suốt thời gian ấy Marian không giúp đỡ gì cả, dù nàng có thừa khả năng.

Francis Dolarhyde chơi trên sàn nhà giữa một rừng bấp chân ông già, bà già. Nó chơi xe ô tô bằng những quân bài mặt chược của bà ngoại. Nó đẩy xe qua những bấp chân cằn cỗi như những gốc cây già.

Những ông già, bà già ngồi suốt ngày trong phòng khách nghe radio. Bà ngoại có đặt một bồn cá vàng ở đó cho các thân chủ nhìn ngắm đỡ buồn. Một nhà hảo tâm giúp tiền mua tấm bạt cao su trải khắp nhà để bảo vệ cho sàn gỗ không bị hư hại quá nặng vì những bãi nước tiểu được cho ra không đúng chỗ.

Bà Dolarhyde có thể giữ cho những ông bà thân chủ ăn mặc sạch sẽ nhưng bà không sao có thể buộc họ phải mang giày, dép suốt ngày. Francis nhớ mãi tiếng những bàn chân lê lét sệt trên mặt bạt cao su trong những mùa hạ nóng vo ve tiếng ruồi muỗi, nhớ mùi khoai và bắp cải hầm liu riu trong bếp, mùi những ông già bà già khăn khăn như mùi những bao giấy nhựa đựng thịt bị vứt ngoài đường. Và tiếng nhạc, tiếng hát từ radio: "*Cười đi em, em yêu ơi... Bọt giặt Rinso giặt trắng tuyết vời...*"

Francis quanh quẩn nhiều trong bếp vì người bạn của nó làm việc trong bếp. Chị bếp, Má Hai Bailey, đã sống và phục vụ gia đình Dolarhyde từ những ngày chị mới 11, 12 tuổi. Thỉnh thoảng chị mang đến cho Francis vài trái cây. Chị gọi nói là "cu Tèo... lúc nào cũng mơ mộng". Nhà bếp luôn luôn ấm và an ninh. Mỗi tối sau khi làm xong công việc, Má Hai Bailey về nhà.

Tháng 12.1943.

Francis Dolarhyde, 5 tuổi, nằm trên giường trong phòng ngủ của nó ở trên lầu. Đêm đen ngòm. Cửa sổ che màn cửa đầy đê phòng máy bay

Nhật. Thằng nhỏ không biết là trận Thế Chiến thứ hai đang xảy ra. Nó chỉ biết nó mót đá và nó sợ. Đêm đen quá, nó không dám trở dậy một mình.

Francis gọi bà ngoại trong phòng ngủ của bà ở dưới nhà:

- À oai... À oai ơi...

Tiếng nó nghe như tiếng con dê non. Thế rồi dòng nước đá vọt ra. Trước hết là nóng nóng rồi lạnh ngắt ở bụng, ở mông nó. Áo ngủ dính vào bụng, vào đùi. Nó bò ra khỏi giường, đứng trên mặt sàn lạnh rồi chạy ra cửa. Năm nắm cửa đung mạnh vào mắt nó. Nó chạy xuống cầu thang, bàn tay xiết lên thành tiếng trên thanh gỗ thành cầu. Chạy vào phòng bà ngoại. Trèo lên giường. Chui vào mền ấm nằm sát vào bà.

Bà ngoại cựa mình, cứng mình. "Trời đất ơi..." Bà đẩy nó ra. Tiếng lách cách vang lên trên mặt bàn ngủ khi bà thò tay vào ly nước lạnh lấy hàm răng. Tiếng cạch... cạch khi hàm răng được đặt vào miệng:

- Tao chưa thấy thằng nhỏ nào dơ dáy, ghê tởm như mày. Đi ra. Đi ra khỏi giường tao.

Bà bật ngọn đèn bên giường. Francis đứng run rẩy trên sàn. Bà quạt nhẹ ngón tay vào mắt nó rồi đưa ngón tay vào ánh đèn. Ngón tay dính máu:

- Làm sao thế này? Mày đánh vỡ cái gì hả?

Francis lắc đầu. Vài giọt máu từ mắt nó văng vào áo ngủ của bà ngoại.

- Lên lầu. Đi mau.

Bóng tối trùm lấy Francis khi nó lên cầu thang. Nó không bật được đèn. Bà ngoại đã cuộn dây có chốt bật đèn lên cao để chỉ có bà bật được đèn thôi. Không muốn phải trở vào lòng giường ướt, nó đứng chờ trên đầu cầu thang. Sao bà ngoại lâu lên thế? Mà bà có lên không đây? Vòm cầu thang đen như mực. Chắc bà ngoại không lên.

Bà đi lên, giật mạnh sợi dây điện bật sáng ngọn đèn trong phòng. Một tay bà ôm cái khăn trải giường. Bà không nói một tiếng trong khi thay khăn.

Nắm cánh tay thằng cháu ngoại,

bà kéo nó vào phòng tắm. Bà bật đèn, đưa cho nó cái khăn tắm được thấm nước lạnh ngắt:

- Cởi đồ ra, lau người mày cho sạch đi.

Mùi băng keo, ánh sáng của cây kéo. Tiếng kéo cắt băng. Ra hiệu cho thằng cháu đứng lên nắp bồn cầu, bà dán miếng băng keo lên vết thương ở mắt nó:

- Đây này...

Bà dí lưỡi kéo lạnh ngắt vào bụng thằng nhỏ:

- Mở mắt ra mà coi...

Bà đặt bàn tay lên đầu nó, vít cổ nó xuống cho nó nhìn thấy con cu nhỏ xíu của nó nằm giữa hai lưỡi kéo sắc lẹm:

- Mày có muốn tao cắt cu mày không?

- Ông... à oai... Ông... à oai!

- Muốn tao không cắt thì từ nay mày không được đá bậy trong giường nữa. Mày còn đá bậy một lần nữa là tao cắt, nghe rõ chưa?

- A... a...

- Khi buồn đá, dù là ban đêm, mày phải vào đây đá đàng hoàng. Mở cái nắp này ra, ngồi đá cũng được, không cần phải đứng. Thôi, đi vào ngủ.

Hai giờ sáng, gió nổi, làm những cành táo chết kêu răng rắc, những cành táo sống đầy lá tươi xào xạc. Rồi gió đưa trận mưa ấm đến đập vào một mặt toà nhà trong đó Francis Dolarhyde, 42 tuổi, đang ngủ.

Hắn nằm nghiêng, ngón tay cái để trong miệng, những sợi tóc dính bết xuống trán vì mồ hôi.

Tỉnh ngủ, Francis nằm nghe tiếng mưa rơi, tiếng thở, nghe cả tiếng mí mắt mở đóng. Những ngón tay hắn còn nặng mùi xăng. Bọng đá hắn căng cứng.

Hắn quơ tay tìm ly nước để trên mặt bàn ngủ trong có hàm răng giả. Bao giờ Francis cũng gấn răng giả trước khi ra khỏi giường. Hắn đi sang phòng tắm mà không bật đèn. Trong bóng tối, hắn mở nắp bồn cầu ngồi lên đó như một đứa trẻ ngoan.

(còn tiếp)

cuộc đời vô định



TRUYỆN DÀI PHÓNG-TÁC CỦA
Tống Minh Long Quân

(tiếp theo)

Chương 24

Biệt thự của Tracy ở khu Eaton trông giống như một cảnh thiên đường. Đó là một trong những khu đẹp nhất Luân Đôn. Gia nhân của các biệt thự hàng xóm trong đồng phục đang trông nom những đứa bé chơi đùa trong các sân riêng. Bất giác Tracy nhớ Amy thật nhiều.

Ông Gunther Hartlog hài lòng với cách tiêu tiền của Tracy. Nàng đã cho quỹ từ thiện những số tiền lớn và tiếp xúc với những người đứng đắn. Nàng hẹn hò với các bá tước, công tước và có rất nhiều người muốn hỏi cưới nàng. Tracy vừa trẻ đẹp lại vừa giàu có thì làm sao đàn ông không mê cho được!

Ông Gunther đã cười, bảo nàng:

- Ai cũng xem cô như một người toàn hảo. Cô xuất sắc trong mọi lãnh vực. Bây giờ cô đã có tất cả những gì cô muốn.

Đúng vậy. Nàng có nhiều tiền giấu ở các tủ sắt trên khắp Âu châu, đủ sống dư giả, tiêu cả đời cũng không hết. Cái mà nàng thiếu bây giờ chỉ là một người để chia sẻ buồn vui. Đáng lý ra nàng đã có chồng, có con. Nàng có thể thực hiện một lần nữa

không? Làm sao nàng có thể thú thật hết với người đàn ông yêu nàng? Và làm sao nàng có thể sống mãi trong sự giả dối để che giấu quá khứ tội lỗi của mình? Đã lỡ nhúng chàm, Tracy không thể gột rửa được hết, và nàng biết chắc một điều là không thể nào nàng trở lại được cuộc sống an bình thuở xưa. Tracy tự an ủi: "Biết bao nhiêu người sống cô độc, vậy mà có chết ai đâu! Bây giờ ta đã có tất cả mọi thứ rồi".

Sau chuyến đi Venice trở về, Tracy bận rộn tổ chức một cuộc tiếp tân tại nhà. Khách của nàng là tất cả những người thuộc giới thượng lưu Luân Đôn. Nhưng trong số "tất cả" ấy có một người mà Tracy không thể nào ngờ.

Tracy đã mời bà Hầu tước Howarth, một phụ nữ đẹp quý phái và có nhiều tài sản ở khắp nơi. Lúc bà ta lướt vào, Tracy vội vã bước ra chào đón. Nụ cười tươi bồng tất ngang trên môi nàng. Đi với bà Hầu tước là Jeff Stevens!

- Này Tracy, chắc bồ không biết ông Jeff Stevens. Jeff, đây là bà Tracy Whitney, chủ nhân của buổi tiếp tân này.

Tracy lạnh lùng:

- Ông vẫn khỏe chứ ông Stevens?

Jeff bắt tay Tracy. Hắn nắm tay nàng lâu hơn lối xã giao thông thường, mặt tỉnh bơ:

- Bà là Tracy Whitney? Dĩ nhiên tôi biết bà chứ. Tôi là bạn của chồng bà mà. Tụi này đã sống chung với nhau một dạo ở Ấn Độ.

Bà Hầu tước reo lên:

- Hay quá nhỉ! Mọi người đều biết nhau cả.

- Lạ thật, sao tôi chẳng bao giờ nghe chồng tôi nhắc đến ông vậy?

Giọng Tracy cứng và lạnh.

- Ủa vậy sao? Thiết là lạ! Chồng bà là một người bạn tốt, chỉ tội nghiệp cho ông ấy gặp xui xẻo.

Bà Hầu tước la lên:

- Ô, chuyện gì xảy ra vậy?

Tracy nhìn Jeff như muốn ăn tươi nuốt sống hắn:

- Dạ, cũng không có gì.

Jeff làm ra vẻ ngây thơ, thực thà:

- Chuyện vậy mà nói không có gì! Nếu tôi nhớ không lầm thì ông đã bị treo cổ ở Ấn Độ.

- Không, ở Pakistan - Tracy nghiêng rặng - À, bây giờ tôi mới nhớ, chồng tôi có nhắc đến ông một hai lần gì đó. Vợ ông mạnh khỏe chứ?

Bà Hầu tước Howarth há hốc miệng nhìn Jeff:

- Ô, anh chẳng bao giờ nói với tôi là anh đã có vợ.

- Cecile và anh đã ly dị lâu rồi.

Tracy mỉm cười dịu dàng:

- Không, tôi muốn nói đến bà Rose cơ.

- Ô, bà đó hả...

Bà Hầu tước đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác:

- Anh lấy vợ đến hai lần?

Jeff nhún vai làm như không có gì đáng quan tâm:

- Rose và anh chỉ hứa hôn thôi, lúc đó tụi anh còn quá trẻ.

Hắn khoác tay bà Hầu tước dợm bỏ đi nhưng Tracy vẫn không tha:

- Còn hai đứa con song sinh của ông thế nào?

Bà Hầu tước lại la lên:

- Hai đứa con của anh?

- Tụi nó sống với mẹ - Hắn liếc mắt về Tracy - Tôi rất thích thú được nói chuyện với bà nhưng chúng tôi

không dám làm phiền nhiều vì bà còn bao nhiêu khách khác.

Jeff nắm tay bà Hầu tước kéo đi chỗ khác.

Sáng hôm sau Tracy lại đụng đầu Jeff Stevens trong thương xá Harrods. Lúc đó cả hai đang đứng trong thang máy đông chật những người. Trước khi bước khỏi thang máy ở tầng hai, Tracy quay lại nói với Jeff bằng một giọng cố ý cho mọi người nghe thấy:

- Mọi chuyện xảy ra rồi, làm sao ông có thể chịu nổi sự kết án của xã hội về tội vô luân nhỉ?

Cánh cửa thang máy đóng lại sau lưng, bỏ Jeff đứng sượng người giữa đám khách hàng sang trọng mà họ không biết chàng là ai.

Tối đó Tracy nằm trên giường nghĩ đến anh chàng Jeff mà bật cười. Hắn ta thật có duyên. Đúng là một con cáo già, nhưng là một con cáo già đáng yêu. Nàng biết rõ mối liên hệ giữa hắn với bà Hầu tước chẳng qua cũng chỉ là một mưu đồ gì đó. Loại người như Jeff và nàng chẳng bao giờ được yên phận. Cuộc đời của hai người đầy những trò ú tim, nghệt thờ và sau đó là một phần thưởng đi kèm.

Tracy lại suy nghĩ đến công việc sắp tới, được trừ tính thực hiện ở miền nam nước Pháp. Công việc này rất nguy hiểm. Gunther cho biết cảnh sát quốc tế đang lùng kiếm một băng đảng đàn bà. Nàng mỉm cười trong giấc ngủ.

Trong căn phòng khách sạn ở Paris, Daniel Cooper đang đọc hồ sơ mà Thám tử Trignant vừa cung cấp. Đã bốn giờ sáng rồi mà Cooper vẫn cầm cúi đọc, phân tích từng vụ trộm và những mưu mô qua mặt nhà chức trách. Có những quỷ kế chàng đã biết nhưng cũng có những phương cách lừa gạt mới. Theo Trignant thì nạn nhân phần đông là những người giàu có mà tiếng tăm không mấy tốt. Cooper nghĩ thầm, không lẽ băng đảng này tự cho mình là một Robin Hood đi cướp của nhà giàu để san sẻ cho người nghèo hay sao?

Daniel Cooper đã đọc gần hết, chỉ còn ba vụ nữa là xong. Hồ sơ Brussels thuật lại vụ trộm nữ trang trị giá trên 2 triệu được cất kỹ trong tủ sắt nhà ông Van Ruysen, một nhà đầu tư cổ phiếu nổi tiếng ở Thụy Điển đang bị tai tiếng về việc đầu tư không rõ ràng. Chủ nhân đi nghỉ hè vắng nhà và... - Cooper bỗng thấy tim mình đập mạnh, chàng đọc lại trang đầu, chăm chú từng chữ một - Vụ trộm này hơi khác những vụ kia nhưng có những điểm giống nhau: tên trộm đã tắt máy báo động và khi cảnh sát đến, họ được một người đàn bà mặc áo ngủ mỏng manh với mái tóc cuốn lộn lên cao, mặt phết một lớp bùn dày nuôi da ban đêm, chào đón. Cô ta cũng tự xưng là khách của gia đình Van Ruysens đến giữ nhà. Cảnh sát tin cô ả và khi liên lạc được với chủ nhà để

tái kiểm chứng thì tên trộm và nữ trang đã biến mất.

Cooper để tờ trình xuống bàn. Nguyên tắc. Nguyên tắc.

Thám tử Trignant bắt đầu nổi nóng:

- Ông sai rồi. Ông lầm rồi. Không thể nào chỉ một người đàn bà mà có thể đủ mọi chuyện như vậy!

- Mình có cách để kiểm chứng.

- Cách nào?

- Tôi muốn máy điện toán in ra hết các dữ kiện không gian và thời gian của mấy vụ trộm sau này cũng như kế hoạch của từng vụ.

- Cái đó thì đơn giản quá nhưng...

- Sau đó tôi sẽ xin bản tường trình của các văn phòng di trú về danh sách những du khách Mỹ đã có mặt ở cùng một thành phố, cùng một thời gian vụ phạm pháp xảy ra. Có thể là cô ta dùng thông hành với lý lịch giả, nhưng cũng có thể cô ta dùng tên thật.

Thám tử Trignant ngồi im có vẻ suy nghĩ: "Hắn nói cũng có lý". Ông quan sát người đàn ông nhỏ con ngồi trước mặt, nửa muốn hắn làm, nhưng coi bộ hắn có vẻ chắc chắn lắm:

- Được rồi, để xem...

Vụ trộm đầu tiên diễn ra ở Stockholm. Theo tường trình của Interpol ở Thụy Điển, họ lọc ra các tên phụ nữ cho vào máy điện toán. Thành phố kế tiếp là Milan. Số nữ du khách đến Milan trong khoảng thời gian này chỉ còn 25 người. Danh sách lại được lọc ra để chỉ lấy tên những nữ du khách Mỹ đã đến Ái Nhĩ Lan nơi xảy ra vụ lường gạt, rút ngắn lại còn 15. Thám tử Trignant đưa cho Daniel Cooper bản báo cáo vừa in xong.

- Để tôi kiểm soát kế tiếp những tên trùng hợp với biến cố ở Bá Linh và...

Daniel nhìn vào bản báo cáo và nói:

- Thôi, đủ rồi.

Đứng đầu trong danh sách là Tracy Whitney.

Bây giờ, với một vài bằng chứng, Interpol bắt đầu hành động. Một

NỢ

Rừng cây, ta nợ, vài chiếc lá
nằm đợi bao năm ngựa vía về
lục lạc rung khan triền núi lở
bờm rụng, vó cùn - hết thời hề!

Lọng người che đời hoang kín mít
co ro mình ta vạch lá nhìn trời
mới nhớ năm xưa mượn em sợi tóc
tưởng ngàn thu xanh, nay bạc trắng
rồi.

Nợ sông, mấy nhánh, qua cồn cát
thân ta tôm đất, có gì vui

xa rong mới biết bùn chua ngọt
đời trôi xuôi, mình bỏ giạt lùi.

Hoàng hôn, ta nợ, vầng mây úa
núm đuôi hạc bay hành hiệp góc đời
ánh trắng ngày ấy, lời thề ấy
trấn nước với ta đuổi giữa đời người.

Đêm đêm thao thức, chờ gõ cửa
chẳng còn ai đến đòi nợ về
còng lưng gánh, một mình, khắp khối
chạy quanh co - đời quanh co hề!

hồ mình dững

thông cáo đỏ được gửi tới các quốc gia hội viên để khuyến cáo họ để ý đến các hành vi của Tracy Whitney.

Thám tử Trignant cũng nói với Daniel Cooper:

- Chúng ta cũng nên gửi cả thông cáo xanh lá cây.

- Thông cáo xanh lá cây?

- Chúng tôi dùng màu để làm ám số. Đỏ có nghĩa là tối ưu tiên, xanh dương là tìm tin tức của nghi can, xanh lá cây là báo cho các cơ quan cảnh sát nên cẩn thận theo dõi nghi can, đen là điều tra về xác chết không có lai lịch. X-D là tối khẩn, D là khẩn. Bất cứ quốc gia nào mà Tracy Whitney đặt chân đến, ngay lúc cô ta bước qua khỏi cổng quan thuế là phải theo dõi liền.

Ngày hôm sau, bức ảnh của Tracy Whitney chụp ở trại tù nữ giới Southern Louisiana đã được gửi tới văn phòng Hình cảnh Quốc tế.

Daniel Cooper bốc điện thoại gọi xếp Reynolds tại tư gia. Chuông điện thoại reo hơn mười lần mới có người nhắc.

- A lô.

- Tôi cần một vài chi tiết.

- Ông đó hả Cooper? Chúa ơi, ở đây là 4 giờ sáng. Tôi đang...

- Ông gửi cho tôi tất cả những tài liệu ông có về Tracy Whitney, cắt trong báo, băng video, cái gì cũng được...

- Chuyện gì đang xảy ra vậy?

Cooper đã cúp máy.

Reynolds thề một ngày nào đó sẽ giết chết cái thằng chó đẻ xác láo này.

Lúc trước Daniel Cooper chỉ thích thú bình thường trong vụ liên quan đến Tracy Whitney, bây giờ thì anh xem như đó là trách nhiệm cần phải giải quyết. Daniel dán hình cô gái trên tường căn phòng khách sạn, đọc hết những mẫu tin nhỏ nào có dính dáng đến cô gái này. Anh chàng đi mượn máy chiếu video để coi cuốn băng lúc cô gái được thả tự do. Anh ngồi im trong phòng tối coi đi coi lại hình cô gái. Kể tình nghi bây giờ chắc chắn là can phạm rồi. Daniel Cooper la lớn: "Một mình cô là băng đảng phụ nữ chứ không ai khác, cô

Whitney!"

Chương 25

Hàng năm, cứ vào ngày thứ bảy đầu tháng Sáu là Bá tước Matigny đỡ đầu cho buổi dạ vũ gây quỹ từ thiện giúp bệnh viện nhi đồng ở Paris. Thiệp mời được bán với giá một ngàn đô-la nhưng mọi người thuộc xã hội thượng lưu Âu châu đổ xô nhau mua.

Lâu đài Matigny ở Cap d'Antibes có từ thế kỷ 15, là một thắng cảnh ở Pháp với những khu vườn được cắt xén công phu, mỹ thuật. Buổi tiếp tân diễn ra ở hai phòng: đại sảnh để khiêu vũ và phòng khánh tiết nhỏ hơn đông nghẹt những khách trong các bộ quần áo lộng lẫy, đắt tiền. Các gia nhân đông phục trắng chạy tới chạy lui tấp nập, lo phục vụ khách khứa. Một bàn ăn khổng lồ với hàng chục món ăn do các đầu bếp nổi tiếng trên thế giới nấu, đặt trên những khay bạc vương giả.

Tracy quỳn rũ trong dạ phục trắng dài đến gót chân. Tóc nàng búi cao lên, cài một cái trâm lông lánh đầy kim cương. Nàng đang khiêu vũ với chủ nhân buổi dạ vũ: Bá tước Matigny, một người đàn ông góa vợ khoảng 60 tuổi, khuôn mặt nhỏ, gầy được chăm chút cẩn thận. Gunther Hartog đã nói riêng với Tracy: "Tiền lời của buổi dạ vũ hàng năm tiếng là để giúp cho bệnh viện nhi đồng nhưng lũ trẻ chỉ nhận được một phần mười, chín phần còn lại chui vô túi lão Bá tước này".

- Quận chúa khiêu vũ thật đẹp! Bá tước Matigny nói.

Tracy mỉm cười:

- Cũng nhờ người khiêu vũ với tôi nhảy giỏi quá!

- Tại sao từ trước đến nay tôi chưa được gặp cô nhỉ?

- Dạ, tôi sống ở Nam Mỹ.

- Uống không!

- Chồng tôi có mấy hầm mỏ ở Ba Tây.

- Vậy à, thế ông nhà có mặt tối nay không?

- Dạ không, thật tiếc, nhưng ông ấy phải ở lại để trong coi công việc.

- Tôi nghiệp cho ông ta nhưng may mắn cho tôi.

Vòng tay Bá tước xiết chặt hơn nơi vòng eo nàng. Ông ta thì thào:

- Tôi hy vọng tình bạn giữa chúng ta sẽ tiến triển tốt đẹp.

- Tôi cũng mong vậy. Tracy nhẹ nhàng đáp.

Qua vai của Bá tước Matigny, Tracy bỗng thấy Jeff Stevens. Gương mặt rám nắng của hắn thật không hợp với khung cảnh nơi đây chút nào. Hắn đang khiêu vũ với một người đàn bà đẹp đang âu yếm dựa đầu vào vai hắn. Jeff nhìn thấy Tracy và mỉm cười.

"Thằng khốn nạn này mà cười là hắn đang có âm mưu gì đây", Tracy nghĩ thầm. Hai vụ trộm trước Tracy đã bị Jeff phỗng tay trên. Lúc nàng vào được căn nhà thứ nhất thì kết sắt đã mở toang, trống rỗng. Chỗ thứ nhì thì khi Tracy vừa đến, nàng thấy Jeff vừa nổ máy xe phóng đi. Hắn đã hạ nàng thêm một lần nữa. "Bây giờ mình định ra tay thì hắn lại có mặt!"

Jeff và cô bạn nhảy gần nàng hơn. Hắn cười, chào:

- Chào Bá tước.

Bá tước Matigny mỉm cười:

- À, chào Jeffrey! Tôi rất vui khi thấy cậu tham dự.

-Ồ, làm sao tôi có thể bỏ lỡ dịp vui này được! - Hắn chỉ vào người đàn bà trong tay hắn, giới thiệu - Đây là cô Wallace. Bá tước Matigny.

Bá tước chỉ tay về Tracy giới thiệu lại:

- Quận chúa, tôi xin giới thiệu cô Wallace và ông Jeffrey Stevens. Còn đây là Quận chúa Larosa.

Jeff nhướng mắt:

- Xin lỗi bà tên gì, tôi nghe không rõ?

Tracy nhấn mạnh từng chữ:

- De Larosa.

Jeff quan sát kỹ Tracy và lăm bắm trong miệng: "De Larosa... De Larosa... cái tên nghe quen quen" rồi nói lớn:

- A, tôi có quen với chồng bà. Ông ấy có mặt ở đây không?

Tracy nghe hai hàm răng mình nghiến mạnh:

- Không, ông ấy đang ở Ba Tây.

Jeff mỉm cười:

- Tiếc quá! Tụi tôi lúc trước thường đi săn chung với nhau trước khi ông ấy bị nạn.

Bá tước Matigny tò mò:

- Tai nạn gì?

Giọng của Jeff trở nên châm biếm:

- Dạ, ông ta lỡ tay làm cây súng trật qua một bên, bắn trúng bộ phận nhạy cảm nhất trên người ông. Thiệt

là một sự ngu xuẩn đáng tiếc! Thưa bà Quận chúa, có hy vọng nào chữa khỏi để ông ấy trở lại bình thường như trước không?

Tracy nói, giọng đều đều:

- Tôi chắc chắn là ông ấy sẽ khỏi và bình thường giống như ông vậy, ông Stevens.

- Tốt quá! Bà Quận chúa cho tôi gửi lời chào ông ấy nhé.

Tiếng nhạc chấm dứt. Bá tước

Matigny xin lỗi Tracy:

- Xin lỗi tôi còn những việc phải làm trong buổi tiếp tân này, nhưng cô đừng quên là ngồi chung bàn với tôi đó nhé.

Lúc Bá tước Matigny vừa quay lưng, Jeff cũng quay qua bảo cô bạn:

- Cưng ơi, cưng cất thuốc nhức đầu ở xách tay của cưng phải không? Cưng có thể đi lấy cho anh một viên không? Tự đừng anh thấy nhức đầu quá.

Cô gái nhìn hẩn, vẻ triu mến:

- Tội nghiệp cưng quá! Để em đi lấy ngay.

Tracy nhìn cô ta vội vã đi bằng ngang sàn nhảy, mĩa mai:

- Ông không sợ cô ấy đưa cho ông thuốc độc hay sao?

-Ồ cô ấy hiền lắm. Còn Quận chúa lúc này có khoẻ không?

Tracy mỉm cười với những người xung quanh hơn là với hẩn:

- Khoẻ hay không đâu có gì liên can đến ông?

- Có chứ! Tôi lo cho cô nên muốn cho cô một lời khuyên với tính cách bạn bè: Đừng tìm cách trộm ở lâu đài này.

- Tại sao? Bộ ông định ra tay trước hả?

Jeff nắm cánh tay Tracy, dẫn nàng về góc vắng của khách sảnh, gần chiếc dương cầm mà một nhạc sĩ trẻ đang trở hết tài nghệ.

Tracy chỉ nghe được loáng thoáng qua tiếng đàn:

- Sự thật là tôi cũng định làm vài chuyện nhỏ nhưng thấy nguy hiểm quá.

Tracy bắt đầu thấy hứng thú:

- Thật vậy sao?

Jeff trở nên nghiêm trang:

- Nghe tôi đi Tracy. Đừng ra tay lần này. Thứ nhất, cô không thể nào còn sống mà đứng trên mặt đất này đâu. Có một con chó giữ nhà rất dữ tợn được thả ra ban đêm.

Tracy nghĩ thầm, té ra hẩn cũng tính ăn trộm nhà này.

- Tất cả cửa sổ và cửa chính đều có gắn dây điện. Hệ thống báo động được truyền thẳng đến ty cảnh sát. Ngay lúc vừa đột nhập, cô cũng

mùa xuân

Và mùa xuân,

như nhịp thở đất trời

Chiếc áo gấm hoa khoác lên mùa lá rữa

Dù mỗi nụ cười là niềm vui một nửa

giọt nước mắt nào cũng biển mặn như nhau.

Hạnh phúc em ơi, là trần trở niềm đau

Cắt máu thịt da, mẹ làm nên sự sống

Góp nhặt tháng năm theo nhịp đời biến động

Mẹ dạy con từng sự thật của đời

màu trắng tinh khôi và màu đỏ máu người...

để nơi này em lớn khôn, giòng tóc

vẫn đen màu óng ả đất quê hương.

Vẫn hạt cơm thơm từng hạt cơm ngon

em nào biết màu vàng bông lúa

Cả khoảng trời xanh ngoài kia khugn cửa

em hững hờ chẳng chút quan tâm.

Là nỗi ước mơ hàng triệu trái tim

những cánh chim trong chiếc lồng tuyệt vọng

tiếng hát vẫn ngợi ca bầu trời lồng lộng

vỗ cánh tự do tha thiết một đời

như mỗi ngày lên là ánh mặt trời

giòng sông nào đã hai lần ghé bến?

Và mỗi năm em thổi tắt thêm ngọn nến

là sáng ngời thêm tuổi nữa yêu thương.

Là đón chào thêm lần nữa mùa xuân

có vạt nắng chiều ngừng lại băng khuâng

trước đêm tối bên này là giao ngày bên kia trái đất.

Sự thật nơi nào cũng là sự thật

Cánh bướm hút nhụy hoa nhưng không làm ra mật

Con ong châm chích thịt da người

lại tiết mật ngọt trên những cành khô.

Ở giữa mùa xuân xin còn đó ước mơ

ánh mắt trẻ thơ bên trong vòng gại sắt

người tù nhân trong bóng đêm dày đặc

những trại giam nhân đạo trá hình

Trên cành mai, hoa nở vẫn vô tình...

nguyên vĩnh long



không biết đường nào mà tránh vì hệ thống báo động đặt ngầm dưới, đất chạy ngang dọc bằng những hột nhỏ.

- Tôi biết điều đó. Giọng của Tracy bắt đầu lung lay.

- Cô nhớ kỹ là mấy hột này khi bị dẫm lên nó không báo động gì cả. Nó chỉ ré lên khi cô bước ra khỏi chỗ đó bởi vì nhiệt độ thay đổi. Không có cách nào để vào tắt hệ thống báo động này được.

Điều này thì nàng có biết, nhưng tại sao thằng cha này cũng biết vậy cả?

- Ông nói cho tôi nghe với ý gì? Hấn cười thật quyến rũ:

- Bởi vì tôi không muốn cô bị bắt, Quận chúa ạ! Tôi thích thấy cô luẩn quẩn đâu đó. Cô có biết không, Tracy, mình có thể trở thành bạn tốt với nhau mà.

- Ông làm rồi!

Vừa lúc đó cô bồ của Jeff trở lại với viên thuốc trên tay. Tracy cười:

- Người đẹp của ông đến rồi đó. Chúc ông vui.

Lúc Tracy bước đi, nàng còn nghe cô bồ của Jeff âu yếm:

- Em mang cho anh ly sâm banh để anh uống thuốc nè. Tội nghiệp cưng của em.

Bữa ăn thật là tuyệt. Mỗi món được dọn với một loại rượu khác nhau. Nhân viên phục vụ thật lễ độ và toàn hảo. Đàn ông được tặng điệu xì-gà, đàn bà được tặng chai nước hoa nhỏ hiệu Joy đựng trong chai Baccarat làm kỷ niệm.

Sau khi ăn xong, Bá tước Matigny quay sang Tracy:

- Cô nghĩ ý muốn đi xem các họa phẩm. Cô muốn xem bây giờ chưa?

- Dạ, rất hân hạnh.

Phòng trưng bày tranh giống như một viện bảo tàng mỹ thuật nhỏ với đầy những kiệt tác của Ý, của Picasso, của Van Goh và mấy bức của Renoir.

Tracy đứng ngắm từng bức tranh, gật gù ra vẻ biết thưởng thức. Nàng hỏi:

- Chắc Bá tước phải cho canh gác cẩn thận lắm?

Bá tước Matigny mỉm cười:

- Ba lần trộm đã viếng đây nhưng

đều thất bại. Một đứa bị chó cắn chết, một đứa bị té từ trên cao xuống và tàn tật luôn, còn đứa thứ ba đang ở tù rục xương. Lâu đài này kiên cố lắm, kẻ gian không thể ra tay dễ dàng được!

- Thật yên tâm khi biết vậy.

Bên ngoài, ánh sáng nhiều màu chiếu loang loáng.

- Đến giờ đốt pháo bông rồi! Xin mời Quận chúa.

Bá tước vừa nói vừa nắm tay Tracy dẫn ra ngoài. Ông ta nhìn nàng:

- Sáng mai tôi sẽ đi Deauville, ở đó tôi có một căn nhà nghỉ mát cạnh bờ biển. Cuối tuần tới có một ít bạn bè đến chơi, không biết Quận chúa có rảnh không?

- Ồ, tiếc quá! Chồng tôi đang mong tôi trở về phụ ông ấy coi sóc công việc, tôi phải về gấp!

Pháo bông được đốt cả tiếng đồng hồ. Tracy lợi dụng dịp này đi quan sát chung quanh lâu đài. Thằng cha Jeff nói thật: ăn trộm ở đây thật chua chó không giỡn, nhưng đồng thời nàng cũng thấy bị kích thích mạnh trong sự thử thách này. Tracy biết rõ kết sát trên lầu trong phòng ngủ Bá tước, có số nữ trang trị giá khoảng 2 triệu mỹ kim, chưa kể đến cả nửa tá danh họa, một bức của Leonardo da Vinci. Ông Gunther đã bảo: "Lâu đài đó chứa cả một kho tàng nên việc canh gác rất cẩn thận. Đừng hành động gì cả nếu cô chưa hoạch định được một kế hoạch thật chu đáo".

Buổi tối hôm sau trời lạnh và mây mù. Tracy đứng nép trong bóng tối nhìn những bức tường đen thẫm bao quanh lâu đài, bất giác nhớ đến những bức tường nhà tù Southern Louisiana mà rừng mình. Bên trong bức tường, con chó giống Doberman gầm gừ dữ tợn, chực chờ phóng lên vồ kẻ gian với hai hàm răng nhọn hoắt, sẵn sàng xé thây kẻ thù.

Tracy mặc bộ đồ đen, lưng đeo túi sắc, hai tay đeo gang da, đến bằng một chiếc xe *van* đậu khuất trong bóng tối. Nàng gọi nhỏ nhỏ:

- Bắt đầu!

Một người đàn ông trung niên ốm yếu cũng mặc toàn đồ đen bước ra

khỏi xe, tay ôm con chó cái cùng giống Doberman. Bây giờ là tháng bảy, mùa chó rượn đực. Tiếng gầm gừ bên trong bức tường rào bỗng đổi ra tiếng rít lên vui mừng.

Tracy phụ người đàn ông đỡ con chó đứng trên mui xe cao gần bằng bức tường rào, nói nhỏ nhỏ:

- Một, hai, ba!

Cả hai tổng con chó qua bên kia bức tường. Có tiếng sủa nhỏ nhỏ, tiếp theo là tiếng rít của giống đực, giống cái đuổi nhau về phía sau nhà. Kế đó hoàn toàn im lặng.

Tracy quay qua tên đồng lõa:

- Chúng ta đi.

Người đàn ông - Jean Louis - gật đầu. Tracy kiếm được gã ở Antibes. Gã là một tay trộm chuyên nghiệp và ngồi tù hầu như suốt cả đời. Không thông minh nhưng Jean rất giỏi về mở khoá và tắt máy báo động. Tracy chuyển từ nóc xe *van* qua đầu bức tường. Nàng cột một đầu thừng vào bức tường và cả hai từ từ leo xuống bãi cỏ bên trong. Lâu đài toàn một màu đen, trông khác hẳn với đêm dạ vũ đèn đuốc sáng choang và khách khứa cười nói đông đúc.

Jean Louis lò dò theo sau Tracy, mắt láo liên dòm chừng con chó Doberman. Toàn lâu đài được bao phủ bằng loại dây leo mọc cả trăm năm lan từ nóc xuống. Đêm hôm trước, trong buổi dạ vũ, Tracy đã nắm thử loại dây này xem sức chịu đựng của nó như thế nào. Bây giờ nàng nắm dây leo lên dễ dàng. Không thấy lũ chó đâu cả. Nàng vãi trời cho tụi nó bận làm tình lâu lâu một chút.

Leo lên tới nóc lâu đài, Tracy ra hiệu cho Jean leo lên. Từ ánh sáng ngọn đèn pin, Tracy thấy bên dưới là một mái kính kín mít. Trong lúc Tracy đứng cạnh, Jean lấy đồ nghề ra và chỉ một phút sau hắn đã cắt xong một miếng kính lớn thật nhẹ nhàng. Ló đầu nhìn xuống, thấy mạng lưới báo động chằng chịt như mạng nhện, Tracy thì thào:

- Liệu anh có làm được không?

- Không có vấn đề gì.

Gã rút trong túi xách một sợi dây kẽm dài, hai đầu cong như móng cá

sấu, mò mẫm tìm đầu mối của hệ thống báo động. Gã cầm kìm, cẩn thận cắt dây điện. Tracy hồi hộp muốn đứng tim, chỉ sợ tiếng chuông báo động ré lên nhưng tất cả đều im lặng.

- *Voilà, fini!*

- Lành, chưa xong đâu. Mới chỉ là bước đầu thôi!

Cả hai thò dây leo từ nóc xuống, đến lầu hai của lầu đài an toàn. Tracy lấy ra hai cặp kính màu đỏ như kính của thợ lặn, đưa cho Jean Louis một:

- Đeo vào!

Nàng đã hoá giải được sự canh gác của con chó Doberman nhưng phải làm gì đây để vô hiệu hoá hệ thống báo động trong tầng này? Jeff nói đúng: Trong nhà giảng chẳng chịt những con bọ vô hình của hệ thống báo động. Tracy hít một hơi dài để lấy can đảm. Trí óc nàng tập trung vào câu nói: "Khi một người đạp trên con bọ thì không có chuyện gì xảy ra, nhưng ngay lúc nhấc chân ra thì hệ thống kiểm soát sự khác biệt nhiệt độ sẽ làm cho hệ thống báo động kêu lên tức khắc. Máy được điều chỉnh báo động trước khi tủ sắt bị mở nên chẳng thể nào làm được gì trước khi cảnh sát tới".

Tracy suy nghĩ, lợi dụng nhược điểm của hệ thống báo động, nàng phải làm sao giữ cho máy đừng có ré lên sau khi nàng mở tủ sắt.

Khi đeo kính đỏ vào, Tracy thấy trước cửa vào căn lầu có một điểm sáng nhỏ mà nếu không có kính nàng sẽ không thể thấy được. Tracy bảo Jean:

- Cẩn thận! Bò dưới điểm đỏ này.

Cả hai bò dưới những đốm sáng và thấy mình đang trên hành lang dẫn đến phòng ngủ của Bá tước Matigny. Tracy đi trước. Qua cặp kính, nàng thấy một con bọ sáng đặt thấp trước cửa phòng. Tracy nhún mình nhảy qua, Jean làm theo. Nàng rọi đèn khắp phòng, thấy mấy bức tranh nằm im lìm trong bóng đêm. Tracy gõ bức Leonardo xuống, cẩn thận mở khung ra và cuộn bức tranh lại bỏ vào túi đeo sau lưng. Bây giờ chỉ còn việc đột

nhập tủ sắt đặt ở cuối phòng.

Tracy vén màn lên. Có bốn điểm sáng đi từ trần xuống dưới sàn. Không thể nào tiến đến gần tủ sắt mà không đụng một trong những con bọ điện tử này.

Jean Louis nhìn trừng trừng những điểm sáng, vẻ sợ hãi:

- Chúa ơi, tội mình không thể nào bước qua nổi đâu! Quá thấp để mình bò qua và quá cao để mình nhảy!

- Anh làm theo lời tôi. - Nàng bước ra đứng sau lưng Jean và để hai tay lên eo hắn - Bây giờ bước theo tôi. Chân trái, bước.

Cả hai cùng bước đến một con bọ, rồi con kế tiếp. Jean Louis thở hổn hển:

- Chúng ta đang ở giữa hệ thống báo động.

- Đúng.

Cả hai bước đến chính giữa hệ thống những điểm sáng thì Tracy dừng lại. Nàng nói:

- Bây giờ nghe cho kỹ đây: Tôi muốn anh đi đến kết sắt...

- Nhưng mấy con bọ...

- Đừng lo, không có gì đâu!

Tracy hy vọng nàng nói đúng. Ngần ngại một chút nhưng Jean cũng bước. Tất cả vẫn im lặng. Hắn quay lại nhìn Tracy với ánh mắt sợ hãi. Nàng đang đứng giữa mấy con bọ. Nhiệt độ trong thân thể nàng giữ cho hệ thống tầm nhiệt không báo động. Jean vội vã bước đến tủ sắt. Tracy đứng yên không dám cử động, thở thật nhẹ. Thời gian như ngừng lại. Jean mò mẫm mở khoá lâu như một thế kỷ. Chân mặt của Tracy bắt đầu tê nhúc nhúc như muốn co thắt lại. Tracy cắn răng cố chịu đau, không dám nhúc nhích. Nàng hỏi nhỏ:

- Chờ bao lâu?

- Mười, mười lăm phút.

Bây giờ tới lượt những bắp thịt của chân trái. Tracy muốn hét lên vì đau. Một tiếng "click". Tủ sắt đã mở.

- Thật tuyệt! Cô muốn lấy tất cả?

- Đừng lấy giấy tờ, chỉ nữ trang thôi. Còn tiền bạc trong đó là phần của anh.

- Cảm ơn.

Tracy nghe tiếng Jean lục lạo. Chỉ

một phút sau hắn đã trở lại bên nàng.

- Bây giờ bằng cách nào để ra khỏi đây mà không làm mấy con bọ báo động?

- Không thể.

- Hả?

- Đứng phía trước tôi.

- Nhưng...

- Cứ làm theo lời tôi!

Sợ hãi tột độ nhưng Jean Louis cũng bước vào hệ thống mấy con bọ. Tracy nín thở. Vẫn không có chuyện gì xảy ra.

- Tốt! Bây giờ phải từ từ, tội mình đi thụt lùi ra khỏi phòng.

Đôi mắt của Jean Louis tròn xoe sau cặp kính:

- Kế đó thì sao?

- Anh bạn ơi, kế đó thì chỉ có giò chạy thôi!

Từng bước một, cả hai thụt lùi đến tám mét cửa nơi có mấy con bọ điện tử giăng mắc. Khi đến nơi, Tracy thò một hơi dài:

- Được rồi. Khi tôi nói "bắt đầu" thì chúng ta đi ra giống như cách hồi nãy chúng ta đã vô.

Jean Louis nuốt nước miếng và gật đầu. Tracy thấy thân hình ốm yếu của gã run lên bần bật.

- Bắt đầu!

Tracy lao ra ngoài cửa sổ, Jean Louis bám sát. Vừa lúc cả hai bước qua khỏi mấy con bọ điện tử, tiếng chuông báo động ré lên. Âm thanh chói vang lên lạnh lạnh trong màn đêm.

Tracy chạy vội qua tầng lầu dùng thang dây leo lên. Họ chạy băng qua mái ngói rồi ôm dây tuột xuống. Một phút sau cả hai đã dựng nóc chiếc xe van. Tracy chui vội vào tay lái, Jean Louis ngồi bên cạnh.

Trong lúc chiếc xe xả hết tốc lực chạy ra, Tracy thấy một chiếc xe du lịch đậu trong bóng tối. Trong một thoáng, ánh đèn pha của chiếc xe van rọi vào, chiếu rõ khuôn mặt Jeff Stevens ngồi sau tay lái, bên cạnh hắn là con chó Doberman. Tracy bật cười lớn và gửi cho hắn một cái hôn gió trong lúc xe chạy qua.

Đằng xa, tiếng còi xe cảnh sát rú lên từng hồi... (còn tiếp)

hoa trôi trên sóng nước

Nguyên tác:
Journey in Search of the Way
(Satomi Myodo)

NGUYỄN PHONG
dịch



(tiếp theo)

Đó là một ngôi chùa cổ nằm ở ngoại ô thành phố, mái phủ đầy rong rêu, trước cổng có treo một tấm bảng gỗ nét chữ đã phai mờ, phải nhìn kỹ mới thấy được chữ “Zuryuji”. Thiền đường trần thiết giản dị với một tượng Phật bằng gỗ, nét khắc đơn sơ mộc mạc, trên vách có một bức tranh lớn vẽ tổ Bồ Đề Đạt Ma đang quảy chiếc dép đi về phương tây. Quanh vách là những bức gỗ được đóng cao lên để thiền sinh tọa thiền. Chúng tôi được vị tri khách tăng chỉ dẫn cẩn thận về cách thức đi đứng, sinh hoạt trong tuần lễ nhiếp tâm:

- Quý vị nên biết, đây là một cơ hội hiếm có mà trong đó quý vị sẽ cố gắng để đạt đến giác ngộ (Satori). Thời gian sắp đến rất quan trọng và đòi hỏi một nỗ lực phi thường, do đó tôi yêu cầu quý vị hãy nghỉ ngơi sớm để sáng mai khi khoá nhiếp tâm bắt đầu, quý vị sẽ có đủ sức theo đuổi. Nếu quý vị không cố gắng trong khoá tu này thì quý vị còn chờ đến bao giờ? Trong tuần lễ này, tất cả mọi người phải tuyệt đối giữ im lặng, không được nói chuyện hay gây tiếng động, làm phiền người khác. Thời khoá tu tập đã được ấn định, giờ giấc ăn ngủ, nghỉ

ngơi đều có ghi rõ trong lịch trình tu học và sẽ có chuông báo, quý vị phải tuyệt đối tuân lệnh những vị tăng phụ trách...

Khoá Nhiếp Tâm (Zazen Sassin) bắt đầu từ sáng sớm với một nghi thức phổ thông trước khi chuyển qua phần thính tham (Sosan). Thiền sư Joten, người hướng dẫn khoá tu, là một vị tăng có nét mặt oai nghi và nghiêm khắc. Ông im lặng chờ mọi người an tọa rồi mới đưa mắt nhìn quanh thiền đường như để nhận diện từng người một trước khi lên tiếng:

- Trong khoá tu này quý vị phải cố gắng tìm hiểu về thiền. Có lẽ quý vị đã từng nghe, từng đọc, từng đàm luận về thiền rồi nhưng cái thứ thiền trên sách vở, trên đầu môi chót lưỡi đó chẳng có ích lợi gì cho quý vị cả. Càng nói nhiều về thiền, quý vị càng đi xa thiền. Càng đọc nhiều về thiền, quý vị càng dễ đắm đuối. Càng nghe nhiều về thiền, quý vị càng thêm nhúc nhúc nếu quý vị không thực sự tự mình cố gắng tìm hiểu xem thiền là gì. Người ta không thể hiểu Phật pháp qua kiến văn quảng bác hay các lý luận cao siêu được. Nếu luận lý có thể giải thích được thì đó chỉ là một mớ kiến thức chứ chẳng phải Phật pháp. Nếu quý vị không nhất quyết một lòng

tu tập thì chẳng bao giờ quý vị có thể giải thoát được.

Ông im lặng một lúc như để lời nói ăn sâu vào tâm thức mọi người rồi mới tiếp tục:

- Trong tuần lễ Nhiếp Tâm này, chúng ta sẽ bắt đầu bằng công án “Vô” của Triệu Châu như sau: Một tăng sĩ đến gặp Triệu Châu và hỏi: “Thưa thầy, con chó có Phật tánh không?” Triệu Châu trả lời: “Vô”. Bây giờ quý vị hãy chuyên tâm vào chữ “Vô” này và tìm hiểu xem ý nghĩa của nó như thế nào. Dĩ nhiên nghĩa đen của nó là “không” nhưng thực ra lời giải đáp của Triệu Châu không nằm ở chỗ đó. Quý vị phải cố gắng tham cứu công án để tìm ra cái cốt tủy của chữ “Vô” này. Quý vị sẽ thấy rằng mọi lý luận, phân tích bằng lý trí đều vô hiệu vì ý nghĩa đích thực của nó không thể tìm kiếm được bằng lý trí. Quý vị hãy xếp bằng, thở hít thật đều đặn và thâm đọc chữ “Vô” ở trong tâm. Hãy cố gắng tập trung mọi năng lực trong người vào chữ “Vô” này, đừng nghĩ đến ý nghĩa của nó, đừng tìm hiểu bằng lý luận, hãy tập trung nỗ lực để trở thành một với nó đã. Chỉ khi nào hoà nhập được với “Vô” rồi thì quý vị mới bắt đầu tự hỏi “Vô là gì hay nó có thể là cái gì?” và sau đó tập trung mọi năng lực trong người vào câu hỏi đó cho đến khi nó bùng vỡ ra và từ đó mọi sự sẽ tự nó giải quyết. Khi đó quý vị sẽ vào độc tham với tôi để chứng minh một cách đích thực rằng quý vị đã hiểu “Vô” là gì. Trong khi tu tập, điều quan trọng nhất là quý vị phải giữ công án này trong tâm, ngày cũng như đêm, sáng cũng như tối; đi, đứng, nằm, ngồi đều phải chú tâm nơi công án, không được nghĩ bất cứ một điều gì khác. Phải sử dụng tất cả mọi năng lực trong người để giữ nó trong tâm, tuyệt đối không được xao lãng vì một phút ngáp ngừng là hỏng hết công phu rồi. Chỉ một giây lơ đãng quý vị có thể đi xa cả ngàn dặm, do đó trong việc tham công án, quý vị phải hết sức đề cao cảnh giác. Phải biết gạt bỏ mọi vọng niệm mà chỉ chuyên nhất vào chữ “Vô” mà thôi.

Một tiếng chuông vang lên báo hiệu phần thính tham đã chấm dứt. Các thí sinh xếp bằng quay mặt vào vách và bắt đầu việc tham công án. Vì đã từng tọa thiền từ trước nên tôi cảm thấy thoải mái ngay với cách ngồi này nhưng không phải ai cũng như vậy. Nhiều người không quen cứ phải thay đổi cách ngồi, co chân duỗi tay, gây trở ngại không ít cho việc tập trung của người khác. Sau khi hơi thở đã điều hoà, tôi bắt đầu tập trung tư tưởng vào công án. Vì đây là lần đầu tham công án nên trí óc của tôi chưa thuần thục, nó cứ xoay chuyển tìm đủ mọi cách để giải công án này qua sự suy luận quen thuộc của nó nhưng vì đã được cảnh cáo trước nên tôi cố gắng loại bỏ những tư tưởng xáo trộn này. Thoạt nghe tưởng dễ nhưng thật ra đây là việc không dễ chút nào, tôi cứ phải phấn đấu để loại bỏ những lý luận này mãi nên chỉ một lúc sau mồ hôi của tôi đã toát ra như tắm. Bình thường tôi có thể ngồi thiền khá lâu, nhưng lần này chỉ khoảng gần một nén nhang tôi đã cảm thấy mệt mỏi vô cùng. Tôi cố gắng tập trung định lực vào chữ “Vô” nhưng không hiểu sao đầu óc của tôi cứ muốn nổ tung lên. Mọi ngày khả năng tập trung của tôi rất mạnh, nhưng lần này nó không theo mệnh lệnh của tôi nữa. Hơi thở của tôi tự nhiên tán loạn, đầu óc của tôi trở nên mơ hồ. Đúng vào lúc tôi cảm thấy gần như không kiểm soát nổi thì có tiếng gió rít ngang tai và chiếc Tinh Thức Côn bằng gỗ đã đập mạnh vào lưng tôi. Tiếng vị tăng kiểm soát (Godo) vang lên:

- Hãy cố gắng tập trung, đừng tách rời công án dù chỉ một thoáng giây.

Lạ lùng thay, cái đánh bằng Tinh

Thức Côn có một mãnh lực kỳ lạ làm tôi như thoát khỏi cơn mê. Tôi vội ngồi thẳng người lên, hít một hơi dài để lấy sức rồi tiếp tục tập trung tư tưởng vào chữ “Vô”. Về sau này tôi nghe nhiều người phàn nàn về việc bị đánh bằng chiếc gậy này khi họ ngủ gật hay xao lãng tâm thân, có người đã tỏ ra bất mãn khi bị đánh như vậy. Theo tôi thì đây là một phương pháp rất hay nhằm mục đích làm thức tỉnh những năng lực đang bị tán loạn hoặc hôn trầm khiến người tu tích cực trong việc tu tập hơn. Một số nhà phê bình người Âu cho việc đánh bằng Tinh Thức Côn là dã man, hung bạo, không hợp với tinh thần từ bi của Phật giáo, nhưng thật ra điều này không đúng. Tinh Thức Côn chỉ là một cây gỗ dài khoảng một thước, một đầu dẹp trông như chiếc mái chèo, được chế tạo bằng gỗ mềm nên dù có đánh mạnh cũng không thể gây thương tích cho ai được. Nên nhớ mục đích của cây gậy này không phải để trừng phạt mà chỉ để thức tỉnh người đang buồn ngủ, khuyến khích kẻ đang mệt mỏi, và cảnh tỉnh một người đang sắp sửa xao lãng thân tâm. Vị tăng sử dụng Tinh Thức Côn thường là một người nhiều kinh nghiệm, được huấn luyện cẩn thận để làm việc này và ông rất ý thức mỗi khi vung gậy lên đánh chứ không hung hăng gây bạo hành như nhiều người thường nghĩ. Thông thường người bị đánh chấp tay gối lên để tỏ lòng biết ơn và vị tăng đi kiểm soát cũng cúi đầu đáp lễ trong tinh thần tương thân tương kính.

Một tiếng chuông vang lên báo hiệu buổi thiền tập đầu tiên đã chấm dứt, tôi nghe có nhiều tiếng thở phào nhẹ nhõm. Theo sự hướng dẫn của vị

tăng, mỗi người thông thả xoa nắn chân tay cho đỡ mỏi một lúc rồi sắp hàng để đi kinh hành (Kihin) quanh thiền đường. Sau buổi kinh hành, chúng tôi được nghỉ ngơi khoảng nửa giờ trước khi vào thiền đường tiếp tục tham cứu công án. Vì là tuần lễ Nhịếp Tâm nên mỗi ngày có tất cả bảy buổi thiền tập như vậy từ sáng đến khuya, trong khi các khoá thiền tập khác thường chỉ có khoảng ba hay bốn buổi thiền tập là nhiều. Ngoài các thời khoá công phu, mọi người được nghỉ ngơi, ăn uống hay tắm rửa nhưng họ được căn dặn phải giữ tuyệt đối yên lặng và chú tâm vào công án. Trong ngày đầu, đa số chưa quen nên ai nấy đều mệt lả nhưng bước sang ngày thứ hai, tôi thấy nhiều người đã cố gắng tu tập một cách kiên trì và đến ngày thứ ba thì thiền sinh đã chia làm hai nhóm rõ rệt, một nhóm chăm chỉ gắng sức tham công án bất kể mệt mỏi và một nhóm chỉ cố gắng làm sao để có thể theo kịp các thời khoá mà thôi. Về phần tôi tuy không gặp khó khăn trong tư thế ngồi nhưng lại gặp trở ngại trong việc tham công án, hàng trăm ý tưởng kỳ lạ cứ nảy sinh trong đầu óc khiến nhiều lúc tôi cảm thấy mệt mỏi, chỉ muốn bỏ cuộc. Đây là một sự lạ vì tôi là một người đã có khả năng tập trung khá cao nhưng có lẽ chưa quen với lối tọa thiền tham công án này. Việc đưa ra một đề tài đã kích thích khả năng lý luận của tôi, khiến đầu óc tôi cứ khổ công phấn đấu để loại bỏ các tạp niệm này. Sự tranh chấp giữa các ý niệm lăng xăng khiến tôi cảm thấy vô cùng mệt mỏi, nhưng lần nào cũng thế, mỗi khi sắp sửa xao lãng thì vị tăng cầm tinh thức côn đã bước đến đập nhẹ vào vai tôi:

- Bà phải cố gắng chiến đấu mãnh liệt thêm nữa.

Tôi thầm nghĩ tại sao tọa thiền lại là một sự chiến đấu? Người ta há chẳng nói thiền là ngồi yên tĩnh hay sao? Tôi đã từng ngồi yên tĩnh lặng được kia mà, tại sao trong lối tu này lại phải chiến đấu như thế? Đang mải mê suy nghĩ thì vị tăng bước lại ghé sát vào tai tôi nói lớn:

- Đừng mất thì giờ thắc mắc lẩn

khai bút

Chúc em môi thắm xuân hồng
Con tim độ lượng ru vòng tay quanh
Chúc em con mắt trong lành
Con mơ, con mộng, con dành riêng nhau.

nguyễn khánh hoà



gì, hãy tập trung vào “Vô” thôi. Đó là điều duy nhất cần làm lúc này, chỉ vậy thôi.

Cứ thế mỗi ngày chúng tôi tiếp tục tham công án như vậy nên đầu óc của tôi mỗi lúc một căng thẳng, hơi thở của tôi không còn nhẹ nhàng thoải mái mà trở nên hỗn hển gấp rút khác thường. Tuy nhiên tôi không phải là người duy nhất vì hầu như ai nấy đều gặp khó khăn tương tự. Khắp thiền đường đầy những hơi thở dồn dập nặng nề, thỉnh thoảng lại có người kêu lớn “Vô”, “Vô” như mê sảng. Vị tăng cảm tỉnh thức còn càng ngày càng mệt nhọc hơn trước, ông đi hết chỗ này đến chỗ khác để nhắc nhở và tùy hoàn cảnh mà ông nhắc mỗi người một cách khác nhau. Có khi ông nói nhẹ nhàng nhưng cũng có khi ông quát lớn và đến những ngày cuối thì gần như ai nấy đều mệt lả, không thể kiểm soát được nữa. Thiền đường trở nên một “bãi chiến trường” với những tiếng kêu gần như tuyệt vọng: “Vô”, “Vô”... Ai nấy đều cố gắng giữ tư thế để tránh khỏi gục xuống sàn vì kiệt sức. Tôi cố gắng tập trung tư tưởng nhưng không thể bám víu vào chữ “Vô” được vì hầu như giữa nó và tôi vẫn còn một khoảng cách kỳ lạ nào đó. Tôi nắm chặt hai tay lại, vận dụng tất cả sức bình sinh để giữ công án trong tâm nhưng càng cố gắng bao nhiêu nó càng tuột ra bấy nhiêu. Mồ hôi toát ra như tắm, tôi nghiêng chặt răng lại nhưng năng lực trong người tôi dường như biến đâu mất hết. Tôi cảm thấy như đang rơi vào một trạng thái kỳ lạ, không còn kiểm soát được mình nữa.

Một tiếng chuông vang lên báo hiệu buổi tập thiền đã chấm dứt, mọi người vội vã xoa bóp chân tay và chuẩn bị cho phần đọc tham (Dokusan). Vì là lần đầu, còn bỡ ngỡ, tôi không biết phải làm gì hay thu xếp để trình bày sự hiểu biết của mình như thế nào. Chúng tôi đi dọc theo hành lang ra hậu liêu rồi chấp tay chờ đến lượt vào đọc tham với thiền sư Joten. Tôi chẳng biết mình đã chờ đợi bao lâu vì lúc đó đầu óc tôi hết sức mệt mỏi vì tập trung quá độ, thân thể

kiệt quệ thiếu điều không đứng nổi nữa. Vị tăng phụ trách ra hiệu cho tôi bước vào một căn phòng nhỏ ở cuối dãy. Dưới ánh nến leo lét, tôi thấy thiền sư Joten đang ngồi yên lặng chờ đợi. Lúc đó tôi không biết phải làm gì hay tuân theo một nghi thức nào. Bao nhiêu điều được dặn dò trước khi vào đọc tham tôi đều quên hết nhưng dường như có một động năng nào đó thúc giục, tôi thu hết can đảm bước thẳng đến chỗ thiền sư Joten ngồi và nói lớn:

- Bạch thầy, tâm chính là đạo.

Vừa thốt xong câu đó tôi bỗng giật mình không hiểu tại sao mình lại nói như vậy. Đó không phải là một câu nói ngẫu nhiên, nhưng là điều mà tôi đã cảm nhận được khi thực hành những nghi thức tẩy uế bằng nước lạnh (Misogi) ở Hokkaido. Tôi nghĩ rằng đó là một kinh nghiệm về sự giác ngộ (Satori) qua công phu tu tập nhiều năm mà tôi vẫn áp ủ trong đáy lòng nhưng chưa có dịp bày tỏ. Không hiểu sao trong giây phút bất ngờ, tôi lại thốt ra như vậy. Vừa nghe tôi nói thế, thiền sư Joten đã nghiêm nghị trả lời ngay:

- Đó là một lý thuyết sai lầm!

Câu nói lạnh lùng làm tôi chứng hửng như vừa bị dội một gáo nước lạnh lên người. Có thể như vậy sao? Tôi toan cãi rằng đó không phải là một lý thuyết nhưng là sự cảm nhận, trực ngộ qua công phu tu tập từ trước của tôi nhưng trước ánh mắt nghiêm trang của thiền sư Joten, không hiểu sao tôi lại giữ thái độ im lặng. Thiền sư Joten chăm chú nhìn tôi như chờ đợi phản ứng nhưng không thấy tôi nói gì, ông khoát tay ra hiệu cho tôi lui ra. Tôi đã thất bại trong việc trình bày kiến giải của mình về công án “Vô”. Tôi bước trở về thiền đường trong một tâm trạng chán nản và tuyệt vọng cùng cực. Tôi không biết phải làm gì hay thế nào nữa đây. Công phu tu tập và sự cảm nhận vẫn áp ủ trong lòng từ trước đến nay bỗng dưng bị gạt bỏ một cách phũ phàng không thương tiếc. Tại sao thiền sư Joten không an ủi hay ban cho tôi một câu nói khích lệ hơn? Phải chăng

thiền sư Joten, giống vị lão sư của Thần Đạo chỉ là những người ích kỷ, lạnh lùng đầy những mưu toan, tính toán? Tôi cảm thấy mệt mỏi rã rời, mọi sinh lực trong người gần như mất hết. Tôi cố gắng không lộ vẻ xúc động, bước về chỗ ngồi của mình và giữ im lặng nhưng không hiểu sao công án “Vô” lại tiếp tục ám ảnh đầu óc tôi. Hình như có một cái gì đang phát triển trong tôi, một cảm giác rất vi tế mà tôi không thể hiểu. Tuần lễ nhiếp tâm chấm dứt với một khoá lễ phổ thông. Sau khoá lễ, thiền sư Joten kết thúc bằng một buổi nói chuyện ngắn:

- Trong tuần lễ nhiếp tâm này, một số lớn quý vị chưa nắm vững được ý nghĩa của công án “Vô”. Có lẽ quý vị chưa cố gắng hết sức, chưa một lòng một dạ để sống chết với công án này. Một vài người trong quý vị đã tỏ ra hài lòng với kinh nghiệm nhỏ nhặt đạt được trong lúc tu tập nhưng đó chỉ là những chướng ngại mà thôi. Tu thiền phải biết đi đến chung cuộc, phải đạt chứng ngộ mới được chứ không thể có việc đi nửa chừng. Một là quý vị ngộ, hai là không ngộ chứ không thể lưng chừng ở giữa được. Do đó quý vị phải biết chuyên tâm vào công án, dù các vọng niệm nổi lên cứ mặc nó mà chỉ chú tâm vào công án thôi. Một số quý vị đã mắc lỗi lầm thông thường là cố gắng đè nén các vọng niệm đó xuống, quý vị sẽ không thể thành công như vậy được. Chư tổ đã dạy “Cố đạt đến cái tĩnh bằng cách dẹp cái động thì cái tĩnh lại càng quấy động hơn nữa, càng nỗ lực đè nén cái động bao nhiêu thì kết quả lại càng ngược lại bấy nhiêu”. Cái “Vô” của Triệu Châu đối với người chưa quán triệt là một bức tường dày bằng sắt nung đỏ, không ai dám đâm đầu vào đó nhưng nếu dũng mãnh, cố gắng tham công án ngày này qua ngày khác không một phút ngưng nghỉ, thì quý vị sẽ thấy nó chẳng có gì ghê gớm cả.....

Vừa nghe đến đó tôi bừng tỉnh và nghĩ rằng có lẽ thiền sư Joten đã nói riêng cho tôi về phương pháp tham công án. Suốt mấy ngày qua tôi đã

chẳng nỗ lực đè nén những vọng niệm xuống hay sao, có lẽ vì thế nên tôi rất mệt, nhưng hiện nay tôi đã hiểu và biết đâu tôi chẳng chứng ngộ được trong một thời gian ngắn. Tự nhiên tôi nghĩ việc gì phải chờ đợi đến khoá nhiếp tâm sang năm như vậy, tôi sẽ về nhà tập trung năng lực để giải công án này rồi tới độc tham với thiền sư Joten để vị này ấn chứng cho. Tôi rời chùa Zuiryuji với tâm trạng phấn khởi lạ lùng và chuẩn bị ngay một thời khoá công phu tu tập riêng cho mình. Tôi nghĩ một khi đã nắm được bí quyết thì thời gian chứng ngộ chẳng còn bao lâu, chắc chỉ vài tuần hay vài tháng là nhiều. Để tham cứu công án một cách yên tĩnh, không bị ai quấy phá, tôi quyết định tìm lên một hang động trên núi để tĩnh tu. Gia đình tôi rất ngạc nhiên và khó chịu. Đứa con rể phản nản: “Mẹ đã già rồi, sao không tu ở nhà cho thoải mái, bỏ lên núi làm gì cho mệt! Không chừng lại gặp loài chồn hoang rồi trở lại việc lên đồng nhập cốt thì mệt lắm”. Tôi biết thằng con rể vẫn nghi ngờ động năng tu hành của tôi nhưng bất chấp mọi lời khuyên cản, tôi nhất định cắt bỏ mọi ràng buộc với gia đình để tìm đạo. Tôi thương lượng với một người tiêu phu với mua lại căn lều dột nát của ông trên núi mà ông không dùng nữa. Đó là một căn lều cỏ dột nát, bẩn thỉu, chỉ trơ trọi một tấm mền rách và một cái bếp bằng đất thấp lè tè nhưng tôi thầm nghĩ: “Đức Phật ngày xưa chỉ có độc một tấm bồ đoàn, ngồi dưới gốc cây bồ đề mà thành đạo được thì một túp lều rách với một cái bếp cũ còn tiện nghi chán”. Tôi lập thời khoá công phu để tọa thiền ba lần mỗi ngày, thời giờ còn lại tôi vào rừng nhặt củi mang xuống chợ bán, với số tiền bán củi tôi có thể mua thực phẩm và không phải nhờ cậy gì đến gia đình nữa.

Lúc đầu tôi nghĩ mình có thể chứng ngộ trong vòng một tháng nhưng một tháng trôi qua rồi hai tháng, ba tháng mà tôi vẫn chưa tiến bộ được chút nào. Tôi cố gắng nỗ lực nhiều hơn nữa, thay vì mỗi ngày ba buổi tọa thiền, tôi gia tăng lên bốn

buổi rồi năm buổi. Thời gian tiếp tục trôi, một năm, hai năm đã qua mà tôi vẫn chưa thấy có sự thay đổi gì. Tôi có ý định trở lại tham dự khoá nhiếp tâm để hỏi thiền sư Joten cho ra lẽ nhưng không hiểu sao tôi lại nghĩ: “Mình đã từng tham dự khoá nhiếp tâm rồi, cũng chẳng có gì lại, có mỗi công án ‘Vô’ mà giải chưa xong thì tham dự thêm mấy khoá nữa cũng chẳng lợi lộc gì”. Tôi nhất định không đến Zuiryuji mà chờ đến khi tự mình chứng ngộ được sẽ đến độc tham với thiền sư Joten. Thời gian tiếp tục trôi. Thấm thoát tôi đã tham công án được bốn năm mà vẫn không thấy tiến bộ gì so với khi trước. Hơn lúc nào hết, tôi bắt đầu sợ hãi và mất niềm tin. Nhiều lúc tuyệt vọng, tôi đã nghĩ đến việc tìm cái chết. Sau cùng tôi tạm ngưng việc tham công án cho đầu óc bớt căng thẳng rồi kiểm điểm lại hành động của mình trong bốn năm qua. Tôi thấy mình đã có cố gắng nhưng không hiểu sao vẫn không thể hoà nhập được với “Vô”. Tôi đành kết luận có lẽ nghiệp của mình quá nặng, không thể tu hành tiến bộ được, và muốn tiếp tục tôi phải tìm cách giải trừ các nghiệp chướng này. Tôi không nhớ đã đọc được ở đâu một phương pháp gọi là Lục Độ Ba La Mật (Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí huệ) trong đó hạnh Bố thí đứng đầu và làm căn bản cho tất cả những Ba La Mật kia. Để tiêu trừ túc nghiệp, người tu phải lập hạnh Bố thí bằng việc cho đi tất cả những gì mình có như quần áo, thực phẩm, nhà cửa, tài sản, và nếu cần cả thân thể của mình nữa. Trong việc tu thiền, có năm chướng ngại là tham lam, giận tức, hôn trầm, trạo cử và nghi hối. Nhờ thực hành bố thí mà người tu diệt trừ được lòng tham lam. Nhờ phát tâm bố thí một cách trong sạch mà người tu sẽ nhẫn nhục, diệt trừ được sự giận tức. Nhờ phát tâm cầu đạt đạo giải thoát mà người tu siêng năng bố thí do đó diệt trừ được sự lười biếng, hôn trầm. Nhờ khởi tâm trong sạch, kính trọng mọi chúng sinh, chú ý đến hành động của mình để không tạo thêm nghiệp nữa mà

người tu diệt trừ được trạo cử. Nhờ biết bố thí như trên mà người tu đạt được phước báu vô lượng, càng được nhiều phước càng vững tin vào sự bố thí mà người tu diệt trừ được nghi hối.

Biết bố thí là căn bản cho mọi hạnh khác. Tôi bèn quyết định thực hành bố thí qua việc chia sẻ những cái mình có với những người chung quanh. Mặc dù sống bằng nghề nhặt củi, lợi tức chẳng bao nhiêu nhưng tôi cố gắng ăn thật ít, để chia sẻ thực phẩm cho những người nghèo và những đứa trẻ thiếu ăn trong xóm. Vào lúc đó, cuộc thế chiến thứ hai đang bước vào giai đoạn trầm trọng, hầu như mọi hoạt động đều đổ dồn vào chiến tranh. Các hãng xưởng sản xuất khí giới hoạt động mạnh, mọi người đều bị động viên vào việc sản xuất cho chiến tranh, chỉ trừ những người già yếu, bệnh tật hay trẻ nhỏ mà thôi. Tôi gặp Kimura, một cựu quân nhân đã phục vụ trong mặt trận Mãn Châu trở về. Ông này bị nội thương rất nặng thường thổ huyết, không thể làm ăn gì được. Vợ ông lại mang bầu sắp sinh cũng không thể đi làm. Hai vợ chồng đã bán tất cả những gì họ có, từ đồ đạc, nhà cửa, ruộng nương để mua thực phẩm nuôi thân và sau cùng khi không còn gì nữa, họ gạt lệ rời bỏ căn nhà hương hoá đã lọt vào tay kẻ khác, cất một cái chòi nhỏ ở chân núi, sống bằng cách đi mò rau trái ngoài ruộng để sống qua ngày. Mùa mưa đến, ruộng ngập nước không còn rau trái để mò, họ đành sống bằng cách đi ăn xin nhưng trong tình trạng chiến tranh, ai ai cũng đói khổ, nên họ thường đói nhiều hơn no. Biết rõ tình cảnh, tôi thường đến chia sẻ số thực phẩm ít ỏi của mình với họ. Hôm đó khí trời giá lạnh, tôi bước vào căn lều dột nát trơ trọi không có đồ đạc và thấy bà Kimura đang ôm bụng nằm rên la trong ổ rơm dưới đất. Tôi động lòng trắc ẩn nghĩ đến cái chân bằng nỉ dơ cũ nát của mình. Dù sao cái chân cũ cũng còn ấm hơn nằm ổ rơm, hơn nữa bà Kimura lại sắp sinh, làm sao một đứa bé sơ sinh có thể chịu đựng được thời tiết lạnh cắt ruột như thế này. Tôi

này ý định cho bà Kimura cái chân cũ của mình nhưng khi trở về lều, nhìn cái chân rách tôi lại có ý tiếc không muốn cho. Ngay lúc đó tôi thấy rõ hạt giống tham lam, bòn xén vẫn còn ở trong tôi và quyết định: "Ta phải cương quyết diệt trừ tính tham lam này". Tôi vợ vùi chiếc chân rách và mấy cái áo cũ mang qua lều tặng cho bà Kimura. Trên đường trở về tôi thấy trong lòng nhẹ nhõm, thoải mái khác thường. Một cảm giác ấm áp lạ lùng dường như nảy sinh trong tâm khiến tôi suýt kêu lớn: "Bây giờ có lẽ ta sẽ đạt ngộ được rồi." Tôi vội vã xếp bằng tập trung tư tưởng vào công án "Vô" và thầm nghĩ có lẽ lần này mình sẽ thành công nhưng rồi một năm lại trôi qua, tôi vẫn không thấy mình tiến bộ chút nào.

Tôi đã khóc hết nước mắt, tôi đã thao thức nhiều đêm để tìm hiểu về số phận hẩm hiu của mình. Tôi tự hỏi tôi đã làm gì nên tội, tại sao công phu tu tập siêng năng như vậy mà không đạt được kết quả nào? Không lẽ nghiệp của tôi lại nặng đến như vậy hay sao? Tự nhiên ý định tìm cái chết bỗng nảy sinh trong đầu óc hoang mang, tuyệt vọng của tôi. Tôi lấy một sợi dây thừng treo lên cành cây gần đó toan thắt cổ tự tử nhưng may mắn thay khi vừa treo xong sợi dây, tôi lại nghĩ: "Nếu ta chết đi thì sự đau khổ này có chấm dứt không? Chắc chắn là không, nó sẽ tiếp tục theo đuổi ta qua những kiếp sau. Nghiệp chướng đâu thể thay đổi được bằng cái chết. Người ta phải gặt hái những gì mà người ta đã gieo, không thể trốn chạy được. Có nợ thì phải trả và phải trả cho đến hết mới thôi. Chắc chắn trên thế gian này thiếu gì những kẻ cũng đang gặp khó khăn như ta, biết đâu hoàn cảnh của họ lại chẳng bi đát hơn ta nữa. Đi tìm cái chết chỉ là một hành động nhất thời không giải quyết được gì hết. Giải pháp duy nhất là phải nhẫn nhục chịu đựng để trả hết nghiệp. Khi hết nghiệp thì chắc chắn sẽ giải thoát được. Dù thế nào chăng nữa ta cũng phải đạt ngộ giải thoát, nếu không được trong kiếp này thì kiếp sau hay kiếp sau nữa". Nghĩ thế

tôi bèn bỏ ý định tự tử và từ đó trở đi, dù trong hoàn cảnh tuyệt vọng nào, không bao giờ tôi nghĩ đến việc tìm cái chết nữa. Tôi vắt bỏ sợi dây thừng rồi thắp một nén nhang, thành tâm xin sám hối những tội lỗi đã tạo và cương quyết phát nguyện sẽ tu hành để đạt đạo giải thoát, bất chấp mọi khó khăn, trở ngại. Tôi không nhớ rõ mình đã làm những gì nhưng tôi biết chắc chắn tương lai của tôi sẽ phải thay đổi từ khi phát nguyện này. Tôi thành kính niệm hồng danh chư Phật, xin sám hối những lỗi lầm đã phạm và tôi đã khóc cho đến khi ngắt đi lúc nào không biết.

Tôi không biết mình mê hay tỉnh nhưng trước mắt tôi bỗng hiện ra một làn hơi mờ đục, tụ lại thành một hình bóng vật vờ bay lượn. Hình bóng này từ từ đông đặc lại thành một con vật lông lá xù xì, trông như con dã nhân. Con vật này vươn mình lên cao và cao mãi cho đến khi đầu nó đụng vào những lớp mây đang bay trên trời. Tôi tự hỏi tại sao lại có hiện tượng kỳ lạ như vậy. Tôi đã từng có dịp tiếp xúc với các cõi giới vô hình nhưng điều này vượt ra ngoài giới hạn mà tôi hiểu biết. Tôi bèn cố gắng tập trung tư tưởng để quán xét hiện tượng này và bất ngờ thay tôi bỗng thấy mình chính là Thái Dương Thần Nữ. Tôi nắm rất vững quan niệm về sự giao tiếp với các thần linh trong thiên nhiên và đã từng làm như vậy nhiều lần trong khi hành nghề cô đồng (Miko) nhưng lần này tôi không còn thấy mình là một dụng cụ để các vị thần nhập vào nữa, mà trở nên là một với các thần linh. Ngay lúc đó, tôi biết mình đang kinh nghiệm được một trạng thái đặc biệt, tối cao của Thần Đạo: Trạng thái hợp nhất với đấng Sáng Tạo hay Thái Dương Thần Nữ. Một sự an lạc lạ lùng xâm chiếm trọn tâm hồn tôi. Phải chăng đây chính là trạng thái mà lão sư vẫn thường nói đến, trạng thái đạt đại đạo? Tôi thấy mình tan biến trong một biển ánh sáng lạ lùng. Trước mắt tôi hàng ngàn hình ảnh kỳ lạ đầy màu sắc hiện ra chói lọi. Phải rồi, tôi đang chiêm ngưỡng sự tạo thiên lập địa của Thái Dương Thần

tiếng gió reo buồn

Người ở bên nhà nghe sóng vỗ
Chiều nay còn đứng ngó qua sông?
Có nghĩ bên đây trời viễn xứ
Ngon gió tha hương thổi bạc lòng?

Tháng chạp, đường xưa lá vẫn xanh?
Ở đây, từ dạo lá xa cành
Tưởng như máu cũng đông thành đá
Trời đất xui ta cũng bạc tình!

Người có nghe buồn tiếng gió qua?
Chốn đây phòng kín, gió không lùa
Vây mà đôi lúc ta nghe rõ
Tiếng gió reo buồn vọng cõi xưa.

Và có nhiều khi ta cứ tưởng
Còn nghe ai hú vọng bên sông
Bàn tay mờ khuất trong chiều xuống
Sao còn vậy mãi mấy thu đông?

Người ở bên nhà đêm giáp Tết
Đốt nén hương lòng tưởng tiếc nhau
Vạn lý tha hương, người có biết?
Xuân vọng hoài hương, vạn kỷ sầu!

lãm thúy

Nữ. Không! Chính tôi là người đang sáng tạo, giữa tôi và Thái Dương Thần Nữ không còn gì cách biệt mà là một với nhau. Tôi thấy mình sinh hoá ra muôn loài, ra các chư thần, ra chính tôi, chính tôi đã sinh ra tôi. Tôi đã kinh nghiệm được mình trước khi được cha mẹ sinh ra. Phải chăng đó là điều mà công án "Bộ mặt thật trước khi sinh ra" đã đề cập đến? Trong khoảnh khắc đó, mọi sự bỗng trở nên rõ ràng hơn bao giờ hết. Tôi reo lớn: "Ngộ rồi (Satori), ta đã chứng ngộ rồi!" Tôi choàng dậy trong một cảm giác kỳ lạ không thể diễn tả. Tôi thấy mình chạy nhảy chung quanh căn lều và reo lớn như đứa trẻ được quà: "Satori! Satori! Satori!" Tôi có cảm tưởng như toàn thể giới đang tràn ngập một niềm vui không kể xiết và rồi tôi cười, cười mãi không thôi.

(còn tiếp)



BÚT CHÌ phụ-trách

Tòa-soạn mở mục "Độc-giả thắc-mắc" để giải-dáp nghi-vấn của bạn đọc về mọi lãnh-vực: văn-học, nghệ-thuật, khoa-học, xã-hội, chính-trị, v.v.

Trong mục-dịch học-hỏi, Bút Chì hoan-ngheh mọi ý-kiến đóng-góp về câu trả lời.

Vì khuôn-khổ hạn-hẹp của một tiểu mục, xin vui lòng hạn-chế mỗi lần hỏi tối-da ba câu. Đa tạ.

Độc-chất trong thuốc lá

Hỏi: 1) Xin bác BC cho biết về các chất độc trong thuốc lá, ngoài chất nicotine. Hút lại tàn thuốc (phần đuôi của điếu thuốc đã tắt) hại hơn hút một điếu mới, phải không bác?

2) Khi một bài hát phát trên đài (phát từ băng hay đĩa thu sẵn), tác-giả và ca-sĩ có được trả tiền không?

Lê Văn Hồng
Montréal

Đáp: 1) Trong một điếu thuốc lá nhỏ bé ấy có 4000 hoá-chất khác nhau. Trong số 4000 hóa-chất ấy có 50 chất gây ung-thư hoặc giúp ung-thư phát-triển nhanh hơn. Nhiều chất khác làm tăng sự rủi-ro về đứng tim và băng não.

Trong số các độc-chất, có benzene, vinyl chloride, arsenic, chromium, chì, n-nitrosamines, aldehydes, n-heterocyclic hydro-carbon, aromatic amines aza-arenes, chất nhựa nâu, phóng-xạ polonium-

210 (nguy-hiểm hơn quang-tuyến X gấp mười lần).

Hai chất độc chính trong thuốc lá là carbon monoxide (làm hại máu) và nicotine (làm hại tim).

Hút lại một điếu thuốc đã dập tắt còn nguy-hiểm hơn đốt một điếu mới, vì lượng ammonia nhiều hơn tới 40 lần, benzene nhiều hơn 10 lần, carbon monoxide nhiều hơn 5 lần và nitrosamines nhiều hơn 100 lần.

2) Tại Gia-nã-đại và Hoa-kỳ, khi phát một bài hát trên làn sóng, đài phát-thanh sẽ trả tiền tác-quyền cho tác-giả và nhà xuất-bản đã in ca-khúc ấy, nhưng luật không buộc phải trả cho ca-sĩ và hãng băng hay hãng đĩa.

Tại Gia-nã-đại, hàng năm, các đài phát-thanh âm-nhạc trả một món tiền tác-quyền tương-đương 3,2% tổng-số thu-nhập (chưa trừ chi-phí) của đài cho Hội Nhạc-sĩ, Tác-giả và nhà Xuất-bản âm-nhạc (SOCAN - Society of Composers, Authors and Music Publishers of Canada). Hội này chiết-tính ra và gửi tới trả cho những người được hưởng tác-quyền. Trong năm 1994, SOCAN nhận được 21 triệu gia-kim tiền tác-quyền.

Hiện nay trên thế-giới có 90 quốc-gia có luật buộc đài phát-thanh trả tác-quyền cho ca-sĩ và các hãng băng, đĩa. Gia-nã-đại đã có dự-luật buộc đài phát-thanh trả tác-quyền cho ca-sĩ và hãng băng, hãng đĩa; dự-luật này sẽ được biểu-quyết trong năm nay, 1996.

Hàn Mạc Tử hay Hàn Mạc Tử

Hỏi: Trong cuốn *Hàn Mạc Tử* của Trần Thanh Mại do nhà xuất-bản Huế in năm 1942, từ tựa đề cho tới toàn bộ cuốn sách, đều viết là *Hàn Mạc Tử*. Trong khi đó sách của Vũ Ngọc Phan, Dương Quảng Hàm và báo *Làng Văn* luôn luôn viết là *Hàn Mạc Tử*.

Lúc còn ở trong nước, tôi đọc báo *Văn* vào khoảng 1992, thấy có người viết rằng *Hàn Mạc Tử* thoát đầu là "hỗn-danh", không phải bút hiệu. Hỗn danh này do bạn bè đặt cho ông

Nguyễn Trọng Trí, ý nói ông lúc nào cũng xa vắng như ngồi sau một bức màn lạnh (hàn mạc).

Xin bác BC cho biết ý kiến.

Trần Văn Định
Paris

Đáp: Có người cho rằng chữ *Mạc* trong bút hiệu này là họ *Mạc*.

Lúc sinh-thời, Hàn Mạc Tử theo thuyết kiêm ái (thương-yêu tất cả mọi người) của triết-gia Mạc Định thời chiến quốc, nên xưng là *Mạc-tử* (kẻ họ *Mạc*). Chữ *Hàn* đặt phía trước có nghĩa là "nghèo". Hàn Mạc Tử là "anh chàng nghèo khó họ *Mạc*".

Cũng có người xét theo nghĩa chữ. *Hàn* là tên một loài chim, giống như con trĩ, lông dài phân ống khá lớn và mềm, người xưa dùng lông chim hàn làm bút, nên chữ "*hàn*" còn có nghĩa là bút. *Hàn mạc* là bút mực. Hàn Mạc Tử là "kẻ mê văn-chương".

Tuy-nhiên, điều cần nói là kể cả thân-nhân lẫn bè-bạn Hàn Mạc Tử, chưa ai đưa ra được một mảnh giấy nào với chính thủ-bút của thi-nhân, viết bằng chữ quốc-ngữ ba chữ "*Hàn Mạc Tử*" có đủ dấu, hoặc bằng chữ Hán. Thi-nhân luôn luôn ký tên là "*Hanmactu*"!

Ngồi lê đôi mách

Hỏi: Ai cũng biết *ngồi lê đôi mách* hay *ngồi lê mách lẻo* là ngồi lê đầu này đầu kia nói chuyện thiên-hạ để sinh ra chuyện đôi chối. Như vậy chữ "đôi" ở đây có nghĩa là "đôi chối", cả qua cãi lại, phải không bác? Ngoài ra còn có nghĩa nào khác không? Ngoài Bác có dùng thành-ngữ này không?

Trương Thị Anh
Houston

Hỏi: Chữ *đôi* có nhiều nghĩa.

Đôi (danh tự) là một tập-hợp của hai vật cùng loại, hai cá-thể tương-ứng để làm một đơn-vị mới xét về mặt công-dụng: một đôi dưa, đôi giày, đôi vợ chồng, đôi bạn trăm năm, xứng đôi,...

Đôi có khi còn dùng như một số

tổng-hợp, không phải số đếm: đôi bên, tuổi đôi tám (tức 16), đôi mươi (20), đi hàng đôi, chia đôi,...

Đôi có khi để chỉ số lượng trên một, có thể là hai hay ba, nhưng không nhiều lắm: đôi lời, đôi lúc, đôi khi, đôi ba,...

Đôi, theo phương-ngữ Thừa-thiên, có nghĩa là ném: đôi đá vào nhà người ta.

Đôi, theo phương-ngữ vùng Nghệ-an, Hà-tĩnh, có nghĩa là giải bày.

Ngoài ra, *đôi* theo cổ-ngữ, có nghĩa là phân-giải. Trong truyện *Tây sương* có câu: *Thưa rằng: vốn thực không đi, Có ai làm chứng tôi thì xin đôi.*

Chữ *đôi* thường khi đi kèm một chữ khác, thí dụ như:

Đôi lời: phân-giải, bày-tỏ.

Đôi co: phân-bua, lý-sự.

Đôi-chối: bày-tỏ trước mặt người thứ ba.

Đôi mách: thói hay kháo nhau chuyện riêng của người khác.

Trở lại, *ngồi lê đôi mách* là tạt lê-la, đem chuyện riêng người này kể lại với người khác, thêu-dệt, dè-biểu, gây nghi-hoặc.

Thành-ngữ *ngồi lê đôi mách* phổ-thông ở ngoài Bắc hơn trong Nam.

"Giải-nghề"

Hỏi: Ông xã nhà cháu mê nhậu lắm, cuối tuần nào bạn-bè chở giùm về tới nhà là "chết" luôn tại cửa. Trưa hôm sau ông dậy, lại đòi "làm" thêm một ly nhỏ nữa, nói là để "giải-nghề" cho mau hết nhức đầu, nhưng cháu thấy ông giải kiểu này xong "hoắc" luôn tới tối mới bò dậy nổi.

Xin bác chỉ cho cháu phương-pháp nào "giải-nghề" tốt hơn. Uống cà-phê hay aspirine có tốt không? Cảm ơn bác.

Lê Thị Hưng
Toronto

Đáp: Không nên trị cơn nhức đầu vág-vắt sau cơn say bằng cách uống thêm rượu, dù rằng ít.

Nên uống thật nhiều nước rau-cải,

cà chua hay nước trái cây. Phần nước để thay-thế chỗ nước bị mất trong người. Chất fructose trong rau cải, trái cây giúp già rượu nhanh hơn. Nước trà pha một chút mật ong giúp rửa sạch bao-tử. Cà-phê không giúp được gì. Tránh uống aspirine; nếu cần, uống một viên tylenol loại thường.

Để bớt nhức đầu ngay, chườm nước đá lên trán chừng 20 phút, nhớ bọc nước đá trong khăn để tránh phỏng lạnh.

Cho tim gan...

Hỏi: Con trai tôi 24 tuổi, tính-tình rất tốt, ưa giúp người. Nó nghĩ đến chuyện mai sau nếu có mất đi thì sẽ cho tim, thận, gan, phổi để các bệnh-viện dùng cứu các người bệnh. Thế là nó lên sở DMV làm đơn và trong bằng lái xe của nó có một con dấu đặc-biệt với chữ "DONN."

Phần tôi là mẹ, tôi không phản-đối vì tôi nghĩ con tôi muốn giúp đời như vậy cũng được. Nhưng tôi chỉ ngại, nếu nó cho nhiều bộ-phận như vậy, thì lúc nó có việc gì, bệnh-viện sẽ mổ-xẻ thân-xác nó tan-nát, làm sao gia-đình vợ con nó có thể lo việc tẩm liệm hay chôn cất được. Con tôi bảo, bệnh-viện sẽ may vá lại da-da, không biết có đúng không?

Thu Trang
San Jose

Đáp: Xin bà yên-tâm, đúng như cậu nhà nói, các bệnh-viện sẽ khâu vá lại tử-tế; và sau đó nhà đôn sẽ sửa-soạn lại một lần nữa trước khi định giờ cho thân-nhân đến nhà quản nhìn mặt người chết lần cuối.

Tuổi-tác, giờ giấc

Hỏi: 1) Cháu nghe người lớn hay dùng những chữ khác nhau để nói về một lớp tuổi. Thí-dụ trong Hội Hướng-đạo, gọi là ấu-sinh những trẻ em từ 8 đến 12 tuổi; sau đó là thiếu-sinh, từ 12 đến 17; tráng sinh từ 18

trở lên. Rồi ngoài đời, nhỏ thì là nhi-đồng, có khi là thiếu-nhi, khi là thiếu-niên rồi thanh-niên. Đọc Sử thì thấy gọi các ông là tráng niên, các cụ là kỳ lão. Đọc truyện thấy các cụ xưng là lão gia hay lão.

Xin bác cho biết rõ về các chữ này và phù-hợp với các lớp tuổi như thế nào.

2) Lúc 12:00:00 giờ, tức đúng 12 giờ trưa (zero phút, zero giây) hay đúng 12 giờ đêm thì gọi là 12:00 PM hay 12:00 AM? Cháu hỏi nhiều thầy cô người Pháp, và được trả lời trái ngược nhau. Hai chữ AM cháu hiểu là chỉ buổi sáng và PM chỉ buổi trưa và chiều, nhưng không hiểu nguyên chữ là gì? Hai chữ này có người viết hoa, có người viết thường, theo bác, viết kiểu nào đúng hơn? Dính liền với con số hay cách ra một khoảng?

André Minh Lê
Bỉ

Đáp: Tuổi-tác Việt-nam theo cách gọi thời cổ như sau:

- Nhi: từ lúc mới sinh đến 6 tuổi.

- Đồng: từ 7 đến 12 tuổi.

(Khi cháu nghe nói *nhi-đồng*, phải hiểu là gồm trẻ em thuộc hai lớp tuổi *nhi* và *đồng*, tức từ mới sinh đến 12 tuổi).

- Thiếu: từ 13 đến 17 tuổi.

- Thanh hay Hoa: từ 18 đến 29 tuổi.

- Tráng: từ 30 đến 49 tuổi.

- Ngải (hay ngãi): từ 50 đến 59 tuổi.

- Kỳ: từ 60 đến 69 tuổi.

- Lão: từ 70 đến 79 tuổi.

- Mao: từ 80 tuổi trở lên (theo người Trung-hoa, 70 gọi là *lão*, trên 70 là *mạo*).

2. Lúc 12 giờ trưa (tiếng Việt là đúng Ngọ, giữa Ngọ hay chính Ngọ) hay 12 giờ đêm (tiếng Việt là nửa đêm), gọi là "12:00 p.m." hay "12:00 a.m." đều sai, dù là giữa trưa hay giữa đêm. Hai thời-điểm ấy phải gọi là "noon" (giữa trưa) hay "midnight" (giữa đêm). Khi cộng thêm 1 giây (12:00:01) vào buổi trưa, mới được dùng chữ "p.m.": 12:00:01 p.m. (tức là 12 giờ, không phút, 1 giây buổi

trưa). Ban đêm cũng vậy, phải đợi qua một giây mới được dùng chữ "a.m.": 12:00:01 a.m. (12 giờ, không phút, 1 giây buổi sáng).

Hai chữ "a.m." và "p.m." viết đúng nhất là dùng chữ thường, có chấm và cách con số một khoảng.

Các chữ này là tiếng la-tinh. "M" viết tắt từ *meridiem* là giờ chính Ngọ của ta, tạm dịch là "đỉnh trưa", tức lúc đúng 12 giờ.

"A" viết tắt từ *ante* là trước; "P" viết tắt từ *post* là sau.

a.m. (*ante meridiem*): trước đỉnh trưa; p.m. (*post meridiem*): sau đỉnh trưa.

Tương-tự, lúc 12 giờ trưa, người Việt không thể gọi là "sau Ngọ" hay "trước Ngọ", mà phải gọi là *đúng Ngọ*, *chính Ngọ* hay *giữa Ngọ*.

Năm 2000 không nhuận

Hỏi: 1) Tôi đọc báo, thấy nói tháng 2 năm 2000 cũng chỉ có 28 ngày như năm thường, mặc dù năm 2000 lẽ ra là năm nhuận.

Theo tôi biết, cứ 4 năm thì tháng 2 dương-lịch nhuận (có thêm) một ngày. Năm nhuận đó xảy ra khi số năm chia hẳn cho 4, thí-dụ 1988, 1992, 1996. Nhưng năm 2000 cũng chia hẳn cho 4 lại không nhuận (nghĩa là tháng 2 năm 2000 cũng chỉ có 28 ngày). Xin bác BC giải-thích cho biết tại sao?

2) Tôi không nhớ là năm ánh-sáng dài bằng bao nhiêu năm dương-lịch? Và còn loại năm nào khác không?

Lê Văn Ân
Houston

Đáp: 1) Cứ 365 ngày 5 giờ 48 phút 46 giây, trái đất quay chung quanh mặt trời đủ một vòng, ta gọi đó là một "năm dương-lịch". Như vậy một năm không phải chỉ có 365 ngày, mà còn dư ra 5 giờ 48 phút 46 giây, gom tròn lại thành 6 giờ, tức 1/4 ngày. Chính vì thế nên cứ 4 năm, trong lịch lại có thêm một ngày vào tháng 2, gọi là năm nhuận.

Nhưng cái ngày "nhuận" ấy cũng

không tròn ngày. Cứ mỗi lần thêm một ngày nhuận, các cụ phải "mượn" trước 44 phút 56 giây để đắp vào cho tròn ngày; vì thế cứ 400 năm, cứ năm nào chia hẳn cho 400, thí-dụ như năm 1200, năm 1600, năm 2000,... các nhà làm lịch phải trả lại cho vũ-trụ một ngày, nghĩa là tháng 2 năm ấy không nhuận, chỉ có 28 ngày, để bộ lịch trở về đúng chu-kỳ của trái đất.

Điều cần nói thêm là cách tính-toán trên đây không đơn-giản chỉ như thế. Các nhà thiên-văn còn phải theo đúng độ nghiêng của trái đất và quỹ đạo để điều-chỉnh lịch theo ba loại "năm". Ngoài năm dương-lịch còn có hai loại "năm" khác là năm thiên-văn (*sideyear*), có 365 ngày 6 giờ 9 phút 10 giây; và năm cận-điểm (*anomalous year*) là năm mặt trời gần trái đất nhất, có 365 ngày 6 giờ 13 phút 53 giây!

2. "Năm ánh-sáng" hay quang-niên không phải là đơn-vị đo thời-gian mà là đơn-vị đo chiều dài.

Năm ánh-sáng là khoảng đường ánh-sáng đi qua khoảng chân-không một năm dương-lịch, khoảng 63.240 lần khoảng cách từ trái đất tới mặt trời, tức 9.460.569.298.800 cây số.

Đơn-vị "năm" lâu bằng 225 triệu năm dương-lịch, là năm vũ-trụ (*cosmic year*), là thời-gian cả thái-dương-hệ quay chung quanh ngân-hà tròn một vòng.

Vin cành quít

Hỏi: Trong tiếng ta có thành ngữ "vin cành quít" chỉ người già mà không đúng đắn, không biết có đúng không?

Lê Hành
Vancouver

Đáp: Quả là có thành-ngữ này, nhưng không thông-dụng trong tiếng ta, mà trong tiếng Tàu. Câu đó trong sách *Tô Thị*:

Lão nhân du hí như đồng-tử,

Bất chiết mai chi chiết quít chi!

nghĩa là "người già mà chơi như trẻ

nít, không bẻ cành mai lại bẻ cành quít!"

Cua bò, rắn bò hay trùn bò?

Hỏi: Với người Việt, hễ viết chữ xấu quá thì bị chê như cua bò. Tôi nghe người Tàu không nói là cua bò, mà nói là viết như xấu như trùn (giun) bò hay rắn bò, không biết có đúng không?

Trần Văn Hi
Texas

Đáp: Quả là người Trung-hoa có thành-ngữ đó, nhưng họ không nói là "giun" hay "rắn" suông, mà nói là giun mùa xuân và rắn mùa thu.

Mùa xuân trời còn lạnh, mùa thu trời trở lạnh, giun và rắn khi bò trên đất để lại những vết ngoằn-ngèo, run-rẩy.

Trong Đường thi, Vương Hi Chi truyện có câu:

Hàng hàng như oanh xuân dẫn

Tự tự như rắn thu xà.

nghĩa là: Hàng hàng như giun quần-quít, chữ chữ như rắn cong queo.

Trong *Tô-Thức* thi cũng có câu:

Gia kê dạ dụ đồng đẳng trở

Xuân dẫn thu xà tổng nhập liêm.

nghĩa là: Gà nhà le nội cùng lên thớt. Giun rắn xuân thu thả bỏ rương.

gôm:

Bạn Dương Ly Hương bổ-chính cho mục *Độc-giả thắc mắc* số 136, về danh-hiệu cấp-bậc trong quân-đội CSVN:

- cấp thấp nhất: binh nhì, đeo một sao.

- binh nhất: đeo hai sao.

Cấp chuẩn-úy, đeo một gạch bằng đồng. Không có cấp chuẩn tá, chuẩn tướng.

Từ 1987, đổi:

- "thượng tá" thành "đại-tá 1"

- "đại-tá" thành "đại-tá 2."

Dĩa Bay

Nguyễn Nhân Sơn

(tiếp theo)

NHỮNG VỤ XẢY RA TỪ NĂM 1948 TRỞ VỀ SAU

Như các bạn đã đọc ở bài trước, từ sau khi xảy ra vụ Kenneth Arnold ngày 24.6.1947, thì không lực Hoa-Kỳ trực tiếp nhúng tay vào việc điều tra UFO. Nhà thiên văn học tiến sĩ J. Allen Hynek đã làm cố vấn cho kế hoạch điều tra của không lực trong suốt 20 năm. Về sau, khi kế hoạch "Sổ Bìa Xanh" không còn hoạt động nữa, Hynek vẫn tiếp tục ghi nhận và xếp loại những hồ sơ về UFO. Tùy theo thực trạng khi xảy ra, ông chia các sự kiện thành nhiều loại:

1. Loại trông thấy từ xa, gồm 2 phân loại: a/ chỉ trông thấy ánh sáng ban đêm; b/ trông thấy hình dạng ban ngày.

2. Loại trông thấy gần, gồm 4 phân loại: a/ đĩa bay không tác động gì ở chỗ nó xuất hiện; b/ đĩa bay có tạo tác động; c/ chứng nhân khai thấy có người đi trên đĩa bay; d/ chứng nhân-khai có được tiếp xúc với người đi trên đĩa bay, có trường hợp còn bị bắt giữ.

Xuất hiện ban đêm

- Khoảng đầu đêm 1.10.1948, trung úy phi công George F. Gorman, thuộc phi đoàn Dakota Bắc, dẫn một phi đội tuần thám trên không phận thường lệ. Lúc 9 giờ, xong công tác, ông ta đang đảo chờ cho các bạn đáp, thì đài kiểm soát không lưu dưới đất báo có một chiếc "Piper Cub" đang

bay gần đó. Gorman nhìn quanh, thấy chiếc máy bay kia đang bay ngay phía dưới. Nhưng đồng thời, ông lại thấy một ánh đèn khác ở phía bên mặt. Hỏi lại đài kiểm soát, thì họ bảo không có chiếc máy bay nào khác nữa. Gorman liền quyết định tự mình tìm hiểu. Ông ta liền hướng chiếc F-51 của ông về điểm sáng đang di động. Khi chỉ còn cách chừng 1.000 thước, ông thấy rõ, và tả vật đó như vậy: "Nó to gần bằng trái banh, màu sáng trắng, dáng thật tròn, không có cánh có đuôi gì cả. Ánh sáng của nó luôn luôn nhấp nháy. Khi tôi đến gần hơn, nó không chớp nữa, rồi đột nhiên chúi xuống. Tôi chúi theo, nhưng không bắt kịp nó. Tôi đảo, tăng tốc độ, đuổi theo. Có lần, đã tưởng va vào nó, nhưng chính nó tránh được tôi bằng cách vút lên cao. Sau đó mấy giây, nó biến mất vào không trung. Cao độ của tôi lúc đó là 4.200 thước. Cuộc rượt đuổi kéo dài gần nửa tiếng".

Trả lời tỉ mỉ những câu hỏi của nhân viên điều tra, Gorman cho biết thêm là trong khi máy bay bay gần vật kia, ông không nghe nó phát ra tiếng động, và không thấy nó phun ra thứ gì. Nó cũng không gây tác hại gì đối với máy móc trong phi cơ của ông.

Trong khi Norman rượt đuổi vật kia, dưới đất, 2 nhân viên kiểm soát không lưu Lloyd D. Jensen và H.E. Johnson cũng nhìn thấy và theo dõi nó. Họ cũng mô tả giống như Norman: Hình tròn, không có càng que, cũng không có ánh sáng rọi ra, bay rất nhanh. Ngoài ra, còn 2 người

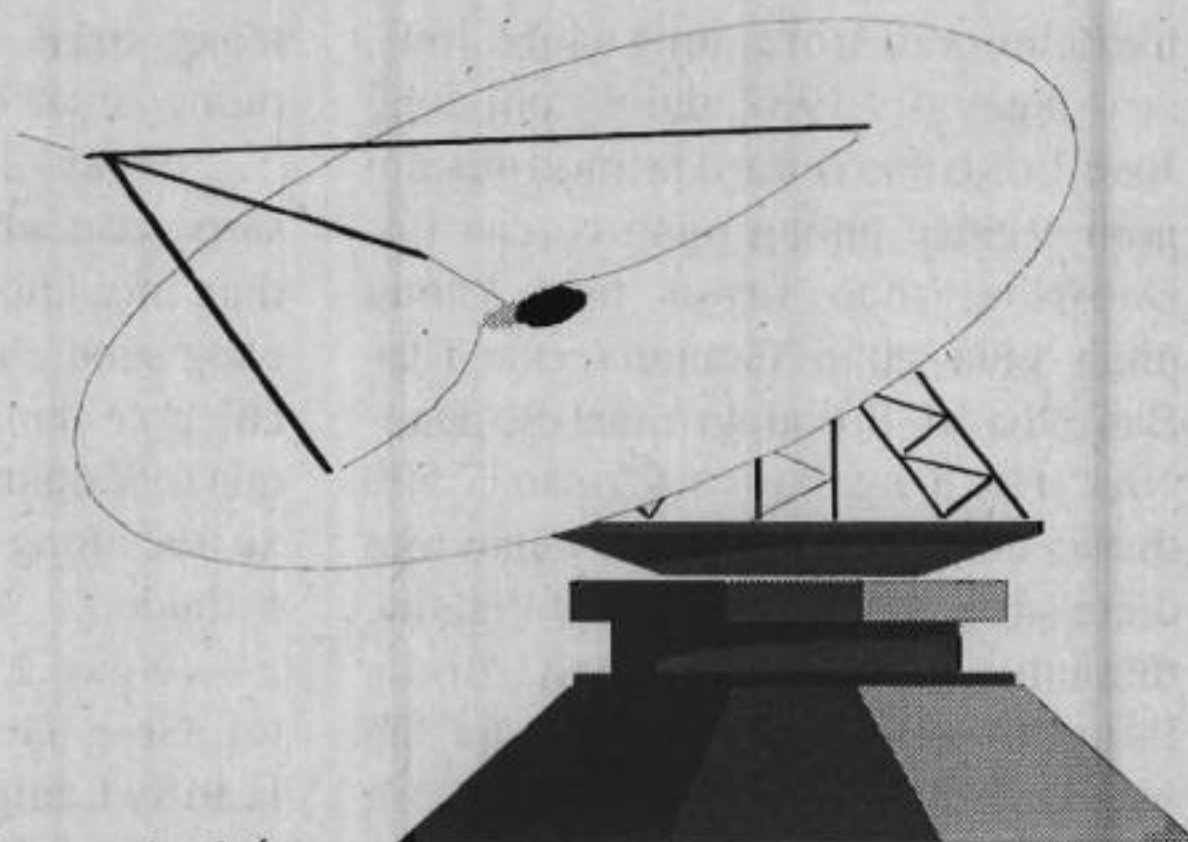
trông thấy đốm sáng bị Norman bám theo là viên phi công lái chiếc "Piper Cub", và người hành khách trên đó.

Nhận xét đường bay và cách né tránh của vật sáng bí ẩn kia, cả Norman và những người trông thấy đều kết luận rằng nó được một "bộ óc thông minh" điều khiển. Nhưng mãi về sau, cơ quan điều tra vẫn không thể giải thích được nó là cái gì.

- Trong đêm 29.6.1954, đại úy James Howard lái một chiếc "Centaurus", cất cánh từ phi trường Idlewild, New York, để đi Luân-Đôn. Khi máy bay đi ngang không phận Labrador (góc đông bắc Gia-Nã-Đại), ông, phi hành đoàn, và một số hành khách đang thức, đều trông thấy một đám 7 khối sáng, bay song song với máy bay, cách chừng 7, 8 cây số. Khối sáng lớn nhất bay chính giữa, 6 khối kia bay xung quanh như các tùy tinh. Chúng bay theo máy bay trong vòng 18 phút, trên một đoạn dài 130 cây số, rồi đột nhiên khối sáng lớn biến đổi hình dạng, đổi hướng bay, và những khối nhỏ cũng chuyển theo. Sau đó, cả đám tăng tốc độ, rồi biến mất.

Khi được thông báo, các căn cứ không quân dưới đất có phái máy bay quân sự lên điều tra, nhưng không kịp tìm hiểu được gì.

Trong bản tường thuật, Howard viết: "Khi sắp biến đi, chúng làm giống như những chiếc máy bay gom lên hàng không mẫu hạm". Một nhân viên phi hành tên là George Allen nói thêm: "Tôi thấy hình như những chiếc



nhỏ chui vào trong lòng chiếc lớn”.

- Ngày 4.7.1957, đại úy phi công Jose Louis Ferreira dẫn một phi đội gồm 4 chiếc phóng pháo cơ của Bồ-Đào-Nha, thao luyện trên không phận giữa vùng Granada của Tây-Ban-Nha và Portalegre của Bồ-Đào-Nha. Họ đang bay ở độ cao 7.500 thước, bỗng trông thấy trước mặt một điểm sáng rất lạ. Nó đổi màu liên tục, từ xanh lục, ra lam, rồi vàng, rồi đỏ. Bỗng nó phình to gấp năm, sáu lần lúc đầu, rồi nhỏ lại chỉ còn là một đốm sáng màu vàng. Sự biến hình to lên, nhỏ lại, lặp đi lặp lại nhiều lần.

Bốn chiếc phóng pháo đổi hướng bay nhiều lần, nhưng lúc nào cũng thấy khối sáng kia bám theo phía bên mặt. Bây giờ, nó có màu đỏ. Bỗng có những đốm màu vàng xuất hiện phía bên mặt của nó. Sau những đốm vàng này lần lượt biến đi.

Khi thuật lại sự việc cho các nhà khoa học nghe, tất cả các phi công thao luyện đêm ấy đều quả quyết: Hiện tượng mà họ đã trông thấy không thuộc thiên nhiên, mà cũng không phải của con người.

- Người chứng kiến vụ này chính là Jimmy Carter, tổng thống thứ 39 của Hoa-Kỳ. Và sự việc xảy ra lúc 7 giờ 15 tối, ngày 6.1.1969, tại Leary, tiểu bang Georgia. Carter đã kể lại sự việc trông thấy với báo chí địa phương. Về sau, tờ *National Enquirer* trích dẫn lại trong một bài nói về đĩa bay, đăng trên số ra ngày 8.6.1976: “Tôi tin có đĩa bay, vì chính tôi có trông thấy một lần... Tối hôm ấy, tôi đang đứng ngoài trời nói chuyện với mấy vị trong Hội Sư Tử địa phương. Bỗng chúng tôi thấy một khối sáng giống như mặt trăng, ban đầu màu hơi xanh, sau ngả sang màu hơi đỏ. Nó chỉ cách chỗ chúng tôi đang đứng chừng vài trăm thước, di chuyển tới lui nhiều lần, rồi chợt biến mất”.

- Tasmania thuộc Úc-Đại-Lợi. Từ tháng 2 đến tháng 10 năm 1974, dân đảo Tasmania đã nhiều lần trông thấy những khối sáng lạ. Đêm này chúng hiện ở hướng nam, đêm khác chúng lại xuất hiện ở hướng bắc. Nhưng tựu trung, dân trên đảo ai cũng đã có lần

trông thấy. Sau đây, là những lời tường thuật đáng tin hơn cả:

. Ngày 25.2, khoảng 4 giờ rưỡi sáng, dân phía đông bắc đảo trông thấy một khối sáng tròn. Nó càng lúc càng sáng chói lọi. Nó bay theo một chiếc xe đang chạy trên đường, vượt qua một đoạn, rồi biến mất. Người lái xe ước lượng bề ngang của nó khoảng 5 thước.

. Ngày 27.2, khoảng gần 10 giờ tối, Greg Thornton và người bạn gái là Sally Lamprey, đang chạy xe trong vùng Latrobe, chợt trông thấy một điểm sáng màu cam bay đằng xa, ban đầu giống như một hình tam giác tròn góc, sau trông giống như một cây bút chì. Những người khác cũng trông thấy vật ấy lúc bấy giờ, nhưng gần hơn, mô tả nó có hình đĩa, đường kính chừng 6 thước.

. Trong đêm 25.5, những người ở khu nông trại Boobyalla trông thấy một khối sáng, mà ban đầu họ tưởng là mặt trăng, nhưng sau họ biết là lầm, vì thấy nó di chuyển và khi nó nghiêng trông giống như một trái chuối. Toàn thân nó sáng rực, nhưng phía dưới màu cam, phần giữa màu đỏ, phần trên màu vàng. Nó bay là là, chỉ cách mặt đất chưa tới 10 thước. Khi nó nhắm hướng họ bay tới, thấy nó to lù lù, họ hoảng hốt bỏ chạy. Có người ước lượng nó dài khoảng 30 thước.

. Hai đêm sau (đêm 27.5), cũng tại Boobyalla, vật lạ ấy lại xuất hiện. Nhưng lần này, nó đáp hẳn xuống đất. Ánh sáng nó phát ra rất mạnh, soi rõ từng gốc cây, từng căn nhà xung quanh.

- Nửa đêm ngày 19.9.1976, nhiều người dân thành phố Teheran gọi điện thoại báo cho bộ tư lệnh không lực Iran về vật lạ họ trông thấy trên bầu trời.

Thấy thì cùng thấy, nhưng mỗi người mô tả một cách. Người thì bảo trông nó giống “con chim”, người lại bảo nó giống “chiếc trực thăng rơi đèn sáng rực”. Bộ tư lệnh liền phái một chiếc phản lực F-4 từ căn cứ không quân Shahrokhi, bay lên tìm hiểu, và nếu cần thì chặn “vật” đó lại.

Nhưng chiếc máy bay này nhắm hướng vật kia tăng tốc độ rút khoảng cách, thì mất mọi liên lạc, đành phải quay trở về.

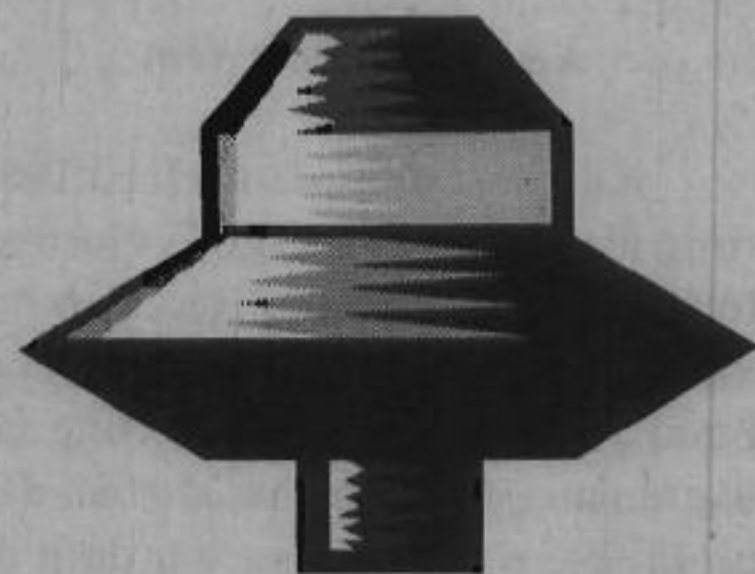
Một chiếc F-4 khác lập tức vút lên, nhưng không đến gần vật kia được, vì đột nhiên nó tăng tốc độ, bay như biến. Chiếc F-4 lúc bấy giờ bay với tốc độ nhanh hơn tiếng động, cũng không tài gì đuổi kịp. Phi hành đoàn chỉ kịp ghi nhận vật kia có hình chữ nhật, và chiếu ra ánh sáng nhiều màu.

Trong khi chiếc F-4 đang cố đuổi theo, bỗng từ vật kia bắn ra một đốm sáng nhỏ, nhắm hướng chiếc phản lực, bay ngược lại. Viên phi công định phóng một hỏa tiễn vào đốm sáng ấy, nhưng chợt nhận ra những nút điều khiển vũ khí trở nên vô hiệu, đồng thời hệ thống liên lạc cũng không sử dụng được.

Viên phi công cho máy bay quay ngang và chúi xuống, để tránh “cái gì” mà UFO phóng ra kia. Lập tức, đốm sáng cũng đổi hướng, bay theo chiếc phản lực, nhưng sau mấy giây nó lại quay trở về với cái UFO chính.

Nghĩ rằng “họ” sợ, viên phi công lại gia tốc, đuổi theo nữa. Lập tức, một đốm sáng thứ hai từ cái UFO chính vọt ra, nhưng không hướng vào chiếc phản lực, mà vút xuống, rồi đáp phía bên kia dãy đồi. Cái UFO chính tăng tốc độ bay cực nhanh, trong một thoáng, đã biến mất.

Chiếc F-4 quay trở về gần đến căn cứ, đảo nhiều vòng rộng cốt để tìm hiểu về đốm sáng đáp xuống bên kia đồi lúc nãy, thì lại thấy phía trên đầu mình một vật to bằng một chiếc chiến đấu cơ. Hai đầu vật ấy đang phóng ra



ánh sáng chói lọi. Phi hành đoàn chiếc F-4 hải đội kiểm soát của căn cứ, thì được trả lời rằng lúc đó trên trời không có máy bay nào khác ngoài chiếc của họ.

Về sau, cơ quan tình báo của Mỹ để ý đến, xếp sự kiện này vào hồ sơ UFO.

Xuất hiện ban ngày

- Ngày 18.3.1950, khoảng gần trưa, tại thành phố Farmington, tiểu bang New Mexico, có rất nhiều người, trong đó có cả ông thị trưởng, các phóng viên, và tuần cảnh, trông thấy hàng trăm vật lạ nhảy múa trên bầu trời, trong cả tiếng đồng hồ. Trong số vật lạ đó, có những cái hình dạng giống như phi thuyền, bay với tốc độ thật nhanh. Cả đám họp thành nhiều kiểu đội hình trong khi bay. Đến gần trưa, thì tất cả biến mất, nhưng có một số xuất hiện trở lại vào lúc xế chiều. Các báo địa phương tường thuật nội vụ, tờ nào cũng đặc biệt chú ý đến điểm những vật lạ ấy bay lượn, tránh né nhau một cách tài tình không ngờ được.

- Ngày 11.5.1950, Paul Trent chụp được 2 tấm hình của một vật lạ xuất hiện gần nông trại của ông ở Oregon. Kèm theo hình, vợ chồng ông mô tả vật lạ: "Trông nó giống như một cái nắp thùng rác khổng lồ, đường kính cũng phải tới 10 thước. Nó bay chậm, không xoay, không phát ra tiếng động, cũng không phun hơi phun khói gì ra. Trông toàn thân, nó sáng lóng lánh như màu bạc nấu chảy. Chúng tôi chỉ kịp chụp được hai tấm ảnh, thì nó đã biến mất ở chân trời phía tây bắc".

Các chuyên viên về nhiếp ảnh xác nhận 2 âm bản của Paul Trent không có dấu tích giả mạo. Nhìn vào ảnh, chúng ta thấy rõ hình một cái "vung" úp, trên có cái núm.

- Ngày 5.8.1957, cảnh sát viên Ernst W. Akerberg cùng vợ là Karin, đang trên đường trở về nhà từ đảo Gotland (Thụy-Điển). Chưa rời khỏi đảo, hai người trông thấy một vật lạ từ ngoài biển bay vào. Vật này trông giống cái đĩa, đường kính có thể đến

20 thước. Bay vào đến bờ, nó nghiêng, lắc lư một lúc, rồi bay vút đi, biến mất. Liên sau đó, một vật khác giống y như thế, cũng từ ngoài biển bay vào, cũng làm những động tác kia, rồi bay theo cái trước. Khi chúng bay qua, cây cối rạp ngọn xuống, và mặt nước xao động rất mạnh.

Vợ chồng Akerberg mô tả: Cái nào cũng màu xám bạc, dưới bụng có những đinh tán, nửa trên xoay chậm trên nửa dưới, quanh hông có phát ra những tia sáng chớp chờn. Khi chúng bay qua đầu, họ nghe có tiếng lách cách như tiếng lên dây đồng hồ.

Sau khi mở cuộc điều tra, không lực Thụy-Điển cũng không tìm hiểu được gì rõ hơn, đành xếp vụ này vào hồ sơ UFO.

- Trong vụ này, có nạn nhân là một phi công của không quân Úc. Câu chuyện được người cha của nạn nhân thuật lại.

Trong những tháng cuối năm 1978, tại nhiều nơi thuộc Úc-Đại-Lợi bỗng có UFO xuất hiện, gần như thường xuyên. Tuy nhiên, không nghe ở đâu có thiệt hại gì. Chỉ từ sau vụ Frederick Valentich mất tích, không quân Úc mới tăng cường bố phòng.

Hôm ấy, Valentich một mình lái một chiếc Cessna 182, cất cánh từ phi trường Moorabbin, tỉnh Victoria (Úc), vượt eo biển Bass để đến đảo King. Máy bay của Valentich cất cánh được 50 phút, thì đài kiểm soát dưới đất nhận được bức điện:

"Một vật, không biết là gì, từ hướng nam, bay về phía tôi. Hình như nó đùa nghịch gì đây. Nó bay quá nhanh, tôi không ước lượng được tốc độ. Nó vút qua chỗ tôi. Hình dáng nó dài. Nó lại bay trở lại. Nó chiếu ra ánh sáng xanh lục, và xung quanh nó, hình như có ánh sáng màu thép".

Người nhận bức điện là Steve Robey, làm việc tại đài kiểm soát không lưu ở Melbourne. Ông ta chờ phi công báo cáo rõ thêm, nhưng chỉ nhận thêm vài câu nữa:

"Nó rất to và có 4 ngọn đèn sáng lăm. Tôi đang hướng đến đảo King. Nó đang đảo trên đầu tôi. Động cơ

của tôi trục trặc..."

Rồi thôi, người phi công trẻ tuổi không nói thêm gì nữa. Liên sau đó, ở dưới đất ghi nhận được một tiếng động "kim loại" vang dài đến 17 giây.

Sau khi không tìm được một chút vết tích gì của chiếc Cessna 182, không lực Úc cũng đành phải xếp nội vụ vào hồ sơ UFO.

Trông thấy gần: Loại 1

- Ngày 24.7.1948, hai phi công của hãng Hàng không Eastern Airlines là Clarence S. Chiles và John B. Whitted, đang lái một chiếc máy bay chở khách bay trên không phận vùng Montgomery, tiểu bang Alabama. Lúc đó là 2 giờ 45 phút sáng. Bỗng hai người nhìn thấy ở phía trước có một vật bay ngược lại với tốc độ nhanh khủng khiếp. Họ liền cho máy bay tránh sang phía trái. Vật kia cũng tránh sang, và vút qua bên phải của họ. Họ không kịp nhìn cho thật rõ, chỉ phỏng đoán đó là một chiến đấu cơ. Whitted ngồi bên phía thuận, nhìn thấy rõ hơn, mô tả: "Vật này hình thù giống một chiếc xì-gà, dài chừng 30 thước, mình to bằng một chiếc B-29, nhưng không có cánh. Toàn thân nó màu xanh đậm, và từ bên trong, qua một hàng cửa sổ bên hông, một thứ ánh sáng lặn tinh màu xanh tỏa ra. Phía sau đuôi, nó phun ra một luồng lửa màu cam đậm.

- Ngày 7.9.1954, lúc 7 giờ sáng, tại vùng Amiens, cách phía bắc Paris trên 100 cây số, 2 người thợ nề tên là Émile Renard và Yves Degillerboz đang đạp xe đi tới sở làm. Họ nhìn ra cánh đồng ven đường, bỗng trông thấy một "đồng rơm" có dáng rất lạ, dưới nhỏ trên to. Thật ra, họ chú ý vì cái "đồng rơm" ấy đang cử động. Nó đảo tới đảo lui, rồi xoay vòng chậm chậm. Cả hai người ném xe đạp ra vệ đường, cầm đầu chạy lại coi cho rõ. Cái "đồng rơm" liền nghiêng hẳn qua một bên, bay xiêng xiêng một đoạn chừng vài chục thước, rồi bay thẳng đứng lên trời. Sau mấy phút, nó khuất vào trong mây.

Sau khi định thần, hai người thợ nề đến khai với nhà chức trách địa phương: Vật ấy rộng chừng 30 thước, cao chừng 3 thước, màu xanh xám. Khi bay, nó phun ra một ít khói, nhưng không phát ra tiếng động. Trông nó giống như một chiếc đĩa úp. Dưới bụng, có một ô như khung cửa. Khi họ chạy tới còn cách chừng 50 thước, thì nó bay lên.

- Vào lúc 2 giờ sáng ngày 3.9.1965, sĩ quan cảnh sát Reg Toland trực tại đồn Exeter, tiểu bang New Hampshire, kinh ngạc thấy một người đàn ông hoảng hốt chạy vào. Sau mấy phút trấn tĩnh, người ấy khai tên là Norman Muscarello, từ xa đi nhờ xe về nhà tại Exeter. Nhưng đoạn đường cuối cùng, ông ta phải đi bộ. Đang đi, ông ta bỗng thấy một vật tròn, đường kính có đến 30 thước, từ đâu trên trời bay xuống gần chỗ ông ta, chiếu ra một thứ ánh sáng đỏ chói. Ông ta sợ hãi, chạy núp dưới một con mương bên vệ đường. Nhưng vật kia dường như không để ý đến ông ta, chậm chậm bay đi, đảo nhiều vòng trên nóc mấy ngôi nhà gần đó, rồi đột nhiên bay vút đi thật nhanh.

Toland ghi vội lời khai của Muscarello, rồi gọi thông báo sự việc cho một chiếc xe tuần cảnh đang hoạt động gần đó. Viên sĩ quan trên xe là Bertrand, cũng mới gặp một người đàn bà khai có trông thấy một vật tròn, thật lớn, bay thấp, và chớp đèn đỏ. Bertrand liền cho xe tới đồn, đón Muscarello cùng đi tới chỗ người này khai vừa trông thấy vật lạ. Tới nơi, vật lạ vẫn còn đó. Và cũng có một chiếc xe tuần cảnh khác đang đậu trên đường quan sát. Họ không thể chạy lại gần, vì vật kia đang lượn qua lượn lại giữa một cánh đồng. Đèn của nó lúc chớp lúc tắt, phát ra những tia màu đỏ quay vòng tròn trên mặt đất. Mấy phút sau, nó bỏ đi, bay là là một quãng ngắn, rồi chợt bốc lên cao, bay thật nhanh về hướng đông.

Sự kiện đêm ấy không phải chỉ mấy người kể trên chứng kiến, mà cả hàng mấy trăm người trong vùng Exeter cũng trông thấy. Ai cũng mô tả giống nhau, như trên. Nhà chức

trách sở tại, cũng như không lực, có mở cuộc điều tra, nhưng cuối cùng vẫn không có kết luận rõ ràng.

- Khoảng 3 giờ rưỡi sáng ngày 5.9.1980, trên đoạn đường chạy qua vùng Gdansk, Ba-Lan, một chiếc xe cứu thương chở một toán hộ sinh gồm nữ bác sĩ Barbara Piazza, và 2 y tá, đưa một người đàn bà sắp lâm bồn vào bệnh viện. Xe đang chạy, bỗng bác sĩ Piazza gọi người tài xế, hỏi: "Cái gì kia?" Mọi người nhìn ra phía sau bên mặt, trông thấy một vật sáng, hình tròn, trông như mặt trăng, đang chờn vờn trên những ngọn cây đằng xa. Người tài xế tăng tốc độ, phóng xe đi. Nhưng hình như vật sáng kia biết ý chiếc xe, cũng tăng tốc độ, bay vút tới phía trước, đáp xuống đậu ngay giữa đường. Mấy người ngồi trên xe nhìn thấy bề ngang của nó rộng hơn mặt đường, mỗi phía còn dư ra độ nửa thước. Từ bên trong vật ấy, chiếu ra những vệt sáng màu vàng. Hai người đứng gác chỗ cổng xe lửa gần đó cũng nhìn thấy vật lạ kia. Giữa lúc đó, những cơn đau bụng của người đàn bà sắp sinh càng lúc càng dồn dập. Người bác sĩ liền gọi cho đồn cảnh sát, báo cáo tình cảnh bị "đĩa bay" cản đường. Trong khi chờ đợi, người tài xế chớp đèn pha liên hồi. Vật lạ kia hiện ra rồi biến đi theo ánh đèn. Bỗng mọi người trên xe không thấy nó nữa.

Sau khi đã đỡ xong cho người sản phụ, bác sĩ Barbara khai với cảnh sát: "Nó biến đi giống như một hình ảnh trên màn TV".

Trông thấy gần: Loại 2

- C.S. Desverges là một huynh trưởng hướng đạo. Trong đêm 19.8.1952, ông ta dùng xe đưa 3 thiếu sinh về nhà. Giữa đường, ông ta gặp một vật mà ông ta nghĩ là UFO.

Đang chăm chú lái xe, Desverges bỗng trông thấy phía trước mặt, trên một chòm cây cọ lùn, có một khối sáng đang đảo qua đảo lại. Ông ta lập tức dừng xe, mở cửa bước ra, đợi 3 đứa trẻ nếu chừng 15 phút mà không thấy ông trở lại, thì chạy lên tiếp sức.

Ông cầm theo một cây đèn bấm, một con dao chặt cây, hùng hổ như ra đi chiến đấu, nhưng trong bụng nghĩ đó chỉ là một chiếc máy bay đang tìm cách đáp khẩn cấp.

Khi đi đến gần chòm cây cọ, Desverges ngửi thấy một mùi cay nồng, và cảm thấy rất nóng. Ông dùng con dao vệt đường vào chỗ bụi cọ. Len lỏi một đoạn, ông lọt vào một chỗ không có cây cối. Sức nóng ở đây gần như không chịu nổi. Ngước mặt nhìn lên, ông không thấy trời đâu cả, vì có một khối đen sì che kín phía trên đầu. Ông bước lùi lại, rồi bấm đèn rọi lên. Một vật hình tròn, trông giống như chiếc đĩa, đang đảo qua đảo lại cách mặt đất chỉ trên 10 thước. Mặt dưới của nó lõm và màu xám, mặt trên có một cái nóc vòm ở giữa. Quanh rìa của nó có những cái vòi xen kẽ những cái ô của nhỏ. Chợt ông ta nghe một tiếng "xì", rồi một luồng khói mù màu đỏ bay về phía ông ta. Ông ta không biết gì nữa.

Ba thiếu sinh ngồi chờ trong xe vẫn theo dõi bước đi của người huynh trưởng, nhờ ánh đèn bấm lấp loáng trong bụi cọ. Khi làn hơi đỏ xông tới, chúng thấy ông ta ngã xuống. Chúng liền chạy tới một nông trại gần đó cầu cứu. Khi cảnh sát đến nơi, thì Desverges đang đi trở lại xe. Cảnh sát đi vào chỗ bụi cọ, thì không còn thấy gì lạ, ngoài một chỗ cỏ bị dẫm nát. Họ lượm trao lại cho Desverges cây đèn bấm và con dao chặt cây. Riêng phần ông này, thì mãi qua ngày hôm sau, ông ta mới nhận ra trên cánh tay và bàn tay của mình có những chỗ da bị giộp và lông bị cháy. Chiếc mũ ông ta đội lúc bấy giờ, cũng có cháy một đốm.

Cơ quan điều tra không giải thích được những vết sém trên mình Desverges, nhưng riêng chỗ cháy của cái mũ, họ quả quyết là do một tia lửa điện.

- George Pedley chuyên sống bằng nghề trồng trọt ở vùng Tully, phía bắc Queensland, Úc-Đại-Lợi. Ngày 19.1.1966, khoảng 9 giờ, ông ta đang lái máy cày trên một cánh đồng trồng mía thuộc khu Albert Pennisi.

thì chợt nhìn thấy từ vùng đầm lầy Horseshoe Lagoon, cách đó một khoảng ngắn, bay vút lên một vật gì lạ lẫm. Nó xoay rất nhanh, bốc lên cách mặt đất chừng 20 thước, hụp xuống một cái như để lấy đà, bốc lên cao nữa, rồi bay vút đi, biến mất trong vài giây. Pedley ngưng làm việc, chạy đến nơi, thì thấy ở chỗ ấy, cỏ bị xoáy vệt lõm thành một hình tròn, giống như một cái ổ chim, rộng chừng 8 thước. Tại chỗ, ông ngửi thấy mùi lưu hoàng.

Cuộc điều tra cho biết ở gần đó còn có 2 chỗ cỏ bị vệt như thế nữa. Trong lòng mỗi chỗ lõm như vậy, có 3 điểm đất bị nén rất chặt, như mỗi UFO có 3 chân chống.

- Tối 2.11.1971, Ronald Johnson, 16 tuổi, đang chăn cừu trong nông trại ở gần Delphos, tiểu bang Kansas, thì thấy một vật lạ. Vật này trông giống cái nấm, rọi ra ánh sáng đủ màu. Nó đang bay là cách mặt đất chỉ chừng 1 thước, cách chỗ cậu bé một khoảng ngắn. Đường kính của nó cũng gần 3 thước. Trong khi bay, nó phát ra tiếng kêu như một chiếc máy giặt cũ. Lượn vòng chỗ đó vài phút, nó bốc lên. Khi đó, phía dưới bụng nó chiếu ra một luồng ánh sáng rất mạnh, Ronald lóa mắt không thấy gì cả. Sau đó, nó chạy vào trong nhà gọi cha mẹ. Khi họ ra đến nơi, vật kia chỉ còn là một điểm sáng nhỏ ở trên trời.

Cuộc điều tra sau đó ghi nhận: Chỗ Ronald trông thấy vật kia bay sát mặt đất, đất và cỏ đều phát ra ánh sáng. Cây cối gần quanh đó cũng phát quang. Lốp đất mặt chỗ ấy quánh lại, gần như kết tinh. Khi chạm vào vào những điểm nghi là vật kia đã đụng vào, ai cũng thấy bàn tay tê tê. Tình trạng này kéo dài 2 tuần. Một tháng sau, tuyết xuống, tan đi ở những chỗ khác, nhưng tại chỗ đó, thì không tan.

Trong vòng 2 tuần sau, bầy cừu thỉnh thoảng lại nhảy ra khỏi chuồng rồi chạy tứ tung như bị ai xua đuổi. Con chó thì cứ mặt trời vừa lặn, là chui vào trong nhà, như trốn một thứ gì nguy hiểm. Riêng Ronald cũng bị nhức đầu, đau mắt, ban đêm ngủ bị ác mộng, suốt mấy tuần.

Trên đĩa bay có người

- Ngày 23.7.1947, José C. Higgins đang cùng mấy đồng nghiệp đo đạc trên một cánh đồng gần Bauru, Ba-Tây, thì đột nhiên nghe một tiếng rít chói tai, rồi một vật hình đĩa, rất lớn, từ trên trời đáp xuống. Đường kính của nó cũng phải trên 40 thước. Trông nó như làm bằng một thứ kim loại màu xám. Nó đậu trên những chiếc chân cong.

Từ trên đĩa bay, bước xuống 3 người rất cao lớn. Người nào cũng cao ngoài 2 thước. Họ mặc quần áo trong suốt nhìn xuyên qua được, trùm kín cả đầu, phồng ra như một cái túi cao su. Sau lưng, người nào cũng mang một cái hộp. Lúc bấy giờ, chỉ còn một mình Higgins đứng đó. Mấy bạn đồng nghiệp đã bỏ chạy đi xa.

Higgins nhận thấy 3 người kia rất giống nhau. Mất họ tròn và to, đầu họ cũng to, nhưng không có tóc, lông mày, và râu. Chân họ rất dài.

Họ ra hiệu bảo Higgins lên đĩa bay với họ, nhưng ông ta chạy trốn vào trong một bụi rậm. Ông nhìn ra, thấy bọn kia đùa giỡn với nhau một lát, rồi lên đĩa bay bay vút đi.

- Ngày 28.11.1954, lúc 2 giờ sáng, 2 người tài xế vận tải là Gustavo González và José Ponce, đang cho xe chạy trên đường ở Caracas, Venezuela, thì đột nhiên thấy đường bị nghẽn: Phía trước, ngay trên đường, có một trái cầu to chừng 3 thước, sáng chói lọi, đang lơ lửng cách mặt đất 2 thước. González ngừng xe, đi đến chỗ kia coi đó là cái gì. Nhưng khi vừa đến, ông ta liền bị một "người lùn" tấn công. Người này lông lá đầy mình, cặp mắt ngời ánh sáng, tay có vuốt như thú. González ôm ngang lưng "người lùn" vật, thì cảm thấy nó rất nhẹ. Nhưng nó quăng ông ta ra xa đến 5, 6 thước. Ông ta xông lại, rút dao đâm nó, thì mũi dao trượt đi như thể mình mảy nó bằng sắt. Một tên giống như thế lại từ trong khối cầu kia chui ra, rọi một tia sáng vào mặt González, khiến ông không thấy gì nữa.

Trong khi đó, Ponce đứng ở chỗ

xuân sang

*Chẳng còn khái niệm với thời gian
Sáu năm rào sắt bủa, lưới giàng
Con tim đau đón rên rỉ máu
Thân xác ngày dần trí lãng tan
Mây trời nhẹ lướt mờ mắt đục
Sóng xa bào xốt lòng phế hoang
Mơ tỉnh, tỉnh mơ hồn cố quốc
Quê người nay đã độ xuân sang.*

đỗ đẳng bắc

chiếc xe, nhìn thấy 2 người lùn khác đang lấy đất hoặc đá gì đó, đem vào trái cầu. Ông ta liền chạy đến một trạm cảnh sát. Vài phút sau, González cũng chạy tới, thở không ra hơi, bên sườn có một vết trầy. Khi cảnh sát ra đến nơi, họ không còn nhìn thấy được gì nữa.

- Ngày 18.4.1961, Joe Simonton ở Eagle River, tiểu bang Wisconsin, chẳng những trông thấy người trên đĩa bay, mà còn được họ cho bánh nữa. Hôm ấy, Simonton nghe tiếng động lạ ngay trên nóc nhà mình, rồi trông thấy một vật giống như 2 chiếc đĩa úp lại với nhau, sà xuống sân sau, lơ lửng cách đất chỉ vài tấc.

Khi Simonton lại gần, một khung cửa của đĩa bay bỗng mở ra, và ông ta nhìn thấy bên trong có 3 "người đàn ông". Họ có vẻ còn trẻ, dáng người tầm thước, tóc đen, da mặt thật sạm. Một người đưa cho Simonton một cái bình màu trắng bạc có 2 quai, ra hiệu xin nước. Ông ta đi múc đầy bình nước, đem lại. Nhìn vào bên trong đĩa bay, ông ta thấy một người đang "nấu nướng" gì đó trên một cái lò không thấy lửa thò ra. Bên cạnh đó, có một đồng những miếng trông giống như "bánh qui" để trên một tấm vỉ. Simonton, đưa tay ra dấu xin một cái. Người kia lượm 4 cái, trao cho ông.

Sau đó, chiếc đĩa bay nghiêng đi, rồi bay vút lên, tạo ra một luồng gió thật mạnh, khiến những cây thông

gần đó rạp ngọn xuống.

Simonton ném thử một “cái bánh”, thì thấy nó giống như “cạc-tông”. Khi có phái đoàn điều tra đến hỏi, ông giao cho họ những “chiếc bánh” còn lại. Sau khi phân chất, họ cho biết trong đó có bột mì, đường, và mỡ.

- Ngày 24.4.1964, khoảng 10 giờ sáng, tại thung lũng Newark, quận Tioga, tiểu bang New York, nông dân Gary T. Wilcox đang làm việc ngoài đồng, thì trông thấy một đĩa bay dài chừng 6 thước, rộng chừng 4 thước, đáp xuống gần đó. Wilcox chưa kịp có phản ứng gì, thì từ bên trong đĩa bay nhảy ra 2 người rất nhỏ con, cao chỉ độ hơn một thước, mặc đồ che kín cả mặt mũi. Mỗi người bưng một cái khay đựng những mẫu đất không biết họ lấy ở đâu, có lẫn cỏ. Một trong hai người ấy nói chuyện với Wilcox bằng một thứ tiếng Anh rất chuẩn. Y cho biết đĩa bay đến từ Hỏa-tinh. Câu chuyện kéo dài đến 2 tiếng đồng hồ. Y cho biết người Hỏa-tinh lấy thực phẩm từ trong vũ trụ, nên không biết trồng trọt. Cuối cùng, người lùn xin một túi phân bón, và Wilcox lấy cho y.

Sau khi đĩa bay đi rồi, Wilcox lấy

thêm mấy túi phân nữa để ra giữa ruộng, nghĩ rằng mấy người Hỏa-tinh kia sẽ trở lại lấy. Qua hôm sau, quả nhiên những túi phân biến mất.

- Đêm 24.4.1964, tại New Mexico, trong khi đuổi theo một chiếc xe hơi chạy quá tốc độ, tuần cảnh Lonnie Zamora trông thấy một khối sáng màu xanh từ đâu trên trời bay xuống, hướng về phía một căn trại giữa đồng. Zamora không rượt theo chiếc xe kia nữa, chú ý theo dõi khối sáng. Nhưng khi đến gần chỗ mà ông ta nghĩ là nó vừa đáp xuống, thì không thấy nó đâu nữa. Nhìn quanh, ông ta thấy ở dưới một con mương cách đó chừng trên 100 thước, có một vật lạ. Vật này hình trứng, có chân chống. Cho xe lại gần hơn nữa, ông ta thấy bên cạnh vật lạ kia có 2 “người”, đều mặc đồ màu trắng, hoặc gần như trắng. Khi ông ta bước ra khỏi xe để nhìn cho rõ, thì hai người kia vội vã trở vào trong “phi thuyền”. Phi thuyền của họ cất cánh với một tiếng gầm rất to.

Zamora liền gọi sở cho thêm người tới. Quan sát kỹ quanh chỗ đó, cảnh sát nhận thấy nhiều vết tích trên mặt đất, và nhiều cây cỏ bị cháy sém. Nhìn những vết lún, họ đoán “phi

thuyền” kia có 4 chân.

Người đĩa bay bắt giữ người trái đất

- Sau đây là câu chuyện “ly kỳ” hơn hết trong số hồ sơ về đĩa bay.

Antonio Villas Boas, 23 tuổi, là một thanh niên Ba-Tây chuyên nghề nông. Lúc 1 giờ sáng, ngày 15.10.1957, anh ta đang một mình cày ruộng giữa đồng, thì trông thấy một vật hình trứng to bằng một ngôi nhà, bay đến lượn trên đầu, rồi đáp xuống gần đó. Khi nó vừa đậu xuống, 2 chiếc đèn pha trên chiếc máy cày của Boas tắt đi, rồi máy cũng tắt theo.

Từ trong vật kia, nhảy ra 4 “người”, người nào cũng bao kín đầu và mặt. Họ xông đến, lôi Boas ra khỏi máy cày, rồi dìu anh ta lên thang, đẩy vào “phi thuyền”. Bên trong còn mấy người khác nữa. Họ nói với nhau bằng thứ tiếng gì, Boas nghe như “chó sủa”. Người nào cũng chỉ cao chừng 1 thước rưỡi, mắt màu xanh biếc, mặc áo liền quần bó sát thân mình.

Boas bị họ cởi hết quần áo, rồi chích lấy máu ở cẳng. Trong khi họ lấy máu, anh ta không cảm thấy đau. Sau đó vài phút, một người “phụ nữ” rất đẹp, không mặc quần áo gì cả, bước ra dắt tay Boas đi qua phòng bên cạnh.

Boas kể lại rất kỹ, người “phụ nữ” kia đã dụ dỗ anh ta như thế nào, hai người làm tình với nhau như thế nào rồi nói tiếp: “Sau đó, thì cửa mở. Một người vào gọi cô ta. Cô ta đứng dậy nhưng trước khi quay đi, cô ta lấy tay chỉ vào bụng mình rồi chỉ vào tôi mỉm cười, rồi lại chỉ lên trời”.

Họ trả quần áo lại cho Boas, nhưng giữ chiếc bật lửa của anh ta. Họ dẫn anh ta đi quanh trong phi thuyền cho anh ta coi. Anh ta đặc biệt để ý đến cái vòm trên nóc của nó, trong đó có mấy đang chạy, phát ra tiếng động giống như tiếng kêu của máy hút bụi. Cuối cùng, người hướng dẫn chỉ cái thang, ra dấu cho Boas trèo xuống. Anh ta chạy ra xa, đứng nhìn, thấy phi thuyền bốc lên từ từ, trong khi



mùa tết

*Tu hú gọi mùa báo xuân sang
Dăm con bướm nhỏ lượn hoa vàng
Ngoài cửa cành mai vừa nhứt lá
Những nụ mầm xanh dưới nắng tàn.*

*Nhà nhà nô nức vui mừng Tết
Nhịp chày giã gạo suốt canh thâu
Làng xóm xôn xao vui xuân mới
Trẻ nhỏ vui chơi, rặng trâm bầu.*

*Các cô thiếu nữ lo làm đẹp
Quần áo, bông tai, chút lụa là
Thoa chút son môi, thêm chút phấn
Tự nhiên, em vẫn đẹp hiền hoà.*

*Chị ngồi may thêm đôi áo mới
Cho lũ em chờ đón xuân sang
Mẹ ngồi lau lại dàn đồ kiệu
Tết đến đem ra đãi họ hàng.*

*Cha đứng ngắm nhìn đôi lư cổ
Chùi bụi cho xong ảnh ông bà
Một nhánh mai vàng, mâm cây trái
Cầu, xoài, dứa, đủ cho cả nhà.*

*Tủ thờ tiên tổ đã dọn xong
Ba má hân hoan dạ yên lòng
Sửa lại mấy bức tranh sơn thủy
Điểm xuyết lư hương, cặp nến hồng.*

*Đất khách bao lần đón xuân qua
Cũng pháo, cũng hoa, đủ thứ quà
Mà sao Tết đến, lòng quạnh quẽ
Chiều hôm uống rượu, nhớ quê nhà!*

vĩnh hoà hiệp

mấy cái chân co lại. Chiếc vòm phía trên xoay càng lúc càng nhanh, rọi ra những tia sáng đổi màu. Bỗng phi thuyền nghiêng qua một phía, rồi bay vút đi. Boas cho biết anh ta bị giữ trên phi thuyền trong 4 tiếng đồng hồ.

Bác sĩ Fontess khám cho Boas sau đó, đã phát hiện trên toàn thân của anh ta, ngoài 2 vết chích ở cằm, còn nhiều vết thương màu tím khác, nhưng tất cả đều đã lành. Bác sĩ kết luận là “có thể anh ta bị nhiễm độc phóng xạ”.

- Nửa đêm 19.9.1961, vợ chồng Barney Hill đang lái xe từ Gia-Nã-Đại trở về nhà ở Portsmouth, tiểu bang New Hampshire, sau chuyến nghỉ phép. Họ chạy trên xa lộ số 3, khoảng ngang làng Lancaster, thì trông thấy một vật sáng bay trên trời. Khi họ chạy đến chân dãy núi White, thì vật kia hiện ra lớn hơn, và bay song song với xe của họ. Chạy thêm một đoạn nữa, họ thấy vật kia ở ngay trước mặt. Barney ngừng xe, bước ra ngoài quan sát vật đang bay chậm trước mặt. Ngồi trong xe, vợ ông ta nghe ông ta la to: “Có người đi trên đó thật sao?”

Ông ta chạy trở lại xe, bảo vợ: “Coi chừng, họ có thể bắt cóc chúng ta đấy”. Chiếc UFO lúc bấy giờ bay cách xe họ chừng 30 thước, và cách mặt đất chừng 20 thước. Chiếc xe vọt đi, nhưng một tiếng “bíp” từ đâu đó phát ra, và cả hai vợ chồng đều cảm thấy rất buồn ngủ.

Khoảng 2 tiếng đồng hồ sau, vợ chồng Hill như tỉnh ra, và đang thấy mình chạy xe trong vùng Ashland, cách chỗ lúc này chừng 50 cây số. Họ lái về nhà, tâm trí không thoải mái chút nào.

Qua ngày hôm sau, họ đến căn cứ không quân Pease khai báo sự việc. Ở đây, người ta ghi lời khai của họ rất kỹ. Mười ngày sau, riêng người vợ lại phải đến khai tại Ủy Ban Quốc Gia Điều Tra Dĩa Bay ở thủ đô Washington. Ít lâu sau “biến cố”, Betty (người vợ) bắt đầu bị ác mộng liên miên. Bà ta mộng thấy một toán người mặc binh phục đứng trước đầu xe. Người trưởng toán trấn an hai vợ

chồng bà rằng họ sẽ không làm gì có hại cho hai người. Rồi hai người được đưa vào bên trong chiếc phi thuyền kia, để được “khám nghiệm” rất kỹ. Nhưng chỉ riêng Betty được trích lấy mẫu tóc, móng tay, và da. Sau đó, hai vợ chồng được cho trở lại xe, lái đi.

Biến cố UFO kia đã đè nặng lên tâm trí của đôi vợ chồng Hill khá lâu. Một thời gian sau, họ tìm đến bác sĩ Benjamin Simon, một chuyên gia lỗi lạc về bệnh tâm thần ở Boston, đã chữa lành cho nhiều người mắc chứng “rối loạn bản ngã”, hoặc mắc chứng “quên”. Chữa bằng thôi miên.

Bác sĩ Simon chữa cho vợ chồng Hill trong 6 tháng, bắt đầu từ tháng 1.1964. Trong những lần “phục hồi ký ức”, bác sĩ đã khai thác được ở Betty nhiều sự kiện: Khi Betty hỏi bọn “người hành tinh” từ đâu tới, họ vẽ ra một bản đồ để giải thích. Trong khi bị thôi miên, Betty vẽ lại bản đồ ấy, và chẳng ai hiểu được gì cả. Nhưng bây giờ thì người ta hiểu được, vì bản đồ ấy phù hợp với những khám phá thiên văn gần đây.

- Trong đêm 11.10.1973, Calvin Parker và Charles Hickson đang câu cá ở Pascagoula, Mississippi, thì trông thấy một vật hình thuẫn dài chừng 6 thước, đáp xuống gần đó. Từ trong vật đó trèo ra 3 người, đi về phía họ. Ba người kia cao chừng 1 thước 5 tấc, da màu tái nhợt và nhẵn nhúm trông dễ sợ. Họ không có cổ, bàn tay hình như chỉ có hai ngón, còn hai chân thì gần như dính vào nhau. Vừa nhìn thấy bọn kia, Parker ngất đi. Rồi cả hai bị bọn kia đưa vào bên trong phi thuyền. Dường như cả đám không bước đi, mà bồng bênh trong không khí.

Hai người được đưa vào một căn phòng rất sáng, ở đó có một dụng cụ trông giống như “con mắt” khám họ rất lâu. Sau đó, họ “trôi” ra khỏi phi thuyền, rồi được đặt ngồi trở lại chỗ cũ, trên bờ sông.

Sau khi trở về nhà, họ đến khai với cảnh sát. Cảnh sát không tin lời họ, dùng máy “khám phá nói láo” lấy cung họ một lần nữa, nhưng máy không phát hiện được gì. Nhà chức

trách còn muốn dùng thôi miên để tìm hiểu thêm nữa, nhưng các đương sự không thuận.

- Khoảng 7 giờ sáng, ngày 5.1.1975, nhân viên công lực sở tại tìm thấy Carlos Alberto Diaz, 28 tuổi, làm bồi trong thị trấn Ingeniero White, Á-Cần-Đình, nằm bất tỉnh ở vệ đường. Họ đưa anh ta vào bệnh viện. Ở đây, bác sĩ khám thấy đầu anh ta bị mất tóc ở nhiều chỗ. Khi tỉnh lại, Diaz khai rằng anh ta bị bắt cóc bởi 3 “người” da màu rêu, tay ngắn, mập, và có những ống hút.

Đây là một trường hợp thật đặc biệt liên hệ đến “dĩa bay” và “người hành tinh”, nên trước sau, Diaz đã được tới 46 bác sĩ và chuyên gia, cùng nhiều điều tra viên của cảnh sát, đến “hỏi thăm”.

Diaz kể: “Hôm ấy, tôi rời khách sạn lúc trời chưa sáng hẳn. Tôi đi bộ trở về nhà. Khi vừa đi tới một sân ga xe lửa vắng, tôi trông thấy một thứ ánh sáng rất mạnh, lúc chớp lên lúc tắt đi. Khi gặp luồng sáng kia, mắt tôi như mù. Nhìn thấy trở lại, tôi lại cảm thấy toàn thân như tê liệt, và nghe trên đầu có tiếng vù vù. Sau đó, tôi không còn biết gì nữa.

“Khi tỉnh lại, tôi thấy đang nằm trong một căn phòng tròn. Ba ‘con người’ đến bên cạnh tôi, cọ những cánh tay kỳ lạ của họ khắp người tôi. Tôi biết là họ nhỏ lông, nhỏ tóc của tôi, nhưng không cảm thấy đau. Ba con người này, đầu không có tóc, da mặt màu xanh, không có mắt tai mũi miệng gì cả. Họ không cao, chỉ chừng 1 thước 6 tấc, thân mình mảnh mai, trông như bọc trong một lớp cao su mịn màu kem. Khi nhổ tóc tôi, hình như họ nhảy nhót vui đùa với nhau. Sau đó, tôi lại ngất đi.

Khi tỉnh lại, tôi thấy tôi đang nằm ở ngoài trời. Tôi cảm thấy buồn nôn, rồi mưa ra lênh láng. Tôi nằm thiếp ở đó cho đến khi người ta tới cứu.

Các bác sĩ khám cho Diaz ai cũng ngạc nhiên về điểm tại sao Diaz bị rút tóc cả chùm như vậy, mà da đầu không hề bị thương tổn. Họ không biết bọn “người hành tinh” đã dùng cách gì để nhổ tóc anh ta. ●

Phân-Tích “Thư của Viên Linh Gửi Các Nhà Văn VN”

Nguyễn Hữu Nghĩa

Ngày 15.1.1996, ông Viên Linh, cựu Chủ-tịch Ban Chấp-hành văn VNNH phổ-biến một bức thư gửi các nhà văn Việt-nam, với các ý-chính như sau:

- Văn Bút có điều-lệ kỳ-quái, không cho phép các nhà văn (dù nổi tiếng đến đâu) được ứng-cử Chủ-tịch, nếu không phải là đại-biểu của một Trung-tâm.

- Văn Bút bị những “nhà văn hạng nhì”, hoặc “nhà văn” giả hiệu cướp-đoạt.

- Viên Linh kêu-gọi các nhà văn ký tên hỗ-trợ Viên Linh “lấy lại Văn Bút trả cho nhà văn”; và Viên Linh chỉ trả chức chủ-tịch Văn Bút cho một nhà văn “có tên tuổi làm rạng-rỡ tổ-chức.”

Chúng tôi nhận thấy qua bức thư này, ông Viên Linh đã để lộ các thâm ý như:

- Tạo nghi-ky, hiềm-khích, chia rẽ hội-viên Văn Bút và những nhà văn ngoài Hội.

- Xuyên-tạc mục-đích cao-đẹp của tổ-chức Văn Bút (là đấu-tranh cho nhân-quyền cho người cầm bút), tạo ấn-tượng sai-lầm rằng Văn Bút là một hội ngấm thơ bình văn, dành riêng cho những “tên tuổi rạng-rỡ” đến đó đó tài, khoe tiếng, ngoài ra chẳng làm gì khác.

- Tái-lập tình-trạng chiếu trên, chiếu dưới, phân-biệt giữa “người viết

trước 75” và “người viết sau 75”.

Để cho sinh-hoạt Văn Bút từ ngoài nhìn vào không bị vẩn-đục vì những ý-nghĩ sai-lầm của ông Viên Linh, chúng tôi nêu lên những ý-kiến cá-nhân về vấn-đề này, như sau.

Ông Viên Linh không hiểu gì về mục-đích và tôn-chỉ của Văn Bút

Cho đến nay, sau 8 năm hoạt-động trong Văn Bút hải-ngoại (trong tài-liệu do chính ông Viên Linh công bố ngày 25.11.95, không thấy tên Viên Linh (Nguyễn Nam) trong danh-sách 160 hội-viên Văn Bút Việt-nam trước 1975), và ngay cả sau khi được Văn Bút quốc-tế gửi thư khiển-trách, ông Viên Linh vẫn không hiểu một tí gì về tổ-chức quốc-tế này, không biết mình vào Hội với mục-đích gì, làm gì và cho ai!

Hiển nhiên Văn Bút không phải là một loại thi-văn-đoàn hay một hội văn-nghệ được lập ra để các hội-viên đến đó đó tài, so tiếng và bầu người có văn-nghệ đồ-sộ nhất lên làm chủ-tịch.

Trước hết Văn Bút là một hội nhân-quyền, đặc-biệt là đấu-tranh cho quyền tự-do tư-tưởng, tự-do phát-biểu của người cầm bút. Hiến-chương Văn Bút quốc-tế không đề-cập gì đến chuyện chiếu trên chiếu dưới, tên tuổi lớn hay tên tuổi nhỏ. Điều kiện đòi-

hỏi, phải là “PEN”, nghĩa là kịch-tác-gia, thi-sĩ, bình-luận-gia, chủ-bút hay tiểu-thuyết-gia (P: Playwrights, Poets; E: Essayists, Editors hay N: Novelists). Để ấn-chứng “đủ điều-kiện”, hội-viên phải có tác-phẩm, in sách hoặc đăng báo.

Không một điều nào của bất cứ một quốc-gia hội-viên nào đòi “phải nổi tiếng” mới được vào hội hay mới được làm chủ-tịch. Hiển-nhiên “nổi tiếng” là một ưu-điểm của một cá-nhân, nhưng muốn giúp cho công-việc của Hội tiến-triển và hiệu-quả, tất-nhiên đòi-hỏi ở nhiều khả-năng khác, thường không liên-quan gì đến “văn-nghệ đồ-sộ.” Cứ nhìn vào danh-sách lãnh-đạo hội “mẹ” khác biết: có bao nhiêu ông bà “Nobel” làm chủ-tịch hay tổng thư-ký của Hội?

Ông Viên Linh đã từng làm chủ-tịch Trung-tâm Nam California trong 6 năm, đã làm phó chủ-tịch Văn Bút VNNH 2 năm, và làm chủ-tịch thêm 2 năm nữa, thế mà sau từng ấy năm làm việc, ông đã ngỡ-ngác chứng-minh cho mọi người thấy, ông không hiểu gì về mục-đích và tôn-chỉ của Hội!

Không có “điều-lệ kỳ-quái” nào mà không sửa được!

Ngoài trừ điều 2 (xem cước-chú) và điều 24 (nói rằng không được tu-chính điều 2) là không sửa được, các điều khác, dù “kỳ-quái” hay không, đều sửa được. Dĩ-nhiên, việc “sửa” phải qua một tiến-trình tu-chính hợp-cách, không phải ai muốn sửa thì sửa, thậm chí kêu-gọi cả người ngoài Hội tới sửa hộ thì quá đáng.

Trên đời này bất cứ điều gì khi có sự chung-đụng giữa hai người trở lên đều phải có luật, hay lệ. Hai đứa trẻ chơi oẳn-tù-tì cũng có luật; luật ấy bảo rằng cái kéo cắt cái bao, cái bao bao cái búa, cái búa đập cái kéo! Muốn sửa luật, hai đứa phải đồng ý, không thì cuộc chơi chung không thành.

Ông Viên Linh đã quá tuổi thành-niên, lại từng điều hành một hội trí-

thức, tất-nhiên hội-viên có quyền đòi hỏi ông phải có trình-độ kiến-thức cao hơn “oản-tù-tì.” Muốn sửa Điều-lệ, thì ngồi xuống viết ra điều gì muốn sửa, phổ-biến cho anh em đọc trước rồi đưa ra trước Đại-Hội-đồng để trình-bày, thảo-luận và biểu-quyết.

Ông Viên Linh không hề bao giờ đòi sửa điều gì trong suốt 8 năm hoạt-động trong cương-vị điều-hành. Ông không hề đưa ra bất cứ một tu-chính-án nào, cũng không hề giơ tay phát-biểu một lời nào, cho tới khi cần đưa người nhà tới bỏ phiếu thì ông thò tay ra cạo sửa Điều-lệ!

Để có thẩm-quyền cấp thẻ cử-tri, ông tự tiện lời Điều-lệ ra sửa. Bị phản-đối, ông ngưng-nguẩy đóng cửa đuổi Đại-hội-đồng, rồi kêu-gọi những “nhà văn lão thành và tâm tiếng” ngoài Hội, xách-động họ hi-sinh cả văn-nghiep và tên tuổi đồ-sộ cốt để bảo-vệ cái “chiếu trên” của ông trong Văn Bút! Thử kiểm-điểm lại trong số những người mà ông Viên Linh mang đến Đại-hội làm ồn như cái chợ, có bao nhiêu người xứng-đáng gọi là “nhà văn”? Và ông hô-hào “*trả Văn Bút lại cho các nhà văn*”, phải chăng ông muốn trả lại cho các “nhà văn” ấy?

Thực-sự, ông Viên Linh không bao giờ thấy có bất cứ điều-lệ nào kỳ-quái, nếu ông vẫn được an-nhiên ngồi trên chiếu chủ. Chỉ khi nào người ta giữ chiếu đuổi ông đi, điều-lệ mới trở nên kỳ-quái, và theo ông, phải phá vỡ cả Hội mới sửa được!

“Tiểu lại tập-sự làm chuyện văn-học”?

Theo Điều-lệ hiện-hành, muốn ứng-cử chức chủ-tịch Ban Chấp-hành phải là đại-biểu của một Trung-tâm; muốn là đại-biểu của một Trung-tâm phải được bầu vào BCH Trung-tâm (chủ-tịch, phó chủ-tịch, tổng thư-ký hoặc thủ-quỹ).

Ông Viên Linh cho rằng điều-lệ này rất “kỳ-quái” nhưng tám năm qua không hề hé răng đề-nghị sửa đổi. Tới nay đột-nhiên ông viết báo, bảo rằng làm như vậy thì “*một cách cụ-thể, đây*

là một tổ-chức phường khóm làng xã: phải ở trong ban điều-hành mới được đi họp phường, phải ở trong hội-đồng xã mới được đi họp huyện.”

Như vậy theo ông Viên Linh, ai muốn đi họp huyện thì cứ đi, ai muốn vào Quốc-hội ngồi làm luật thì cứ vào, ai muốn gõ cửa Thủ-tướng, Tổng-thống để bàn quốc-sự thì cứ gõ, và như vậy mới là ...dân-chủ? Ông quên nói thêm: điều-kiện để thực-hiện “dân-chủ” kiểu này, là lời phát-biểu đó phải hợp tai ông cựu Chủ-tịch Viên Linh, phải giúp ông cựu Chủ-tịch nín kéo cái chiếu ông ngồi thêm mấy năm nữa; còn ngược lại, dù tiếng nói chính-thức của đa-số, của các đại-biểu do các Trung-tâm bầu ra và cử đi họp, cũng không có giá-trị!

Hình-thức “*dân-chủ nhân-dân*” do ông Viên Linh đưa ra không thể chấp-nhận được trong các sinh-hoạt dân-chủ pháp-trị ở các nước tự-do!

Ông viết “*nhà văn không cần trở nên những tiểu lại tập sự để làm chuyện văn-học.*” Điều này đúng, nếu để “*làm chuyện văn-học*”; nhưng việc điều-hành một tổ-chức không thuộc phạm-vi văn-học, mà nằm trong phạm-vi hành-chánh. Sinh-viên trường Quốc-gia hành chánh không tốt-nghiep thành... nhà văn, mà thành những đốc-sự, được bổ đi làm trưởng ty, quận trưởng, tỉnh trưởng, tổng bộ trưởng, v.v. Sinh-viên văn-khoa tốt-nghiep, dù là hạng tối danh-dự, cũng không thể bổ vào công-vụ hành-chánh được, ngoại trừ một vài trường-hợp đặc-biệt và hiếm-hoi, vì lý-do chính-trị.

Đại-Hội-đồng Văn Bút được thành-lập theo chế-độ đại-biểu, rất gần với chế-độ đại-nghị: mỗi Trung-tâm bầu 5 người vào Ban Chấp-hành Trung-tâm, năm người này đương-nhiên là đại-biểu khi Đại-Hội-đồng nhóm họp.

Đại-biểu, do đó, phải là những người đã từng hoạt-động Văn Bút trong một thời-gian tại các Trung-tâm, được tín-nhiệm, và đã được bầu một lần. Điều-kiện để ra ứng-cử chức chủ-tịch Ban Chấp-hành Trung-ương phải là đại-biểu (các ứng-cử-viên

khác như phó chủ-tịch, tổng thư-ký không bị ràng-buộc vào điều-kiện này), cốt đòi hỏi ứng-cử-viên chủ-tịch phải là người đang sinh-hoạt, hiểu rõ công-tác Văn Bút và đã được tín-nhiệm ít nhất tại địa-phương nơi người đó cư-ngụ.

Trong chế-độ đại-nghị như tại Anh-quốc, Gia-nã-đại, Úc-đại-lợi, Tân Tây-lan,... muốn trở thành thủ-tướng, người đó trước hết phải là dân-biểu của một vùng, điều đó có gì sai? Các chế-độ đại-nghị trên đây còn đòi thủ-tướng phải là chủ-tịch của đảng đa-số tại Quốc-hội; còn trong Văn Bút, muốn ứng-cử chức chủ-tịch Ban Chấp-hành trung-ương, chỉ cần là thủ-quỹ của một Trung-tâm là được. Điều-kiện ấy có gì là khe-khắc? Và nếu thấy khe-khắc, sao 8 năm nay ông Viên Linh không lên tiếng, nhất là trong thời-gian ông đang “*cầm quyền*”?

“Hãy trả Văn Bút lại cho các nhà văn”: ai cướp đoạt, và ai đòi?

Tại Đại-hội Văn Bút kỳ IV năm 1993 tại San Jose, ông Viên Linh đòi “*trả Văn Bút cho người cầm bút*”, ngụ ý rằng, chỉ có những người cầm bút trước 1975 mới là nhà văn, còn sau này thì không phải.

Cái ý này đã bị phản-đối, vì rằng chủ-trương như vậy là phản lại nguyên-lý tiến-hóa của văn-học. Dòng văn học Việt-nam có những giai-đoạn sống của nó: trước 1913, trước 1942, trước 1954, trước và sau 1975. Dòng sống này luôn luôn tiếp-diễn và không dừng lại ở bất cứ một tiêu-mốc nào.

Giai-đoạn sau 1975 không thiếu những tên tuổi sáng chói và những đóng-góp đáng kể. Không ai có quyền phủ-nhận nó, dù người đó đang cầm quyền (trong nước) hay tưởng rằng mình có quyền ở hải-ngoại (Viên Linh).

Chủ-trương “*trả Văn Bút cho người cầm bút*”, nhưng ông Viên Linh đã không làm như vậy. Trong giấy tờ in chánh, ông Viên Linh in

trên tiêu-đề của Ban Chấp-hành Văn Bút VNHN cả "Performance Arts Committee" (đúng ra là *Performing Arts*); Ủy ban này chắc chắn không cầm bút, mà cầm thứ khác như đàn sáo, micro, v.v.! Đây là một sự kiện vô tiền khoáng hậu, nhưng không ai phản-đối, vì nó chẳng đáng gì. Chúng tôi chỉ nêu ra để thấy rằng lời nói và việc làm của ông Viên Linh rất ít khi đi đôi.

Vấn-đề đặt sai chỗ khi nói "trả Văn Bút cho nhà văn." Nhà văn không bao giờ "đòi" Văn Bút. Tất cả mọi nhà văn đều biết rằng tổ-chức Văn-Bút luôn luôn mở rộng cửa, trải chiếu hoa để chào-đón các nhà văn. Ông Viên Linh hãy nêu ra giùm trường hợp một nhà văn nào xin vào Văn Bút mà bị từ chối? Xưa nay chúng tôi chỉ thấy các Trung-tâm đi mời thỉnh các nhà văn gia-nhập, chưa thấy ai muốn vào mà bị đẩy ra! (Xin ông đừng viện dẫn bốn... xe cữ-tri do ông chở tới Đại-hội, nặng-nặng đòi... bỏ phiếu!)

Mọi nhà văn đều có quyền tranh-cử: hình-thức "siêu hội-viên"?

Ông Viên Linh viết "tôi chủ-trương mọi nhà văn đều có quyền ra ứng-cử cũng như đều có quyền bỏ phiếu vào Ban Chấp-hành trung-ương Văn Bút VNHN."

Ông có quyền chủ-trương, và hãy thực-hiện chủ-trương đó bằng cách viết thành dự-thảo tu-chính, đưa ra bàn cãi và biểu-quyết. Trong sinh-hoạt dân-chủ, không phải hễ ông Chủ-tịch chủ-trương thế nào là điều ấy luôn luôn đúng và phải được áp-dụng.

Đại-Hội-đồng Văn Bút không nên họp riêng?

Ông Viên Linh viết "tôi chủ-trương Đại-Hội-đồng Văn Bút VNHN phải họp công-khai; hiện nay các nhà văn dù là hội-viên, và báo-chí không có quyền vào phòng họp Đại-Hội-đồng vì Điều-lệ hiện-hành qui-định

phải họp kín. Tại sao Hội của các nhà văn lại phải họp kín bầu kín? Tại sao nhà văn lại sợ nhà báo đến thế?"

Như trên, muốn chủ-trương của mình được áp-dụng, trước hết ông Viên Linh hãy nêu lên và bàn trước Đại-hội. Ở đây không phải là "họp kín", mà là "họp riêng" (không một điều nào gọi là kín khi có mấy chục người biết!) Họp riêng hay họp công-khai thuộc phạm-vi kỹ-thuật, nhằm giải-quyết các vấn-đề tế-nhị một cách thỏa-đáng và mau chóng. Khi họp bàn, cần yên-tĩnh, trật-tự, để suy-nghĩ và quyết-định hơn là họp giữa một đám đông ồn-ào cười nói, la hét, vỗ tay cổ-vỗ. Hội-nghị khác với hội banh, không cần cổ-động-viên!

Trong gần một thế-kỷ nay, Đại-Hội-đồng Văn Bút quốc-tế luôn luôn họp riêng, không phải vì "sợ" nhà báo. Nhà báo không phải là thành-phần "giám-sát" Văn Bút, và việc làm của Văn Bút không có gì khuất-tát để phải giấu-giếm! Tuy-nhiên, trong công-tác đấu-tranh cho nhân-quyền, có những điều bí-mật thuộc phạm-vi kỹ-thuật và chiến-thuật không thể đưa lên báo. Trong Đại-Hội-đồng Văn Bút, VNHN hay quốc-tế, không phải là không có nhà báo tham-dự (với tư-cách đại-biểu); những người này cũng phải nghiêm-chỉnh cam-kết không được tiết-lộ một số chi-tiết mà Đại-Hội-đồng cần giữ kín trong một thời-gian, trong khi chờ kết-quả của việc tranh-đấu.

Khi hạ bút viết những câu trên đây, một lần nữa ông Viên Linh lại chứng-tỏ ông hoàn-toàn lạc-lõng trong sinh-hoạt Văn Bút, không hiểu rõ mục-đích và công việc ông đã làm (và còn muốn làm)!

Cái mời Nobel Văn-chương và lời hứa hẹn hảo huyền

Ở cuối bài, ông Viên Linh đưa cái giải Nobel ra làm mồi nhử các nhà văn. Ông viết: "Xin hãy nghĩ đến giải Nobel Văn-chương mỗi năm chúng ta được mời đề-cử ứng-viên. Các anh chị hãy góp tiếng nói trong đó."

Ông Viên Linh làm như chỉ khi

nào ông ta còn làm chủ-tịch, Văn Bút mới được quyền đề-cử ứng-viên giải Nobel, còn người khác làm chủ-tịch thì không!

Cuối cùng ông Viên Linh hứa-hẹn: "tôi sẽ rời bỏ chức chủ-tịch Văn Bút VNHN khi nào Văn Bút VNHN trở về với các nhà văn, có một vị chủ-tịch mà tên tuổi sẽ làm rạng-rỡ cho tổ-chức."

Khi cho biết "sẽ rời bỏ chức chủ-tịch", Viên Linh chứng-tỏ chưa ra khỏi cơn hôn-mê. Nhiệm-kỳ chủ-tịch của ông hết nhẵn vào ngày 26.11.1995, sau đúng hai năm. Không hề một đại-biểu nào, phía đa-số cũng như kể cả vài người bên phía thiểu-số, giơ tay đề-nghị lưu-nhiệm. Ông không rời bỏ chức chủ-tịch, nhưng cái ghế đã rời khỏi chỗ ngồi của ông từ lâu rồi!

Ông Viên Linh hẹn khi nào Văn Bút "có một vị chủ-tịch mà tên tuổi sẽ làm rạng-rỡ cho tổ-chức", thì ông mới chịu "xuống." Ông không nói rõ "rạng-rỡ" tới cỡ nào thì được ông chấp-nhận, nhưng cái ý của ông lại rất rõ ở chỗ, cái chiếu trên đó là của ông, ông muốn giao cho ai thì giao, đừng nói chuyện bầu bán lời-thời!

*

* *

Chúng tôi cũng như nhiều hội-viên Văn Bút khác, cũng mong có những vị chủ-tịch mà tên tuổi làm "rạng-rỡ tổ-chức", nhưng đó không phải là điều-kiện cần và đủ. Có các nhà văn "nổi tiếng" tham-gia, tất nhiên là Văn Bút sẽ danh giá hơn nhưng không vì thế mà làm việc hiệu quả hơn. Yếu tố "nổi tiếng" do đó chưa hề bao giờ được đề cập trọng bất cứ một văn kiện nào của Văn Bút Quốc Tế cũng như Việt Nam, ngoài trừ một vài văn thư do ông Viên Linh cho phổ biến gần đây, do một thứ mặc cảm bệnh hoạn nào đó.

Ông Viên Linh đã thất-bại trong việc chinh-phục sự ủng-hộ của các hội-viên Văn Bút - mà ông cho rằng không danh giá bằng ông. Ông Viên Linh sẽ càng thất-bại nào-nề hơn khi mong lợi-dụng được tên tuổi, uy-tín và cả văn-nghiệp của các bậc đàn

anh, dùng làm thảm lót đường, làm keo dán chiếu cho ông ngồi!

Phụ-chú:
Hiến-chương Văn-Bút quốc-tế:

1. Văn-chương mặc dù chấp-nhận có quốc-gia, nhưng không có biên-giới; các cuộc trao-đổi văn-chương, bất cứ thời nào, phải không tùy-thuộc vào các biến-cố chính-trị của các dân-tộc.

2. Trong mọi trường-hợp, và đặc-biệt trong thời chiến, việc tôn-trọng các tác-phẩm nghệ-thuật, tài-sản chung của nhân-loại, phải được đặt lên trên tất cả nhiệt-tình quốc-gia và tham-vọng chính-trị.

3. Hội-viên Hội Văn Bút bất cứ thời nào cũng sẽ dùng ảnh-hưởng của chính mình vào các tác-phẩm của mình, giúp cho các dân-tộc hòa-hảo và tôn-trọng lẫn nhau; họ cam-kết đem hết khả-năng làm tiêu-tan hận-thù giữa các chủng-tộc, các giai-cấp và các quốc-gia, đồng-thời truyền-bá lý-tưởng một nhân-loại sống hòa-bình trong một thế-giới liên-kết.

4. Hội Văn Bút bảo-vệ nguyên-tắc tự-do truyền-thông tư-tưởng giữa các quốc-gia. Hội-viên nào cũng có trách-nhiệm chống lại mọi hạn-chế tự-do phát-biểu tư-tưởng trong nước mình hoặc trong cộng-đồng mình và nếu có thể, trên toàn thế-giới. Hội-viên cũng cương-quyết chủ-trương tự-do báo-chí và chống lại việc kiểm-duyet độc-đoán trong thời bình.

Hội Văn Bút xác-tín rằng thế-giới cần tiến tới một tổ-chức chính-trị và kinh-tế tốt-đẹp hơn, đã khiến quyền tự-do phê-bình các chính-phủ và các cơ-cấu chính-quyền rất cần-thiết.

Và, cũng vì vấn-đề tự-do bao-hàm những giới-hạn tự-nguyện, các hội-viên cam-kết chống lại những việc lạm-dụng tự-do báo-chí, thí-dụ như chủ-tâm đăng những tin-tức không xác-thực, tin nguy-tạo và xuyên-tạc những sự-kiện vì mục-đích chính-trị và riêng-tư."

Điều-lệ Văn Bút VNNH (phần đầu):

Điều 1: Hội thành lập giữa những người hoạt động trong làng văn, làng báo hải ngoại, mang tên là "Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại". Viết tắt "VBVNHN".

Pháp ngữ là "PEN Club Vietnamiens à l'étranger".

Anh ngữ là "Vietnamese Writers Aboard PEN Center".

"Điều 2: VBVNHN là hội bất vụ lợi, theo đuổi các mục tiêu sau đây:

a. Bảo tồn và phát huy văn hoá

Việt Nam để một mặt duy trì sự trường tồn của văn hoá dân tộc, mặt khác tạo sinh diện tốt đẹp của nền văn hoá Việt Nam trước cộng đồng quốc tế.

b. Tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc sáng tác và phổ biến các sáng tác phẩm của văn nghệ sĩ Việt Nam trên thế giới.

c. Phát huy tinh thần của Hiến Chương Văn Bút Quốc Tế.

d. Tương thân tương trợ giữa những văn nghệ sĩ tự do, văn nghệ sĩ trong và ngoài nước.

e. Khuyến khích thế hệ trẻ hải ngoại sáng tác bằng tiếng Việt.

f. Góp phần xây dựng cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại thích ứng với cuộc sống mới, nhưng vẫn duy trì truyền thống dân tộc.

Điều 3: VBVNHN hoạt động vô hạn định. Trụ sở đặt tại quốc gia nơi vị chủ tịch đương nhiệm cư ngụ.

thơ
hà huyền chi
bão văn

Đã thấy buồn ngang trong dự báo
Thấy như Văn Bút sắp tan tành
Lòng người biển lận trong tâm bão
Bất trí người phun tủa mực tanh

Chữ nghĩa con buôn chính nghĩa tà
Lem nhem người mưu tính manh nha
Loi nhoi ngụp lặn trong tư kỷ
Người ở đáy cùng của xấu xa.

Vân cầu hư huyền hợp lại tan
Sấm xô gió giạt giữa trời quang
Đã ngờ văn vũ cơn mưa máu
Mà vẫn buồn hiu trước phủ phàng.

Một gói xuống thuyền, xua nuốt hận
Quảng gươm then biển, nước đau lòng
Biển Đông triều khóc mờ xương trắng
Trời đất tròn như một số không.

Gặp ở bão cuồng con số ấy
Văn mang mặt nạ, người phi nhân
Hỡi ơi Văn Bút mà như vậy
Bão ở ma đầu ở dã tâm.

"Điều 4: VBVNHN có 4 thành phần hội viên: Hội viên danh dự, Hội viên kết nghĩa, Hội viên ân nhân, Hội viên hoạt động.

a. Hội viên danh dự được dành cho những vị có uy tín mà văn nghiệp đã được nhiều người biết đến.

b. Hội viên kết nghĩa dành cho những văn nghệ sĩ thuộc các quốc gia khác đang bị áp bức.

c. Hội viên ân nhân dành cho những nhân vật, tổ chức hay xí nghiệp đã giúp đỡ tài chánh hay phương tiện cho hội.

d. Hội viên hoạt động là thành phần nòng cốt của hội.

Điều 5: Tất cả những người Việt Nam cư trú tại hải ngoại, nếu hội đủ những điều kiện dưới đây, đều có thể gia nhập VBVNHN, với tư cách hội viên hoạt động:

a. Là văn sĩ, thi sĩ, kịch tác gia, bình luận gia, phê bình gia, bình bút gia, dịch giả, ký giả, tham chiếu các ngành trong bảng kê của Văn Bút Quốc Tế, đã có tác phẩm xuất bản hoặc đăng báo;

b. Cam kết tôn trọng Hiến Chương Văn Bút Quốc Tế (PEN International) và Điều Lệ, Nội Qui của VBVNHN.

c. Có đơn xin gia nhập gửi qua Trung Tâm VBVNHN địa phương với 2 hội viên giới thiệu và được Ban Chấp hành Trung-tâm chấp thuận.

d. Đón nhận liêm."

mưa nhót

Bắt gặp lòng ta thật đứng đưng
Đêm qua em nhắc chuyện bao đồng
Dăm tên lái chữ tranh ngôi vị
Ô nhiễm làng văn xấu hổ chung

Danh dự người chôn dưới mộ hôi
Loay hoay tìm thúng úp chi voi
Cái tâm bất chính thuyền không đáy
Ngụy nghĩa mạ vàng cũng khó coi.

Mái nhựa đêm mưa giọt nhiều nhưong
Then cho tham vọng túi văn chương
Thì ra em cũng tanh mưa nhót
Nghe lạnh âm âm giọng bất tường.

Ta muốn tung chăn bắt sáng đèn
Dần cơn ối mưa sợ buồn em
Hỡi ơi nghĩa tận lòng sao tuyệt
Lại rán nằm co rán lãng quên.

Hãy Nhớ Chúng Ta Đại-Diện cho Cái Gì và Đấu-Tranh cho Cái Gì?

Sơn Tùng



Cơn khủng hoảng nội bộ Văn Bút Việt nam Hải ngoại mấy tháng nay tuy là điều đáng tiếc, nhưng cũng nhân dịp này người cầm bút Việt Nam lưu vong ở hải ngoại có cơ hội tự soi bóng mình, nhìn rõ hơn những bạn văn của mình, xác định chỗ đứng của mình và chỉnh hướng con đường mình đang đi.

Sóng gió nổi lên, với những xáo trộn trong nội bộ Văn Bút, với những tiếng bác tiếng chì - và cả những tiếng chửi - ở bên ngoài, người cầm bút tất nhiên phải có nhận định và phản ứng. Tại sao lại xảy ra chuyện này? Ai đúng, ai sai? Ai phải, ai trái? Ta đứng bên này, ta thiên bên kia, hay đứng giữa? Ta quay mặt làm ngơ, hay ưu tư theo dõi, hay vỗ tay vui mừng?

Do những nhận định và phản ứng của chính mình trước cơn khủng hoảng nội bộ Văn Bút VNHN, người cầm bút - dù là hội viên hay không phải hội viên Văn Bút - có cơ hội tự soi bóng bản ngã mình. Thanh cao? Thấp kém? Tích cực? Tiêu cực? Khách quan? Chủ quan? Vô tư? Thiên vị? Tự trọng? Sa đoạ?

Rất nhiều người cầm bút, do những nhận định và phản ứng của chính họ trước cơn khủng hoảng nội bộ Văn Bút VNHN, đã tự bộc lộ bản ngã để người khác nhìn thấy, mà trong những lúc bình thường bề yên sóng lặng, không ai nhận ra. Có người sắc bén, nhạy cảm. Có người ẩn mình

trong lớp vỏ vị kỷ dày cứng. Có người sâu sắc chín chắn. Có người hồ đồ chao đảo.

Nhưng, dù ở vị trí nào thì đây cũng là cơ hội để người cầm bút xác định chỗ đứng của mình, không phải riêng cho những hội viên Văn Bút mà cho cả những người ở ngoài Văn Bút. Và, dĩ nhiên là xác định chỗ đứng không có nghĩa là để "đứng một chỗ" nhưng là để chỉnh hướng đường đi.

Nếu chúng ta không làm việc này thì người khác sẽ nhắc chúng ta - đôi khi bằng cách không được nhẹ nhàng.

Lá thư đề ngày 22.12.1995 của ông Alexandre Blokh, Bí thư Quốc tế vụ Văn Bút Quốc Tế, gửi ông Viên Linh là một gáo nước lạnh, tuy hắt vào mặt ông Viên Linh nhưng đã văng tung toé vào mọi người cầm bút Việt Nam ở hải ngoại.

Người cầm bút Việt Nam nào mà không cảm thấy "rất mặt" khi đọc lá thư có những câu như: "...hãy nhớ các ông đại diện cho cái gì và tranh đấu cho cái gì, điều đó quan trọng hơn nhiều so với các sự tranh chấp như vậy, cho dù chúng sâu xa đến đâu và có vẻ chính đáng đến đâu".

Không biết ông Viên Linh đã viết những gì cho Văn Bút Quốc Tế để đến nỗi người đại diện tổ chức này phải hồi âm bằng những câu văn nặng nề như trên, nhưng chắc chắn là ông Viên Linh đã không nói lên được những gì mà người cầm bút Việt Nam

chân chính ở hải ngoại thực sự quan tâm và tư duy. Ông đã chỉ viết ra cái mặt xấu xa của cơn khủng hoảng nhìn qua lăng kính vị kỷ của riêng ông, đã phơi bày những điều không đáng phơi bày - mà chắc chắn đã bị bóp méo để giành phần phải - trước mắt người ngoại quốc, đã van xin những điều vượt khỏi thẩm quyền của Văn Bút Quốc Tế mà một người cầm bút tự trọng không thể làm.

Chỉ vì tham vọng không chính đáng và tự ái vật vãnh, một người cầm bút được đặt vào một vị trí bất xứng đã gây tổn thương không nhỏ cho cả tập thể người cầm bút Việt Nam ở hải ngoại.

Đáng buồn thay, tinh thần nô lệ Lê Chiêu Thống đó không phải chỉ được bộc lộ ở một mình ông Viên Linh, cụ chủ tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại. Nó còn phơi bày lộ liễu trong những hành động của ông Nguyễn Ngọc Bích, nhân danh "cố vấn" của ông Viên Linh. Trong một bài viết đăng trên tờ Diễn đàn tự do ở vùng Hoa Thịnh Đốn ngày 6.1.96, với những sự kiện sai lạc và lý luận ấu trĩ ông Nguyễn Ngọc Bích khoe rằng đã viết thư cho "Văn Bút Quốc Tế Trung Ương" để chụp mũ cộng sản cho nhà văn Nguyễn Mạnh Bích, chủ tịch ban Chấp hành Lâm thời Văn Bút VNHN mà kết quả chỉ có thể là gây thiệt hại cho việc tranh đấu cho văn nghệ sĩ bị cầm tù ở trong nước, mặt khác tạo

thêm cái nhìn thiếu vị nể của người ngoại quốc đối với giới cầm bút Việt Nam, và nói chung - với tập thể người Việt được gọi là Quốc gia.

Dù khi nhận được thư của ông Viên Linh hay của ông Nguyễn Ngọc Bích, Văn Bút Quốc Tế có thừa sáng suốt để hiểu những người này không đại diện cho ai, nhưng danh dự và chính nghĩa của tập thể người cầm bút Việt Nam tự do ở hải ngoại vẫn bị sứt mẻ.

Người cầm bút Việt Nam chân chính đại diện cho lương tri trí thức Việt Nam và tranh đấu cho tự do của cả dân tộc Việt Nam, không xâu xé bêu riếu nhau vì tham vọng thấp kém, vì lòng đố kỵ nhỏ nhen, vì tị hiềm phe nhóm. Và, nhất là không chấp nhận tinh thần nô lệ bất cứ liêm sỉ.

Nay thì đã rõ ràng cơn khủng hoảng của Văn Bút VNHN không phải là cuộc tranh đấu giữa hai phe, hay ba phe, mà là cuộc đấu tranh cho Danh dự và Chính nghĩa của người cầm bút Việt Nam tự do.

Văn Bút VNHN là một hội tư về mặt tổ chức và pháp lý, thẩm quyền giải quyết mọi khủng hoảng nằm trong tay khối đa số hội viên và dựa vào Điều Lệ của hội. Rất nhiều người cầm bút không ở trong Văn Bút, họ không tham dự vào hoạt động của Văn Bút và không can thiệp vào nội bộ của Văn Bút, nhưng không phải vì vậy mà họ không chia sẻ lập trường hay không cùng đi trên con đường mà những người trong Văn Bút đang đi: tự do, nhân phẩm và quyền phát biểu cho mọi con người.

Chúng ta không thể phục vụ mục tiêu cao đẹp ấy bằng những tâm hồn đen tối, bằng tham vọng thấp hèn, và tinh thần nô lệ. Tự do và nhân phẩm không bao giờ đi đôi với nô lệ.

Tương lai Văn Bút VNHN nằm trong tay những người cầm bút chân chính, tự trọng và can đảm chọn đứng về phía chân lý.

Không vung tay lái trong cơn sóng nhỏ, chúng ta không thể vượt đại dương đầy đông tố trong cuộc tranh đấu cam go mà chúng ta đã cùng nhau khởi hành. ●

thơ nghiêu minh cho santa ana

*Santa Ana mất vàng trắng
Mất cả buồng tim vỡ nhịp thầm
Nụ cười, hơi thở: cành cây thắp
Hai mươi năm ngọt trái cường toan.*

*Santa Ana đổi hình nhau
Đổi vốn lưu lạc, lời gởi đầu
Đôi tay phải sạch đường định mệnh
Ôi quê hương ngoảnh bước qua cầu!*

*Santa Ana thủ đô buồn
Buồn khi vay mượn những ghét thương
Buồn khi chiến thắng không hạnh phúc
Buồn những cuộc vui kịch chán chường.*

*Santa Ana lạnh đêm hè
Lửa, lụt, địa chấn đầy hôn mê
Văn chương hoa giấy cũng tôi tả
Tội nghiệp vàng trắng hạ ngươn về!*

nghiêu minh los mùa đông

*Ta rời Los, mất hết
Lạ như những hành tinh
Trên chuyến bay mỗi mệ
Nặng dưới chân giỡn hình.*

*Những người bạn thoáng thấy
Ly cà phê chưa chào
Đã nhìn bạn che dầy
Quanh những lớp khói màu.*

*Cứ tự nhiên nói dối
Như gõ tạp cần sơn
Cuối tuần đi xưng tội
Thì tội đó sạch trơn!*

*Ta đến Los tìm trắng
Vàng trắng như hạt đậu
Trên đời trọc lên máu
Đầy thơ cuội đối gian.*

*Ta rời los. Không tiếc
Ly cà phê bỏ quên
Về miền đông giỡn tuyết
Đầy ấp màu trắng lên.*



Văn Bút, Những Ngày Gần Đại Hội kỳ 2

Nguyễn Hương

Sáu tuần-lễ sau khi Đại-hội kỳ V nhóm tại quận Cam bế-mạc nửa vời, sinh-hoạt Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại đã tiến dần tới ổn-định. Các Trung-tâm cũ vẫn tiếp-tục làm việc ráo-riết để hoàn-tất công-tác Đại-hội V khóa 2 tại Houston, bầu Ban Chấp-hành chính-thức, thảo-luận việc thừa-nhận các Trung-tâm mới, tu-chính Điều-lệ, hoàn-tất Nội-qui và soạn chương-trình hoạt-động cho ba năm kế tiếp. Ông Viên Linh, cựu Chủ-tịch Ban Chấp-hành 1993-1995, cũng đã nhận được Thư mời họp với tư-cách ứng-cử-viên hợp-lệ.

Sinh-hoạt Văn Bút chắc-chắn phải ổn-định theo đúng nề-nếp cũ. Đó là điều mà công-chúng, bao gồm các thành-phần quốc-gia và các tổ-chức đấu-tranh, nức lòng hởi dạ. Nhưng đó cũng là điều khiến cho một số người ngoài Hội buồn lòng. Nhóm này gồm cả cánh tả lẫn một số các "tên tuổi" tuy không lấy gì lớn, nhưng lại quá nặng tinh-thần "chiếu trên chiếu dưới" trong sinh-hoạt văn-học Việt-nam.

Cánh tả thì luôn luôn rình-rập tìm đủ mọi cách khuấy-động, xúi-giục, khai-thác những biến-động nội-bộ để làm tan-rã sự đoàn-kết của những tổ-chức không cộng-sản.

Trong khi các Trung-tâm Văn Bút đang ráo-riết củng-cố hàng-ngũ, cánh tả lớn tiếng hô-hào hòa-hợp hòa-giải giữa "hai khối" (?) Văn Bút. Chủ-tâm

của họ dĩ-nhiên không phải là hòa-giải. Họ thổi lớn trái banh hòa-giải, chỉ cốt gây cho công-chúng cái ảo-tưởng rằng Văn Bút đã "vỡ đôi", không thể hàn gắn, không thể ngồi chung, không thể giải-quyết, không thể tương-nhượng, và như thế thì không cần và không nên có Văn Bút nữa! Không còn Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại thì mới có hi-vọng cho Nhà nước Hà-nội cho lập Văn-Bút Việt-Nam để xin quốc-tế công-nhận.

Đòn hòa-giải này vốn là một tuyệt chiêu của cộng-sản, dùng đi dùng lại suốt từ 1945 đến nay vẫn còn hiệu-nghiem. Nó là cánh tay sắt bọc nhung, có khả-năng làm tan-nát nhiều thiện-tâm thực-sự muốn hòa-giải, vì lầm nghĩ rằng biến-động trong tổ-chức của họ đã trầm-trọng đến độ không còn phương-cách cứu chữa nào khác hơn là phải vớ lấy bất cứ cái phao nào!

Kết-quả sau cùng mà đối-phương mong-muốn chính là hậu-quả mà chúng ta sẽ phải gánh chịu.

Cánh thứ hai là một số rất ít những người nghĩ mình có chút danh-vị cũ, sợ đời quên lãng, không từ bỏ bất cứ cơ-hội nào để đìu người khác xuống, mong cho tên tuổi họ nổi lên. Họ không tiếc lời lăng nhục người khác, nếu cần thì "chửi" cả "hai phe", ra điều tất cả các anh đều bản, chỉ mỗi mình tôi làsạch, trên thực-tế, họ không đóng-góp nổi một đề-nghị

khả-dụng, một ý-tưởng ra hồn, hay một cử-chỉ đẹp để thực-sự giúp giải-quyết vấn-đề.

Với nhóm này, phương-pháp hòa-giải của họ là đẹp hết những công-trình và lễ-lối làm việc mà các Trung-tâm thuộc Văn Bút đã dày công xây-dựng từng chút một trong 8 năm hoạt-động, để chấp-nhận một mô-thức khác. Mô thức này thực ra cũng chẳng có gì mới, mà là lộn trở lại mức khởi-hành, dưới sự lãnh-đạo của một hay nhiều người ngoài tổ chức.

Văn Bút có cần "hòa-giải" nội-bộ?

Sau khi Đại-Hội-đồng Văn Bút kỳ V khóa 1 họp ở Fountain Valley, xác-định Ban Chấp-hành 1993-1995 đã mãn-nhiệm nhưng ông Viên Linh vẫn tiếp-tục xưng là "Chủ-tịch Văn Bút VNHN", lập tức một số người đồng loạt hô lên rầm-rĩ rằng Văn Bút đang "vỡ đôi". Những người này đã thống-trách cả "hai bên" và kêu-gọi hòa-giải.

Trước hết, ý-niệm hòa-giải thường phát-xuất từ thiện-tâm của những người có lòng với công việc chung nhưng ở đây, ý-niệm hòa-giải đã khởi dẫn từ một nhận-định sai-lạc, vì Văn Bút không hề vỡ đôi.

Không có sự xung-khắc giữa hai phe trong Văn Bút, mà chỉ có sự xung-khắc giữa một cá-nhân (Viên Linh) và bản Điều-lệ.

Ông Viên Linh tự ý sửa-đổi Điều-lệ. Đại-Hội-đồng bảo-vệ Điều-lệ, chống lại sự sửa-đổi không qua tiến-trình tu-chính hợp-cách.

Ông Viên Linh không đi họp Đại-Hội-đồng tại Fountain Valley, không tuân-thủ Quyết-nghị của Đại-Hội-đồng, không hợp-tác với Ban Chấp-hành Lâm-thời và tiếp-tục xưng "chủ-tịch."

Tất cả những hành-vi của ông Viên Linh là sự gây rối của một cá-nhân. Trong 8 Trung-tâm cũ, không hề có bất cứ một Trung-tâm nào ủng hộ ông Viên Linh; ngay cả một số Trung-tâm tân-lập cũng không tán-đồng sự lạm quyền của ông này!

Như vậy, vụ “vỡ đôi” hoàn-toàn không có. Không có “vỡ đôi”, tất nhiên không có “hai phe”. Không bao giờ có thể gọi là “hai phe”, khi chỉ có một người (Viên Linh) chống lại bản Điều-lệ, linh-hồn của một Hội. Một cá-nhân không bao giờ có thể sánh ngang với một Hội.

Đã không có “hai phe” thì không có lý-do gì để hòa-giải; hay đúng hơn, sự hòa-giải ấy nếu có, chính ra là phải khuyên-bảo kẻ nổi loạn trở lại với Hội.

Thiện-tâm hòa-giải phải nhắm vào chủ-đích răn bảo ông Viên Linh, khuyên ông này bỏ đường tà, tôn-trọng Điều-lệ, ứng-cử và đắc-cử bằng khả-năng làm việc và tư-cách cá-nhân, không cần phải vận-dụng tiểu-xảo chính-trị.

Ông Viên Linh không chấp-nhận hòa-giải

Thiện-chí hòa-giải của một số văn-nhân ngoài Hội đã vỡ tan khi đụng vào thực-tế phũ-phàng. Ông Viên Linh, người âm-mưu phá vỡ toàn bộ cơ-cấu Văn Bút, đã lạnh-lùng nói toạc ra trong bài *Thư của Viên Linh gửi các nhà văn Việt-nam*, rằng: “Tôi sẽ hòa-giải với các bạn văn chân-chính có quá-khứ chứng-minh bằng tác-phẩm; mà không thể hòa-giải vấn-đề Văn Bút với đám ký lại mua danh không bằng tác-phẩm.”

Điều cần nói rõ, là trong Văn Bút có rất nhiều người văn-nghệ lớn hơn Viên Linh, kể cả viết văn lẫn ngoại-văn. Đối với những hội-viên trẻ mà ông gọi một cách khinh-mạn là “đám ký lại mua danh”, đóng-góp của họ trong văn-học Việt-nam hiện-đại không nhỏ, còn tiền-trình, chắc-chắn sáng-sủa hơn ông Viên Linh rất nhiều!

Khi viết ra lời khinh-bạc này, ông Viên Linh đã dối lòng, nếu không muốn nói là trâng-tráo tự xếp chỗ cho mình ngang tầm những nhà văn lớn. Văn giới chưa bao giờ coi ông Viên Linh là một nhà văn có “tên tuổi rạng-rỡ”, văn-nghệ hay tư-cách xứng-đáng để họ kính trọng. Về công việc,

tính sổ cuộc đời

*Cuối năm lại tính sổ cuộc đời
Trừ cộng nhân chia cũng thế thôi
Tha hương không thể mang phân tích
Mất nước hận lòng đau thể người
Vì thế cầm bút mà ngơ ngẩn
Lòng dạ nao nao tâm rã-rời
Thôi đành bỏ bút nhìn giấy trắng
Nỗi buồn xa xứ chẳng lối rời
Tính sổ làm chi khi số phận
Phải sống xa quê tuổi cuối đời!*

duy lam

chiều say

*Có những buổi chiều ta muốn say
Hồn ơi, sao lắm nỗi với đầy
Men tình chưa đủ vui cơn mộng,
Vị đã sâu đưa men rượu bay.*

sau hơn hai mươi năm ở hải-ngoại, ông chỉ in được một tập thơ và dăm ba số báo *Thời-tập* mỏng như cuốn vở học trò!

Ông Viên Linh quên không nhắc cho mọi người nhớ là suốt mấy năm làm chủ-tịch Văn Bút, ông chẳng tổ-chức được một buổi ra mắt sách nào cho tử-tế, viết được một bài báo nào bênh-vực những người cô-thể bị giam-cầm trong ngục-tù cộng-sản, đưa được một tác-phẩm Việt-nam nào vào văn-đàn thế-giới...

Ông Viên Linh chỉ làm được vài chuyện vặt, như vát vài trăm phong bì “rác” vào nhà hội-viên Văn Bút, gồm toàn những bài chửi bới do ông vừa “sáng-tác”, vừa đặt hàng, vừa chất-chiu sưu tập từ báo chợ. Văn-nghệ của ông Viên Linh lại càng đồ-sộ hơn với các vụ:

- Vòi tiền quỹ của Văn Bút Nam Cali.

- Hành hung Văn-hữu Thùy Hạnh, Tổng Thư-ký Trung-tâm này (trả giá



*Biển gọi về đâu, sóng dạt dào
Ân tình nửa khúc, hát nao nao.
Đâu non em có mơ về biển,
Xin hát giùm ta nửa khúc sau.*

*Có những buổi chiều ta muốn quên
Đời ơi, sao lắm nỗi ưu phiền!
Vết thương ngày cũ tim còn nhói,
Tình đã ghim thêm một mũi tên.*

*Núi gọi về sông, cát tiếng cao
Nghìn thu trắng nước vẫn dâng trào.
Đất trời còn đó, em còn đó;
Xin thấp giùm ta một ánh sao.*

bùi hữu trí

bằng 10 ngày tù).

- Vô cố cách chức Văn-hữu Cao My Nhân, một Tổng Thư-ký khác.

- Gọi nhân-viên an-ninh Mỹ ngàn Văn-hữu Ngọc Anh (Thủ-quỹ Trung-tâm), không cho phân-phát thư khiển-trách của Văn Bút quốc-tế gửi Viên Linh, vân vân và vân vân.

Với văn-nghệ đó, tư-cách đó, ông Viên Linh kể cũng rất khó mà tìm được những kẻ đồng thanh tương-ứng đồng khí tương-cầu để ký tên ủng-hộ ông.

Nói tóm lại, sự gây rối của cá-nhân Viên Linh trong thời-gian qua chỉ có tính-cách giai-đoạn.

Trong tháng 2.1996 sắp tới, các Trung-tâm Văn Bút sẽ bầu Ban Chấp-hành chính-thức và ổn-định sinh-hoạt. Mọi thứ bùn nhơ mà ông Viên Linh ném vào các hội-viên Văn Bút, họ sẽ rửa sạch, bằng những thành-quả công-tác. Chỉ có cái tâm nhơ của ông Viên Linh, không thứ gì rửa sạch! ●



đầu làng cuối xóm

Mỗ (Làng Văn)

Văn-Âu xú sử
(kỳ 1)

Viết biếm-văn không phải một nghề, mà là *nghiệp*. Nghề có nghề tốt nghề xấu và có thể chọn được; nghiệp thì không. Không nghiệp nào tốt, và cái nghiệp nó đeo vào người, chặt chẳng dứt, dứt chẳng rời.

Chẳng hạn như Mỗ cầm bút làm thơ, sau đó viết báo, chửi độn chửi đến ai. Nhưng không chửi người không có nghĩa là người sẽ không bao giờ chửi đến mình. Khi tờ *Làng Văn* bắt đầu "lớn", cái *nghiệp* nó cũng lớn theo. Nghiệp này chia đều cho toàn thể nhân-viên, mỗi người một miếng, già trẻ bé lớn không chừa một ai. Cộng-nghiệp của tờ báo ảnh-hưởng vào biệt-nghiệp của từng người. Sự đời cứ thế mà bố nhắng quá đáng khiến Mỗ phải ra roi! Giá như thiên hạ thái-bình *hai kinh phẳng lặng* thì thật là hạnh-phúc biết mấy, đảng này...

Văn Âu xuất hiện
Đặng cao-đồ

Văn Âu là một từ kép quái-dã, ghép từ các chữ "Văn Bút" và "Âu-Lạc."

Mỗ dù có gan cóc tía cũng không dám động đến các ông các bà Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại thơm hơn múi mít. Đây là chuyện Văn Bút Âu-Lạc, nó xảy ra từ khi ông cựu chủ-tịch Viên Linh cầm hai trăm đô của mợ Vô-thượng-sư Thanh Hải, run-run cảm-động ngâm thơ tặng sư-phụ gái và ngâm mồm ăn tiền, để yên cho sư-phụ xoá sạch hai chữ "Việt-Nam" trong Văn Bút Việt-Nam đổi thành "Văn Bút ...Âu-Lạc."

Để tỏ lòng kính trọng chư vị tiền bối tài cao đức trọng trong Văn Bút, từ nay Mỗ xin kiêng "húy", không gọi là Văn Bút Âu-Lạc nữa mà gọi tắt là "Văn-Âu". Khi đọc tới hai chữ "Văn-Âu", quý độc-giả sẽ liên-tưởng ngay đến đến cái quái thai do mợ Thanh Hải và ngài chủ-tịch Viên Linh

cấu thành.

Nhờ phép-tắc thần-thông của sư phụ gái, từ chốn Văn-Âu nảy ra thêm một bầy văng-sĩ xây-lổ-cổ, văng vờ toàn tài. (Bà Chủ bút ơi, chữ *văng* này có giê, chữ *vở* dấu hỏi nhé).

Văng ở đây là văng tục, không phải văng-chương. Văng-sĩ là người chuyên-môn văng tục. Văng-sĩ thượng-thặng nhất xuất thân từ lò Văn Âu là một gã họ Đặng, ở tuốt đầu bên xứ ĐM (Ồ hay, thảo nào!)

Khi Văn-Âu âm-mưu thôn-tính Văn Bút, mang bầu đoàn thể-tử từ Cali đi tăng-phái sang tận Georgia, Florida, Louisiana, Đặng Văng ...Sĩ từ bên xứ Đê-Em đã mở ống cống, dốc mớ chữ nghĩa ...gia-truyền do tiên-tổ mấy chục đời tần-tiện dành-dụm, mang ra nướng hết.

Đặng Văng-sĩ âu-yếm mô-tả các văn-hữu của ông ta là lũ "đi chàng hăng", *nhân-cách bản-thủ*, "hoang dân vô độ", "lừa thầy phản chủ", "bợ đũa", "hèn hạ", "phản trắc", "ma đầu", "lòng dạ ti-tiện", "chưa thấy phân đã há sẵn miệng," "bọn hủ", "bọn lơ xe đồ lục-tĩnh", vãn vãn. Văng-sĩ còn lẳng mạ một bậc đàn anh, tiền-bối khả kính của ông ta (lúc đó đang nằm mê-mạn trên giường bệnh) là "đạo-đức giả", "ngụy trí-thức", "cầm bút bản-thủ", "tay sai chỉ điểm của CS Bắc Việt", "háo danh hách chức."

Người ta đi họp Văn Bút thì Đặng Văng-sĩ ngôn rằng "lén-lút đến đây để... thỏa-mãn ái-ân."

Giữa đảng thấy chuyện bất bằng, bà Chủ-bút nhà ta đọc phải mấy trang giấy lầy-lụa chữ nghĩa này bèn lấy làm gớm-ghiếc. Nhân vì Đặng Văng-sĩ lúc đó với báo nhà còn có sự qua lại, bà Chủ-bút bèn nhắc phôn bầm số, phải trái đôi điều, kéo lại mang tiếng chứa răn trong ...làng!

Nói qua nói lại đầu được 43 phút (cái *biểu* điện thoại tính đúng 43 tí) hai bên chào nhau rồi gác máy.

Vài tuần sau, trên tờ *Dân chủ mới* của Hồ công-tử, Đặng Văng-sĩ viết bài trách ông Sơn Tùng (một trong hai ứng-cử-viên Văn Bút) đã không chịu gọi cho ông để nói chuyện cho

ra lẽ. Sau đó ông Đặng kể lại cuộc điện-đàm với bà Chủ bút Làng Văn, nguyên-văn như sau:

"Trong khi đó, chị Nguyễn Hương, tạp-chí Làng Văn, từ trước đến sau chưa một lần gặp-gỡ, chưa hề trao-đổi chuyện-trò với tôi bao giờ, đã chững-chạc gọi điện-thoại cho tôi, tự giới-thiệu mình và bày-tỏ quan-điểm của chị trong vấn-đề này.

Ngay từ phút đầu-tiên nói chuyện trong điện-thoại, tôi đã có lòng quý mến người đàn bà chưa từng quen mặt này, nên đã sẵn lòng nghe chị bày tỏ quan-điểm của mình, dù có những điểm tôi không hoàn-toàn đồng ý với chị. Tôi vẫn giữ lời-lẽ ôn-tồn và lịch-sự với chị cho đến khi chị không còn điều gì muốn nói thêm nữa.

Thâm-tâm tôi không hề phiền-hà gì chị, trái lại còn thầm mến-phục chị

và mong sớm có cơ-hội gặp-gỡ để giải-tỏa những thắc-mắc và hiểu lầm." (Dân-chủ mới, số 48, tháng 11.1995, trang 53)

Đọc mấy dòng trên đây thì người dễ tính có thể mắc bọm. Nhưng cái mặt nạ "ôn-tồn và lịch-sự ấy" đã bị chính đương-sự tự lột xuống, sau khi sư-phụ trai Viên Linh không cướp được "chính-quyền" để ngồi lì thêm ba năm nữa, và vì Trung-tâm của ông ta không được Đại-Hội-đồng nhận... đại vào!

Trong một bài dài ba trang báo, lúc-nhúc những chữ li-ti đăng trên một tờ lá cải ở Nam Cali, Đặng Vãng-sĩ lật lười ...nói lại.

Cũng chỉ một cuộc điện-đàm trên đây, ở báo Dân-chủ mới thì ông khen bà NH "chững-chạc gọi điện-thoại để bày-tỏ quan-điểm". Trên báo HV thì Vãng-sĩ mắng bà NH đã... "vô cớ gọi điện-thoại" cho ông ta!

Cùng một người, cùng một cú điện-thoại, tại sao khi thì "chững-chạc", khi thì "vô cớ"? Nếu Vãng-sĩ họ Đặng không mắc bệnh tâm-thần, ắt hẳn ông đang biểu-diễn trò ở bầu thì tròn ở ống thì dài. Cổ nhân bảo, nhập gia tùy tục đảo giang tùy khúc, gửi bài cho báo sạch thì ông phải cố-gắng hết sức bình-sinh, măm môi măm lợi gò-gẫm để viết cho giống người có học (để được đăng), còn viết cho báo bẩn thì ông tha-hồ mà ...vãng cả tổ-tiên ra cho thỏa-mãn thú tính!

Thay vì lo ra sức đánh bóng "Văn-Âu", Đặng Vãng-sĩ mạnh miệng gọi các trung-tâm Văn Bút và Văn Bút VNHN là "cái ổ chứa-chấp đủ mọi thành-phần dĩ-diểm gian-tà."

Điều khó hiểu là ông không giải-thích tại sao ông cứ hùng-hổ xin vào cho bằng được cái ổ dĩ-diểm ấy. Hoặc giả ông đang để tâm sưu-tập tài-liệu để san-định gia-phả nên bị ám-ảnh?

Ông còn ngôn rằng Trung-tâm Ontario rước cái Đại-hội về Canada là sai vì ...vượt biên-giới, nên vội-vã mang trở qua Texas. Dường như ông Vãng-sĩ này mắc bệnh mất trí nhớ hoặc quá dốt địa-lý. Nếu không, ông ta đã phải biết rằng hai đời Nguyễn

Ngọc Ngạn (Toronto) và Trang Châu (Québec), Chủ-tịch Ban Chấp-hành đều ở Canada!

Mồm người sang có gang có thép, "mồm" của Vãng-sĩ chả thấy gang thép đâu, toàn nhọ với thâm, thế mà cứ móm-mém nhóp-nhép mãi, khiếp!

Đối với hạng người như vậy mà ông Bếp Làng Văn còn khen được, Mõ này đọc qua mà rợn cả gai ốc!

Khi có lời bàn mao-tôn-cương về bài báo của Đặng Vãng-sĩ, ông Bếp viết rằng:

"Tuy-nhiên người đọc có thể công tâm ghi nhận rằng trong bài báo dài 9 trang (bản thảo) ấy và kể cả cuộc đời làm báo, ông Đặng Văn Nhâm đã có một lời chân-thật và vô-cùng đích-xác. Đó là khi ông ta nhận-xét về mình, là "tôi là thằng mất dạy, du-côn, đầu đường xó chợ cố hữu."

Cổ-nhân bảo, con chim sắp chết hót lời bi thương, phải chăng chính là phút nói thật này!

Cung kính bất như tuân mệnh, từ nay mọi người có lẽ không nên dùng mấy chữ "Đặng Văn Nhâm" để gọi ông nữa mà thay bằng "Thằng Mất Dạy" hoặc "Thằng Du Côn" chẳng?

Tên tuổi là do cha mẹ đặt. Bản chất và tính-tình là do trời sinh. Ông Nhâm đã quá tuổi nhi hòa, nên tỏ ra bình tĩnh, hiểu mình hiểu đời hơn ai hết. Vào cái tuổi chuẩn-bị dọn mình để trở về với thiên-nhiên, ông đã giác-ngộ và can-đảm đối-diện với bản-ngã, thẳng-thắn vô ngực xưng là "Thằng Mất Dạy." Chẳng những can-đảm, ông còn là người thành thật."

Khen như vậy là bất công! Ông Đặng có thể với tất cả hãnh-diện và tự-hào, vô ngực xưng là "thằng du-côn". Được! Không phiền ai, nhưng xưng là "thằng mất dạy", e mang tội bất hiếu.

Bố mẹ sinh ông ra, chắc chắn các cụ có để tâm dạy-đỗ, không nhiều thì ít. Dạy đi dạy đứng, dạy cầm đũa, dạy phép ăn cách uống, dạy đi thưa về trình, dạy yêu già mến trẻ, vân vân. Vô ngực xưng mình là "thằng mất dạy" là thò chân xóa sạch công-lao cha mẹ, và có thể, cả ông bà nữa!

Bản-chất ông có thể du-côn, vô-

thơ chua
ham hố

Lý cựa hám danh nên bể mảnh
Khư khư ôm củ triện khoai lang
Làng văn bị xé làm hai mảnh
Lý cựa đơn đao chống cả làng.

Trương tuần, Phó lý mới nạp đơn
Xỉa xối trợ oai dụng võ mồm
Dòm lại lệ làng, sai cả bộ
Mắc mưu tên bọm, làm sao ngôn?

Lái chữ lằng xằng giống mẹ gà
Cục te cục tác: "Bớ người ta
Không ai vá lại, tôi xin vá
Cái nợ đời kia muốn toác ra!"

Bác xã, ông nhiều vội sắm lờ
Ngàn vàng cơ hội dễ gì mua
Kiếm dăm ba chữ phó thành tích
Đục nước đương nhiên sẽ béo cò.

Xóm Bút nhìn nhau luống ngẩn ngơ
Tiếc công bầu bán những ngày xưa
Từ ham đến hố bao xa nhỉ?
Lòng người ti tiện dễ gì đo!

ong cọt

lại, học điều đạo-đức mãi không vô, cho nên nhận mình là “thằng du-côn” là đủ chính danh rồi, bảo chi mình là “thằng mất dạy” cho thảm thay, thương ôi, tội-nghiệp các cụ nhà ông quá lẽ!

Mô bảo ông Bếp đã “bất công” khi khen ông Nhâm là thế. Người ta xô cả bàn thờ tổ-tiên của người ta xuống cống mà ông vỗ tay khen là khen thế nào!

Đọc kỹ bài ông Văng-sĩ họ Đặng, Mô thấy ông này có có thêm một đức-tính khác nữa mà ông Bếp không thấy, đó là sự khiêm-tốn hiếm có. Khi bà NH gọi điện-thoại đối-chất, Đặng Văng-sĩ đã “tỏ lòng quý mến” bằng cách hai lần trong cùng một bài, ví-von là bà này đang “mó dái ngựa” lại còn đánh chữ cho to lên!

Trong khi cãi nhau, người ta có thói quen mắng đối-phương là con bò, con lợn, con chó, vân vân; ít khi thấy có người tự ví mình là ...con ngựa! Ông Văng-sĩ này quả là quá sức khiêm-cung!

Thôi đi quý ông quý bà ạ, cãi thắng một “thằng mất dạy”, “thằng du-côn” chả mang lại tí vinh-dự nào; mà đối-thoại với một... con ngựa, lại càng tệ hơn! Bao nhiêu đó đủ rồi, nói qua chuyện khác nhé!

(kỳ sau:

Tang Hải chưởng môn)

Tin tức... cười

Bằng-chứng hùng hồn:

Cảnh-sát Nữ-ước đã tóm được

anh chàng Paul Keller, 30 tuổi, về tội xâm-nhập gia-cư và trộm-cấp. Trong vòng hai tháng, anh chàng này đã thừa cơ chủ nhà đi vắng, phá cửa vào 11 căn nhà, lục-lọi tìm tiền mặt và nữ-trang, đặc-biệt là dọn sạch sành sanh cả 11 cái tủ lạnh trước khi đào-tẩu. Một số nhân-chứng đã mô-tả cho cảnh-sát về hình-dạng của tên trộm. Đầu tháng 4, nhân-chứng khai tên trộm nặng khoảng 170 cân. Tháng 5, nhân-chứng khai kẻ gian nặng khoảng 175 cân. Đến tháng 6, nhân-chứng khai anh ta nặng khoảng 180 cân. Cuối-cùng lúc bị bắt, hồ-sơ cảnh-sát ghi-nhận, Paul Keller nặng 185 cân.

Trộm tem:

Một bà cụ 62 tuổi ở Roanoke, Virginia, đã nhận tội trộm tất cả 500 bức thư của hàng xóm trong khu. Đây

thơ chua nam chi thượng nhân

tụng bang giao

Ngoại trưởng Mỹ chẳng là ông ngoại
Đến Việt Nam truyền dạy huyền thuyên
Rằng thì là ván đóng thuyền
“MIA-POW” phải nhớ, nhân quyền phải theo...

Chợt nhớ thuở gieo neo “cứu nước”
Họ Tố thơ là lướt mấy câu:
“O du kích nhỏ giương cao súng
Thằng Mỹ lênh khênh đứng cúi đầu”
“Thằng Mỹ” nó quân tử Tàu
Hận thì vẫn hận, bỏ nhau lợi gì?
Khi cuốn gói, lúc đi trở lại
Quyền lợi cao đủ toại lòng rồi
Thị trường tám chục triệu người
Mê man hàng Mỹ như bồi mê Tây
Khởi hăng xưởng díp này phát lớn
Đại công ty bành trướng mấy hồi
Lại bắt được con cò mới
Đem làm trái độn trấn ngoài biển Đông
Là thơ thói làm ông bá chủ
Dầu khí kia chiếm thủ độc quyền.

Ghê thay ma lực kim tiền
Từ thù đến bạn, đêch biên giới nào.

chúc tết

Ông cụ phán “nhân sinh hữu hạn”
Bính Tý này ta phạng thơ xuân
Chúc Tết nội ngoại hương lân
Mặt mày sáng rỡ cái chân... tâm người.

Trước nhất chúc xa vời Xã Nghĩa
Lệ mắt tay chôm chĩa của tiền
Khoẻ áp bức, mạnh bạo quyền
Bỏ ngày mua bán hai miền hiệp thương.
Đông Nam Á hội đương khai triển
Được chạy cờ, vinh hiển tám thân
Bán lăm đất, dợ nhiều dân
Chầu rìa xì thẩu xưng thần Chú Sam.

Tiếp theo chúc bà con hải ngoại
Bên đường buồn bốn cõi sáu châu
Tự do hiển đạt sang giàu
Vốn nhờ cái móc vàng thau Cộng Hoà
Muốn đấu đá hát ca cải cách
Hãy nhớ còn đôi rách tội tù
Ngọn rau tặc đất kỳ khu
Dưới bàn tay sắt kẻ thù anh em.

Sau đó chúc miền Nam chiến bại
Đem văn minh truyền lại cho đời
Chẳng qua ách nước tai trời
Kiên cường cuộc sống đón thời cơ lên.

Sau cùng chúc vài tên “lính Ngụy”
Vẫn mùa xuân phong thủy phương Nam.

là lần thứ ba trong vòng ba năm, bà cụ phạm cùng một tội.

Ở Mỹ, hầu hết mỗi nhà có một thùng thư đóng trên một cái cọc đặt bên vệ đường, để ngỏ. Chủ nhà nếu có thư gửi đi, chỉ cần mang thư ra để ngoài hộp, bật cái que "cờ" lên cho bưu-tá biết là có thư gửi đi để ghé lấy. Nếu có thư phát, bưu-tá cũng để trong hộp.

Luật Mỹ rất gắt về chuyện thư-từ. Vô-cớ mở hộp thư nhà người khác là tội hình, vô ắp nằm gở lịch như chơi. Cụ bà đã sáu mươi hai, tần mần cầm "lộn" thư người làm chi? Hóa ra cụ chỉ cần cái con tem nhỏ xíu, dĩ-nhiên là tem sống, chưa đóng dấu, còn cái thư mất linh-hồn, cụ chất đóng để đấy.

Cảnh-sát khám nhà cụ tịch-thu được mấy kí-lô thư và từng hộp tem bóc rất khéo, để đấy không dùng. Bác-sĩ tâm-thần khám-nghiệm kỹ-lưỡng và kết-luận cụ bà mắc bệnh tâm-trí nên tòa không nhốt kỹ. Cụ chỉ bị "quản-chế tại gia" sáu ngày một tuần từ thứ hai đến hết thứ bảy, là những ngày bưu-điện làm việc, thiên-hạ bỏ thư ra thùng. Chủ-nhật, cụ được toàn quyền muốn đi đâu thì đi, làm gì thì làm, nhưng chỉ được động tới cái nắp hộp thư nhà cụ mà thôi.

Trộm đường đi:

Tại Mt. Juliet, Tennessee, cặp Shirley và Rick Wheeler một sáng nọ hót ha hót hải gọi cảnh-sát, phúc-trình rằng kẻ gian đã lợi-dụng bóng đêm, xúc trộm tất cả sạn sỏi trên lối nhỏ dẫn từ đường nhựa vào nhà xe của họ. Đúng là "đạo lộ"!

Trộm thẳng xe hơi:

Cảnh-sát ở New Canaan, tiểu-bang Connecticut ghi-nhận một trường-hợp trộm-cấp khá lạ: gian-tế tháo bánh xe của nhiều chiếc xe trong bãi đậu gần một trạm giao-thông công-cộng, lựa gở lấy những bộ-phận thắng còn tốt rồi lắp bánh xe trả lại chủ-nhân như cũ. May mà quý vị tài-xế nhận ra sự khác lạ của chiếc xe nên tránh được cảnh xuống dốc không phanh!

Lòng mẹ bao-la như biển... lửa:

Cụ bà Joy Glassman, 60 tuổi, ở Mt. Shasta, California, bị kết tội đốt 5 căn nhà trong năm lần khác nhau. Nguyên-nhân thúc-đẩy bà cụ thành bà hỏa là để giữ cho con trai khỏi thất-nghiệp. Con cụ, cậu Jason Robertson là lính chữa lửa sắp ...mất việc tới nơi, vì khu cụ ở yên quá, chả

có nhà nào chịu cháy cả!

Khi tù-nhân than-phiền:

Trong một lá thư độc-giả gửi tờ *Kingsport Times-News*, tù-nhân Travis Nelms, 22 tuổi, than-phiền về đời sống của anh và các bạn tù. Anh viết: "*Chúng tôi ở đây, trại tù Sullivan, bị đối-xử chẳng khác gì những ...phạm-nhân.*"

cười đỏ

Đường vào nhà thương

Tại thành Hồ, một du-khách chặn một thanh-niên bấp thịt cuộn cuộn, hỏi:

- Này anh, làm sao để đến nhà thương gần nhất?

Thanh-niên nhìn hai bên không thấy bóng công-an, đáp liền:

- Ông chỉ cần hô "*Hồ Chủ-tịch muôn năm*" một câu thôi!

Đầu rồng

Một cán lớn hỏi bác-sĩ:

- Không hiểu tại sao khi trồng chuối ngược, bao nhiêu máu của tôi dồn cả lên đầu, Khi tôi đứng nó có thể đâu!

Bác-sĩ:

- À! Tại vì chân của đồng-chí, nó đặc.

Đỉnh cao trí tuệ

Đồng-chí Tư Chơi được lệnh hướng-dẫn hải viên chức Ấn-độ và Ba-lan đi công-tác miền cao. Dọc đường chẳng may chiếc xe Volga mấy mươi tuổi đảng chẳng may dỏ chúng. Thế là cả ba phải cuộc bộ vào một bản làng hẻo lánh xin trọ qua đêm.

Ông trùm bản thoát đầu trông thấy đồng-chí mã-tấu nón cối với đôi mắt láo-liêng, không muốn chứa vì nhà ông có cô con gái hơ hớ xuân xanh. Tuy-nhiên nhìn cây K-54 xề-xề sau đít viên cán-bộ, ông cũng hơi chột dạ, bất đắc dĩ phải nhận lời.

Ông dẫn cả ba ra phía sau chuồng bò, hai tay khư khư thủ khẩu tiểu-liên AK-47, ông bảo:

- Phía trên chuồng bò có một cái gác lửng, mấy ông chịu khó leo lên đó mà ngủ. Vùng này cộp beo nhiều lắm, tôi phải ôm súng ngồi gác dưới này, đừng có ông nào lục-đục leo xuống khi trời còn tối, tôi có thể nhận lầm, phiền-phức lắm!

Nói xong ông lên đàn rộp-rộp khiến

ba ông khách teo tóp cả lá gan. Ba người lúu-rúu leo lên thang gác, đánh một giấc ngon lành chờ qua đêm.

Nửa đêm giờ tí canh ba, anh Ấn-độ mắc tiểu ghê-gớm không thể không xả xảng, bèn lằng-lặng mò xuống thang gác, mong ông già lựu-đạn mê ngủ không biết. Nào ngờ vừa chạm vào đầu thang, đã nghe tiếng quát sang-sảng:

- Ai đó? Lên tiếng không tôi bắn?

Nhanh trí, anh Ấn-độ kêu lên:

- Meeeeeo!

Ông trùm bản ngỡ là con mèo, yên trí ôm súng nằm xuống ngủ tiếp.

Lát sau tới phiên anh Ba-lan chột bụng, liều-lĩnh bò xuống.

- Ai?

Lại một tiếng quát rợn người.

- Meeeeeo!

Lại một tiếng mèo kêu.

Ông trùm bản lâu-bầu rửa con mèo mắc toi, rồi ôm súng nằm xuống ngủ tiếp.

Còn vài giờ nữa trời sáng. Nhớ tới bộ ngực nảy-nẩy của cô con gái ông trùm bản, Tư Chơi bèn hạ quyết tâm mò xuống tìm vui kéo phía của giời. Ngờ đâu mới lưng chừng thang, ông già lựu-đạn đã nghe thấy:

- Ai? Lên tiếng mau!

Tư Chơi hải quá riu lười:

- Tôi... tôi đây! Con mèo ban nãy đấy mà!

Câu đố

. Làm sao cho đồng-chí Đỗ Mười cười bò ra vào sáng Thứ Hai?

- Kể cho ông ta nghe một chuyện cười vào chiều Thứ Sáu.

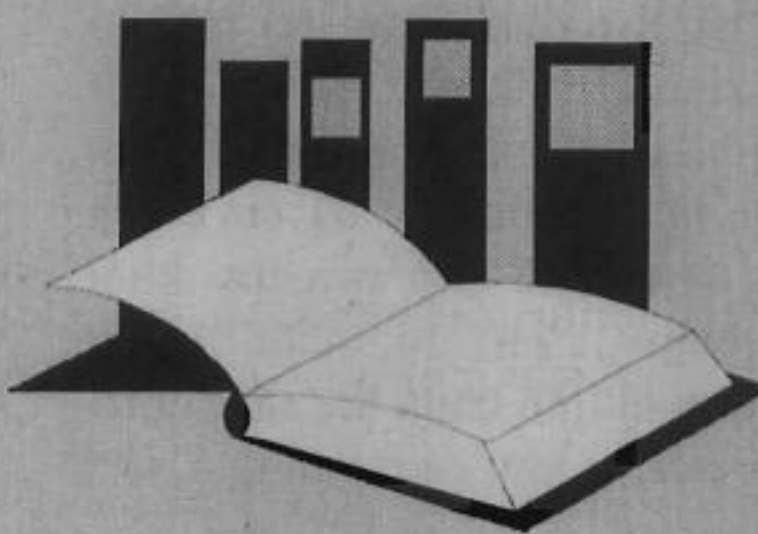
. Hồn-danh của một người bị giải-phẫu, cắt mất nửa bộ óc là gì?

- Tổng Bí-thư.

. Điểm khác nhau giữa thư-viện Hà-nội và phòng điện-thoại công-cộng ở Mỹ?

- Phòng điện-thoại ở Mỹ có vài cuốn sách.

nhận được, giới-thiệu



Truyện mới chọn-lọc

Tập truyện mới của Duy Lam, gồm 11 truyện ngắn viết theo lối "tân truyện", Văn Khoa xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1995.

Duy Lam và Tường Hùng là hai nhà văn trẻ nhất trong Tự-lực văn-đoàn. *Truyện mới* là tác-phẩm thứ bảy của ông, sau *Chồng con tôi*, *Gia đình tôi*, *Cái lưới*, *Ngày nào còn đàn bà*, *Nỗi chết không rời* (viết chung với Thế Uyên) và *Lột xác*.

Truyện mới, đúng như cái tên, tác-giả lồng những suy-nghĩ của mình trong một cái khung mới, một kỹ-thuật mới được che-giấu rất công-phu.

Sách dày 188 trang giá 12 mỹ-kim (18 gia kim), liên-lạc: Làng Văn.

Việt-nam, theo đường nào vào thế-kỷ 21

Nhận-định chính-trị của Phạm Kim Vinh, cơ-sở PKV xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1995.

Tác-giả đưa ra 9 vấn-đề:

- Tại sao CSVN chưa gục?
- Đầu-tư và phát-triển: vỡ tường bịp của CSVN.
- Ròng Á-châu và thần-lần VN.
- CSVN nhắm hướng nào?
- Sức mạnh của văn-hóa Coca-cola.
- Cuộc nổi dậy âm-thầm đã bắt đầu.
- Dấu ngoặc bất-hạnh.
- Irina Zisman và tự-do của dân-tộc VN.
- Con đường VN để đi vào thế-kỷ 21.

Việt-nam theo đường nào vào thế-kỷ 21 là tác-phẩm nhận-định chính-trị thứ 32 của Phạm Kim Vinh. Tác-giả không theo kinh-diễn sáo-mòn, mà bám sát phản-ứng và lối suy-tưởng của nông-dân Việt-nam để tiên-đoán tương-lai đất nước vào đầu thế-kỷ 21, sau khi kế-hoạch "đầu-tư kinh-tế" (thực chất là bán nước lần thứ hai) của CSVN hoàn-toàn phá sản.

Sách dày 214 trang giá 12 mỹ-kim (18 gia-kim). Liên-lạc: Làng Văn.

Nhớ đất thương trời

Tập thơ của Trần Hồng Châu, Thế-kỷ xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1995.

Tác-giả vững-vàng trong kỹ-thuật thơ xuôi, phách ấn-tượng, ngữ-diệu rất mạnh.

Sách dày 160 trang giá 10 mỹ-kim, Liên-lạc: Thế-kỷ, 11022 Acacia Parkway, #A, Garden Grove, CA 92640, USA.

Văn-học Miền Đông

Tuyển-tập thơ văn, Trung-tâm Văn Bút Miền Đông Hoa-kỳ xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1995.

Tuyển-tập có sự góp mặt của các tên tuổi quen-thuộc như Đỗ Cẩm Khê, Hà Bình Trung, Hoàng Hải Thủy, Hồ Minh Dũng, Lê Thị Ý, Lâm Thúy, Lê Văn Lân, Nguyễn Việt Quang, Nghiêu Minh, Tạ Quang Khôi, Trần Long Hồ, Trần Hoài Thư, Trần Trung Đạo, Sơn Tùng, Vi Khuê, Vũ Hối, v.v.

Sách dày 224 trang giá 8 mỹ-kim (12 gia-kim). Liên-lạc: Làng Văn.

Mưa vẫn còn rơi

Tuyển tập truyện ngắn thứ hai của Phương Khánh, Mõ Làng xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1995.

Truyện Phương Khánh có tính cách thuật-sự hơn là mô-tả (Nguyễn Đức Lập gọi là *chuyện thay vì truyện*), có điều kỹ-thuật kể chuyện của bà rất hấp-dẫn. Nhà văn H. Trường An nhận-xét rằng, đọc truyện của Phương Khánh giống như ăn cháo, ăn bánh canh, ăn canh khoai mỡ, trơn-tru dễ nuốt và rất "thống-khoái."

Sách dày 304 trang giá 14 mỹ-kim. Liên-lạc: Mõ Làng, 774 Geary St., San Francisco, CA 941-9, USA.

Tiền-tệ Việt-nam theo dòng lịch-sử (từ Đinh Tiên Hoàng đến 1975)

Biên-khảo của Phạm Thăng, tác-giả tái-bản (bổ-sung rất nhiều phần) tại Gia-nã-đại, năm 1995.

Tác-giả Phạm Thăng (họa-sĩ) nay 66 tuổi, làm báo từ năm 1952, bắt đầu sưu-tập tem thư, tiền cổ từ 1951.

Tập *Tiền-tệ Việt-nam* được soạn rất công-phu, vừa có tính-cách thương-ngoạn, vừa có thể dùng làm tài-liệu giáo-khoa, giúp giới trẻ tìm hiểu lịch-sử nước nhà.

Sách dày 464 trang, giá 20 mỹ-kim (30 gia-kim). Liên-lạc: Làng Văn.

Trước cơn giông tố

Sách tiên-tri của Trương Tiến Đạt xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1995.

Sách dày 70 trang giá 10 mỹ-kim. Liên-lạc: Trương Tiến Đạt, P.O. Box 59039, San Jose, CA 95159, USA.

Chí-tôn ca

Tập thơ của Nguyễn Hữu Nhật Anh Em xuất-bản tại Na-uy năm 1995.

Sách dày 134 trang giá 15 mỹ-kim. Liên-lạc: Anh Em, Kalbakky 17, 0953 Oslo 9, Norway.

Amour et liberté

Tập thơ pháp-văn của Hoài Việt, La Pensée Universelle xuất-bản tại Pháp năm 1995.

Giá: 53 quan. Liên-lạc: La Pensée Universelle, 115 Boulevard Richard-Lenoir, 75540 Paris Cédex 11, France.

Mùa trăng

Truyện dài của Lê Thị Thấm Vân, tác-giả xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1995.

Sách dày 206 trang, 10 mỹ kim (15 gia kim). Liên-lạc: Làng Văn.

Truyện cổ dân-gian Na-uy

Tập truyện cổ Na-uy, Bạch Liên dịch, Anh Em xuất-bản Na-uy năm 1995.

Bạch Liên tên thật Trương Thị Kim Anh, nội-tướng của nhà văn Dương Kiên, ái nữ của nhà văn Trương Bảo Sơn và Nguyễn Thị Vinh, và là từ mẫu của nhà văn Dương Kim.

Truyện cổ dân-gian Na-uy là một cuốn sách đẹp gồm 14 truyện tuổi thơ, Bạch Liên tuyển dịch.

Sách dày 192 trang giá 15 mỹ-kim (22.50 gia kim). Liên-lạc: Làng Văn.

Tự truyện

Tự truyện của Nguyễn Văn Ba, Đại Nam xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1995.

Sách dày 200 trang giá 10 mỹ-kim. Liên-lạc: Làng Văn.

Chốn bụi hồng

Tuyển-tập 40 truyện ngắn của Cao My Nhân, Sông Thu xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1994.

Tác-giả ra đời tại cao-nguyên Chapa, Hoàng-liên-sơn, di-cư vào Nam năm 1954, có tác-phẩm xuất-bản từ năm 1958. Bà là sĩ-quan cấp tá của quân-lực VNCH, đi tù cải-tạo, hiện định-cư tại miền Nam California.

Sách dày 300 trang giá 12 mỹ-kim. Liên-lạc: Dương Thái Hòa, 4157 W. 149th St., Lawndale, CA 90260, USA.

Khí công, phương-pháp dưỡng-sinh và trường thọ

Sách nghiên-cứu y-học Đông-phương của BS Trần Huỳnh Huệ và BS Nguyễn Xuân Hùng trong Hội nghiên-cứu Đông-ty tại Paris.

Sách dày 148 trang, giá 90 quan. Liên-lạc: 3 rue du Coteau, 92370 Chaville, France.

Ca quyền

Tập thơ của Thảo Nguyên (Nguyễn Văn Thảo) và Khải Hoàn (Doãn Thành Tâm), do thân-hữu xuất-bản tại Na-uy năm 1995.

Cả hai tác giả đều còn kẹt lại trại tị-nạn Hương-cảng. Thảo Nguyên từng cộng-tác với *Làng Văn* từ ngày còn ở trong nước. Khải Hoàn là trưởng Hướng-đạo tại Hương cảng, cộng-tác với *Làng Văn*, *Kháng Chiến*.

Tập thơ dày 60 trang không đề giá.

Bốn biển thơ chung nổi nhịp cầu

Tập thơ, 64 tác-giả, Thi-đàn Lạc Việt xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1995.

Trong tập thơ có tác-phẩm của nhiều tên tuổi quen thuộc như: Đan Hà, Hoài Nam, Lê Dã Sử, Nguyễn Văn Cường, Trần Tiến, Trương Ái Minh, Thanh Hữu Huyền, Việt Thao,...

Sách dày 208 trang 12 mỹ-kim. Liên-lạc: Thi-đàn Lạc Việt, 1923 Mt. Pleasant Rd., San Jose, CA 95148, USA.

Một phía trời thơ

Tập thơ 38 tác-giả, Thi-đàn Lạc Việt xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1995.

Tập sách có sự góp mặt của Trình Xuyên, Hà Thượng Nhân, Đình Việt Liên, Dương Huệ Anh, Diên Nghị,

Tuệ Đàm Tử, Bùi Duy Thuyết, Hoài Việt (Lê Trọng Hiền).

Sách dày 538 trang giá 20 mỹ-kim. Liên-lạc địa-chỉ trên.

Đổi vợ

Tập truyện của Tiêu Nương, Nhân Trí xuất-bản tại Gia-nã-đại năm 1994.

Sách dày 208 trang giá 11 mỹ-kim. Liên-lạc: Nhân Trí, 122 Deanscroft Square, Scarborough, Ontario M1E 4W9, Canada.

Giao thoa

Tập truyện của Bùi Văn Nhâm, Sóng (Nhân Trí) xuất-bản tại Gia-nã-đại năm 1995.

Sách dày 224 trang giá 12 mỹ-kim. Liên-lạc địa-chỉ trên.

Lịch-sử Văn-học Anh

Biên-khảo của Đỗ Khánh Hoan, Ba Vì tái-bản tại Gia-nã-đại năm 1995.

Sách dày 1188 trang, giá 60 gia-kim.

Liên-lạc: Ba Vì, 105 Lavery Trail, Scarborough, Ontario M1C 4Z2, Canada.

Tuyển-tập Truyện cảm đàn bà

Truyện cười của Đặng Trần Huân, hí-họa của Vũ Trọng Gia, Tân Văn xuất-bản năm 1995.

Sách dày 410 trang giá 15 mỹ-kim.

Liên-lạc: Tân Văn 140 Tokyo-To, Shinagawa-Ku, 1-11-4, Ogawaya Bldg, 2F, Japan.

Tuổi Hồng

Tập truyện ngắn của Thúy Trúc, Minh Nhật xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1993.

Sách dày 256 trang giá 12 mỹ-kim.

Liên-lạc: Thúy Trúc, 110 Apache St., Miami Spring, FL 33166, USA.

lệ làng:

MUA BÁO DÀI HẠN nhANH . rẻ . nhiều quyền-lợi khác

Độc-giả mua báo dài hạn nhận báo gửi về tận nhà, được bớt từ 10% đến 25% khi mua sách do Làng Văn phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân-phiếu hoặc bưu-phiếu về tòa-soạn tại Gia-nã-dại (Canada).

Độc-giả tại Gia-nã-dại, Hoa-kỳ và Anh-quốc có thể trả bằng chi-phiếu (cheque/check) cá-nhân, gửi về tòa-soạn Gia-nã-dại.

Độc-giả tại các nước khác xin trả bằng bưu-phiếu mua tại bưu-điện, hoặc ngân-phiếu mua tại ngân-hàng. Cũng có thể trả bằng chi-phiếu cá-nhân theo giá tiền địa-phương, gửi về văn-phòng Làng Văn địa-phương.

GIÁ BÁO DÀI HẠN

(một năm 12 số, kể cả báo Xuân)

Báo gửi trong Gia-nã-dại:	75\$ (máy bay); 55\$ (đường bộ)
Gửi đi Hoa-kỳ:	đường hàng không: 75 mỹ-kim (96 GK)
	đường bộ: 55 mỹ-kim (68 GK)
Các nước khác:	đường hàng-không: 85 mỹ-kim (110GK)
	đường thủy: 55 mỹ-kim (68 GK)

Ghi-chú:

- GK: gia-kim: CA\$ (tiền Gia-nã-dại); mỹ-kim: US\$ (tiền Mỹ)

- Nếu trả bằng chi-phiếu / tiền địa-phương, xin theo giá:

Anh:	đường thủy 38 bảng / hàng-không 65 bảng.
Bỉ:	đường thủy 1.800 quan / hàng-không 3.000 quan
Đan-mạch:	đường thủy 450 đan-kim / hàng không 600 đ-kim
Đức:	đường thủy 100 đức mã / hàng không 150 đ. mã.
Hòa-lan:	đường thủy 110 gulden / hàng-không 200 gulden.
Na-uy:	đường thủy 450 krone / hàng-không 600 krone.
Nhật-bản:	đường thủy 6.500 yen / hàng-không 11.000 yen
Pháp:	đường thủy 350 quan / hàng-không 550 quan.
Úc:	đường thủy 90 úc-kim / hàng-không 140 úc kim.

Dù đang cư-ngụ tại bất cứ quốc-gia nào, quý độc-giả đều có thể gửi thẳng chi-phiếu bằng tiền địa-phương về tòa-soạn Làng Văn tại Gia-nã-dại. Xin đề trả cho: "Mr. NGUYEN"

Quý vị cũng có thể gửi về các văn-phòng đại-diện tại quốc-gia bạn cư-trú, theo các địa-chỉ kể sau:

Đức:	Na-uy:	Hoa-kỳ:
Dr. Ngô Việt Dũng	Dương Kim	Trương Sĩ Lương
Postfach 104122	Bjørn Bondesvei 153	1700 Chip-N-Dale Dr.
44041 Dortmund	1253 Oslo	Arlington, TX 76012
(ĐT: 231-656-949)	(ĐT: 047-22-618645)	(ĐT: 817-265-6356)
Hòa-lan:	Úc-dại-lợi:	Nhật-bản:
Hồ Thị Chiến	Phạm Quang Ngọc	Phạm Ngọc Thanh
Lyster 77	P.O. Box 225	262-69-103, Shemowada
1628 Am-Hoorn-NH	Bonnyrigg, NSW 2177	Yamato-She
(ĐT: 02290-231666)	(ĐT: 02-823-6129)	Kanagawa-Ken, T 242

Quý vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên trong vòng 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) hoặc 12 tuần (nếu mua báo gửi bằng đường thủy) sau ngày tòa-soạn nhận được chi-phiếu. Sau thời-hạn này, nếu chưa nhận được, xin thông-báo cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu trên nhãn địa-chỉ của bạn ngoài phong-bì gửi báo. Xin vui lòng cắt nhãn này để dành. Khi cần giao-dịch với tòa-soạn (khiếu-nại, mua sách, gia-hạn báo, đổi địa-chỉ, v.v.), xin gửi kèm mã-số để tránh nhầm lẫn. Mã-số này gồm ba nhóm số và chữ. Nhóm thứ nhất là mã-số riêng, không bao giờ thay-đổi. Nhóm thứ hai là hạn báo của quý vị, ghi số báo chót sẽ nhận được. Nhóm chữ cuối cùng (nếu có), là cách gửi báo (máy bay, đường bộ...).

Quý độc-giả mới, hoặc vừa tái hạn, trong vòng 90 ngày, xin vui lòng kiểm-soát lại nhóm số thứ hai (hạn báo). Nếu thấy không đúng với con số do quý vị tính, xin thông-báo ngay cho tòa-soạn.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, tên đệm, tên:.....

Địa chỉ:.....

mua:.....năm; từ số:.....; kèm chi-phiếu:.....\$

Ngân, chi-phiếu xin đề và gửi về:

"Mr. NGUYEN"

P.O. Box 218, Station "U", Toronto, Ontario M8Z 5P1, Canada

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....năm báo, kể từ số:.....

để tặng cho:.....

Địa-chỉ:.....

Xin đề: "Do.....tặng

kèm theo ngân, chi-phiếu:.....\$

Lưu ý: Khi đổi địa-chỉ, xin quý độc-giả vui lòng báo trước cho tòa-soạn biết. Dùng phiếu đổi địa-chỉ in ngoài phong bì gửi báo; hoặc ghi rõ: tên người mua báo, mã-số và địa-chỉ cũ kèm theo địa-chỉ mới. Tòa-soạn không gửi bù các số báo bị trả lại.

BÀI VỎ

1. Bài gửi đăng có thể viết trên hai mặt giấy, nếu trong hoàn-cảnh khó-khăn. Nếu viết bằng máy vi-tính IBM hoặc tương-đương, xin vui lòng gửi đĩa bài về tòa-soạn, và cho biết loại Việt-chương (VNI hoặc VNLab). Tòa-soạn dùng chữ Việt của hãng VNLab (và WinWord).

2. Tòa-soạn không hoàn lại bản-thảo, dù kèm tem, xin quý tác-giả vui lòng sao giữ lại.

3. Ngoại-trừ các bài có tính-cách tin-tức, thời-sự tòa-soạn cần phổ-biến rộng, Làng Văn tránh không đăng bài trùng.

Bài gửi riêng cho Làng Văn, xin ghi chữ "riêng" ở góc trái, phía trên đầu bài.

4. Nếu không cho phép tòa-soạn nhuận-sắc, xin ghi thêm các chữ "không sửa".

5. Bài đã ghi vào cột "sẽ đăng", muốn gửi cho báo khác, xin vui lòng báo trước.

6. Bài đã đăng trên Làng Văn, sau ba tháng, tác-giả có thể gửi đăng lại trên các báo khác.

7. Các bài đã đăng trên Làng Văn, tòa-soạn sẽ chọn và phân loại để in sách. Nếu tác-giả cần giữ lại cho sách riêng, hoặc giao cho các nhà xuất-bản khác, xin thông-báo cho tòa-soạn để tránh in trùng. Khi in sách, tòa-soạn sẽ trả nhuận bút và tặng sách.

8. Quý đồng-nghiệp muốn trích đăng lại, xin vui lòng báo trước và chờ sự thỏa-thuận bằng thư. Bài trích đăng, xin ghi rõ các chữ: (Làng Văn số...) ngay bên dưới tên tác-giả hoặc ở cuối bài.

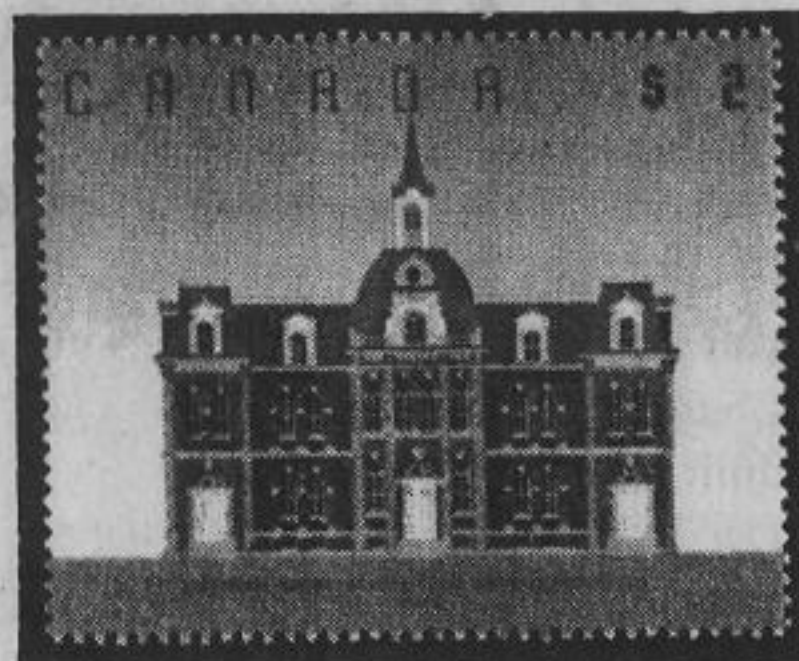
thư đi tin lại

NGUYỄN HƯƠNG phụ-trách

Thiệp Giáng-sinh nhận được

Sau lễ, tòa-soạn tiếp-tục nhận được thiệp chúc mừng nhân dịp lễ Giáng-sinh của quý thân-hữu và độc-giả kể sau. Xin đa tạ và kính chúc quý vị một kỳ lễ và năm mới an-khang, thịnh-vượng:

Lê Văn Thịnh, Hương-cảng; Phạm Thanh An, Hương-cảng; Lê Lan Hương, Gia nã đại; Nhà văn Hà Kỳ Lam, Hoa-kỳ; Nhà văn Đỗ Văn Trọn, Hoa-kỳ; Cô Ngô Thị Mỹ Dung, Đức quốc; Nhà văn Kim Anh, Dương Kiên, Na-uy; Lê Văn Đặng, Hòa-lan; Nhà văn Phạm Thăng, Gia-nã-đại; Gia-đình Trần Hoàng Chung, Thụy-điển; BS Nguyễn Ngọc Kỳ, Hoa-kỳ; Ông bà Lê Văn Thanh, Na-uy; Nhà văn Hoàng Chính, Gia nã đại; Cô Trương Thị Vân Thanh, Đan-mạch; Thi-sĩ Đông Vũ, Hoa-kỳ; Bà Lê Thị Anh, Úc-đại-lợi; Thi-sĩ Dương Hoài Ninh, Úc; Ông bà Phan Nguyên, Hoa-kỳ; Hươu Cao Cổ, Hoa-kỳ; Ông Lê Văn Thành, Đức quốc; Nhà văn Trường-sơn Lê Xuân Nhị, Hoa kỳ; Cô Lê Thị Ngọc Hân, Nhật-bản; Thi-sĩ Thảo Nguyên, Hương-cảng; K.N., Gia-nã-đại; Thi-sĩ Nguyễn Văn Cường, Na-uy; Các bạn văn: Nguyễn Anh, Phạm Huy Cường, Trần Tiến (Trần Văn Tiến), Lưu Chí Cường, Đỗ Đăng Bắc, Trần Mạnh Hùng, Phạm Văn Toàn, Nguyễn Tiến Thìn, Trần Đông, Vũ Chí Hùng, Trần Hoài Ngọc, Hương-cảng; Cô Trần Thị Khanh, Đức; Dương Ly Hương (Cầm Hà), Gia-nã-đại; Cô Ngọc Diệp, Đức; Nhà văn Việt Thao, Hoa-kỳ; New Concept, Gia-nã-đại; Thi-sĩ Vũ Thái Hòa, Pháp; Thi-sĩ Nguyễn Đức Thanh, Hoa-kỳ; Ông Lý Văn Sự và Hội Cựu Quân-nhân Quân-lực VNVH



Phi-luật-tân; Ông bà Lê Duy Cấn, Gia-nã-đại; Gia-đình Nguyễn Ngọc Linh, Hoa-kỳ; BS Lương Duyên Nam, Hoa-kỳ; Anh chị Trần Quang Hải & Bạch Yến, Pháp; Gia-đình Bùi Trọng Tiến, Pháp; Hoàng Lương và Câu-lạc-bộ Văn-nghệ-sĩ VN ở Thái-lan; Gia-đình Phan Hồng, Gia-nã-đại; Ông Lê Tiến Anh, Québec; ông Phạm Xuân Thảo, Hoa-kỳ; Thi-sĩ Đắc Trung, Hoa-kỳ; Việt Kully, Estonia; Trần Tường-Vy, Nhật-bản; Úc-đại-lợi; GS Vũ Ngọc Đĩnh, Hoa-kỳ; Thi sĩ Dương Huệ Anh, Hoa kỳ.

Thiệp Tết nhận được:

Nhà văn Nguyễn Trung Tâm và gia-đình, Gia-nã-đại; BS Phạm Ngọc Tỏa, Pháp; Vĩnh Hoà Hiệp (Huỳnh Bá Tươi), Úc-đại-lợi; Nhà văn Nguyễn Văn Thông, Hoa-kỳ; Thi-sĩ Ái Khanh và Đỗ Xuân Hùng, Hoa-kỳ; Ông bà Thân Văn Minh, Hoa-kỳ; Thi-sĩ Vân Nương, Pháp; Cô Lê Thị Hoa, Hoa-kỳ; Ông bà Lê Hạnh, Gia-nã-đại; Ông bà Lê Đình Thuần, Gia-nã-đại; Nhà văn Vi An, Nhật-bản; Cô Trần Thị Hoa, Bỉ; Anh Phạm Quang Hợp, trại Whitehead, Hương Cảng; Cô Hồng Anh, Pháp; Ông bà Lê Long Dương, Úc-đại-lợi; H. Linh, Hung-gia-lợi; Ông bà Đặng Văn Trân, Gia-nã-đại; Cô Trương Thị Hồng Loan, Bảo-gia-lợi; Ông bà Trần Hồng, Anh quốc.

BÁO BỊ TRẢ VỀ

(yêu-cầu liên-lạc tòa-soạn để xác-nhận địa-chỉ):

LM Nguyễn Trọng (trại tị-nạn

Phi-luật-tân); Nguyễn Kiến Thiết (Montréal);

Nhấn chung quý độc-giả cư ngụ tại Gia Nã Đại, nhất là tỉnh-bang BC: Xin vui lòng dò lại số bưu-chính (postal code) trên nhãn địa-chỉ nhận báo cùng số bưu-chính đang dùng, và vui lòng báo cho tòa-soạn biết nếu có sự thay-đổi để tránh lạc báo. Số bưu-chính này có thể thay-đổi hàng năm, nhất là tại các vùng đang phát-triển, có nhiều nhà mới và đường mới.

Kha Huyền, California: Cảm ơn đã vì việc chung mà chia sẻ trách nhiệm. Mong có dịp gặp lại em. Thân.

Anh Hạ Bùi Long Tạc, Úc: Bài thơ *Chiều* ấy đúng là của Anh Hạ. Thân.

Thi-sĩ TT Mây Trên Ngàn, San Jose: Bài thơ thật ngậm ngùi. Cảm ơn về lời chúc lành. Thân.

Thi-sĩ Sáo Bạc, Florida: Cảm ơn đã vì việc chung mà vung sáo thành bổng, vì vút một bài "đả cầu". Văng sĩ dĩ nhiên là thăm đôn. Cho chùa thói múa gậy vườn hoang, tưởng đâu cũng là nhà mình, cứ ...văng phứa ra! Thân.

Nhà văn Vũ Nam, Đức: Anh cứ gửi thử đĩa, tòa soạn đọc được chữ VPS. Vụ lộn xộn kia rồi sẽ phải qua, theo đúng nguyên lý chính nghĩa thắng gian tà. Mong sẽ có dịp ghé anh. Cảm ơn về cái truyện, đang đọc.

Anh Đỗ Đăng Bắc, Hương Cảng: Đã nhận được thư anh và hiểu sự khó khăn của VTD. Đang cố gắng hết sức vận động để giữ anh ấy lại, ít nhất là ở Hương Cảng, trong khi chờ thủ tục tái xét. Nếu anh ấy bị cưỡng bách hồi hương, có cách đấu tranh khác nhiều hy vọng hơn, nhưng phải qua một giai đoạn nguy hiểm. Tòa soạn đã gửi thư hỏi ý và để anh D. tự quyết-định.

Hướng vận-động sẽ có kết-quả nhanh-chóng hơn, tiếc là chỉ có thể giúp được một số anh chị có tài-năng

riêng mà thôi. Dù sao cũng còn hơn để bị lừa về cả, cứu được người nào hay người nấy! Thân.

Nguyễn Kim, Melbourne: Ấn phí tại Gia Nã Đại rẻ hơn Úc, nhưng cộng thêm cước phí để gửi qua thì chả bỏ công! Kính.

Nhà văn Nguyễn Mạnh An Dân, Houston: Khi nào có dịp lên phía Bắc, nhớ “vượt biên” sang tòa soạn chơi. Có chỗ cho anh chị và cháu. NH vừa nhận được một bài báo liên quan đến hát bội Bình Định của độc giả cất gửi cho, gửi anh một copy để lưu. Thân.

BS Trần Nguyên Xuân, Pháp: Đại Nam có sách của bà là hay rồi, Làng Văn sẽ liên lạc để lấy về phát hành, bà yên tâm. Bài đang đọc. Giá quảng cáo xin xem bảng giá đăng ở trang cuối mỗi số báo. Kính.

Thảo Nguyên, Hương Cảng: Đã nhận được tập thơ *Ca quỳên*. Hay lắm! Tòa soạn cần những tài liệu như vậy để dễ khiêu nại với những cơ quan “quản lý” số phận đồng bào tị nạn. Đã “cập nhật hóa” chi tiết quan trọng ấy (xem trong số này). Thân.

Thi sĩ Trần Tiến (Trần Văn Tiến), Hương Cảng: Đã nhận được tập thơ, cảm ơn anh. Mọi chuyện sẽ phải sáng sủa hơn. Thân.

Nhà văn Duy Lam, Nam Cali: Trước cơn đại loạn, đại tướng cũng xung trận là chuyện đáng quý. Anh chị em xa gần biết chuyện đều cảm động. Cảm ơn anh về cái truyện. Thân kính.

Thi sĩ Nguyễn Tư, Úc: Đã nhận đầy đủ các bài thơ, chỉ thiếu mỗi một chữ “riêng” (gửi riêng cho LV), nên xin coi như thơ... phát chung! Nếu không phải, xin đính chính gấp. Mong tin.

Anh Lê Nguyên Vũ, Hương Cảng: Chúc mừng anh đã ra khỏi

trại, chờ đi định cư. Cảm ơn về bản tin. Chúc anh may mắn và thành công trên xứ người.

Thi sĩ Văn Nương, Pháp: Báo vẫn gửi đều bằng đường hàng không. Có thể chậm trễ, do ảnh hưởng của vụ đình công bên Pháp. Kính.

Anh Vĩnh Hòa Hiệp, Úc: Tòa soạn sẽ để ý phổ biến các bài thơ hay của anh. Điều kiện (duy nhất) là anh phải cố gắng để thơ càng ngày càng hay hơn. Chúc vững tiến.

Thi sĩ Mậu Bình, Seattle: Đọc thơ, thấy thi sĩ đã hiểu rõ vụ “thi hào” chơi xập xám... mười bốn lá! Các bài thơ *ong* rất buốt! Mong tin.

Anh chị Lâm Văn Trung, TN: Mùa hè năm nay, NH chưa biết đi đâu, vì nhiều nơi “đặt hàng” quá! Bếp Mập thì càng ngày càng già, bắt đầu ngại lái đường trường. Thân kính.

Nhà văn Nguyễn Văn Thông, MA: Cách góp sức mạnh nhất là kiếm thêm vài bạn đồng tâm, cùng gia nhập sinh hoạt tại Miền Đông. Từ Boston xuống DC mất bảy, tám giờ lái xe, mỗi năm đi họp đôi ba lần, có khó gì!

Xin chuyển lời khen của anh đến Hoàng Nga (*Nhớ người năm xưa*) và Vũ Tiến Dũng, các bài dựng trên bối cảnh “thiên đường XHCN” quê nhà.

Cảm ơn anh về khoản góp tem tị nạn cho năm 1996.

Đã gửi thư mục đề nghị. Trường Malden chưa thanh toán tiền sách năm trước, nếu tiện, xin anh... véo cô thư ký kế toán một cái hộ NH. Thân.

Anh Lê Quang Xuân, Montréal: Chia buồn cùng anh về tai nạn mùa đông. Hi vọng khi những dòng này đến anh, thương tích đã lành. Thân.

Anh Nguyễn Từ Tha, CA: Anh có cùng thắc mắc với Kim, Khoa: gọi NH, NHN bằng gì cho phải đạo đây? Dù chị Vinh, anh Nhật cho phép gọi bằng “anh chị”, NH và Bếp Mập vẫn yêu-cầu Kim, Khoa gọi bằng “cô

chú”, vậy anh Tha cho phép NH đứng ngang vai với anh là quý rồi.

Yên-sĩ-phi-lý-thuần là phiên-âm chữ Hán của *inspiration* (cảm hứng). Đây là cách nói đùa để chế-giễu tập sinh phiên-âm. “Báo lá cải” do gốc Pháp *feuille de chou*.

Chờ đọc cuốn sách của anh. Lúc sau này ông cụ không được khoẻ lắm. Tuy nhiên muốn có tranh in sách, anh cứ gửi thư tới, NH sẽ chuyển cho.

Thế Hùng, Thu Dung, Montréal: Đã gửi sách. Cảm ơn về lời mời “ghế uống trà.” Sao lại không nhỉ? Thân.

Vạn Lý chinh quân, Paris: Vậy là ông đã lòng ra đại lý khác của LV tại Paris. Hậu *Hồng lâu mộng*? Có vẻ lý thú đấy, ông thử xem. Kính.

Ông Nguyễn Hữu Thuận: Sách gửi riêng. Nhóm chữ thứ hai trong mã số là số báo hết hạn. $136 + 12 = 148$. Kính.

Thi sĩ Nghiêu Minh, MD: Mấy tuần nay đọc tuyệt rã tay để... moi xe hơi ra, lái đi làm, chắc anh đã thông cảm cho “người phương Bắc”? Thỉnh thoảng, dân Gia Nã Đại phải trèo cửa sổ ra ngoài dọn tuyết xong mới mở được cửa cái đấy. Sợ chưa? Cảm ơn anh về mấy bài thơ. Thân.

Phan Các Chiêu Hằng, San Jose: Tạ ơn trời đất Cali đã hết khô hạn, tâm hồn nàng Phan ướt át trở lại, thơ phú cũng nở nang như xưa.

Vụ lên lon ư? Hằng nợ NH một món ân-tình thôi, từ đồng hương (cùng làng) thành đồng... hao (sau tiếng chữ *hao* này mà xit thêm chữ hơi, thành ra *house*, thành ra chị em trong nhà; nghe ra có phần ...bể dâu chứ hả?)

Cảm ơn cho biết đại lý TT bán LV đã cắt góc. Đúng ra, sau khi cắt góc tính tiền với tòa soạn, các đại lý chỉ nên biểu tờ báo ấy cho khách hàng (để cổ động) hơn là bán. Bạn không mua tờ báo mất số ấy (dù rẻ hơn nhiều), mà lặn lội sang tiệm khác tìm một tờ còn nguyên vẹn (và trả nguyên

giá), là đúng phong cách của người Việt văn minh! LV còn sống sót (và tròn trịa để coi) đến nay là nhờ những cử chỉ đẹp như thế đấy.

Một tuần ba lần đi tập thể dục là quý lắm rồi. NH chỉ cầu Trời khẩn Phật xui khiến cho ông mập nhà này đi lạc vô phòng thể dục mỗi năm ...một lần thôi mà chưa linh ứng!

Chữ của nàng mập mập rộng rãi, NH đọc dễ dàng lắm, khỏi mang kính; nhưng nếu thích gõ vào máy, cứ gõ, có sao đâu! Có điều NH nhắc trước, nếu cứ gõ như vậy chừng vài ba năm, thói quen viết tay mất đi, khi cần cầm bút, chữ viết sẽ "đẹp" ngang chữ của NH đấy! Thân.

Họa sĩ Phạm Thăng, Calgary: Đã nhận được 6 thùng sách. Dặn gửi một gói nhỏ (chừng 20 cuốn), ông gửi cho tới 210, chạt hết kho! Sách tái bản, đọc giả nào thích mua đã mua rồi, không biết bán bao lâu mới hết đây. Thời thì cũng rán quảng cáo. Sách *tiền tệ*, đầu năm mua về để trong tủ lấy hên, mại dô quý ông quý bà ơi!...

Thi sĩ Tuệ Nga, Oregon: Đã nhận được các bài thơ, cảm ơn chị. Tình hình chung càng ngày càng sáng ra, NH cũng nhờ tất tả công tác mà quần áo rộng ra, dễ thở hơn, đúng là Tái ông thất mã!

Chị luận về "tên và người", hay lắm. Lẽ trời, chính sẽ thắng tà; sá chi chút bụi mới sa chân người! Hẹn gặp lại chị bên xứ cao bồi. Kính.

Anh Đặng Văn Viễn, Vọng Các: Cái kết quả cuối cùng bao giờ cũng là phần thưởng cho những người kiên trì. Chúc anh và các bạn may mắn.

Anh Nguyễn Khánh Hoà, New Orleans: Đã nhận được các bài thơ và "lời phi lộ" rất cảm-động.

Thi sĩ Phan Thịnh, Kansas: Anh lộn sang xứ lạnh, sinh tật nhậu nhẹt say sưa, hại đấy. Rượu làm cho người mất cảm giác lạnh, chứ không có khả năng ngự hàn, nguy là ở chỗ đó. Thôi thì rán... làm thơ cho nhiều vào cho

ấm thân.

Lại thay đổi chỗ ở? Lần này đi luôn hay đi ...thử? Nhớ cho số điện thoại mới. Thân.

Thai Mai, Syracuse: Báo mua qua bưu điện từng kỳ, giá 8 mỹ kim một tờ, trả trước, chi phiếu đề: Làng Văn.

Thi sĩ Cao Tiêu, thành Cam: Đã nhận được bài ngẫu tác mới, cảm ơn ông. Chúc ông năm mới khoẻ hơn năm cũ. Kính.

Lương Tất Đạt, Đức: Câu cháu hỏi, "*Truyện Kiều còn...*" là danh ngôn của Phạm Quỳnh.

Cháu nhận được báo khi nhanh khi trễ, do lỗi của Bưu điện Đức. Từ ngày chính tà hợp nhất, cái nước Đức gần muốn đi... đứt, ít nhất về mặt bưu tín. Thư bảo đảm mất liên miên. Bưu phẩm tới chất đống không phát. Mình vác đơn đi khiếu nại, ông Đức đồ thừa ông Gia Nã Đại. Trong 12 năm LV, chỉ có năm 1995 là độc giả ở Đức khổ sở vì nạn trễ báo. Cầu trời năm nay, 1996, mọi chuyện sẽ khá hơn!

Thu Tâm, BC: Bà chị bên Úc nhận báo bằng đường thủy, ba tháng mới tới. Cái phiếu nhắc tái hạn ấy, chắc tòa soạn gửi từ lâu lắm rồi. NH đã đổi hạn báo từ lâu, đến số 145 mới hết, bạn yên tâm. Thân.

Thi sĩ Lâm Thúy, MD: Trong chữ Hán-Việt, theo cách phân biệt hỏi ngã, những chữ bắt đầu bằng *v, d, l, m, n, ng, ngh*, hầu hết là dấu ngã. *Vĩ* là cái đuôi, dấu ngã.

Ông Phạm Tiến Chấn, AB: Muốn được bớt nhiều, tất cả sách mua phải gửi về cùng một địa chỉ. Nếu gửi về nhiều địa chỉ, tiền bớt căn cứ theo trị giá của từng gói sách.

BS Thế Nguyên, FL: Cảm ơn ông về lời chúc "*sớm dọn tòa soạn về một nước VN không cộng-sản.*" NH ước mong lời chúc chóng thành sự thật! Kính.

H. Linh, Budapest: Cảm ơn đã giúp phổ biến LV. NH xin ghi nhận ý kiến của bạn về chuyện HC.

BS Nguyễn Ngọc Kỳ, Cali: Cảm ơn ông về lời chúc lành. Bài thơ dịch rất sát ý. Ông lang này quả đa tài! Kính.

Thi sĩ Thúy Sơn, San Jose: Sẽ đổi địa chỉ trong hồ sơ gửi báo. Cảm ơn ông về bài thơ mới. Kính.

Doãn Thanh Hùng, Thái lan: Đã nhận được sáng tác mới, cảm ơn anh. Chúc vui và khoẻ. Thân.

Ông Phạm Hữu Tuấn, Pháp: Về kiểu chữ Việt trên máy vi tính, xin ông liên lạc phân hội Chuyên gia VN tại Pháp để hỏi thảo chương VPS (miễn phí). VNI và VNLab là thảo chương thương mại, LV không biểu được.

Ông Tôn Thất Ngọc Sơn, BC: Số báo đầu tiên thường bao giờ cũng đến tay độc giả sau 8 tuần, vì phải chờ vô hồ sơ. Kính.

BÀI NHẬN ĐƯỢC

Văn: Duy Lam, Nguyễn Văn Thông, Nguyễn Từ Tha, Nguyễn Đình Phong (2), Nguyễn Mạnh An Dân, Nguyễn Bá Phúc (3), Võ Minh Hải, Lê Nhật Thăng (2), Trần Văn Tích, Lộc Xuyên, Doãn Thanh Hùng, Trần Dũng Thủy, Nguyễn Xuân Lê, Cao Xuân Lý, Võ Minh Hải.

Thơ: T.T. Mây trên ngàn, Nguyễn Quốc Chánh (4), Trần Văn Lệ (10), Hà Huyền Chi (7), Cao Tiêu, Phan Long Yên (9), Tuệ Nga (11), Phan Các Chiêu Hằng (3), Vạn Giả, Nguyễn Tư (32), Phan Thịnh (2), Phan Xuân Sinh, Sơn Hải (5), Trần Tiến (7), Dương Hoài Ninh (3), Đặng Duy (2), Nguyễn Vĩnh Long (2), Lê Phong Vũ (7), Nghiêu Minh (2), Nguyễn Khánh Hoà (16), Ngô Minh Hằng (2), Song Châu, Anh Hạ (4), Hà Trung Yên, Thanh Thịnh, Lê Văn

Thịnh (3), Nguyễn Khanh, Nguyễn Như Sơn, Ý Nga (3), Nguyễn Đức Thanh (2), Lâm Thúy (5), Đắc Trung, Vân Nương (2), Thúy Sơn, Trần Minh Hiền (2), Mạc Nhân.

Tranh, ảnh: Ba Bui, Lê Quang Xuân.

BÀI SẼ ĐĂNG

Văn: Con ngáo ộp cholesterol (NXL), Một buổi trưa (CXL), Thi ca Đức Mã (TVT), Tết Đông Đa (NMAD), Mức độ tốt lành (NVT), Ranh giới (DL), Cội nguồn đàn ghi-ta (VMH).

Thơ: Ta về với cội... (TMH), Khờ dại, Đôi cội, Tiếng gió reo buồn (LT), Hoang mang (VN), Xuân chưa sang (NK), Tuyết lạnh (SC), Phải thế không (NMH), Ngẫu tác (CT), Xuân hoài cảm (TTMTN), Người cồng quá khứ, Những câu thơ dương tính (NQC), Hiện tại (VG), Con suối hẹn, Mùa xuân thăm giàn thiên lý, Giữa biển xanh, Gió về cội không, Khung chiều, Phố hoàng hôn (TN), Trong cơn say (PXS), Mùa xuân, Lá, Sông (NVL), Tuyết xuân, Sư khát thực, Dế, Trăng xưa, Người xưa, Thư viện, Bụi cỏ gà (PT), Cho Santa Ana, Los mùa đông (NM), Bên sông cũ, Hối lòng, Khai khẩu, Khai bút (NKH), Trời đất mệnh mông (DHN), Nhân chứng, Mây xám, Người ở em về, Buổi trưa phát nhớ, Chờ nắng, Buồn quá nuôi chim, Xôn xao của biển, Bản nháp, Sợi tơ hồng, Van xin, Bài hành cuối năm, Đêm mưa nghe tiếng tu hú, Giữ lấy đời nhau (NT), Chiều đông ở Winter Park, Nắng thu ngàn lệ, Đầu

năm ở Mỹ (TVL), Vắn qua mau, Nắng không vàng, Mùa Giáng sinh (LVT), Bốn mùa ta thấy (TT), Hai mươi năm khi dừng lại bên đời, Mùa đông đã về rồi đó nhỏ (PCCH), Trái tim cội (PLY), Đỉnh buồn vọng phu (AH), Bếp lửa canh sương, Vắn thơ say (LPV), Tặng người (HTY), Mưa nhớt, Bão vắn, Em cổ tích, Với mưa tâm sự, Ham hố, Chiều trống (HHC).

Tranh, ảnh: Ba Bui, Lê Quang Xuân.

nhắn tin tị-nạn

Tìm cháu **Minh Châu** (bí danh *Người đẹp Trung Chánh*), con của ông bà Nguyễn Cao Chấn. Mẹ và chú thím rất trông tin cháu, nay ở đâu, liên-lạc gấp chú thím **Nguyễn Cao Phối**, 8805 Sherbrooke Est, Montréal, Québec H1L 1C4, Canada.

Tìm bạn thân **Hoàng Bích Nguyệt** trước ở trại Tuen-Mun, Hương Cảng, nay định cư tại Úc, xin liên-lạc với: **Uyên**, 251 Queen St. East, Unit #9, Brampton Ontario L6V 1C1, điện-thoại: (905) 456-8408 hoặc (905) 457-0894.

Cung Vũ



Quý bạn yêu thơ đã có:

HỒNG TRẦN
(1987)

và
NGUYỆT BẠCH
(1991)

không thể không có:

CỎ BIẾC
thơ *Cung Vũ*
tái-bản
(1996)

Giá mỗi tập:
10 mỹ-kim
(15 gia-kim)

Liên-lạc:
Làng Văn
P.O. Box 218
Station U
Toronto, Ontario
M8Z 5P1
Canada

PHÂN ƯU

Được hung-tín:

Cụ Bà NGUYỄN VĂN MINH
Khuê-danh HOÀNG THỊ QUÝ

vừa từ-trần tại Việt-nam. Chúng tôi xin thành-kính phân-ưu cùng anh **Nguyễn Đức Hậu** và anh **Nguyễn Đức Huy** cùng tang-quyển.

Xin cầu-nguyện linh-hồn Cụ Bà sớm tiêu-diêu nơi miền cực-lạc.

Hội Thanh-Niên Việt-Nam Tị-Nạn

PHÂN ƯU

Được hung tín:

Cụ bà NGUYỄN VĂN HUẤN
khuê danh Maria NGUYỄN THỊ SƠN

vừa từ trần tại Việt Nam. Chúng tôi xin thành kính phân ưu cùng anh **Nguyễn Đình Chiểu** và tang quyển. Xin cầu nguyện hương hồn cụ bà sớm về nước Chúa.

Hội Thanh Niên Việt Nam Tị Nạn

Báo Trào phúng

Thông tin

Tin Tức

Tin báo chí :

Tu sĩ Phật giáo bị kết án về tội cứu nạn nhân bão lụt



Tờ Canard enchaîné là tờ báo trào phúng nổi tiếng nhất thế giới, tờ báo lớn của Pháp Le Monde và nhiều báo chí Việt và Pháp đã từng trích Scoop của Tin Tức, một nguyệt san song ngữ Việt-Pháp bán chạy nhất Âu châu. Mua dài hạn 30 US dollars/một năm Money Order :

Tin Tức, 2 rue des Anglais 75005 Paris France
Phone : 33 1 69 81 75 81 Fax : 33 1 69 53 03 41



Home Life / Experience
Realty Inc.

Realtor-Member

Steven KIEN T. DAO

Sales Representative

(Đào Trọng Kiên)



**PHỤC-VỤ TẬN-TÂM,
UY-TÍN, ĐÚNG-ĐẮN**

**MUA BÁN, SANG NHƯỢNG NHÀ ĐẤT
CƠ-SỞ THƯƠNG-MẠI, CỬA HÀNG**

- ☐ Theo dõi thị-trường, định giá chính-xác
- ☐ Giúp-đỡ treo giá, trả giá, hoàn-tất thủ-tục
- ☐ Giới-thiệu, tìm vay mortgage dễ-dàng
- ☐ Giới-thiệu luật-sư tận-tâm, uy-tín



2579 Hurontario Street
Mississauga, Ont. L5A 2G4
ĐT: (905) 279-8300
Fax: (905) 279-5344
Pager: 24/24 qua văn-phòng

Nhà in của người Việt-Nam

SILVER PRINTING INC.

- Các loại sách, báo, bìa offset màu
- Đóng sách (perfect binding), đóng kim, đóng chỉ bìa cứng
- Thiệp cưới hỏi, cáo-phó, thiệp mời
- Ấn-chỉ văn-phòng, hóa-đơn, toa thuốc
- Thực-đơn, niên-giám
- Bích-chương, bướm-bướm quảng-cáo

**NHẬN ĐÁNH MÁY, TRÌNH-BÀY SÁCH-VỎ
BÁO-CHÍ BẰNG COMPUTER CHỮ VIỆT**

Xin gọi cô Trang: (416) 539-0442

(Chủ-nhật: (905) 625-9194)



**NHANH - ĐẸP - RẺ - ĐÚNG HẸN
TÍN-NHIỆM NHẤT**

Nhà sách Việt Nam



415 Spadina Ave.

(gần góc College St.) Toronto, Ont. M5T 2G6

Tel.: (416) 595-5199

- * Nơi thanh lịch, đầy đủ tất cả các văn hóa phẩm xứng đáng cho mọi giới lui tới, sưu tầm văn học, nghệ thuật và văn hóa Việt Nam.
- * Đầy đủ băng nhạc, compact disc, video, laser discs của các trung tâm nổi tiếng.
- * Đại lý tự diễn phát âm EV555, VEC888 (Giá rất đặc biệt cho đồng hương, có quà tặng)
- * Thiệp Tết, Lịch sách Tử vi, Lịch treo tường 1996.
- * Trò chơi giải trí trong dịp lễ và Tết VN cổ truyền (bầu cua cá, cờ tướng, cờ đua ngựa, bài tứ sắc, bài tổ tôm)

**Nhằm phục vụ yêu cầu của nhiều quý khách.
Chúng tôi nhận đảm trách dịch vụ chuyển tiền,
vàng và fax về Việt Nam (đầy đủ chi tiết tại tiệm)
Phục vụ nhanh chóng - Việc làm uy tín**

Mở cửa 7 ngày
10 giờ sáng - 9 giờ tối

Nhà sách Việt Nam
kính mời

GIỚI-THIỆU MỘT VỊ LƯƠNG-Y CAO NIÊN CỦA THỜI-ĐẠI

ÔNG LANG Bướm VÀNG

Đông Y-sĩ, Tử-vi gia
đã hành nghề từ 1950 tại Hải-phòng và Sài-gòn
1902 Majestic Way, San Jose, CA 95132, USA
Điện-thoại: (408) 926-5770 - Hình chụp năm 81 tuổi



1995, 84 tuổi, 45 năm kinh-nghệ, hơn 300 người Pháp, Mỹ, Hoa, Việt từ khắp năm châu gửi thư cảm ơn đoán tử-vi đúng và trị khỏi các bệnh:

- Sạn thận, sa tử-cung, huyết-bạch, kinh-nguyệt không đều, chậm có con, đau tim, mất ngủ, táo bón, da mặt nám, phong ngứa thoát giang, trĩ nội, động thai, ốm nghén, ù tai, nhức đầu, đau màng óc.

- Mồ hôi chân tay, mộng di tinh, thận suy, liệt dương, xuất tinh sớm, đau răng, phong thấp tê-bại, đau lưng mỏi gối, sưng khớp xương, đau gan, ruột, bao tử, bệnh phong-tình, allergy, ho lâu đàm suyễn, phổi có nước.

- Con nít khóc đêm, ói mửa, chảy rãi, không chịu ăn, chậm lớn, tiết tả kiết lỵ, mồ hôi trộm, chảy máu cam, ban sởi, thủy đậu kinh phong, ho gà, v.v.

XEM SẠN THẬN, THƯ CẢM ƠN TẠI NHÀ THUỐC.

CHỈ CẦN kêu điện-thoại hay gửi thư kể bệnh.

Thuốc sắc chế theo bệnh gửi đi khắp nơi.

Bạn đã đọc chưa?

MÓN QUÀ BƯỞI

Tuyển-tập truyện ngắn hay nhất của Gia-nã-đại

HỒNG HUY

chọn và dịch

Làng Văn xuất-bản

Giá 10 mỹ-kim (15 gia-kim)

Gửi chi-phiếu về: LÀNG VĂN

QUAN-TÂM ĐẾN CHUYỆN NƯỚC NON,
KHÔNG THỂ KHÔNG ĐỌC:

NHỮNG ĐIỂM NÓNG TRÊN THẾ-GIỚI SAU CHIẾN-TRANH LẠNH

Nhận-định và bình-luận thời-sự chính-trị của

ĐÀO TRƯỜNG PHÚC

(giá 12 mỹ-kim - 18 gia-kim)

Gửi chi-phiếu về: LÀNG VĂN

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO

Trang bìa (ấn-bản quốc-tế):

bìa 2 (bìa trước mặt trong): 1 ô: trọn năm (12 kỳ): US\$120.00

bìa 3 (bìa sau mặt trong): 1 ô: trọn năm (12 kỳ): US\$120.00

bìa 4 (bìa sau mặt ngoài): 1 ô: US\$60.00/1kỳ; dài hạn: US\$150/3kỳ

Trang trong (121 đến 128):

1/8 trang: 1 kỳ: US\$40 3 kỳ: US\$35/kỳ dài hạn: US\$30/kỳ

1/4 trang: 1 kỳ: US\$70 3 kỳ: US\$60/kỳ dài hạn: US\$50/kỳ

1/2 trang: 1 kỳ: US\$120 3 kỳ: US\$110/kỳ dài hạn: US\$90/kỳ

1 trang: 1 kỳ: US\$200 3 kỳ: US\$180/kỳ dài hạn: US\$150/kỳ

Bớt 20% cho độc-giả dài hạn khi đăng cáo-phố, chúc mừng, chia buồn.

THẺ-LỆ ĐĂNG QUẢNG-CÁO:

- Xin gửi mẫu quảng-cáo về tòa-soạn bằng thư kèm theo chi-phiếu trả trước cho kỳ đầu.

- Tòa-soạn sẽ giúp nhuận-sắc và trình-bày quảng-cáo để đạt hiệu-năng tối-đa.

- Không nhận quảng-cáo qua điện-thoại (có thể fax mẫu tới, số 905-607-8011)

Thư từ, chi-phiếu xin đề và gửi cho:
LÀNG VĂN

P.O. Box 218, Station "U"

Toronto, ON M8Z 5P1 Canada

(Điện-thoại: 905-607-8010)

Lang Van is Published Monthly, Second Class Postage Paid at Lewiston, NY 14092 - P.S.P.S. # 008728

làngvăn 120

Garage VINA Inc.

et

Les carrosseries garniers
5567-6575 Garnier, Montréal H2G 3A2
Tél: (514) 273-6589 & 495-3102
Mécanique générale - Électricité -
Remorquage
Débosselage - Peinture - Voitures de
courtoisie...
ĐÀO TRỌNG QUYỀN kính mời

Garage L.B.T. Inc.



6895 Marconi
Montréal, Qc. H2S 3K2
Tél: (514) 278-6822
Fax: (514) 278-3713

Sơn, sửa, làm đồng, làm máy và bảo-trì
các loại xe Mỹ, Nhật, Đại-Hàn, Âu-châu
Voiture de courtoisie sans frais
KÉO XE 24/24

TORONTO

BS NGUYỄN DUY SẴN

(chuyên-khoa tâm bệnh)

2238 Dundas St.W. #306, Toronto
ĐT: (416) 588-3700

BS QUẢN ĐỨC MINH

(toàn-khoa)

28 Dundas St.E., lầu 2, Mississauga
ĐT: (905) 270-0095

Nữ Bác-sĩ gia-đình (toàn-khoa)

TRẦN BÍCH CHÂU, M.D., C.C.F.P.
2100 Finch Ave., West, Suite 105
North York, ON M3N 2Z9 - Tel: 650-6003

Nha-sĩ NGUYỄN QUỐC HƯNG

2784 Keele St., #2 North York / ĐT: (416) 638-6303
2100 Finch W. #109 North York / ĐT: (416) 665-7264
288 King St.W., Hamilton / ĐT: (905) 521-0540

Nha-sĩ TỪ CHẤN PHONG

3085 Hurontario St., #209
Mississauga
ĐT: (905) 897-8527

Nha-sĩ NGUYỄN THỊ KIM HOÀN

1 Broadview Ave., #201 Toronto, Ont. M4K 2P6
Subway Broadview **Phố Tàu Đông**
CHUYÊN RĂNG GIẢ THẨM-MỸ
ĐT: (416) 461-5437

Nhà hàng GIÔNG SÔNG SÀI GÒN

910 Boul. Décarie, Ville St-Laurent, H4L 2E1
ĐT: (514) 744-9400

Đặc-biệt: Bánh cuốn trắng tại chỗ; Mì vịt tiềm; Bún măng

Nhà hàng Hạ Long

Đặc-biệt có bán bún bò Huế mỗi ngày
929 St-Zotique East, Montréal
ĐT: (514) 274-7010 (gần Plaza St-Hubert)

Restaurant Thùy Dương

418 Bélanger (coin St-Denis), Mtl.
ĐT: (514) 495-4872
Đặc-biệt: cháo lòng, bánh bèo hàng ngày

Quán HƯƠNG QUÊ

7102 Boul St-Laurent, Montréal H2S 3E8
ĐT: (514) 272-2092



Đầy-đủ các món ăn
thuần-túy Việt-nam
Mở cửa 7 ngày
từ 11 giờ sáng
đến 10 giờ tối

Luật-sư TRỊNH QUỐC TOẢN

1577 Bloor St. W., Toronto

ĐT: (416) 533-8987 (Việt-ngữ)
(416) 536-1159 (Anh-ngữ)

Nha-sĩ NGUYỄN THÙY DUNG, D.D.S.

888 Dundas St. E., #B6-3 Mississauga
(phố Tàu Mississauga, cạnh Hongkong Bank)
Điện-thoại lấy hẹn: (905) 275-5510

Nha-sĩ NGUYỄN THANH NHÀN

1280 Finch Ave. W., Suite 707
Downsview, Ont. M3J 3K6
(trong Nor-Am Tower)
ĐT: (416) 663-3200

NHÀ THUỐC TÂY

SAIGON PHARMACY

301 Spadina Ave., Unit 5, Toronto
ĐT: (416) 979-7510

STAR INSURANCE BROKER INC.

1280 Finch Ave. W., #305, Downsview
Bảo-hiểm cửa tiệm - Nhà - Xe
TONY VŨ: (416) 650-1702

GLOBAL

1 Hour Photo Lab
2325 Hurontario St., Mississauga
Tel: (905) 272-9098
Đảm-nhận mọi công việc về phim, ảnh

Sắp phát-hành:
Tập truyện cười thứ sáu của
CÁ CƯỜI



LƯU Ý:
DÀNH CHO NGƯỜI LỚN

CÁ CƯỜI

sách dành riêng cho người lớn
và các nhà đạo-đức (thật)
HỎI TẠI CÁC NHÀ SÁCH

WINDSOR

Bác-sĩ nhãn-khoa

NGUYỄN BÁ THU TRANG, O.D; B. Sc.

■ C-1101 Erie E., Windsor - ĐT: (519) 973-1101
■ 5805 Malden Rd., La Salle - ĐT: (519) 969-6677
■ 54 Main E., Kingsville - ĐT: (519) 733-2282

OTTAWA

NHA-SĨ

NGUYỄN PHÚ HÒA

267 O'Connor Street, #421
Ottawa, Ontario K2P 1V3
(613) 232-6735

Nha-khoa thẩm-mỹ, tiểu giải-phẫu,
chỉnh răng, rút tủy, răng giả...

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO

trên các trang bìa Làng Văn:

- . Bìa 2 (bìa trước mặt trong) hoặc
bìa 3 (bìa sau mặt trong) - 1 màu:
 - 1 ô: \$120 một năm (12 kỳ).
 - 2 ô: \$200 một năm (12 kỳ)
- . Bìa 4 (bìa lưng) - nhiều màu:
 - 1 ô: \$60 một kỳ
 - 2 ô: \$110 một kỳ
 - 4 ô: \$200 một kỳ

. Liên-lạc:

- Tòa-soạn: (905) 607-8010
- Nguyễn Nghĩa: (905) 848-6049
- Bá Đình: (514) 482-9153
- Bá Thiện: (514) 256-5233

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO: 1 ô \$120 trọn năm (12 kỳ); 2 ô \$200 trọn năm

Muốn đăng xin gọi: Nguyễn Hương (905)-607-8010 hoặc Nguyễn Nghĩa (905) 848-6049

Quý vị đã đọc và cười thỏa-thích với

**CƯỜI CHO ĐỜI LÊN HƯƠNG
CƯỜI CHO ĐỜI ĐỖ KHỔ
CƯỜI TOE**

Không thể không tiếp-tục cười với

**CƯỜI TÚM
CƯỜI ĐỎ**

của CẢ CƯỜI

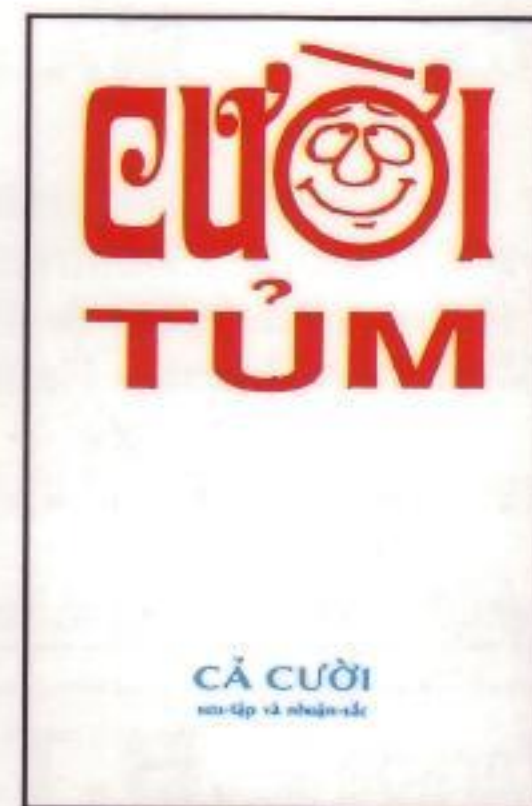
vẫn giá mỗi cuốn: 7 mỹ-kim (10,50 gia-kim)

Liên-lạc:

LÀNG VĂN

P.O. Box 218 Station "U"

Toronto, Ontario M8Z 5P1 Canada



NHA-SĨ

MICHAEL LÊ ĐÌNH HÒA

10 Gateway Blvd., # 111

Don Mills, Ont. M3C 3A1

Tel: 429-0150

336 Dundas St. W. #201

Toronto, Ont. M5T 1G5

Tel: 971-6956

Có chỗ đậu xe phía sau

Làm việc từ Thứ Hai đến Thứ Bảy

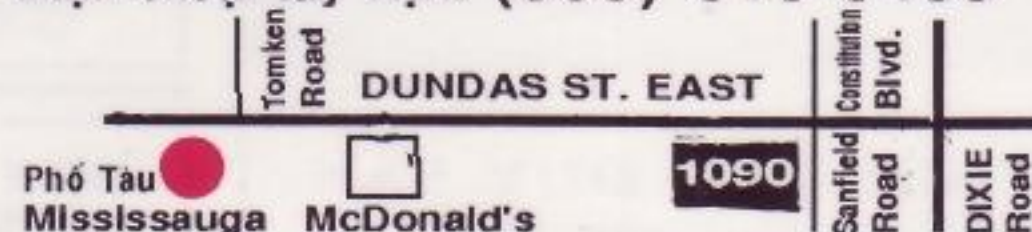
Phòng Mạch Nha-Khoa

Nha-sĩ LÊ THỊ DIỆU HIỀN, L.D.S., D.D.S.

1090 Dundas St. East, Suite 101

Mississauga, Ont. L4Y 2B8

Điện-thoại lấy hẹn: (905) 615-9439



VĂN-PHÒNG KẾ-TOÁN &

KHAI THUẾ LỢI-TỨC

TRẦN ÁNH TUYẾT

806 College Street (góc Ossington)

(416) 588-4256

*Nhận chuyển hồ-sơ trực-tiếp
lên sổ thuế qua đường dây điện-tử*

NHA-SĨ

LÊ THU GIANG

302 Spadina Ave., #303

(ngay góc Dundas)

Toronto, Ont. M5T 2E7

Tel: (416) 598-5513

GIẢI-PHẪU THẨM-MỸ

BÁC-SĨ

NGUYỄN THẾ LẠC

FRCS (C), CSPQ

TỐT-NGHIỆP TẠI CANADA

Nguyên bác-sĩ giải-phẫu tạo-hình Tổng Y-viện Cộng-hòa và bệnh-viện Bình Dân

Bác-sĩ giải-phẫu thẩm-mỹ tại Sài-gòn

984 Colborne St. E., Brantford, Ontario, Canada N3S 3T4

Điện-thoại: (519) 753-6477

Làm việc theo hẹn

Thứ hai tới Thứ bảy: 9g sáng - 6g chiều

Chủ-nhật: theo hẹn